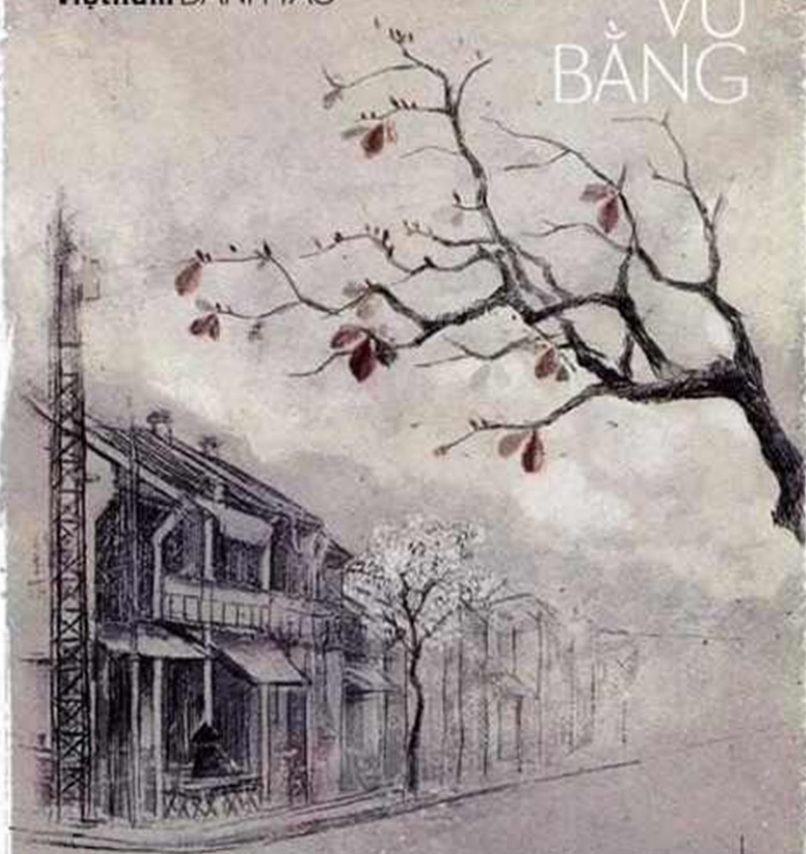


việtnam DANH TÁC

VŨ
BẰNG

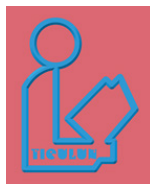


THƯƠNG NHỚ
MƯỜI HAI



thương nhớ mười hai

Vũ Bằng



thương nhờ mười hai

Vũ Bằng

Bìa: *Nhã Nam*
Nguồn: *Nhã Nam*

**thương nhớ
mười hai**

VŨ BẰNG

Giới thiệu sách

Trong số tác phẩm của Vũ Bằng, *Thương Nhớ Mười Hai* là tác phẩm đặc sắc nhất, tiêu biểu cho tình cảm và phong cách viết của ông. Tác phẩm được đặt bút từ Tháng Giêng 1960 và mất mười một năm mới hoàn thành vào năm 1971 với độ dày 250 trang.

Mười hai ở đây là mười hai tháng trong năm mà theo lời tác giả “mỗi tháng lại có những cái đẹp nào nùng riêng, nỗi nhớ nhung riêng...”. Thông qua mười hai tháng ấy, Vũ Bằng đã gói gắm những hồi

ức đẹp đẽ của mình về Hà Nội, nơi chốn xa xôi ông luôn hướng về với những phong tục của người Bắc Việt, những thói quen sinh hoạt, những thú vui ẩm thực giản dị mà đầy tính nghệ thuật và trên tất cả là hình bóng người vợ đảm đang dịu hiền đang còn xa cách...

Nhân vật tôi ở miền Nam mà lòng luôn nhớ thương miền Bắc. Nỗi lòng ấy da diết và khắc khoải tựa thanh gỗ mục, bề ngoài đẹp đẽ mà bên trong đã rệu nát tự bao giờ. Ông biết thế là bất công nhưng tình yêu mà, đã yêu thì bao giờ người mình yêu cũng là đẹp nhất. Ông còn thầm cảm ơn sự bất công ấy bởi nó đã cho ông nhận ra mình yêu Bắc Việt đến dường nào...mà càng yêu thì lại càng nhớ...

Nhớ người cùng chung chăn gối còn bên kia vĩ tuyến:

“Nhưng thương nhớ kì lạ lắm. Có những đêm không ngủ, nằm nghe tiếng mưa rơi, tôi cố nhớ lại nét mặt của người thương, mà không hiểu tại sao con mắt, miệng cười và mớ tóc xoã trên bờ vai tròn trĩnh lại lu mờ như thể chìm đắm trong khói song. Mà trái lại có những kỉ niệm rất bé nhỏ, rất tầm thường lại hiện ra rõ rệt, không suy suyển một ly trong trí óc của người nặng nợ lưu ly, nằm buồn trong gác nhỏ ngâm câu thơ nhớ vợ:

Ủ ê nét liễu sâu tuôn gió

Thổn thức tình tơ lệ ướm đào.

Hoa tử còn đâu duyên tác hợp,

Mây bay rồi nữa giấc chiêm bao!”

Nhớ mùa xuân đất Bắc:

“Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc

Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xam có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng ...”

Nhớ những mẻ cốm ngày thu:

“Đi trên những con đường nóng bỏng của trời tháng tám miền Nam bây giờ, tôi nhớ gì là nhớ đến những buổi sáng mùa thu mẹ mua cho một mẻ cốm giót ăn lót lòng buổi sáng trước khi đi học, rồi đến khi có vợ có con thì vợ biết tính chồng, thường dặn những người gánh cốm ở Vòng lên bán, thế nào cũng giữ cho những mẻ cốm thật ngon đem nén rồi đơm vào những cái đĩa con vừa ăn vừa nhấm nháp nước trà sen thơm ngát.”

Đó chỉ là một vài nỗi nhớ trong muôn vàn nỗi nhớ menh mông trải dài suốt những trang viết của ông. Những gì ông thương, ông nhớ rất gần gũi, bình dị mà làm người đọc không khỏi bồi hồi.

Giọng văn của Vũ Bằng giản đơn mà sâu sắc, thấm đẫm tình yêu thương và nỗi nhớ nhung vời vợi đã gợi lên sự đồng cảm trong tâm hồn những con người cùng cảnh ngộ – xa quê, nhất là xa đất Bắc. Và Vũ Bằng cũng chỉ cần có thế:

“Ôi những người thiên lý tương tư! Nếu bất ngờ những dòng sau đây có lạc vào tay bạn, mà thấy nói được lên một mối cảm hoài của bạn vẫn chất chứa ở bên lòng, thế là kẻ viết bài này lấy làm mãn nguyện lắm rồi.”

Trích dẫn:

Bắt đầu viết cuốn sách này thì là nhớ. Viết đến câu chót bài “Tháng chín” thì là thương. Thương không biết bao nhiêu, nhớ không biết ngần nào người bạn chiếu chạn Nguyễn Thị Quỳ.

Thành mến tặng Quỳ cuốn sách này để thay mấy lời ai điếu.

Thoạt đầu ai cũng tưởng chẳng làm sao. Cùng là đất nước, đi đâu mà chả thế? Từ Bắc vào Trung, đâu đâu lại không có những con mắt nhìn vào những con mắt mà như gói ghém cả một trời thương; từ Trung vào Nam, chỗ nào mà lại chẳng có những miệng cười, không nói ra lời mà hàm súc biết bao duyên thầm?

Vậy mà không; lòng người xa nhà y như thể là khúc gỗ bị mối ăn, mục nát từ lúc nào không biết. Trông bề ngoài thì không có gì khác lạ, nhưng cầm một

cánh hoa khẽ đập vào thủ mà xem: tiếng gõ kêu nghe mệt mỏi, u buồn, mà nếu gõ mạnh thêm chút nữa, ta sẽ thấy gỗ vỡ tan, để lộ ra tảng mục lỗ chỗ như tổ ong, tiết ra một thứ bụi vàng hanh hao, nhạt nhẽo.

Con tim của người khách tương tư cổ lí cũng đau ồm y như là gỗ mục.

Sài Gòn, Phú Lâm, Bình Lợi, Chợ Lớn, Lồ Ô... vui quá, cứ uống rượu mạnh thế này, nghe con hát đàn vừa múa vũ vừa ca, lại cặp kè với con gái hơi hơi như trăng mới mọc thế này, thì sao lại có thể rầu rĩ được? Ấy vậy mà một buổi chiều trở gió kia, ngồi cúi xuống lòng để hỏi chuyện tim mình, ta cảm như có hàng vạn con mọt nhỏ li ti vừa rung cánh o o vừa đục khoét con tim bệnh tật. Và tự nhiên ta có cảm giác rằng thân thể ta, không biết từ lúc nào, đã bị mối “xông”

và đang đi đến một chỗ một ruộng, rã
rời tan nát.

Mục lục

Tự ngôn	21
1. Tháng Giêng: Mơ về trăng non rét ngọt	37
2. Tháng Hai: Tương tư hoa đào	68
3. Tháng Ba: Rét Nàng Bân	101
4. Tháng Tư: Mơ đi tắm suối Mường	131
5. Tháng Năm: Nhớ nhót, mặn, rượu nếp và lá móng	177

- | | |
|-------------------------------------|-----|
| 6. Tháng Sáu: | 207 |
| Thèm nhãn Hưng Yên | |
| 7. Tháng Bảy: | 239 |
| Ngày rằm xá tội vong nhân | |
| 8. Tháng Tám: Ngô đồng | 281 |
| nhất điệp lạc Thiên hạ cộng tri thu | |
| 9. Tháng Chín: | 335 |
| Gạo mới, chim ngói | |
| 10. Tháng Mười: | 375 |
| Nhớ gió bắc mưa phùn | |
| 11. Tháng Một: Thương về | 415 |
| những ngày nhể bọng con rận rồng | |
| 12. Tháng Chạp: | 453 |
| Nhớ ời chợ Tết | |
| 13. Tết: | 515 |
| Hỡi cô mặc cái yếm xanh... | |

Bắt đầu viết cuốn sách này thì là nhớ. Viết đến câu chót bài “Tháng Chín” thì là thương. Thương không biết bao nhiêu, nhớ không biết ngần nào người bạn chiếu chăn Nguyễn Thị Quỳ.

Thành mến tặng Quỳ cuốn sách này để thay mấy lời ai điếu.

V.B.

TỰ NGÔN

Thoạt đầu ai cũng tưởng chẳng làm sao. Cùng là đất nước, đi đâu mà chả thế? Từ Bắc vào Trung, đâu đâu lại không có những con mắt nhìn vào những con mắt mà như gói ghém cả một trời thương; từ Trung vào Nam, chỗ nào mà lại chẳng có những miệng cười, không nói ra lời mà hàm súc biết bao duyên thầm?

Vậy mà không; lòng người xa nhà y như thể là khúc gỗ bị mối ăn, mục nát

từ lúc nào không biết. Trông bề ngoài thì không có gì khác lạ, nhưng cầm một cánh hoa khẽ đập vào thử mà xem: tiếng gõ kêu nghe mệt mỏi, u buồn, mà nếu gõ mạnh thêm chút nữa, ta sẽ thấy gỗ vỡ tan, để lộ ra tảng mục lỗ chỗ như tổ ong, tiết ra một thứ bụi vàng hanh hao, nhạt nhẽo.

Con tim của người khách tương tư cổ lý cũng đau ốm y như là gỗ mục.

Sài Gòn, Phú Lâm, Bình Lợi, Chợ Lớn, Lồ Ô... vui quá, cứ uống rượu mạnh thế này, nghe con hát đàn vừa múa vũ vừa ca, lại cặp kè với con gái hơi hớ như trăng mới mọc thế này, thì sao lại có thể rầu rĩ được? Ấy vậy mà một buổi chiều trở gió kia, ngồi cúi xuống lòng để hỏi chuyện tim mình, ta cảm như có hàng ngàn vạn con một nhỏ li ti vừa rung cánh o o vừa đục khoét con tim bệnh tật. Và tự nhiên

ta có cảm giác rằng thân thể ta, không biết từ lúc nào, đã bị mỗi “xông” và đang đi đến một chỗ mọt ruỗng, rã rời tan nát.

Một nỗi buồn se sắt xâm chiếm đầu óc ta. Buồn thì ngâm thơ:

Biệt li ai kẻ xiết lời,

Vì hoa cách mặt cho người thương tâm.

Người đưa rượu hỏi thăm Bành Trạch,

Kẻ say trăng tìm khách Đào, Chu;

Nào ai trang điểm màu thu,

Hoa vàng chén bạc tạc thù với ai?

Miền Dũ Lĩnh tin mai gần bó,

Đỉnh Cô Sơn mỗi gió đợi chờ.

Muốn mang chén rượu, câu thơ,

Lạnh lòng trong tuyết, hững hờ dưới trăng...

...

Ngâm thơ lại càng buồn, mình chán nản không để đâu cho hết. Sự chán nản không tên tuổi, không lí do, ví có muốn nói ra với người ở cạnh cũng không thể được.

Tại sao lại buồn? Tại sao lại chán? Không biết tại làm sao cả.

Người bạn mây nước, gặp gỡ ở phương trời hiểu sao được những u uẩn đó nên người xa nhà cũng chẳng buồn nói ra làm gì. Gió về đêm lạnh tê tê, nước đập vào bờ dào dạt và ở bến nước nào người ta cũng khổ. Thương nhau, muốn an ủi lẫn nhau, mà không dám nói, hay không biết nói ra thế nào. Người đẹp chỉ còn biết cúi đầu xuống thở dài, còn người đàn ông thì im lặng, đưa cặp mắt

như mất thần nhìn vào bóng đêm mịt mù có tiếng dế kêu giun khóc. Cái buồn, cái chán cứ như thế mà kéo lê thê ra mãi.

Cho tới một ngày kia... đang ngồi trong một tiệm ăn hẻo lánh ở trên sông Tân Thuận, trận mưa đầu mùa trút nước xuống phố phường. Những người Bắc Việt ngồi ở những bàn ăn gần đó nhìn mưa mà thấy thần thờ, mà thấy bơ vơ, tưởng chừng như không thể chịu đựng nổi bầu không khí nặng nề lúc đó, bèn kiếm một câu gì để nói.

Một người bảo:

– Ở Bắc, có lẽ bây giờ cũng mưa đầu hè đấy nhỉ.

Một người khác:

– Thế nhưng mưa ở Bắc, nó khác kia, bà ạ.

Một người khác nữa:

– Cái gì cũng khác hết. Thôi, đừng nói nữa, tôi muốn khóc đây.

Người bạn phương trời liếc nhìn ông bạn trai đứng cạnh: hai người im lặng chẳng nói, vì nói chẳng ra lời, nhưng cùng cảm thấy như có một thứ điện kì lạ truyền cảm đi khắp người.

Thì ra không cần nhiều: chỉ một câu nói tầm thường vào một buổi chiều mưa gió đìu hiu cũng gợi lên được những ấn tượng rầu rĩ trong một tấm lòng đã có mối xông.

Người ta nhớ nhà, nhớ cửa, nhớ những nét mặt thương yêu, nhớ những con đường đã đi về năm trước, nhớ người bạn chiếu chăn dắt tay nhau đi trên những con đường vắng vẻ ngào ngạt mùi

hoa xoan còn thơm mát hơn cả hoa cau, hoa bưởi. Người ta nhớ heo may, giềng vàng; người ta nhớ cá mè, rau rút; người ta nhớ trắng bạc, chén vàng.

Nhớ quá, bất cứ cái gì của Hà Nội cũng nhớ, bất cứ cái gì của Bắc Việt cũng nhớ, nhớ từ cánh đồng lúa con gái mơn mớn nhớ đi, nhớ từ tiếng hát của người mẹ ru con buổi trưa hè mà nhớ lại; nhớ hoa sấu rụng đầu đường Hàng Trống, nhớ quả bàng ở Hải Hậu rụng xuống bờ sông đào, nhớ sen Linh Đường thơm ngào ngạt của bầu trời mà nhớ lên, nhớ nhãn Hưng Yên, vải Vụ Bản, cá anh vũ Việt Trì, na Láng, bưởi Vạn Phúc, cam Bồ Hạ, đào Chapa, mà nhớ xuống.

Nhớ không biết bao nhiêu, nhớ bát canh rau sắng chùa Hương, nhớ khóm tiến xuân la trổng ở bên giậu trúc; nhớ mưa bụi, vợ chồng nửa đêm thức giấc

đi uống một ly rượu ấm ở cao lầu, nhớ những buổi trưa hè có ve sầu kêu rền rền, nhớ luôn cả những cô gái Thổ cưỡi ngựa thồ đi trong rừng có những cánh hoa đào rơi lả tả nơi vai áo...

Càng nhớ như vậy thì càng yêu Hà Nội biết bao nhiêu, lại càng say đắm Bắc Việt biết bao nhiêu!

Hà Nội! Bắc Việt của một ngày xa xưa ời! Bây giờ liễu ở Hồ Gươm có còn xanh mướt như hồi ta bước ra đi? Những chồi sơn trúc, thạch nường ở Nghi Tàm có còn chứa phong quang như cũ? Núi Nùng ra sao? Hồ Tây thế nào? Con đường Bách Thảo thơm nức mùi lan tây, hàng đêm, ta vẫn cùng đi với người vợ bé nhỏ, bỗng con ở trên tay đi đến thăm người bạn sống cô chích ở trong vườn “Bình Bịp” bây giờ ra thế nào? Trên con đường Phú Thọ, Yên Bái,

Lao Kay các đồn điền cam quýt ở hai bên bờ sông Thao vẫn còn tốt tươi như cũ và các cô gái ngăm ngăm da dâu có còn nắm lấy tay các du khách mà ví von ca hát không cho về? Ở trước cửa chợ Đồng Xuân, có còn chẳng những hàng nước chè tươi; ở chợ Hôm, những hàng phở gánh bán cho khách ăn đêm; và ở trên khắp nẻo đường, những người đội thúng, cầm một chiếc đèn dầu ở tay, lặng lẽ đi trong đêm rao “giò, giầy”?

Nhớ không biết chừng nào là nhớ, nhớ sao nhớ quá thế này! Thì ra cái người nhớ Hà Nội, nhớ Bắc Việt cũng như thế chàng trai nhớ gái; bất cứ thấy ai cũng tưởng ngay đến người thương của mình và đem ra so sánh thì bao nhiêu người đẹp ở trước mắt đều kém người thương mình hết.

Ai bảo kẻ vắng mặt chịu thiệt thòi? Tôi thấy càng vắng mặt bao nhiêu thì lại càng thương gấp bội; chỉ có kỉ niệm là đẹp thôi, chớ hiện tại bao giờ cũng kém phần tươi tốt.

Nhưng thương nhớ cách mấy đi nữa thì có níu quá khứ lại được đâu? Tại sao không chịu yên vui với hiện tại, tiếc nuối làm gì vô ích? Lịch sử không đứng yên một chỗ bao giờ.

Cái đã đi là cái đã mất. Đành vậy. Lấy hiện tại so sánh với quá khứ, e bị chủ quan mà có sự bất công.

Tôi cũng biết có sự bất công, khó tránh. Tôi yêu Hà Nội quá, tôi nhớ Bắc Việt nhiều nên bao nhiêu cái đẹp, cái hay ở trước mắt, tôi thấy mất cả ý nghĩa đi. Có lẽ đó là một sự bất công to lớn, nhưng

yêu, bao giờ mà lại chẳng bất công như thế?

Tôi yêu mến luôn cả sự bất công như thế? Mười hai tháng của mười hai cuộc đổi thay tiết trời, mười hai sự rung động uyển chuyển của năm tháng, của chim muông, của sắc đẹp, của hoa lá, của thương yêu, tình tứ, tôi cảm ơn sự bất công đã cho tôi nhìn rõ lòng tôi yêu thương Hà Nội đến chừng nào, Hà Nội ạ!

Ngày xưa, con gái thừa tướng, ngồi ở trên lầu cao nghe tiếng hát anh lái đò mà mê mẩn nhưng vì không duyên kiếp nên hai người không lấy được nhau. Anh lái đò dong con đò ra khơi, đánh đắm đò mà chết rồi nhập hồn vào một cây bạch đàn. Quan thừa tướng thấy cây đẹp, sai dẫn về tiện thành một bộ trà tuyệt đẹp.

Mỗi lần cô gái cầm chén trà lên uống thì lại thấy bóng hình anh lái đồ hiện lên trong chén trà:

Không cầm lấy chén thì thôi

Hồ cầm lấy chén lại thấy người hò khoan.

Bây giờ, người xa cách Bắc Việt lâu ngày cũng vậy: ăn một tô hủ tíu thì nhớ đến phở Bắc “chính cống” ăn vào một buổi sáng rét căm căm; trông thấy cua bể thì nhớ đến bát canh cua đồng nấu với rau rút và khoai sọ; gặp một ngày bão rớt thì lòng lại buồn rười rượi, nhớ đến thu sơ với gió may, hoa vàng. Trời tháng Ba, nhớ hội hè đình đám, con gái hát ví nghe thật là hay, đàn ông đánh vật xem mà sướng mắt; tháng Bảy, nhớ mưa ngâu rả rích buồn như lòng người khuê phụ nhớ chồng; tháng Tám, cũng thường

bánh Trung Thu, cũng cộ đèn, nhưng lại nhớ trăng Cổ Ngư và thềm cái cảnh tung bùng nhộn nhịp ở Hàng Gai, Hàng Đào, Hàng Mã...; tháng Một nhớ đến gió ở Đới Đệp lúc tản cư, mặc áo trấn thủ ngoài khoác va rơ đi như muốn bay lên trời mà miệng vẫn không ngớt ngâm bài “Tây Tiến”; tháng Chạp nhớ những con đường ẩm ướt, nhớ mưa phùn rét căm căm, hai vợ chồng lên Đông Hưng Yên ăn một bát “tam xà đại hội” khói bốc lên nghi ngút.

Mỗi tháng lại có những cái đẹp nào nùng riêng, những nỗi nhớ nhung riêng. Mỗi cảnh bày ra trước mắt mình lại nói lên những niềm thương yêu cũ, làm thế nào mà giữ mãi ở trong lòng cho được?

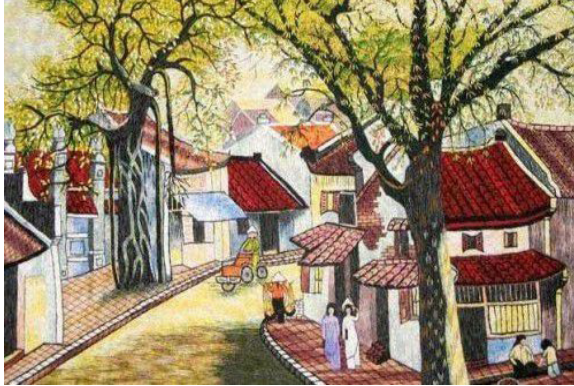
Tôi ghi lại “Thương nhớ mười hai”

không nhằm mục đích gì cao rộng, chẳng qua chỉ là đánh dấu những ấn tượng hiện ra trong trí óc những buổi mây chiều gió sớm, “sầu biệt li với sáng đây chiều”, thấu nhận được trong khi lạc bước trên những nẻo đường chật ních những người bận rộn bên cạnh những ngoại kiều ăn mặc như phường chèo, nói “lúu lô buồn nỗi khó nghe”!

Ồi những người thiên lí tương tư! Nếu bất ngờ những dòng sau đây có lạc vào tay bạn, mà thấy nói được lên một mối cảm hoài của bạn vẫn chất chứa ở bên lòng, thế là kẻ viết bài này lấy làm mãn nguyện lắm rồi.

Đời mà có một người vui cái vui của mình, buồn cái buồn của mình chẳng là đủ rồi sao? Có tâm sự trong lòng, lặng nhìn nhau không nói mà cũng cảm biết, thế chẳng đủ rồi sao?

Thôi bây giờ, mặc cho ngòi bút đưa
đi, đến đâu hay đó...



**Tháng Giêng,
Mơ về trăng non rét ngọt**

Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng Giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mển, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

Ồi ơi người em gái xõa tóc bên cửa sổ! Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rức nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn? Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiến nhau, chàng tưởng như nghe thấy đôi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời? Mà thiếu phụ ở chân trời góc biển yêu mùa xuân có phải vì đây là mùa xanh lên hi vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ để ngâm lại khúc bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày nào trở lại?

Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mây ai như trắng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân

có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...

Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một ống điếu, mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống!

Anh có thể đập cở trên Hồ Gươm, đợi đến sâm sẩm tối ra ngôi ở Thủy Tạ nhìn các cô gái đẹp như tiên mặc áo nhung, áo len trăm màu ngàn sắc, in bóng hình xuống đáy nước lung linh; anh có thể vào một nhà hát thưởng vài khẩu trống, “mở quả mít” phong bao cho các chị em, rồi uống với mỗi em một

li rượu “lấy may”; anh có thể đi vào một ngôi chùa khói nhang nghi ngút, đưa mắt nhìn xem có cô nào thực xinh thì quỳ ngay xuống bên cạnh cầu Trời khẩn Phật cho cô càng ngày càng đẹp và trong năm lấy được một người chồng xứng ý như... anh vậy.

Ấy đấy, cái mùa xuân thân thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, dường sá không còn lầy lội

nữa, mà cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

Y như những con vật nằm thu mình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng “sống” lại và thèm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan.

Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương

mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng Giêng. Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không muốt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mát.

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời ùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rức một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve sâu mới lột.

Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết,

người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng. Cánh màn điều treo ở trước bàn thờ ông vải đã hạ xuống từ hôm “hóa vàng” và các trò vui ngày Tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật.

Các con lại đi học cả rồi. Dưới nhà, người làm ngồi nhắc lại chuyện Tết với nhau “tiền mở hàng được tất cả mười hai đồng” và “đánh tam cúc thua mất ba đồng mốt”. Một cảnh thanh bình thú vị diễn ra thấp thoáng ở ngoài vườn, sân gác.

Bảo là nóng ư? Không. Bảo là rét ư? Không. Thời tiết lúc đó kì lạ lắm: rét vẫn còn vương trên ngọn xoan đào, nhưng đất ở ngoài vườn khô ráo, sạch bong, mịn

màng như thể đất rừng Đà Lạt sau một đêm sương, và, qua những kẽ lá chòm cây, có những bông hoa nắng rung rinh trong bể nước.

Đêm xanh biêng biếc, tuy chưa có mưa rây, nhưng nhìn lên thấy rõ từng cánh sếu bay. Về khuya, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ: mặc dầu vẫn phải đắp chăn bông, nhưng ban ngày không cần phải mặc áo ấm như hồi cuối Chạp.

Người vợ bắt đầu thu hết những nệm thêu trái ở sập chân quỳ và gối gấm trên ghế trắc “mua tự bên Tàu về” để đem ra phơi dưới nắng xuân, trên một cái chiếu màu khô nỏ. Mi môn, quần màn, với quần áo tết của vợ chồng và các con sẽ được phơi như thế chừng ba nắng để rồi đem cất vào trong tủ có trái sắn rế “hương bài” để cho quần áo thơm ngát và khỏi “nhậy”.

Ấy đấy, thương người đàn bà Bắc như thế đấy. Sạch cứ như lau như li, cẩn thận từng li từng tí. Và càng thương hơn nữa là khi ta thấy người đàn bà chậm rãi vuốt ve từng cái tà áo, lồng nhỏ nhẹ từng cái khuyết vào cái khuy rồi xếp vuông vức áo nọ lên quần kia, như thể sợ động mạnh thì quần áo sẽ không còn vẹn tuyệt trình, vì nhàu nếp lựa.

Giản dị thay cái đẹp của ngày xuân lúc đó! Ở trong nhà, cái đẹp không còn phải tạo bằng đèn nến sáng trưng, bằng mi môn quần màn, rực rỡ bằng hoa lá từng bùng trong khói hương trầm nghi ngút, mà ở ngoài đường người ta cũng không còn bị chóa mắt hay say lòng vì những áo nhung trơn mượt, những giày kinh xòe cánh phượng bay bay hay những dải khăn “san” khéo biết lựa màu bay đùa trước gió như thể tơ trời vậy.

Không. Cái đẹp lúc này là cái đẹp thành thực, hồn nhiên, mộc mạc, cũng như người đàn bà, con gái đẹp không phải vì quần áo, vì son phấn, mà chính vì cái chất đẹp ở trong người tiết ra.

Từ mùa đông qua tết cho đến hôm nay, quần áo giấu mất hết cả thân hình đều đặn, núng nính, nõn nường của người vợ bé nhỏ có đôi má đỏ hây hây mùi cốm giót. Hôm nay, chợt thấy đôi mắt trong hơn, làn da thắm hơn và đôi vai màu ngà hần qua tấm áo lụa văn, người chồng cảm thấy như mới lại được gặp một cái gì đã cách biệt lâu lắm và tuy ngồi cách xa nhau mà tưởng như vợ mình thơm ngát mùi hoa cau.

Đẹp như thế mới là đẹp, yêu đến thế mới là yêu!

Cái đẹp của ngày Tết phủ áo nhung

tím, quàng khăn lụa màu, dận lên giày nhung đen, đâu có thể so sánh được?

Ai cũng có thể bị huyền hoặc vì vàng son, ai cũng có thể mê say nhất thời những cái lông nheo giả uốn cong lên như đào chiếu bóng, những cái vú nhân tạo bằng cao su bơm, những cái điệu bộ nhân tạo đi vắt va vắt vẹo, những mái tóc “mượn” của các mỹ viện, những mùi thơm vương giả...

Nhưng rồi có một lúc người xế bóng sẽ thấy rằng cái đẹp của quê hương ta là cái đẹp của cỏ biếc, xoan đào, hương thơm của ta là hương thơm của cau xanh, lúa vàng chứ đâu phải cái đẹp của con mắt xếch vẽ xanh, của tấm mi ni mời mọc “tí ti thôi nhé”, của đôi môi tô theo kiểu Mỹ trông như môi người chết trôi; mà cũng đâu có phải là hương thơm của dầu thơm “Santalia”, “Kiss Me” hòa với

hơi người tạo thành một mùi thú vật đang kì “con nước”.

Ở đây, từ tháng Một, trời nắng chói chang, làm cho đôi mắt mờ, đầu nhức, lúc nào người đàn ông cũng được “rửa mắt” bằng những cái vai đẹp hớ hênh, những cái lườn hây hây, hồng hồng, hay những cặp đùi mờ mờ nửa trắng nửa đen, thành thử ra... hết, không có gì mà “cảm” nữa, ví có gió xuân thì cũng khó mà làm cho hồ ao chuyển mình được.

Chao ôi, mệt quá, người đàn ông mệt quá! Đã mệt vì kiếm tiền, lại mệt vì trác táng, mệt vì nịnh bợ, ví chẳng có thấy gió xuân lay động cành hoa, long lanh cặp mắt của người vợ nao nức niềm trăng ý nhạc thì cũng đành phải uống thêm vài li rượu ngâm hổ cốt, tắc kè và rất nhiều khởi tử... Yêu thương không còn là một nghệ thuật, không còn là làm

thơ có bằng, có trắc, có vần, có điệu.

Lòng đã nóng như thiêu, nhà lại thấp, bức cứ điên lên. Có tiền lắp cái máy lạnh cho đời thêm tươi một chút, nhưng dù thế nào đi nữa thì thơ sáng tác cũng chỉ là một thứ thơ tự do, thơ văn xuôi, không có vần có điệu, vì đôi khi có vần có điệu thì cũng là cái thứ vần thứ điệu lem nhem, lĩnh lĩnh. Nào đâu những buổi hoàng hôn lành lạnh, quẩn quít tơ hồng; nào đâu những đêm trăng êm mượt như tơ, mái tóc ai xõa trên gối đầy những bông sao rụng; nào đâu những tiếng tiêu, tiếng nhạc của trời tình bát ngát hoa hương, mền thương nhịp thở ái ân thường vẫn thấy viết trên những báo Xuân, sách Tết?

Trên các nẻo đường nắng chói chang ở đất này, người ta chỉ thấy những người đi vội vã, chán chường mệt mỏi. Dậy từ

tờ mờ sáng mà tưởng như đã hết ngày rồi. Xối vội một bát cơm ra đĩa với khô, vừa ăn vừa lo công việc. Con cái muốn làm gì thì tùy, bố mẹ còn bận đi lo tiền.

Một cô xách “bóp” da cừu dừng lại ở đường Chợ Cũ ăn mấy cái bì cuốn “nhắm” với một li đá lạnh; một ông, nhân ngày xuân tươi đẹp, “bao” vợ và con, mua ba trái dưa hấu bổ ra ăn cả nhà, mặt mũi “tèm lem”; lại một bà, thương chồng con vất vả quanh năm, bưng về cả một liên cà ri Chà mở tiệc thưởng xuân ăn với rất nhiều bún kèm thêm một vài ổ bánh mì dài như cây đòn gánh.

Ăn như thế mà khát thì uống một li chanh muối hay chén đậu đỏ bỏ rất nhiều nước đá; ai muốn mát ruột mà lạnh thì uống một chén “sinh sâm” hoặc một li sữa đậu nành, còn các cô gái dậy thì, ăn thịt nhiều xót ruột, mua một vài đồng

“tầm ruột” hay “cốc” chấm mắm nêm ớt, ngon đáo để, giòn rau rầu.

Tháng Giêng ở miền Nam ngà ngọc có một vẻ đẹp “li kì” làm cho người ta háo hức, khiến cho cổ họng khô teo, muốn uống nước cả ngày, uống rồi lại khát, khát rồi lại uống, mồ hôi vã ra như thể là mình “thoát dương”.

Nhưng mà sương,

Sương là vì nhà nào, dù kiết xơ kiết xác đến đâu cũng có một tủ lạnh để vài ba chai nước lọc, một cái ra đi ô, một cái ti vi hò hét những vũ điệu điên cuồng khiến cho ông vía, bà cụ, chàng trai, cô gái đều rên rú cả lên, muốn “vặn mình xà” nhảy vũ điệu “cha cha cha” rồi thoát y vũ như trong “sô” Trương Minh Giảng. Tươi quá, trẻ quá. Quả là một giai đoạn “đang lên”. Nhưng tại làm sao tất cả những

sinh khí tươi trẻ, đang lên đó không làm khuây khỏa được lòng người sầu xứ luôn luôn mong cho đất nước tiến triển vượt bậc, mà trái lại lại làm cho y rầu rĩ hơn, nhớ thương hơn những tháng Giêng Bắc Việt đã qua rồi?

Ờ, cứ vào dạo này đây, ở Bắc người ta đi lễ vui đáo để. Chiều chiều, đứng ở nhà Khai Trí Tiến Đức nhìn lên cầu Thê Húc sơn đỏ ở giữa đám cây xanh đông đảo những người đi lễ trong ngôi đền Ngọc Sơn trắng toát, anh cảm thấy có những lúc nước lộn lên trời, trời rơi xuống đất khi nhìn những bóng người hiện ra huyền ảo ở dưới làn nước xanh mờ.

Qua Ngõ Hồ là đền Hàng Trống có tiếng là “hương ngát của trời”; quá ra đến Hàng Vải là đền Quan Phước, ai mất người, mất của đến cầu xin thì thấy; từ

đó ngược lên, ra lối Tòa án là chùa Quán Sứ - ờ, chắc bây giờ mấy cây thông bách tán ở trước cửa chùa đã lớn lắm rồi đấy nhỉ! Thế rồi là chùa Dâu, chùa Kim Cổ, đền Quán Thánh, chùa Trấn Quốc thờ ông thánh đồng đen, chùa Bà Đá, chùa Liên... Trời! Biết bao là chùa đẹp, biết bao nhiêu cảnh nên thơ, biết bao nhiêu người đi lễ cầu con, cầu của!

Trước đây, tháng Giêng ở Bắc là tháng người ta chỉ dành ra để trước là lễ Phật, sau là lễ tiên tổ ông bà. Người sống cảm thông với người chết trong tháng ấy, lấy tâm tư mà nói chuyện với nhau, lấy đạo lí mà khuyên bảo, dạy dỗ nhau cách nào cho vẹn đạo làm người, chớ có thấy giàu mà ham, chớ vì sang mà bỏ nghĩa, chớ vì cầu an mà làm tội mọi cho người ngoài.

Từ xưa, Bắc Việt có bao giờ là một miền giàu có? Ai cũng phải ăn nhịn, để dành; lúc nào cũng phải lo đối phó với ngoại xâm chỉ rình bóp cái cổ họng của Đông Dương trước nhất; không năm nào không lo bão tố, lụt lội, hạn hán, mất mùa... Nhưng lạ lắm, cô Ba à, tại sao tôi thấy người Bắc lúc nào cũng bình tĩnh, trầm mặc, sẵn sàng “chơi” lại những thử thách của trời trong khi vẫn sống một đời sống nội tâm phong phú, nhất là người đàn bà Bắc, sao cũng lo gánh vác giang sơn nhà chồng, cũng lo từng miếng ăn giấc ngủ cho chồng cho con, cũng hai sương một nắng mà có vẻ như không “đầu tắt mặt tối” như người đàn bà ở trong đây? Ở trong đây, người ta vội quá: người tử tế lo vội vàng để kiếm sống đã đành, ngay các cô tú thời lấy ngoại kiều “ngồi lên đồng tiền” cũng vội; các xe hơi chạy vội, cái kèn xe bóp vội, xoa

mặt chược cũng vội, và nếu đôi khi có tập uống chén trà Tàu, bắt chước ngâm bài “Hoàng Hạc” cũng cứ vội luôn.

Bây giờ, ngồi mà nhớ lại, tôi không thể nghĩ được rằng tháng Giêng ở Bắc có những sự vội vàng, vất vả nào nề đến như vậy. Người ta sống đúng như cái sống do các bậc quân tử Tàu chủ trương: sống đầy đủ, có thiếu một chút cũng không sao; làm việc cho mình, cho xã hội nhưng vẫn có thì giờ đi thuyền trên đầm thơm hát bài “Hái sen” một mình; buôn tần bán tảo ở đô thị, thôn quê nhưng vẫn dành thì giờ đi chợ kiếm một món ăn ngon cho chồng, rồi đến ngày rằm mong một vãn rảnh rang đi lễ cầu cho sống lâu, giàu bền, dân an, quốc thái và có hội hè gì vẫn sửa nếp áo mới, tô đôi má cho hồng để cùng với chồng vui chơi thưởng thức.

Từ ngày mồng bốn tháng Giêng, ở các làng vùng Bắc bắt đầu mùa quan họ.

Hát cho lở đất long trời,

Cho giới biết mặt, cho người biết tên,

Hát từ chợ Phủ hát lên,

*Hát suốt tỉnh Bắc qua miền tỉnh
Đông,*

Hát sao cho cạn dòng sông

Cho non phải lở cho lòng phải say.

Người vợ bảo chồng:

– Anh đã biết hát ví rồi. Lối hát này, trai gái hát quanh năm, tát nước hát, gĩa gạo hát mà dún đu cũng hát. Hát quan họ khác thế: lối hát này chỉ có riêng trong những ngày hội mùa xuân, trai gái hát cầu vui, nhưng có nhiều làng còn tổ

chức hát thờ thần, trao giải. Muốn vào hát giải, trai gái phải biết năm giọng rất khó hát là Tình Tang, Đường Bạ, Hũ La, Xuống Sông, Lên Núi... Hay lắm! Nhất niên nhất lệ, tội gì bỏ sót một buổi nào...

Vào ngày chín tháng Giêng, làng Nội Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (tục gọi là làng Nến) có rước thần kể hạnh, hát đúm, nhưng mê nhất là trò kéo chữ.

Những tay cờ, dưới hiệu lệnh của một vị chỉ huy, chạy ngang dọc ngược xuôi thành một hàng chữ có ý nghĩa. Những chữ này phải làm lễ xin thánh ban cho, chứ không phải muốn dùng chữ gì cũng được. Có năm là “Phong đăng hòa cốc”, có năm là “Thiên hạ thái bình”.

Nhưng mê nhất là hát tuồng. Bây giờ

ở đây tuồng cải lương và kịch được công chúng ưa xem, nhưng riêng tôi thì cứ ra Giêng, ngày trước, thế nào vợ chồng cũng phải đi xem tuồng cổ, để nhân dịp đó bói tuồng xem năm mới làm ăn ra thế nào rồi đến lúc tan hát ra về, vợ chồng dắt tay nhau đi nhớn nha dưới bóng trăng bàn luận về vai trò Khương Linh Tá đóng thật tài, hay Quan Vân Trường quá ngũ quan trăm lục tướng trông ghê quá...

Cuối tháng Giêng có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc, chỉ chừng mười giờ tối thì trăng mọc cao lên đỉnh đầu.

Cái trăng tháng Giêng, non như người con gái mơn mớn đào tơ, hình như cũng đẹp hơn các tháng khác trong năm thì phải: sáng nhưng không đẹp lộng lẫy như trăng sáng mùa thu, đẹp

nhưng không đẹp một cách úa héo như trăng tháng Một. Cái đẹp của trăng tháng Giêng là cái đẹp của nàng trinh nữ then thùng, vén màn hoa ở lầu cao nhìn xuống để xem ai là tri kỉ, mặc dầu không có ai thấy để đoán biết tâm sự mình, nhưng cứ then bâng khuâng, then với chính mình. Ánh trăng lúc ấy không vàng mà trắng như sữa, trong như nước ôn tuyên. Đi vào giữa ánh sáng mơ hồ ấy, mình cảm như thấy mình bay trong không gian vô bờ bến.

Nằm trên cái giường tre ngoài vườn kê dưới một gốc lan tây thơm phức, mình nghe rõ ràng có tiếng trăng thủ thủ thì thầm. Ở nhà ngoài, vọng vào câu chuyện của mấy cô hàng xóm. Không, vào tháng Giêng, người Bắc Việt ít có giải trí ngheò nàn trong rạp hát, nhà xi-nê hay tiệm nhảy: một bà nói chuyện mới đi

lễ chùa Trầm về, xin được một cây xăm “thượng thượng”; một cô khác trịnh trọng đưa biếu người chị em thân một gói trà Thiết Quan Âm của ông bác vừa ở Trùng Khánh về ăn Tết; một bà khác nữa giở hộp trầu ra, vừa nhai vừa cuốn theo lối “sâu kèn” những điều thuốc lá ta ướp hoa ngâu.

Vào khoảng nửa đêm, thành phố im lặng. Có mấy hạt mưa xuân bắt đầu. Người chồng đóng cửa lại, vào nhà. Không khí lại càng thân mật thêm lên. Chắt chiu trong mười mấy năm trời, kể từ lúc còn hai bữa cơm đèn cho đến bây giờ có đồng ra đồng vào, người vợ đêm xuân cảm thấy con tim có cánh, rót hai li rượu nhỏ màu trắng cùng đối ẩm với người chồng lấy nhau từ lúc hãy còn nghèo túng. Này, trầu vàng, vỏ tía ngon đáo để, hay là ta ăn một miếng, rồi bói một

quẻ Kiều đầu năm xem xấu tốt ra sao hãy đi ngủ, hờ mình?

Chao ôi, đến cái thú bình dân nhất là ăn trâu, ở đây người sầu xứ cũng thấy không ưng ý. Suốt cả tháng Giêng, cau đất, bảy tám đồng một quả, cố mua mà ăn vẫn cứ cứng quèo quèo. Hầu hết phải ăn bằng cau khô. Mà càng ăn như thế thì lại càng nhớ những miếng trâu ngày xuân ở Bắc, ăn với miếng cau “tiên đầm” ngọt cứ lừ đi. Ngồi đánh tam cúc hay rút bắt với nhau, những người bạn của chồng xưa nay ăn trâu vẫn kêu cay đắng thấy vợ bạn nhai ngon quá cũng “xin” một miếng ăn cho ấm người, mà cũng là để lấy may vì “mười bốn ván liền rút toàn nhị tổng cữu, tam tổng bát”.

Bây giờ, đâu còn những cốc rượu, những miếng trâu, những đêm rút bắt say sưa như thế nữa? Đâu còn những

chén hạt mít vợ mời chồng nhấp men tình, đâu còn những buổi họp bạn đến một hai giờ sáng - vì không có giới nghiêm! - rồi quay ra ăn bánh chưng rán với cá kho, giò thủ, và tráng miệng với chè đậu đãi, uống trà mạn ướp sen?

Người khách xa nhà nằm ngửa mặt lên trần, mơ lại những ngày xuân đã mất và cảm như tất cả những cái vui đẹp, say sưa đó thuộc vào một tiền kiếp xa xôi.

Không. Y không phải là một người hèn nhát, nhưng mang trong mình một lúc tới bảy tám biệt li, quả là có lúc y buồn quá cũng muốn chết đi cho rảnh. Không có lí nào y lại khóc với lòng! Y cố nhắm mắt để ngủ thì đến gần sáng bỗng mơ mơ màng màng thấy ở cửa đi xuống vườn, nơi rặng chuối, có bóng một người đàn bà đẹp, mặc áo xanh, bước qua cửa sổ vào viện sách.

Đêm tháng Giêng ở Sài Gòn nóng quá, có khi gần sáng mà người nằm ngủ hầy còn lã chã mồ hôi. Bóng người đàn bà đẹp cúi xuống lau trán cho người mê ngủ. Và bỗng nghe thấy như xa, như gần ở bên tai:

“Thường tình, ai cũng ưa hiện tại bởi vì hiện tại chờ đợi những đổi thay, hứa hẹn những tương lai hứa hẹn, thế mà làm sao anh cứ băn khoăn mãi với quá khứ làm gì? Hay là tại sầu nhiều chẳng, giận nhiều chẳng?”

Người sầu xứ, trong cơn mơ thêm thiếp, phảng phất thấy hình bóng của người đàn bà mặc áo xanh đỏ quen quen, mà nghĩ mãi vẫn không biết là ai. Đó là một người quen biết thực, trong đời sống thực? Hay là hình ảnh của một mùa xuân đã chết, của một cái đẹp đã mờ xa, một mối tình chung thủy nhưng

nào nùng, ai với ai cùng xây một mộng ước mơ nhưng bị trời bắt phải lìa nhau lúc sống?

Người đàn bà mặc áo xanh lại nói:

– Vui và buồn ở đời là tuần hoàn cả. Tất cả bí quyết của sự sống là biết tin tưởng và đợi chờ, vì tin tưởng và chờ đợi thì cái gì mà chẳng đến? Anh đọc sách có còn nhớ chuyện Pygmalion không?

– Đó là một nhà điêu khắc có tài ở trên một hòn đảo xanh biêng biếc giữa đại dương thần thoại.

– Pygmalion đem hết tâm hồn tạc nên một pho tượng đẹp, tượng nữ thần Galatée, đẹp quá, đẹp vô cùng là đẹp, đến nỗi chính mình lại say mê tác phẩm của mình.

– Nhưng người đẹp chỉ là một vật vô tri, hiểu đâu được tình cảm náo nùng của nhà nghệ sĩ? Pygmalion than khóc ngày đêm và, ngày đêm, khẩn nguyện được có một người vợ đẹp tuyệt trần như pho tượng. Thì một sớm kia tiếng khẩn cầu thần đến tai thần Vệ Nữ. Và bà thần này - vốn giống đa tình, thương người đồng điệu - đã hóa phép cho pho tượng Galatée thành ra người thực để cho ‘chàng’ và ‘nàng’ chung sống với nhau.

Người đàn bà đẹp mặc áo xanh nói tới đó thì vòng tay ta khép lại, làm cho trắng non ở ngoài cửa sổ cũng phải thẹn thùng.

Đôi mắt đẹp lung linh sâu. Ta thấy như cả một mảnh vườn thơm ngát hương cau nghiêng xuống mé giường xô lệch.

Em yêu ơi, sống là tin tưởng và chờ
đợi, nhưng biết rằng mái tóc người ta có
còn xanh mãi được chăng?

Tháng Hai

Tương tư hoa đào

Đã lâu lắm, chúng mình không được tin tức của nhau Quỳ nhĩ. Chiến tranh cắt đứt ân tình của hai ta: thôi đành lấy câu vận mệnh để khuấy dần thương nhớ vậy.

Nhưng thương nhớ kì lạ lắm. Có những đêm không ngủ, nằm nghe tiếng mưa rơi, tôi cố nhớ lại nét mặt của người thương, mà không hiểu tại sao con mắt,

miệng cười và mớ tóc xõa trên bờ vai tròn trĩnh lại lu mờ như thể chìm đắm trong khói sóng. Mà trái lại có những kỉ niệm rất bé nhỏ, rất tầm thường lại hiện ra rõ rệt, không suy suyển một li trong trí óc của người nặng nợ lưu li, nằm buồn trong gác nhỏ ngâm câu thơ nhớ vợ:

Ủ ê nét liễu sâu tuôn gió

Thồn thức tình tơ lệ ướt bào.

Hoa tử còn đâu duyên tác hợp,

Mây bay rồi nữa giắc chiêm bao!

Tôi nhớ những buổi tối đi trên con đường Tòa án ngan ngát mùi hoa sữa, nhớ những đêm trăng hai đứa dắt nhau trên đường Giảng Võ xem chèo, những đêm mưa ngâu, thức dậy thổi một nồi cơm gạo vàng ăn với thịt con gà mái ấp. Bao trùm tất cả những niềm thương nỗi

nhớ ấy, tôi nhớ nhất một đêm cuối tháng Giêng, đầu hai năm ấy, hai đứa mới quen nhau, cùng ăn chung một quả vú sữa của một người bạn phương Nam gửi ra cho, rồi đánh tam cúc cho tới nửa đêm về sáng.

Bây giờ, ngồi xem én nhận bay, có lúc tôi cũng bỏ một quả vú sữa ra ăn, nhưng ăn thì lại nhớ đến một đêm tháng Hai đã mất “để cho mùa xuân kia có trở lại cũng bằng thừa”.

Yêu cái đêm tháng Hai ấy không biết chừng nào, nhớ những buổi đánh tam cúc và rút bất không biết thế nào mà nói.

Lúc ấy, Tết đã hết từ lâu, mọi người đã trở lại với công việc thường ngày như cũ, nhưng mùa xuân vẫn còn phơi phới trong lòng người khách đa cảm nhìn đâu cũng thấy diễm tình bát ngát. Vừa hôm

nào đi lễ ở Đống Đa, hôm nay đã là hội chùa Vua; mười ba là hội Lim; rằm tháng Giêng đi các chùa lễ bái; rồi là chùa Trầm, rồi thấy hội Phủ Giầy, rồi xem tế thần ở Láng, đi về qua Giảng Võ, rẽ vào xem rước vía ở miếu Hai Cô; vài hôm sau lại đi hội Lộ, trở về xem rước ở đình Thiên Hương, ghé qua đình Ứng xem tế thần và đến đêm thì đi xem hát tuồng Tàu ở đền Bạch Mã...

Ở bất cứ hội hè nào, đàn bà con gái cũng đẹp nồn nà. Hoa rét còn đọng ở ngọn cây, ngọn cỏ. Những con mắt cười với những con mắt, những bàn tay muốn nắm lấy những bàn tay. Lòng người ấm áp muốn gửi sự ấm áp cho những người thương mến. Quái lạ, sao cùng là đất nước mà ở miền Bắc trời lạnh lạnh nên thơ đến thế, mà ở nhiều miền khác thì lúc ấy trời lại nóng, rôm sảy cắn nhoi

nhói muốn làm cho ta cào rách thịt ra. Ăn cái gì cũng không ngon vì mệt quá. Đêm ngủ chẳng đầy giấc vì càng uống nước đá lại càng hao trong người. Cái máy lạnh mở cho hết cỡ cũng chẳng làm thắm được tấm lòng yêu thương mệt nhọc. Người con gái đa tình xa nơi phần tử đêm nằm bỗng thấy buồn tê tê ở trong lòng vì chợt nhớ đến một câu hát cũ còn nhớ được lúc mẹ ru, khi còn bé, ở đất Bắc xa xôi:

Buồn vì một nỗi tháng Hai

Đêm ngắn ngày dài, thua thiệt người ta!

Yêu quá cái đêm tháng Hai ở đất Bắc; thương quá cái đêm tháng Hai ở Bắc, thành ra cái gì cũng thấy qua đi nhanh quá. Ước gì năm tháng dài thêm ra

để ngày thì đi xem hội xem hè, đêm thì cùng với những người thân vui xuân với quân bài cao thấp.

Hỡi những người máy móc, đừng có bảo những đồng bào ấy là những người hưởng lạc. Bị kẹt trong một cái thế hết xâm lăng nọ đến quân cướp nước kia, với những tài nguyên chưa có bao giờ khai thác, họ, những người phương Bắc, phải chiến đấu không ngừng, đổi bát mồ hôi lấy bát cơm để sống, nhưng họ không vì thế mà phải chạy ngược chạy xuôi, phờ rầu trốn mắt để đánh vật với đồng tiền. Họ làm việc bằng chân tay, bằng trí óc để chống lại thiên nhiên, để duy trì sự sống, để vươn lên mãi, vươn lên mãi, nhưng lúc nào cần nghỉ ngơi, họ biết nghỉ ngơi, khi nào cần phải chắt chiu cái nội tâm họ biết chắt chiu cái nội tâm, khi nào cần phải sống đẹp, sống cho đúng ý nghĩa

của sự sống thì họ sống đẹp, sống cho ra sống. Vì thế cứ làm việc nhưng suốt một tháng Giêng họ vẫn cứ vui xuân. Tuy vậy, vẫn chưa đủ, những ngày vui còn kéo dài ra mãi tận tháng Hai mà người ta vẫn cứ tiếc sao những đêm tháng Hai ngắn quá...

Lúc ấy, cái thú ăn bánh chưng rán với cá kho không còn nữa mà mít sen, mít gừng, mít bí cũng như bánh Xuân Cầu cũng không còn. Nhưng đánh tam cúc, rút bắt đến nửa đêm, đất nước thân yêu lại mang đến cho ta một cái thú tuyệt kì thanh cao, tuyệt kì trang nhã.

Bàn tam cúc vừa giải tán thì đồng hồ điểm mười hai giờ. Cái đêm tháng Hai ở Hà Nội kỳ ảo lắm. Có khi còn mưa phùn, có khi có gió thổi se se trên lộc đào, nhánh mai, nhưng bao giờ cũng vẫn còn hơi rét. Thành phố im lặng, ngôi

trong nhà mà nghe thấy từng cái lá rụng ngoài vườn. Anh em bè bạn lần lượt ra về thông thả. Trẻ ở nhà trong cũng ngủ yên. Hai vợ chồng nhìn nhau không nói, nhưng cảm thấy mình như là tiên sống cách biệt cõi trần, lấy cái ấm “cò bay” bằng đồng bạch ra đun nước rồi cầm cái khăn đỏ lau lại bộ đồ trà, pha một ấm trà ướp thủy tiên mời nhau uống, trịnh trọng như hai tân khách.

Các cụ sành trà thường bảo muốn thưởng thức trà tuyệt kỹ thì phải là cái thứ trà mộc không ướp hoa gì, nhưng mình có phải là tay sành đâu mà phải theo khuôn sáo ấy! Chỉ biết là vợ con ở trong nhà, học đòi các cụ gọt thủy tiên, còn thừa thì đem trồng trong cát, chơi hoa đến hết ngày rằm, đem cắt những bông hoa hãy còn tươi ướp trà Tàu rồi sấy cất đi để dành, lúc phởn phơ trong

bụng thì lấy ra pha uống, thế thôi.

Ôi chao, cần gì phải trà mộc, cần gì phải nước giếng thanh tân, cứ cầm cái chén quân đưa lên môi và nghĩ rằng hoa thủy tiên là do vợ mình gọt, trà thủy tiên này là do vợ mình ướp, ấm trà này là do vợ mình pha thì cũng đã thấy ngào ngạt hương tình trong khắp cả cái đêm xuân tĩnh mịch này rồi!

Trầm ở trong chiếc lư đồng vừa lúc đó lụi dần, tỏa ra một mùi thơm nhẹ hòa lẫn với hương trà làm cho cả hai vợ chồng cùng băng khuâng... Gió lay động cánh màn nơi cửa sổ. Người vợ xoa tóc, đi lại nằm dài trên nệm trắng, mở mắt trong bóng tối nhìn mây bay và nghe thấy hình như ở xa xa có tiếng nhạc từ trên trời rơi xuống.

Khẽ quay mình lại với vợ để cho ấm áp hơn, người chồng hỏi:

– Nay mình, có phải mùa này là mùa đào bói quả không?

– Sao tự nhiên anh hỏi vậy?

Người chồng lặng im một lát không nói gì. Ba phút sau, nghe hơi thở biết là vợ đã ngủ rồi, y nằm yên nhắm mắt và tiếp tục nối lại giấc mộng vừa qua: giấc mộng hoa đào, nước suối.

Ờ phải, chính vào cỡ này là cỡ đào bói quả đây. Người đàn ông lạc phách trở lại với gia đình, đêm tháng Hai năm ấy, nằm bên người vợ thương bé nhỏ, mơ màng thấy mở cửa động Thiên Thai. Cách đây đã lâu rồi; cũng vào cỡ tháng Hai như thế này, y đã lạc bước vào một thú Thiên Thai nơi trần thế rực rỡ hoa

đào, mông mênh nước suối ở vùng biên thùy Bắc Việt.

Chính vào khoảng tháng Hai này đây, có một buổi sáng y đã cưỡi con ngựa thồ đi nhớn nha một mình nhìn lên chín mươi chín ngọn Thập Vạn Đại Sơn. Đến cái đoạn một trong chín mươi chín ngọn ấy gác sang đất nước Việt Nam, quả là đã có một lúc y tưởng là Thiên Thai thực, vì rừng đào bát ngát ngút ngàn, trời đất êm ru, mà ngừng mặt lên trời thì nghe như có tiếng tiêu, tiếng địch. Con ngựa thồ đi khẽ từng bước một. Hàng nửa ngày đường mới thấy ở tít tắp đằng xa có mấy cô sơn nữ mặc váy thủy ba, bịt khăn trắng ven đầu đi đu đưa ven suối.

Nước suối trong vắt, bóng các cô sơn nữ chiếu xuống nước làm cho một người hóa hai, y như thể các cô tiên đi hái hoa trong vườn của nhà trời mà ta

vẫn thấy trong các truyện thần tiên khi còn nhỏ.

Người Thổ trồng đào nhiều. Người ta đã thấy có những gốc đào cổ thụ đến hai ba người ôm mới xuể. Du khách đi Lao Kay, đến Chapa, cũng qua một rừng đào đẹp không kém đào ở Thập Vạn Đại Sơn. Đi vào rừng, trời mù mù như thể có sương bao phủ, nhưng bỗng nhiên đến một khúc queo, trời sáng hẳn ra. Nhìn lên không có một đám mây. Trời nắng ấm, trông cứ y như là ngọc lưu li vậy. Gió từ trên đỉnh cao thổi xuống, làm rung động những cành cây. Hoa đào rơi lả tả trên cỏ xanh như một cơn mưa màu sắc.

Vừa lúc đó, có ba cô nàng cưỡi ngựa thồ, vắt chân về một bên đi nhớn nhó dưới trận mưa hoa, vừa nói chuyện vừa ngửa mặt lên trời cười. Hoa đào vương vào tóc, rủ lên trên vai áo, làm bật cái

cạp và cái nẹp hoặc “chân hoa cải”, hoặc “chân đường triện”, trông y như thể là ba cô tiên nữ.

Bây giờ ngồi nghĩ lại những hình ảnh xa xưa ấy, tôi vẫn còn thấy đời ngọt ngào như có vị đường và tưởng như không bao giờ có thể quên được hương thơm quyến rũ của trời nước, của hoa đào, của da thịt những cô sơn nữ đẹp náo nùng, sâu biêng biếc, ngửa mặt lên cười một cách hồn nhiên trong cánh rừng bạt ngàn san dã hoa đào.

Du khách, dù là hoạt động đến đâu, những lúc ấy cũng cảm thấy se sắt trong lòng mà chán ngán cái đời sống phồn hoa hệ lụy. Buộc con ngựa thồ dưới gốc cây, anh nằm trên thảm cỏ, he hé con mắt nhìn những cánh hoa đào rơi lả tả ở quanh mình và nghe tiếng suối nước ở xa xa thì thầm thủ thủ như ca lời ca ân ái:

“Anh ơi đừng về nữa, ở lại đây anh, ở lại đây anh”.

Tiếng suối vọng vào khe núi, núi thì thâm cùng mây, mây tâm tình với gió và gió chạy trong rừng đào, nhắc lại: “Ở đây anh, ở lại đây anh”.

Chính giữa lúc đó, có một trái đào rơi xuống trên nệm cỏ. Cầm trên tay, du khách thoáng thấy một niềm e ngại, sợ cầm mạnh thì làm mất mát cái đẹp của đào đi.

Trên khắp mình đào ứng ửng hồng, có những sợi lông tơ óng ánh như lông tơ trên mặt cô gái dậy thì. Cúi cầm ở tay chơi, đã thấy ngan ngát thơm rồi; nhưng nếu anh đưa lên miệng cắn một miếng thì anh sẽ giựt mình vì cái thơm của đào không có thứ trái cây gì sánh kịp, mà có cắn một miếng như thế anh mới lại càng

thấy trái đào hé mở đẹp không biết bao nhiêu. Trong ruột đào, bật lên một màu hồng có những chỉ đỏ cánh sen ôm lấy một cái hạt đỏ cùng màu, nhưng sậm hơn một chút, ướm hơn một chút. Gớm cho nhà văn nào đã lấy hai chữ “nhụy đào” để nói lên tấm lòng nàng con gái tuyết trinh buồn về nỗi không đem bẻ cho người tình chung ngày trước!...

Ở miền Nam nước Việt, sang tháng Hai ta có không biết bao nhiêu thứ trái cây: nào mận, nào xoài, nào cam, nào quýt, nào vú sữa... thứ nào cũng ngon, thứ nào cũng quý, nhưng tại sao tôi vẫn cứ mơ ước những trái đào Thổ ở Cao Bằng, Lao Kay, Chapa hay ở biên thùi giáp Vân Nam, nhìn sang ngọn Tây Phàn? Tôi nhớ những buổi trưa trong sáng cùng nằm trên cỏ với những cô nàng người Thổ, bỏ một hào bạc ra ăn cả một vườn đào,

muốn hái bao nhiêu tùy ý, ăn kỳ chán thì thôi, y như là ta ăn măng, ăn sấu riêng ở miệt vườn Lái Thiêu, hay cam hoặc bưởi ở bên kia sông Tam Hiệp. Ăn như thế mới đã đời!

Vừa ăn, vừa nhớ đến những câu chuyện cũ nói về những con chim ăn đào tự bên Tàu rồi tha hột về đánh rơi ở trên miệt núi biên thù, đâm chồi, mọc cây, sống cả hàng thế kỉ, đem lại cho ta những quả đào sơn dã đỏ tía như đào tiên mà Đông Phương Sóc ăn trộm trong vườn đào bà Tây Vương Mẫu, hoặc những chuyện ma xó canh vườn đào, ai ăn trộm một trái thì đếm một, ăn hai trái thì đếm hai..., anh cảm thấy anh sống một cuộc đời huyền thoại mà mắt cô gái Thổ là tuổi, tóc cô gái Thổ là cầu để cho anh đi đến bến yêu thương.

Anh mơ về một ngày xa xưa đã từng phiêu bạt đến một “bản” Thổ ở Lao Kay với một gia đình Thổ, ngày ngày trông sang Hồ Kiều, tưởng tượng đến sự tốt tươi của trai gái đùa cười trong nắng lung linh như ngọc.

Từ năm giờ chiều, tuyết phủ các thôn xóm ngút ngàn. Ngồi nhìn ra chung quanh, anh cảm thấy đắm chìm trong một sa mạc lạnh tê, trắng xóa, vừa nên thơ, vừa ghê rợn vì thỉnh thoảng lại nghe thấy một con chim kêu quái gở hay tiếng của một đoàn sơn cầu nhìn lên mặt trăng buồn hiu hiu mà tru lên. Anh sờn da gà, nhưng trong lòng thì cảm thấy như nóng lắm. Lúc ấy mà bước xuống thang, ra vườn hái lấy một hai quả tuyết lê ăn, anh thấy tỉnh táo một cách lạ kì và đồng thời mang máng thấy rằng sống ở đất Bắc vào cái cũ Giêng Hai sướng quá,

sương không chịu nổi. Cây lê có tuyết phủ trông như vẽ ở trong một bức tranh một xứ lạnh Âu châu.

Trái lê cũng thế: đúng là một trái cây bằng thủy tinh. Anh cầm trái lê, khẽ gõ vào chân thang, băng tuyết phủ ở bên ngoài rụng xuống. Lấy dao bổ ra, thưởng thức từng miếng nhỏ, tôi đổ có thứ trái cây ướp lạnh nào ngọt xớt, dịu hiền và thơm ngát thơm ngào như thế đấy! Anh không cần nhai, cứ để lưỡi xuống miếng lê thì nó đã tan ra từ lúc nào rồi.

Móc coọc, cũng thuộc loại này và cũng sản xuất vào tháng này, cũng ve vuốt khẩu cái của người ăn như thế, nhưng hơi cứng mình một chút. Tuy nhiên, yêu quá là yêu, nên ăn thế nào cũng cứ thấy ngon vì cái ngon lành của mỗi thứ có tính cách riêng biệt cũng như mỗi dây

trong chiếc tì bà reo lên một thứ tiếng tơ đồng khác nhau.

Có phải là tại mình thương yêu phần tử nên yêu luôn từ bông hoa mà yêu xuống đến trái cây, yêu từ cái lá hòe lăn tăn mà yêu lan sang chùm hoa mộc? Hay là quả thật, như nhiều người vẫn nói, trái bí ở đây to mà kém ngon, con gà lớn mà kém ngọt, trái đu đủ bự mà kém thơm? Tôi cũng đã ăn phật thủ ở đây rồi, nhưng cứ nói thực không việc gì dối trá, sao trái phật thủ Bắc bày trên bàn thờ ông bà ngày Tết, đến tháng Hai bỏ ra vẫn có cái hương vị khác trái phật thủ ở đây?

Tháng Hai của Bắc Việt xa xưa ời, yêu tháng Hai quá và nhớ tháng Hai nhiều lúc đến biếng cười biếng nói.

Biết đến bao giờ người lữ khách mới lại được thấy lại cái tháng Hai ngày

xưa của nẻo Bắc cách mấy mươi trùng
thương nhớ?

*Những say tỉnh: Bắc Kinh mưa gió,
Vẫn mơ màng: phòng cũ chiếu chăn,
Gối sầu cách ánh mây Tần
Băn khoăn tay áo, chân quần ở đây,
Án nọ đỡ ngang mày sớm tối,
Nay tháng ngày no đói với ai?
Gió thu một tiếng bên tai,
Thuần lưu sực nhớ đến mùi Giang
Nam!*

Thấy gió thu, Trương Hán đương
làm quan tại triều nhớ đến rau rút, cá
mè ở quê hương. Người lữ khách ngày

nay, xa cách quê hương, thấy tháng Hai trở về, cũng động lòng nhớ tiếc không biết bao nhiêu khuôn mặt, không biết bao nhiêu miếng ăn ngon, không biết bao nhiêu tình thương yêu đã mất. Nhớ từ những cơn đường mưa bay riêu riêu cùng vợ đi nhón nha ven hồ Bảy Mẫu nhớ đi, nhớ những đêm trèo lên ngọn đồi trên đường về Pháp Vân hái một trái cam vừa ăn vừa nghe tiếng trống chèo ở xa xa vọng về mà nhớ lại.

Nhớ quá chừng là nhớ, thương không biết ngần nào là thương. Thương nhất là người vợ nhỏ bé yêu chồng, mùa nào thức nấy, không bao giờ đợi cho chồng phải nói lên sự ước mơ. Nay mình, em đổ vào tháng Hai này, xứ sở mình còn có gì đặc biệt nữa nào? Người chồng chịu, không biết trả lời sao. Nhưng đổ ai nói lên được cái thú vui thâm lặng trong óc

chồng, hôm sau, khi đi lên Nghi Tàm mua một cây thế về trồng trong cái chậu Giang Tây, bỗng thấy ở trên bàn một mâm đầy tú hủ hành, thìa là, thơm, mùi, ngổ... xanh rờn giữa mấy đĩa bún trắng tinh.

À đúng rồi, cá anh vũ mùa này béo, ăn chả cá thì tuyệt trần đời.

Người vợ vừa đích thân ngồi quạt chả ở ngoài sân vừa nói chuyện với chồng đương nhắm nhót một li rượu sen Tây Hồ:

– Đây, cá anh vũ Việt Trì đây. Chả cá phải ăn cá này mới được.

Tại sao ăn chả cá lại phải có cá anh vũ? Mà hà có gì cá anh vũ lại phải là cá ở Việt Trì mới ngon?

Người chồng không cần biết gì lời

thôi, chỉ có tháng Hai ăn cá anh vũ nướng chả thì ngon thực. Nếu muốn đổi món, cá anh vũ làm gỏi cũng ngon lạ ngon lòng nhưng người vợ biết ý chồng, mua cá anh vũ nấu cháo ám thì người chồng thấy hợp giọng hơn nhiều lắm. Xắn một miếng cá, chấm nước mắm ngon có vắt chanh, bỏ ớt, và quây mấy cây tằm cà cuống nguyên chất tự tay mình lấy ở trong bọng cà cuống ra, ăn với cháo có hành cuộn lại, có rau cần điểm một ít thìa là ngọt cứ lừ đi, quý thân không hưởng thì thôi chớ đã hưởng một chén chắc chắn cũng phải đòi ăn chén nữa.

Đêm tháng Hai ở Hà Nội ngày trước, hầu hết các nhà đều đóng cửa từ lúc bảy tám giờ chiều. Thật đúng là người ta không biết lặn xả vào cuộc sống để làm tiền, để hưởng vội lấy những thú vui bợm bãi trên chiếu bạc hay trong những cái

“sô” đầy lông rậm lá, hoặc để ăn những bữa cơm đất tiền bằng cả gia tài của một người trung lưu rồi hút, rồi chích, rồi đánh đập như những kẻ thất phu tàn bạo... Nhưng để đền bù lại, họ có cái thú trầm lặng, vui cái vui của gia đình thê tử, uống chén nước trà mạn sen với anh em và góp vài hội tổ tôm hay rút bắt, đánh tam cúc lấy vui trong bầu không khí thân yêu, cởi mở, với họ hàng bè bạn.

Ngày tháng trôi đi nhẹ nhàng. Không lo tiền, không lập mưu thiết kế, không oán ức, ăn rau rút muối mè, cũng thấy ngon. Thỉnh thoảng, một người bạn mới đi chơi về lại gửi cho một vài mớ rau sống, đem nấu suông, hay gia thêm một bánh trứng cáy vào cho đậm, vợ chồng ngồi thưởng thức cảm thấy có một phần ngon hơn ăn yến.

Trời thương, các con chúng cũng ngoan. Tiền không có nhiều, nhưng cũng tạm gọi là có căn có bản. Cả năm làm ăn vất vả, chẳng có lúc nào được rỗi rãi thực tình, sống lại những buổi đầu lưu luyến, anh ạ, hay hôm nào chúng mình đi chùa Hương đi? Tháng Giêng vừa đây, đã đi chùa Trầm rồi, sớm đi chiều về, mệt lắm. Nếu đi chùa Hương, ta phải đi hai ba ngày cho thông thả chớ không đi như năm ngoái, đi sáng hôm trước, chiều hôm sau đã về, lễ Phật không được đầy đủ, nói gì đến chuyện thưởng thức bầu trời cảnh bụi của đệ nhất động Nam Thiên?

Hai mươi mấy năm đã qua đi từ bữa trải hội chùa lần chót ấy, nhưng lòng nào mà quên được cái buổi chiều giữa tháng Hai năm đó, chúng ta cùng ngồi ở trên con đò xuôi bến Đục ngắm những con

cốc bói cá trên dòng nước trong vắn vắt. Kì lạ thay là cái Hương Sơn! Bây giờ, có những đêm nằm thao thức không ngủ được, chợt nhớ đến cái cảnh trập trùng non non, nước nước, mây mây đó, tôi cảm thấy quả là trong suốt một đời tôi chưa từng được gặp một sơn thanh thủy tú nào như thế: đẹp từ cái khe núi, gốc cây, đẹp từ cái ghềnh núi, bụi lau, đẹp từ con chim, ngọn cỏ.

Nhưng bao trùm lên hết, bất cứ cái gì cũng có một tâm hồn, cái gì cũng tiềm tàng một kì bí thiêng liêng làm cho bất cứ ai cũng cảm thấy lòng dịu hiền đi, như sợ một cái gì từ bi lắm, như muốn trút bỏ hết sự đời, như muốn sống cách gì cho thực từ ái, thực nhân đức, thực vị tha để chuộc lại những tội lỗi mình đã phạm.

Từ chùa Trong ra chùa Ngoài, từ đỉnh

núi xuống doanh khời, từ con chim mổ kiến gõ mỏ vào cây kêu cốc cốc đến con vượn ru con như đọc kinh ở khe suối đầu ghềnh, anh cũng thấy đều như nhiệm cái đạo Phật rất màu. Mặc dù từ trước đến khi đó không hề tin tưởng nơi Trời Phật, anh cũng thấy cần phải cúi đầu trước khói nhang thắp lung linh khắp các bàn thờ, trong khắp các động và lẫm thâm khẩn vái đức Phật từ bi cứu vớt chúng sinh chìm đắm trong Ta bà thế giới.

Căng thẳng một niềm tin tưởng, cả hai vợ chồng trèo hết núi này sang động nọ, đi hết suối này đến chùa kia, gần một ngày trời không biết mỏi, gập gù ăn nấy mà cứ thấy ngon.

Ấy là bởi vì lòng nhẹ thênh thang, quên hẳn tục lụy để lại từ bến Đục. Người vợ thức cả đêm ở chùa Ngoài để lễ rồi lại đi hang nửa ngày đường trên

vách núi cheo leo mà hình như đẹp thêm ra: lạ thật. Nếu có lúc nào thấy mỗi, ô hay, không hiểu tại sao chỉ vào một cái cầu, uống một chén nước lão mai lại thấy khỏe ngay, còn cơm ăn ở một cái quán trên đỉnh cao thổi bằng gạo đỏ với một miếng cá kho tương và một bát canh cà chua nấu với đậu phụ rán vàng, tại sao lại ngon lạ ngon lòng thế nhỉ! Có lẽ vợ chồng từ khi ăn ở với nhau chưa bao giờ được ăn một bữa cơm kì diệu, mê li đến thế!

Nâng một chén nước lên miệng uống, rồi nhìn xuống chân núi, bao nhiêu ruộng rẫy bé như thể là bàn tay trẻ con, người đi kẻ lại nhỏ như con ong cái kiến. Mình tự nhiên cảm thấy như đứng sát với trời và nghe rõ ràng hơi thở của vũ trụ bao la, của từng vì tinh tú. Xa xa, một đàn vượn chuyển cành nọ sang cành

kia. Rừng mai, rừng mạn nở trắng xóa cả những đồi núi chung quanh, y như thể một bức tranh tàu chấm phá. Có tiếng chim kêu trong bụi: người bản Thổ bảo đó là tiếng từ quy.

Người vợ ngần ngại không muốn đứng lên. Cảnh đẹp muốn lưu khách lại. Nhưng từ dưới chân núi, một đoàn người mặc quần áo đủ màu xanh đỏ đã cuộn cuộn tiến lên như một đoàn du già nối đuôi nhau để lặn ngòi nơi nước lên cho kì được đến cửa trời.

Hai vợ chồng chống hai chiếc gậy lụi nhập đoàn đi vào Hang Mới, và cùng hòa tiếng “nam mô” với mọi người trong khi nhẹ bước trèo hàng ngàn vạn động đá và chui qua hết động nọ đến hang kia.

Nam vô A Di Đà Phật!

Nam vô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát!

Tiếng nam vô làm chuyển động cả không khí vang lên đến khe núi, đồi cây, dội xuống rừng mai, đồng lúa rồi phản ứng lên trên trời để trời trả lại tiếng vang cho lá cây nước suối.

Ở đỉnh núi đằng kia, sương bốc lên mù mù như khói. Một tiếng gà rừng. Tất cả vũ trụ chỉ là một giấc mơ - Nam vô A Di Đà Phật.

Em ơi, cứ niệm nam vô như thế, ở bên em anh không thấy mệt. Ba ngày trèo núi mà lòng nhẹ lâng lâng - đã đành là tại Trời Phật độ trì, nhưng cũng có lẽ tại anh tin tưởng - tin tưởng rằng những lời khẩn khứa của em ở trong các động các hang, được Phật Trời chứng giám. Em khẩn Trời khẩn Phật cho vợ chồng

ta được sống với nhau đến bạc đầu, dù đói khổ thế nào cũng cam. Anh tin rằng niệm nam vô đi hết hang này động nọ không thấm một thì khẩn Trời khẩn Phật cho vợ chồng được sống bên nhau cũng được Phật Trời chứng giám... Ngờ đâu, chiến tranh lại làm cho bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu lứa đôi chia lìa, bao nhiêu lệ rơi máu chảy, làm cho người xa nhà thui mất cả hi vọng được trở về nơi cố lí, uống lại chén trà thủy tiên, nhìn những người thân mến cũ và ngâm với người thương khúc mặc ai!

Nam vô A Di Đà Phật!

Nam vô Quán Thế Âm Bồ tát!

Ước gì cứ niệm như thế mà được Trời Phật chứng giám thực, thì mình cứ niệm không ngừng để trả cho sạch nợ lưu li, trở về phần tử một ngày - một ngày thôi

cũng được - để kể lại tình tương tư với người yêu bé nhỏ, uống một chén rượu Tây Hồ với miếng cá anh vũ nướng vàng và nằm trong rừng đào Thổ biên thùy nghe hoa đào rụng lá tả xuống vai các cô nàng cưỡi ngựa thồ in bóng lung linh xuống dòng suối trong như lọc.

**Tháng Ba,
Rét Nàng Bân**

Nhưng đến tháng Ba thì trời đất
quả là kì ảo.

Bảo rằng tháng ấy còn rét, không
đúng, mà bảo là hết rét rồi cũng không
đúng nữa.

Trời trong như ngọc, đất sạch như
lau. Ngủ dậy lúc còn tối trời, anh ngồi
uống nước trà đợi sáng, thì uống chưa

xong ấm nước, anh bỗng thấy có những đám mây hồng từ phía đông kéo tới giữa một nền trời xanh ngấn ngắt một màu. Ở đằng sau nhà, chim hót ríu ran, đánh thức những người còn đang thiêm thiếp. Anh mở cửa nhìn ra ngoài thì lá cây sạch bong ra, lóng lánh như ở trong một phim ảnh màu tuyệt đẹp: sương móc ban đêm rửa hoa lá cỏ cây, rửa cả cát bụi trên các nẻo đường thành phố.

Giẫm đôi giày lên trên đất mịn màng, anh cảm thấy cái mát mẻ của đất, của sương vương trên cỏ thấm vào lòng anh y như thể anh đi chân không vậy. Chim vẫn hót ríu ran. Anh nhìn lên trời cười thì từ những đám mây hồng tỏa ra một thứ ánh sáng trắng như sữa, nhẹ như bông, tràn lan trong không khí và úp chụp lấy các lùm cây nội cỏ. Anh tự nhủ: “Hôm

nay chắc năng to”. Anh sửa soạn một bộ quần áo mỏng để mặc cho nhẹ nhõm và dễ chịu.

Thì quả nhiên, đến buổi trưa nắng thực, nhưng đi lên lầu ngủ vừa dậy, anh cảm thấy có một cái gì rất lạ xảy ra. Anh nhắm mắt lại, nằm lặng ngóng, để xem cái tiếng reo ở ngoài vườn vọng lại là tiếng gì mà đến bất thành linh và xôn xao như vậy. Thì ra đó là tiếng reo của gió, của mây, của lá: chính trong khi ta đương mộng về Tây Phàn với mấy cô nàng sơn cước, trời đã chuyển bất ngờ, đương nắng thành râm, và chỉ trong khoảnh khắc, rét cuối Chạp, đầu xuân đã về trên cánh gió, giữa một khoảng trời tháng Ba nắng ấm.

Cái tháng Ba ở Bắc có những ngày huyền ảo như thế đấy. Nếu là người thích ví von, anh có thể ví tháng ấy với một

cô gái có sắc đẹp nghiêng thành nghiêng nước.

Đẹp đến nghiêng nước nghiêng thành thì có quyền làm nũng như Dương Quý Phi làm nũng vua Đường Minh Hoàng: không đau răng cũng nhăn mặt cho thêm xinh, mà vì có đau răng thực thì phải ăn trái lệ chi mà quân sĩ phải rong ngựa đi năm sáu ngày trời mới mong kiếm được. Yêu Quý Phi quá, thì Quý Phi càng làm nũng, mà Đường Minh Hoàng lại càng sủng ái Quý Phi hơn. Thì người Bắc đối với tháng Ba cũng vậy: yêu cái nắng ấm của tháng Ba nhưng cũng yêu cái rét đột ngột của tháng Ba, mà nếu ví dụ trong tháng ấy có ngày nào nắng chói chang làm cho “chó già le lưỡi” thì cũng cứ yêu luôn, yêu không kì quẩn. Người đẹp mà làm nũng thì lại càng đẹp hơn.

Tôi yêu tháng Ba đất Bắc một phần

vì thế và tôi không muốn tin rằng cái rét tháng Ba có thể làm cho “bà già chết cóng”. Tôi chỉ thích nghĩ rằng cái rét đôi khi bất ứng trở về với tháng Ba là một cái rét thơ mộng, cái rét của một trời đầy hương và ngát hoa, trong đó có những chàng trai mặc quần đỏ ngồi bên án sách ngâm thơ, nhưng gặp lúc ngửa nghiêng thì:

Xếp bút nghiên theo việc đao cung

... Giã nhà đeo bức chiến bào,

Thét roi cầu Vị ào ào gió thu...

và những người đàn bà thủ tiết thờ chồng và than khóc một mình:

Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,

Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.

... Đưa chàng lòng dằng dặc buồn,

Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.

Nàng Bân cũng thuộc vào loại chinh phụ đó.

Thương người ở bên trời, ngay từ khi giá rét bắt đầu, nàng đã lo gửi áo rét cho chồng, nhưng...

Nàng Bân may áo cho chồng,

May ba tháng ròng mới được cửa tay,

Lạy trời cho cả heo may,

Nàng Bân chết quách đêm nay cho rồi.

May ba tháng trời mới được có một cái cửa tay, người chinh phụ ấy hẳn là buồn quá cho nên thấy gió rét bất ứng trở về tháng Ba, thương người quan tái, không kịp có áo gửi đi, nàng cầu Trời

Phật cho nàng chết quách.

Hỡi ơi, ở đời này, vào bất cứ thời nào, lại chẳng có hàng triệu nàng Bân! Vì thế nhà thi sĩ không thể không gieo một vần đây lệ:

Chàng bên trời, thiếp ở Ngô,

*Chàng đi nhớ thiếp, thiếp mơ tới
chàng.*

Thư bao nhiêu, lệ bao hàng,

Lạnh về, áo đến tay chàng hay chưa?

Riêng cái tên mà người ta đặt cho cái rét muộn màng đó đã thơ mộng lắm rồi: rét nàng Bân. Nhưng có ai đã từng rét cái rét ấy, sâu cái sâu ấy đôi lần, tất đều nhận thức rằng cái rét ấy còn chứa đựng một cái gì đẹp như thế hay hơn thế: đàn bà, con gái trời đã cho xinh đẹp gập cái rét

nàng Bân tự nhiên đẹp trội hẳn lên, như thể có một chiếc đũa thần làm biến đổi cả máu huyết, màu da, con mắt, miệng cười, tiếng nói. Từ xa, ta cảm thấy người nào cũng thơm thơm như những nụ tầm xuân.

Vào tháng Chạp, tháng Giêng, tức là vào cái cũ rét đầ, rét lộc, không khí có lúc hanh hao, khô ráo làm cho má và môi người đẹp nẻ ra thành những vết chân chim bé nhỏ. Đến cái rét này thì khác hẳn: tự nó đã đẹp và nên thơ, nó lại còn làm cho má và môi của đàn bà con gái cũng nẻ, nhưng da không nứt rạn mà chỉ ửng hồng lên như thể da một trái đào tơ mịn màng mơn mớn, làm cho chính Liễu Hạ Huệ có sống lại cũng phải bắt thềm...

Cỏ cây mây nước thấy người ta, trong tháng ấy, tự nhiên đẹp rực rỡ lên,

đẹp nảo nùng, hình như hờn giận và cố ganh đua để cho xanh bằng người, thắm bằng người.

Từ tháng Giêng, cây cối bắt đầu nảy lộc nhưng đến tháng Hai lá non mới bắt đầu lộ ra và hoa cũng bắt đầu hé mở nhụy thơm không còn ngậm ý, giấu tình như trước nữa. Đó là mùa “lá bàng tai trâu, sầu đâu chân chó”: trên các cành bàng, lá non hé mở và cuộn lại, chưa bung ra hết, y như thể tai trâu, còn cây sầu đâu thì vào khoảng này cũng trở lá non nhưng chúm lại với nhau thành một hình tròn trông giống hệt vết chân con chó để lại trên mặt đất, sau một đêm mưa tuyết.

Cũng như người con gái dậy thì lớn lên và đẹp không ai biết, chỉ vào khoảng cuối tháng Hai, đầu tháng Ba thì lá bàng, lá sầu đâu nở bung ra. Nhìn lên, lá non xanh màu cốm giót dún dầy đu

dưa một cách đa tình, làm cho người đa cảm tưởng tượng như cây cối giờ những khăn tay bé nhỏ xanh xanh, vàng vàng ra chào mừng, vẫy gọi... Đến cuối tháng Ba, lá bàng sum sê che kín cả đường đi học. Dọc theo con sông đào chạy ngang cách thôn xóm ở Vụ Bản, Hải Hậu... những cây bàng đứng soi bóng xuống sông đào chạy dài tít tắp hàng chục cây số trông như thể một cái tàn bất tuyệt, khổng lồ. Đứng ở dưới nhìn lên, mình cảm thấy đứng ở trong một cái hang kết bằng lá non và không thể không nhớ lại lúc nhỏ còn đi học, sân nhà trường chi chít gốc bàng...

Đó là những cây bàng nguyên giống, chớ không lai căng như những cây bàng mà ta thấy ở đây, mọc cao vun vút và tua tủa lên trời. Bàng chính thống cao lên chừng hai sải tay thì lá xòe ra như cái

tán, kiểu cây trứng cá, lá to xanh điểm những nốt vàng màu đậm. Lá ấy dùng để nhuộm hàng thì hàng đen không chịu được. Nhưng cái tuổi lên chín, lên mười đâu có thèm biết nhuộm là gì. Sự mê thích của đứa trẻ nổi tiếng phá phách là tôi hồi ấy, mỗi khi tới mùa bàng, là trèo lên cây đi tìm tổ chim bạc má vì giống chim này ưa làm tổ trong những cái lá bàng cuộn lại và lấy dãi làm chỉ “khâu” hai đầu nối lá lại với nhau.

Trong khi đi bắt tổ chim như thế, các cậu bé thỉnh thoảng lại “vớ” được một cái sâu kền thì sướng như điên. Lấy que đẩy con sâu ở trong tổ nó ra bóp giật một đầu lại, phùng mang trợn mắt lên thối toe một tiếng, anh cảm thấy mình là một tên tướng thối kền hiệu xuất quân. Anh chạy khắp nhà, thối âm cả lên, ăn không biết bao nhiêu chổi lông gà vào

đít, nhưng có sâu kèn trong túi, không dùng không chịu được, anh lại toe vài tiếng nữa... Chết thì thôi. Cái tuổi ấy đâu có ngán đòn, ngán chửi!

Bị đánh lăm thì phản đối cha mẹ một cách tiêu cực, móc túi ra lấy một vốc quả bàng để ăn. Bàng, ngon nhất là bàng quế, hột đỏ như son, thơm có khi còn hơn cả đào: đào để gần mình mới thấy thơm chớ vớ được một trái bàng quế thì, nói thực, để cách xa mình cả một hải tặc, đã ngửi thấy mùi thơm phưng phức!

Nếu không kiếm được bàng quế, cố mày mò, thám thính vớ được trái bàng đực ăn cũng mê ly hết sức: bàng cái nhiều hơn và mọc từng chùm, chớ bàng đực thì có cái phong thái đặc biệt “anh hùng độc lập” đứng một mình một chỗ, không thềm kéo bè kéo đảng với ai. Bàng đực có trái to bằng nắm tay đứa trẻ.

Những người không sành thường nghĩ bàng ăn chất. Thực ra, vớ được một quả bàng đục, nhất là bàng quế, cắn một cái ngập răng, nhai thủng thỉnh, còn ngọt hơn cả cam hay táo. Nếu ăn hết một trái mà anh thấy còn thèm thì lấy hòn đá đập cái hột ra; anh sẽ có một cái nhân bùi như nhân trám; và có nhiều, đem đồ xôi trước cúng cụ, sau ăn thì tuyệt.

Có người bảo cây đa cây đề là cây tiêu biểu của nước ta. Riêng tôi thấy cây bàng là thứ cây đặc biệt nhất: cành lá đã sum suê, đứng xa trông về lại đẹp; mặt khác, cả cái cây từ lá cho đến rễ, từ búp cho đến cành đều dùng được việc, không có một cái gì bỏ phí.

Còn cây sấu đâu? Cây sấu đâu cũng vậy. Lá, đưa ngâm ngoài ruộng xâm xấp nước cho ả rồi đem bón nhất định là hơn hẳn phân hóa học, còn thân cây

cổ chăm nom cho thẳng, dăm bảy năm hạ xuống làm cột nhà, bóng cứ lộn lên mà mỗi chỉ còn cách trông mà khóc vì không thể nào đực nổi! Thế nhưng tại sao người ta không gọi sầu đâu là xoan ta, lại kêu bằng một cái tên buồn như thế? Phải chăng là tại vì cây này trong héo ngoài tươi, tượng trưng cho những người đẹp u buồn, ngoài miệng thì cười mà thực ra hàng bữa vẫn chan cơm bằng nước mắt?

Cũng vào khoảng cuối tháng Ba, các cây sầu đâu mọc ở các vùng quê Bắc Kỳ đâm hoa và người ta thấy hoa sầu đâu nở như cười. Hoa nhỏ bé, lấm tấm mấy chấm đen, nở từng chùm, đu đưa như đưa vông mỗi khi có gió. Có người cho hoa đó là một thứ hoa không vương giả như hoa đào, phong lan, mai mận... Nhưng các cụ thực biết thưởng hoa lại

quả quyết không có một loài hoa nào thơm một cách chân thật, quê mùa như thế. Bây giờ nhắc đến loại hoa này, tôi vẫn còn nhớ in những buổi chiều vàng đi thơ thẩn về miền quê, bỗng lạc bước tới một vùng cát trắng ở Xuân Trường, Hải Hậu, ở Phố Cát, Lương Đường, ở Bình Thủy, Mai Động... san sát những căn nhà nhỏ bé xanh um cây cối, trắng xóa tường vôi, mà nhà nào cũng có vài gốc sầu đâu vượt lên như ngạo nghễ khoe với trời cao ngất ngất những chùm bông phơn phớt màu hoa cà êm êm.

Hỡi ơi du khách đa xuân tú! Tôi đồ anh nhìn thấy những cái cây mảnh mai yếu điệu mang từng chùm hoa diễm kiều như thế mà lại không dừng chân đứng lại! Tự nhiên anh thấy tim anh nhoi nhoi.

Ở đời thỉnh thoảng ta lại có cảm giác như thế mỗi khi sung sướng quá, mỗi khi

yêu nhiều quá. Yêu hoa sầu đâu không để vào đâu cho hết, nhớ hoa sầu đâu ở quê hương ta không biết mấy mươi! Người mắc bệnh lưu li đã xa cách phần tử mấy chục năm rồi mà lạ thay sao cứ đến tháng Ba, nhớ đến sầu đâu mình vẫn cảm như còn thấy thoang thoảng đâu đây một mùi thơm mát mẻ, dịu dàng, mát mẻ còn hơn cả hương cau, mà dịu dàng có khi hơn cả mùi thơm hoa mộc! Mùi thơm huyền diệu đó hòa với mùi của đất ruộng cấy vỡ ra, mùi đậu đã già mà người nông phu đi hái để đem về phơi nắng, mùi mạ non lên sớm xanh màu hoa lí và đẹp như những bức tranh lập thể, mùi khoai sắn, mùi rau cần ở các ruộng xâm xấp nước đưa lên... bao nhiêu thứ đó, bấy nhiêu thương yêu... có phải đã có một lúc anh cảm thấy như ngây ngất, như nhức đầu, như say một thứ men gì phải không?

Anh cứ muốn lạc bước đi như thế mãi để uống cái hương thơm của quê hương vào tận tâm can tì phế. Ấy đó, người Việt trầm lặng như thế đó, có cần gì phải tìm những thú vui đắt tiền - mà ví có tiền thật nhiều đi nữa, chắc gì mỗi lúc đã mua được để mà thụ hưởng? Chúng ta tự hào về điểm đó cũng như ta tự hào ăn không cần no mà cũng chẳng phải nghiên cứu xem có đủ sinh tố trong các món ăn không; ở không cần bin đing mà cũng chẳng cần phidide hay máy điều hòa không khí, chỉ làm cho người ta dễ bệnh; mặc không cần thời trang gì hết, cốt sao che được thân mình cho khỏi nóng lạnh mà miễn sao cho vãi vóc bên thì thôi, cần gì tơ bóng, cần gì xoa nhung, cần gì lụa Thái Lan hay ca tê của Mỹ! Người Việt Nam chỉ cần có một điều là yêu thương mọi người và không muốn cho ai ghét như bệnh dịch. Một

lời chào hỏi đậm đà; một miệng cười niềm nở; một bữa cơm thanh đạm dọn vội vàng để mời người khách phương xa ăn đỡ lòng: quý hóa biết bao nhiêu, tình tứ biết bao nhiêu, thương cảm biết bao nhiêu, cần gì phải mâm cao cỗ đầy, cần gì phải rượu ngoại quốc ngon, chiêu đãi viên đẹp, cần gì phải theo rằm rắp nghi lễ giả dối, đen bảo là trắng, xấu bảo là tốt, dở bảo là ngon.

Có ai đã từng dự những bữa tiệc ở những nhà hàng cao mười tầng lầu, nuốt một cách khó khăn những món casulê giá hàng ngàn một đĩa, ăn những cái bánh ngọt đầy tú hụ hạnh nhân, đường, săngti và mứt... tất cả đã thấy rằng nhiều khi ăn một bát phở xe đậu ban đêm ở ngoài đường lại ngon hơn, uống một chén nước trà tươi thật nóng, rít một hơi thuốc Lào thật say lại thú hơn rồi nhẩn

nha thường thức một đĩa bánh chay hay nhấm nhót mấy cái bánh trôi lại làm thỏa mãn ông thần khẩu hơn.

Giữa bầu không khí thơm ngát hương sấu đầu ấy, anh thử bảo người nhà hái về mấy ngọn rau cần đầu mùa, nấu một bát canh với tôm he mà ăn với chén cơm gạo vàng xem có phải anh thấy đúng in những cảm giác đó không? Rau cần là một thứ rau rẻ tiền cấy trong ao, cứ đến giữa tháng Ba thì tốt lá, dài rễ, nhổ lên ăn ngay thì ngọt lừ, khó có thứ rau nào sánh kịp. Nếu nấu canh mãi chán, anh có thể xào rau cần với huyết heo bóp nhỏ, hay muốn cầu kì hơn một chút thì xào với lòng heo, thịt bò. Rau cần, với cải bắp cho một tí rau răm vào, muối xối, lấy ra ăn với thịt đông hay kho tàu, nó lạ miệng và có khi thú hơn cả dưa cải nữa... Nhưng ăn cháo ám mà không

có rau cần thì... hồng, y như thể là vào một khoảng vườn mà không có hoa, đi trong mùa xuân mà không thấy bướm.

Tháng Ba mà không có những ao rau cần xanh ngăn ngắt, tươi hơn hớn không phải là tháng Ba Bắc Việt.

Gió xuân mơn cánh hoa đào,

Mưa xuân phấp phới trên ao rau cần.

Ấy, đất nước này chỉ đẹp giản dị thế thôi, hiền lành thế thôi, ai muốn nói thế nào thì nói chớ dân nước chúng tôi vẫn nhận là đẹp nhất thế giới, đáng yêu nhất trần hoàn. Đố ai chê được! Đố ai cướp được!

Cha truyền con nối, đời nọ qua đời kia đã truyền cho nhau nên từ đứa bé mới ra đời cho đến lão bà sắp chết, ai cũng lưu luyến quê hương và không nói

ra lời mà ai cũng cảm thông cái đẹp mộc mạc, thần tiên đó. Càng đẹp hơn nữa là những ngày tháng Ba làng nào cũng có hội hè đình đám, đèn chăng lá kết rợp trời, hương án, quạt cờ la liệt. Đó là mùa tế thần, tế thánh, mùa rước kiệu của cả Phật giáo lẫn Công giáo, mùa đánh cờ người, cờ bỏi, mùa rước sắc, mùa chọi gà, chọi cá, nhưng quyến rũ nhất và đặc biệt nhất là những cuộc đấu vật ở Hà Lạng, Trà Lũ, Hoàn Nha, Mai Động...

Bây giờ, ngồi trong nhà xi-nê chật hẹp ở cái xứ sở đáng yêu bốn mùa nắng chói, xem những tay “su mô” đấu “păng cờ rút” bẻ đầu, bẻ cổ, bẻ chân, bẻ tay nhau oanh oách, tôi thích mơ về một thuở thanh bình xưa cũ, cứ vào khoảng tháng Ba thì lại đội một cái mũ dạ bẻ cụp, mặc “tờ reng cốt” hút thuốc lá “com-măng-đơ” đi về Mai Động xem thi vật.

Cái lối vật này đâu có dữ dội như lối vật tai ác quái quỷ của các võ sĩ mà ta thấy trên màn bạc vào cái lớp phim gọi là thời sự, dưới mục đề “thể thao”. Các đô tranh giải không to béo như trâu trượng, người nhung nhúc những thịt là thịt, nhưng to lớn, trượng phu, cổ to, bắp thịt nổi cùng mình, đứng bái tổ mà người ta ngỡ là thần Dớt xuống trần hay Hách Cửu sống lại.

Bây giờ ngồi nghĩ lại những tay đô ấy, thực quả tôi không biết bắt đầu từ đâu và nói thế nào cho hết được cái mê say, cảm phục của tôi hồi đó. Tôi chỉ biết rằng nếu tôi nhắm mắt lại, đến tận bây giờ, tôi vẫn còn mơ tưởng được cái màu da đỏ như táo Tàu của họ, những bắp thịt ở tay lúc thường mà chạy đi chạy lại như con chuột và cái bụng lép kèm kẹp cũng có những bắp thịt chạy dọc

chạy ngang. Tôi nhớ một tay đô nhất, vô địch Hải Hậu, Xuân Trường, Giao Thủy... tên là Cả Thuyền biểu diễn sơ sơ mà bóp nát cả một cái giàn làm bằng những ống luồng to như cái chĩnh muối cà; tôi nhớ Ba Xuyên dọa người đứng xem, móc mười ngón chân xuống mà xúc được một đồng đất thó rần như đá tung lên trời; và tôi nhớ cả nữ đô Tô Thị Hằng vật nhau một buổi với chín đô đàn ông bằng những phép “cuốn chỉ”, “ra ràng”, “vào tay tư”, “bắt bò” biến hóa như thần mà đến lúc lĩnh giải vẫn cười nói thông thả như một người mới đi chơi mát về.

Ôi, tháng Ba đầm ấm ngày xưa, tháng Ba tươi tốt, người đã tị mù tăm tích! Biết bao giờ ta lại còn nghe thấy tiếng trống giục các đô vào trận, biết bao giờ ta lại được trông thấy những tay vật nhà nghề bắt bò thần tốc, khóa chân tay

nhau rồi vật chống chân lên trời! Ta vốn ghét những kẻ võ biền, hạ nhau tàn ác; ta ghét “păng cò rát”, quyền Anh, nhưng thú thực đến cái vật của Việt Nam thì ta phải nhận là thượng võ chính cống; là thi tài nhưng không hung ác, điên rồ; là tiêu biểu được hết cả tính của dân ta, phàm thấy ai đã ngã thì thôi không đánh nữa, trái lại, lại còn đến gần, chấp tay xá mà nâng dậy.

Ở Bắc Việt, tháng Ba có Tết Hàn thực kiêng dùng lửa, chỉ ăn ròn đồ lạnh, ngoài ra lại còn biết bao nhiêu hội hè, mà hội hè nào cũng ý vị, mà cũng nên thơ, mà cũng hấp dẫn người ta như thế, thì bảo làm sao, xa nơi phần tử lâu ngày, người mắc bệnh tương tư kinh niên lại không thương không nhớ và không muốn nhờ én nhận gửi về cho xứ sở, vợ con một ít nỗi niềm đau xót?

Đau xót nhất là không biết vợ con
bây giờ ra thế nào? Từ ngày chia rẽ mỗi
tơ thì ra sao?

Đã cay đắng nhiều đường rộn rã,

Lại nhục nhằn đến cả vợ con.

Mấy năm chút nghĩa ôn tồn,

*Gieo đào trả hận lòng còn băng khu-
âng.*

Đường kia nọ, nửa chừng bẽ bộn,

Nỗi trước sau, trăm món ngổn ngang.

Mắt kia thác cũng còn giương,

*Hồn kia muốn dứt, còn vương nỗi
này.*

Có một lúc có tin đồn ở Vĩnh Phúc,

mấy tháng sau lại thấy nói đã lên ở thành Tuyên. Tuyên thành! Chẳng phải đó là nơi chúng ta đã cùng theo kháng chiến lên ở một đạo hay sao?

Em ơi, em ơi, nhắc lại như thế thì nhớ quá. Nhớ cũng đúng vào cỡ tháng Ba như thế này, vào một năm đã xa xôi, chúng ta cùng nhịn đói đi xem tung còn mà bụng thấy no, phải không Quý?

Dăm cô con gái chưa chồng,

Hội tung còn đến, thấy lòng nao nao.

Các cô gái chưa chồng thấy lòng nao nao, nhưng chúng ta thì thấy lòng rộn rã còn vui hơn cả trai thanh gái lịch người Thái vận đủ các thứ quần áo mới, mang đủ các màu chói lọi trên người, đi tung còn để bói quẻ đầu năm.

Thực ra, từ tháng Giêng trở đi, ở

miền thượng du, trai gái người Thái đã bắt đầu đi tung còn rồi; nhưng vui nhất là tháng Ba vì lúc đó là mùa “hoa bướm” đổ xuống bờ cỏ bụi cây, trai gái kéo nhau đi tung còn, hoa bướm¹ rơi xuống đầy vai, đầy đầu, trông xa xa như thể trời rắc “công-phe-ti” xuống mặt đất để chia sẻ nỗi vui của lớp người trẻ tuổi yêu nhau.

Đứng xem trai gái tung những quả còn tròn bọc vải ngũ sắc có đính cái đuôi dài lên những cái vòng tròn cạp giấy hồng điều, thấy họ rướn người, giơ tay lên trời, anh còn nhớ chính em đã nói “trông họ đẹp như tiên vậy”.

Hội tung còn của đồng bào Thượng là một hội để cho trai thanh gái lịch gặp nhau, nói lên sự yêu thương, để cho anh con trai tỏ tình với cô con gái và để cho cô con gái khoe sắc khoe tài với cậu con

1 Một loài hoa ở mạn ngược, lúc rơi xuống như bướm bay.

traí, nhưng thực ra nó là một cuộc bói - bói nhân duyên. Cô nào mà tung còn được trúng vòng nhiều thì sẽ gặp may, tốt may xanh tóc, cặp nào tung còn được điểm nhiều thì năm ấy sẽ được đẹp lứa vừa đôi. Tất cả, đó là một cuộc bói như đầu năm ta bói tuồng hay bói Kiều và có một vài cô người Thái, da trắng như trứng gà bóc, mình đẹp như tượng Vệ Nữ thần, quả quyết rằng bói như thế trúng lắm, trăm lần họa chỉ sai có một hai.

Ở Tuyên thành, bây giờ em có lần nào trở lại xem hội tung còn ngày trước nữa không? Phải chi én nhận biết nói tiếng người như trong truyện thần tiên, thể nào ta cũng cấy chim, cấy cá nói nhỏ vào tai người yêu một câu thương nhớ và xin với nàng ghi dạ đừng quên:

– Người yêu ơi! Nếu có dịp xem hội tung còn, em nhớ khâu còn và cũng tung

thủ vài hội xem sao nhé. Tung thủ để bói
xem trời bể cú mông mênh thế này thì
đôi ta biết có còn giữ được mối tình tư
quy² lúc bề cảnh liễu ở chân gò Mả Đỏ?

2 Tư quy: nghĩ đến sự trở về, theo câu thơ của Cao Bá Nhạ.
Trông về, trời bể mông mênh,
Lúc đi còn vương mối tình tư quy

**Tháng Tư,
Mơ đi tắm suối Mường**

Chẳng biết ăn cái trứng nhạn vào thì có mát lòng mát dạ được tí nào chẳng, chớ thật tình ở miền Nam yêu quý, sang đến cái tháng Tư này trời nóng quá, ăn gì vào miệng cũng không ngon.

Anh cứ thử tưởng tượng một con lộ dài như đường Công Lý chẳng hạn, chạy từ Chợ Cũ cho đến Tân Sơn Nhứt, sơ sơ

cũng mười cây số dài, vậy mà chỉ có vài chỗ có ba cái cây cho ta bóng mát còn thì toàn là nắng, nắng suốt ngày, nắng như điên, thế mà anh lại lên cơn yêu Sài Gòn muốn đi nhớn nha ngắm cảnh thì khỏi phải ước đoán, lúc về, nếu không thành lợn quay ít ra anh cũng “trúng”, phải cạo gió rồi uống Cà phê tã, Cà phê tã vài ba phong là xoàng.

Miền Nam mền thương ời, thương mền miền Nam thì lúc nào cũng có thừa, nhưng muốn tìm những lí lẽ độc đáo để khen cái nắng chói chang ấy thì quả thực không thể nào khen nổi. Ấy là tại vì nắng khổ đến thế nào cũng vẫn cứ chịu được đi, nếu mình không dư tiền để đi nghỉ mát Vũng Tàu, Long Hải; nhưng bức nhất là có hôm đang nóng võ đầu sát tai như thế thì trời lại giáng một trận mưa đột ngột làm cho nhiều khi không

kip tìm một nơi ẩn trú, cứ phải đi đại ngoài đường như một triết nhân, mặt mũi tèm lem, quần áo lứt thướt, mà về đến nhà thì sổ mũi nhức đầu, ớn ớn lạnh nơi xương sống. Cái bệnh tê thấp chẳng biết có phải một phần phát sinh vì mưa nắng thất thường, vì khí hậu ở đây nóng ghê nóng gớm mà bên trong thì lại ẩm thấp chẳng? Mình vào ở đây thấy tê thấp nhiều quá cũng đâm ra trợn, ăn thức gì cũng phải nghe ngóng xem sao, mặc dầu ai cũng biết miền Nam yêu quý có nhiều món ăn đem lại cho người viễn khách những hương vị tân kì độc đáo.

Gió đưa gió đẩy, về rẫy ăn còng,

Về ruộng ăn cá, về đồng ăn cua.

Cua cá nhiều, hình như cũng chẳng lợi lắm cho người tê thấp cho nên người Bắc sành ăn vào đây chỉ mơ ước có một

thứ trứng nhận mà thôi. Nhưng mơ là một chuyện mà được ăn lại là chuyện khác, có phải người nào muốn ăn cũng được ăn đâu. Đó là vì vào tháng Tư, ở miền Nam, tại các đảo ven bờ biển trong vịnh Thái Lan có những khu rừng sác trù mật mà các loài chim biển thường về làm tổ và sinh con đẻ cái. Đó là mùa chim nhận đẻ trứng...

Tháng Tư cơm gói ra Hòn,

Muốn ăn trứng nhận phải lòn Hang Mai.

Đồn rằng ăn cái trứng nhận này mát ruột mà lành, hạ đờm mà lại thông tiểu tiện nên nhiều người vào đây ao ước lắm, nhưng vì không thuận tiện trong sự giao thông một mặt, lại không thể lòn Hang Mai mặt khác, nên đành cứ phải sống nhằn ở thủ đô ăn cơm gạo Mỹ hột tròn chín trăm đồng một tạ và uống rượu với

xoài xanh hay mạn rồi nằm gối đầu tay không nhìn én nhận bay qua như Cao Bá Nhạ mà lại nhìn sang cái mái tôn nhà hàng xóm suốt ngày vắn ra đi ô nhức óc và dăm thì mười họa mới thấy trời, khi nào Mỹ thả hỏa châu trong đêm tím.

Không. Nói thế mà thôi, chớ anh nào nghiện trái cây thì ở đây cũng thú vì anh có thể ăn xoài xả lảng - mà đủ các loại: xoài cát, xoài tượng, xoài ang ca, xoài roi; đủ các thứ: xoài chín cây, xoài nhuộm, xoài ngâm khí đá - ăn mạn kì thích thì thôi. Thêm nữa, lơ tu ma ăn ngon như bơ mặc dầu hơi bí và ghen cổ nếu ta ăn hơi hấp tấp; vú sữa từ Giêng Hai đến tháng này vẫn còn đầy rẫy trong chợ, bên lề đường; anh làm ba li nhậu với các thứ đó và nhìn ra trời nắng chói chang, lấy tay bóp lấy đầu vì nhức quá và ngâm một bài “Bạch Tuyết thi”, ấy thế mà cũng

có lúc tưởng mình là một thú tiên ở hạ giới rồi.

Ấy là nói những lúc anh cao hứng vì có rượu nó “đưa” đi, mình cảm thấy hùng hồn phấn khởi. Về nhà, lăn ra giường ngủ một giấc thật dài, đến khi tỉnh dậy thì thấy trăng chiếu vào giường. Anh nhớ lại bài thơ cũ:

Thấy trăng chiếu đầu giường,

Tưởng mặt đất mờ sương,

Ngừng đầu nhìn trăng sáng,

Cúi đầu nhớ cố hương.

Anh nhớ cố hương không phải là không có cơ. Vào cỡ này, ở Bắc Việt, trời cũng bắt đầu nóng, nhưng không nóng như thế này. Cái nóng ở Bắc cũng làm cho rôm sảy nó đốt người ta một cách

khó chịu, nhưng đương đi ngoài nắng mà vào chỗ râm thì da thịt ta cảm thấy bình thường ngay, chớ không điên cuồng, rồ dại lên. Anh muốn tắm, và tắm thì thấy mát da mát thịt liền. Ở đây, có khác: anh đương nóng, nghĩ bụng về đến nhà phải tắm liền, nhưng vừa cởi quần áo anh thấy sồn gai ốc, và có khi suy đi nghĩ lại một chút, có người ngại mà thôi không tắm nữa, đợi đến hôm sau cũng được.

Nói về mấy cái thú ở đời, có nhà thi sĩ đã cho cái tắm là một cái thú ngang với cái thú đi chơi những vùng đất đẹp mùa xuân, cái thú uống rượu hoành hoa mùa thu và cái thú ngâm thơ bạch tuyết mùa đông. Người tỉnh rượu lúc canh tà, nhìn trăng rồi cúi đầu nhớ cổ hương, lúc ấy thêm cái thú tắm suối của một ngày xa xôi ở xứ Mường vùng Việt Bắc, thèm không biết thế nào mà nói.

Đó là những ngày tay chống gậy, vai mang ba lô, anh lang thang trên các nẻo đường đất nước để sống cái đời lí tưởng: vừa hôm qua mới ở Đới Đệp ngủ trên mặt đất lạnh, ăn tô phở vịt thì chiều hôm sau đã ở trên đỉnh núi vùng Hoàng Su Phì với một gia đình Mèo; sớm ngày vừa thấy ở trong một thung lũng Ngũ Châu thì chiều tối đã ngồi hút thuốc vệt ở Thường Sơn, Cẩm Thủy.

Làm sao mà quên cho được những ngày sống từ Hòa Bình đến Ngũ Châu, Lang Chánh, Quảng Hóa, Bái Thượng, Ngọc Lặc... Vào cái khoảng tháng Tư này đây, trời bắt đầu nóng, ngày nào mình cũng đi tắm suối ở xứ Mường và cho đến nay vẫn còn ghi ở trong lòng biết bao nhiêu kỉ niệm xanh một màu núi tím, nước xanh. Cứ vào giờ ngo, trai gái dắt nhau đi tắm, máng nước bắc từ trên

đỉnh núi xuống. Con gái Mường, con trai Kinh vậy vùng trong những vùng nước ở chân núi, trông xa y như thể là thần tiên cổ Hi Lạp tả trong tập “Tiếng hát nàng Bilitis” của Pierre Louÿs: nước thì xanh, núi thì tím, hoa trên sườn núi đỏ màu cánh sen mà các cô nàng thoát y lại trắng như ngó sen, tóc rủ xuống lưng, đen như mực tàu... Người con trai Kinh lạc loài vào giữa các tiên nữ ấy, thoát đầu thấy ngượng ngùng, nhưng sau quen đi cảm thấy ghiền tắm suối và không ngại đùa giỡn và té nước vào các cô nàng vây lấy anh ta như trong một hội hoa đăng trên thượng giới.

Ông thi sĩ nào đó từng đề cao cái thú tắm Lục Hà Trì mùa hạ không biết có được hưởng thụ cái sướng tê người của anh chàng văn nghệ Bắc Việt không, chứ tắm như thế đổ ai mà không nghiện.

Muốn cách gì, cứ đến trưa là phải lo sửa soạn đi tắm rồi, không thế thì không chịu được: Tắm như thế không phải là tắm cho cái thân thể tục tằn này, nhưng tắm luôn cho cả đôi mắt, tắm nốt cả cái tâm hồn phiền toái của mình vì vừa tắm, vừa ba lơ, vừa trò chuyện, mình mới thấy cô gái Mường đáng yêu biết chừng nào, chân thực biết chừng nào. Bất cứ cái gì cũng làm cho cô sung sướng và cười lăn cười lộn: một miếng xà phòng, vật thủ có là bao, nhưng đem cắt từng miếng nhỏ bằng ngón tay biểu mỗi cô một miếng thì đã là cả một trời hạnh phúc.

Cô nào cũng muốn tắm cho anh và cô nào cũng có một đôi ba điều để chỉ bảo cho anh biết: chỉ có người Mường tắm thế này thôi, chớ người Mán không có tắm nhiều, còn người Thái ở trên đỉnh núi cao từ thuở bé đến già không có tắm

nước mà toàn tắm cạn, nghĩa là chỉ lấy khăn lau mình mà thôi.

Cũng nhờ vì tắm suối được các cô kể chuyện, tôi mới thấy rằng cái phép tắm hơi, tắm tuyết không có nghĩa gì, mà cả cái phép tắm bằng sữa, tắm bằng dầu thơm của các ông hoàng bà chúa hiện nay không nước mẹ gì so với các cô nàng cao cấp người Mường ngày trước: đi tắm, các cô có chừng mười, mười lăm nữ tì đi theo, kẻ mang quần áo, người mang gương lược. Cái suối tắm được vây kín lại. Tắm xong, thị nữ đưa cô nàng vào một nhà mát dựng lên gần đó, đặt lên một cái ghế cao bằng trúc mà chỗ ngồi có đục sẵn những lỗ thông hơi. Trong khi kẻ chải đầu, người xoa nắn, một vài thị nữ khác đã sửa soạn sẵn một lư hương cổ đặt ở dưới ghế; trong lư hương, có đốt trầm, rễ nhang bài và nhiều thứ hoa

thơm khác phơi khô, tất cả cháy riu riu, âm ỉ, đủ cho một ngọn khói nhẹ nhàng bốc lên, lọt qua ghế trúc để thấm nhuần vào da thịt, vào lòng, vào tóc của cô nàng... Ngày nào tắm, cũng cứ phải đủ nghi thức ấy. Lần lần, toàn thể da thịt, lông tóc của cô nàng thành ra một thứ trầm hương thực thụ đến nỗi không cần phải “thực thi”, chỉ nghĩ thôi, mình cũng đã thấy người đẹp trầm xông xạ ướp đó mát rờn rọi đến chừng nào và bất cứ ngửi vào đâu cũng thơm biết ngần nào...

Nghĩ đến thế, không tài nào ngủ được, mà lại càng thấy người mình đã nóng, lòng ruột mình lại càng nóng thêm lên. Bao nhiêu chuyện xa xưa vớ vẩn ở đâu kéo lại, giăng tơ trong óc mình như mạng nhện.

Phải rồi, vào mùa này đây, hoa gạo bắt đầu nở đỏ chói ở ven hồ Hoàn Kiếm,

rơi xuống nước xanh, rụng xuống cỏ xanh; ve sầu lột cánh đã kêu rền rền vào buổi trưa; và cứ chiều chiều dân Hà Nội kéo nhau đi dạo quanh hồ, trải chiếu lên cỏ hay dắt nhau đứng giữa cầu Thê Húc nhìn ra những phố Bôn Be, Tràng Tiền hay Hàng Đào, Ngõ Hồ, Cầu Gổ lập lòe nghìn vạn con mắt điện màu sáng chói.

Tháng Tư đầu mùa hạ,

Tiết trời thật oi ả.

Tiếng dế kêu thiết tha,

Đàn muỗi bay tới tả.

Nỗi ấy tỏ cùng ai,

Tình này buồn cả dạ!

Mấy câu thơ ấy, học thuộc lòng khi còn nhỏ bé ở một ngôi trường trắng giữa phố Hàng Vôi - không biết có phải của cụ

Bảng Mộng không nhỉ? - chẳng hiểu tại sao đêm nay lại đến với tôi? Mà tại sao có lúc tôi quên phứt mất rồi, mà đêm nay tự nhiên lại nhớ lại rành mạch không quên một chữ?

Nhớ đến như thế, tức là nhớ lại cả một thiếu thời lúc còn mặc cái áo ma ga đi học, vừa đi vừa tung chiếc giày da Đức Mậu lên trời vì đi giày nóng chân quá, giẫm đất nó thành thoi, mát mẻ hơn. Ô, “tiết trời thật oi ả” nhưng tại sao chỉ vì thấy “tiếng dế kêu thiết tha” và “đàn muỗi bay tơi tả” mà cụ Bảng “buồn cả dạ” và không biết “tỏ nỗi ấy cùng ai”? Đến bây giờ nằm nghĩ lại một cách thông minh, thấu đáo, tôi thấy không vô lí gì hơn, vì nhớ đến “tháng Tư đầu mùa hạ”, tôi không thấy buồn một chút nào.

Tháng Tư của miền Bắc ngày xưa, tháng Tư yêu dấu có nóng, có oi, có dế

kêu, có muỗi đốt nhưng tất cả những cái đó có thấm vào đâu với những buổi bình minh nạm vàng, mở mắt ra nhìn lên cao thì thấy mây bay thong thả như trời khảm bằng xà cừ, gió hây hây mát, mở cửa đi ra đường thì cảm thấy cả trời đất trong như là pha lê mà cái thân mình nhẹ tênh tênh như là có cánh.

Anh có thể đi dạo như thế chừng nửa tiếng đồng hồ rồi mới về tắm rửa và làm công chuyện. Đời ngọt ngào trầm lặng và thong thả. Chừng chín mười giờ, nắng hoe lên, trời bắt đầu nóng nóng, nhưng đời sống trầm lặng không làm cho anh đổ mồ hôi, sôi nước mắt. Vừa làm việc, anh vẫn có thì giờ pha một ấm nước trà tàu để nhấp giọng cho đỡ khát nước cả ngày. Anh có thì giờ trò chuyện tâm tình với các bạn quen và nếu anh mệt, tôi mời anh làm như tôi khi còn nhỏ, bắc một cái

chõng tre, tìm một chỗ mát nhất trong nhà, ngửa mặt nhìn lên trời xem mây bay, ăn củ khoai lang vàng đầy nhựa rồi thiu thiu ngủ lúc nào không biết...

Êm ái thay những giấc ngủ sáng tháng Tư có gió mát đem lại cho ta những giấc mộng thiên thần. Cứ nghĩ rằng người ta ở đời chịu bao nhiêu khổ lụy, lo bao nhiêu thứ “bà già”, trải bao nhiêu nỗi buồn thương vô nghĩa, rồi rút cục lại làm nên thiên tử đỉnh chung, giàu thiên ức vạn tài, buông xuôi hai tay xuống cũng là hết, hết cả, không hơn gì một anh nghèo rớt mùng tơi không có tấc đất cắm dùi, không có cả vợ cả con để chia lo sẻ buồn... thì mình lại càng thấy hưởng được phút nào nhàn nhã, sống được phút nào thông thả với nội tâm mình, tức là được lắm...

Cái người đàn ông Bắc Việt lắm khi

lạc hậu đến như thế đấy. Mà không những lạc hậu, lắm khi lại điên khùng: nằm đây mà mơ ước tận đâu đâu, ở thung lũng thì mơ trèo lên núi ngắt một bông hoa mà đương ở biển thì lại mong lên rừng xanh, bẻ đôi cành, hái một quả sim chín vừa ăn vừa nghe tiếng chim kêu vượn hót.

Tôi cũng thế: nằm ở đây, tôi nhớ tháng Tư ở Bắc Việt xưa cũ không biết ngân nào và trong những giấc mộng thiên thần, đổ ai tưởng tượng được lòng tôi bàng hoàng đến chừng nào khi thấy mình còn là đứa trẻ lên năm lên sáu, đi ra ven hồ, tìm đến các bãi cỏ, dưới các gốc cây để đá vào những cái lỗ con con bắt đẽ, vì mùa này là mùa để sắp chui ra, leo lên cây để lột xác thành những con ve sầu. Có khi đi như thế một mình, có khi đi với vài chúng bạn. Cả mấy đứa mang theo một cái ống bơ, nếu đá vào lỗ mà

chưa đủ cho đế phải ngọt mà bò lên thì chúng tôi lấy ống bơ ra nằm xuống bãi cỏ ở vệ hồ, thò tay xuống mức nước đổ vào lỗ đế³. Chừng mười hai giờ, trời bắt đầu nắng to. Mệt quá, tìm một cái bóng mát dưới một cây cao nào nằm khểnh, nhìn ra những bãi cỏ chung quanh, xem những cái “búp đa” màu vàng ố rơi xuống cỏ rồi nhặt lấy thi nhau thổi, hoặc tìm những quả đa rụng, lấy tay khía vỏ xanh ra đến cái thịt đỏ thì lấy con dao nhỏ khắc cái mắt, cái mũi thành những cái mặt nạ Quan Vân Trường, Lữ Bố hay Lưu Bị...

Không một ngày nào, tôi không bị mẹ đánh và giam như tên tử tù ở trong nhà. Những ngày như thế, tôi thường hay mắc võng vào hai cây nhãn ở sau vườn nằm ngủ, mơ những cuộc giang

³ Ở miền Nam kêu là sùng ve.

hồ vặt ở con đường Hàng Vôi sau nhà máy đèn chi chút những cây nhội để bắn sáo sậu và chim khuyên; mơ những buổi lãng du trên cầu Bồ Đề sang bên Gia Lâm, Gia Quất; và mơ những buổi sáng đi tha thẩn lên Cột Cờ, gần trại lính, cầm một cái đinh chọc vào cây đa lấy nhựa để sang ngồi ở đài “Chiến sỹ trận vong” về lại thành quả bóng. Cứ mơ như thế rồi thiu thiu ngủ lúc nào không biết đến khi thức dậy thì nghe thấy tiếng ve sầu kêu rền rền ở chung quanh nhà.

Tôi không hiểu tại sao có người lại không chịu được tiếng ve kêu và cho là đinh tai nhức óc. Riêng tôi, cứ đến đầu mùa hạ, thấy tiếng ve kêu rền rền trên các cây me, cây sấu, cây xoan, cây gạo, tôi cảm thấy một cái thú khác thường của một người nằm mơ mơ màng màng sắp ngủ mà có một dàn nhạc tuyệt vời từ trên

trời tấu cho mình nghe một bản nhạc kì diệu không thể được thưởng thức hai lần trong một năm.

Nắng mới tháng Tư thường làm cho người ta mỗi mệt vào buổi trưa. Thành phố Hà Nội im ắng tiếng người, tiếng xe: anh châm một điếu thuốc lá, cầm tờ báo đọc thiu thiu sắp ngủ... thì đột nhiên có tiếng ve kêu, trước khoan khoan, sau mau mau, rồi cứ kêu như thế rền rền, không ngớt, lớp này vừa nghỉ thì lại có lớp kia thay, đều đều mà liên tục đến nỗi nghe tiếng ve, anh cảm thấy trời đất im lặng lạ lùng, nếu ve ngưng bản nhạc một giây thì y như thể có ai phá sự im lặng thần tiên đó lại.

Tôi yêu tiếng ve kêu và tôi lại yêu cả cái kiếp ve nghệ sĩ. Cái kiếp gì quái gở! Từ lúc còn là trứng mèn đến lúc thành nguyên hình ve ve, vỗ đôi cánh huỳnh

kim ca hát cho thiên hạ nghe khúc nhạc mê li, tính ra phải bốn năm ròng tu luyện, lúc ở dưới đất đen, lúc đào lỗ chui lên, lúc đối phó với loài người chỉ rình bắt đem về chiên mỡ hay loài chim loài kiến tha về ổ để cho vào tồn kho, ấy thế mà đến lúc mạnh chân khỏe tay múa may, ca hát được thì chỉ sống nhiều lắm ba mươi ngày! Cái kiếp con vờ âu cũng thế. Nhưng mà ở đời có mấy ai thấu tâm sự của ve? Đông đảo thay là những người chê trách ve chỉ biết ca hát múa may rồi đến khi mùa đông tháng giá thì tiền hết gạo không phải đến vay kiến! Khốn nạn, ve có bao giờ sống được đến khi gió bắc thổi đâu. Thường khi chưa tới giữa mùa hạ ve đã “tù bỏ cái nghiệp du ca”, buông chân bám vào cành cây rớt xuống đất “kim thiên thoát xác” giúp cho con sâu cái kiến có một thực phẩm tích trữ ăn dần trong mùa đông tháng giá.

Tôi chưa ăn sùng ve chiên mỡ bao giờ, nhưng bây giờ nghe thấy tiếng ve kêu ở trong rừng, trên núi hay giữa đô thành ngọc ngà này, bất cứ lúc nào, tôi cũng nhớ lại cái tiếng ve kêu rền rền đặc biệt ở Hà Nội ngày xưa. Nhớ tiếng ve tức là nhớ những buổi trưa và buổi chiều sấm tối vào cỡ tháng Tư ở cái Hà Nội mền yêu có xe ô tô xi téc đi tưới đường cho mát mẻ, có những hàng “xê cổ” gánh đi bán rong ngoài đường, có những hàng kem ở chung quanh Hồ Gươm thướt tha những cô gái mặc áo hàng màu, đẹp mộc mạc ngây thơ, đưa nước ngọt và kem cho khách giải khát mà lại khéo chạm vào khách một cách ý vị và duyên dáng. Đã nhớ như thế là nhớ tất cả: nhớ ánh đèn lung linh ở phía Tràng Tiền rung động trong nước hồ, nhớ Bút Tháp, Nghiên Rùa, nhớ những cây liễu xanh mơn mớn nằm nghiêng trên mặt nước

chỗ cạnh trấn Ba Đình, nhớ những buổi chiều cùng con là Vũ Lăng cầm một cái sào dính nhựa thông đi bắt ve sầu về để xem nó kêu từ miệng hay từ cái “mõ” ở hai bên háng, nhớ những buổi tối cùng vợ đi xe giờ về mạn Láng, nằm trên nệm cỏ thơm, ngửa mặt lên trời xem mây bay cùng ăn trái vải đầu mùa...

Ờ phải, cũng vào cỡ này đây, ở Bắc Việt bắt đầu có vải. Nhưng mà trái vải ở Bắc, trái vải yêu thương, trái vải thơm lừ, ngọt xót! Ít lâu sau này, ở Đà Lạt có nhà trồng tía đã lấy được giống vải đem trồng và đem trái bán ở chợ Sài Gòn; thêm vào đó, ở các tiệm bán trái cây lại còn có một loại vải phơi khô, bán kị, vỏ thâm sì mà móp lại, bóc ra ăn thịt khô queo, dai nhách mà chẳng có mùi thơm gì hết. Ăn vải như thế tức vô hình thóa mạ một loại trái cây nổi tiếng vì được người đàn bà

đẹp nhất đời Đường ưa chuộng.

Tất nhiên, người đẹp ấy không ăn vải đóng hộp bao giờ. Người Tàu còn mê vải đến nỗi phải chế ra một thứ trà ướp bằng nước trái vải, tức là “lệ chi hồng trà”, nhưng dù là vải đóng hộp, trà vải, vải khô hay vải tươi trồng ở Đà Lạt đem về, tất cả đều không có nghĩa lí gì - nếu anh đã được một hai lần thưởng thức trái vải chính cống ở đất ngàn năm văn vật.

Ở Lạng Sơn, Tuyên Quang, có một loại vải thiếu trông y hệt trái chôm chôm, có lông, ăn vào nhiều thì say và dễ bị sốt rét như ăn dâu vậy. Đó không phải là vải chính cống Bắc Việt. Vải Bắc Việt, đến mùa, không miền nào không có. Ai đi hội Phủ Giầy hẳn còn nhớ những dãy vải dài hàng cây số, cành lá sum sê, đứng xa trông cây nào cây nấy tròn xoe như cái tán, đến cuối tháng Ba đầu tháng Tư,

trái trổ từng chùm to bằng cái nong làm cho cả bầu trời tươi lên hơn hớn vì màu xanh của lá chen vào màu huyết dụ của trái cây. Có người đã đi Tàu, đi Tây về ăn thử vải này khen còn ngon hơn cả vải Tàu - và có ý muốn bảo rằng thử vải mà Dương Quý Phi ngày xưa bắt Đường Minh Hoàng cho ngựa đi hỏa tốc lấy về để ăn chưa chắc ngon bằng.

Tiên Hưng nước chảy lững lờ,

Bên thì rặng vải, bên bờ tre xanh.

Ai về Cổ Quán cùng anh,

*Mà xem bộ đội tung hoành sừng
gươm.*

Ấy đó, cái vải Tiên Hưng lấy lòng danh tiếng như vậy mà so với cái vải Cầu Hồ còn thua xa. Cầu Hồ nổi tiếng vì vải là bởi đất ở đây hợp với giống vải;

hơn thế ở Cầu Hố lại có một khoảng đất riêng tốt đặc biệt để trồng vải tiến.

Nói đến vải tiến thì quả thật là “cúng” được! Tôi không biết ngày xưa dân làng ở đây tiến vải các vị tiên đế ra sao, nhưng tôi biết rằng dưới thời vua Bảo Đại, dân làng Cầu Hố làm những cái lồng bằng thép chứa hàng hai ba chục kí loại vải này để gửi xe lửa gấp vào để kinh Ngài ngự.

Lúc đó, tôi còn trẻ tuổi, ngồi yên một chỗ không thể nào chịu được. Tôi nhớ có một đêm tháng Tư, không hiểu tình cờ làm sao gặp một người bạn làm xếp ga rủ đi chơi tếu trên một chuyến tàu đêm chạy từ Nam vào Huế. Nửa đêm về sáng, mấy anh em lấy rượu ra uống. Ông xếp ga và hai anh “ba ga dít”, gặp lúc rượu ngà ngà, nghĩ ra được một món nhắm rất hách và rất quý: ngay trên chuyến xe

ấy, có chở một lồng vải vào Huế cho vua Bảo Đại. Ồ, cứ bảo cái vải tiến này ngon ác lắm, hay là ta móc ở dưới đáy lồng - vì chung quanh lồng đều cặp chì, mở ra thì có dấu vết dễ làm cho anh em hỏa xa đêm ấy mang tai mang tiếng - lấy ít trái ra nếm thử xem sao.

Thì ra cái vải gia dụng, cái vải thật ngon cũng có khác với cái vải thường ta ăn rất nhiều. Ngay từ cái vỏ trái vải tiến cũng đã khác thường rồi: nó không đỏ màu huyết dụ, mà ửng óng một màu nâu cổ kính, mà nhẵn lì đi chứ không có gai gồ ghề. Nhìn kỹ hơn một chút nữa thì trong làn da màu nâu ấy nổi lên những cái vân và thỉnh thoảng giữa cái vân lại có một chấm đỏ hiện lên. Trái vải này thực ra không lớn lắm, trung bình chỉ to hơn cái chén quân pha trà tàu một chút nhưng đặc biệt là khi bóc vỏ ra rồi,

không có nước têm lem, mà hột thì chỉ nhỏ bằng cái đầu ngón tay. Cùi nó dày như cùi dừa, nhưng không trắng bạch mà lại hung hung màu ngà. Đặt lên lưỡi cắn một miếng thì nước chan hòa, ngọt sất mà nhai thì mềm, không nhão mà lại giòn, nhai khe khẽ mà chính tai mình thấy như sậm sệt.

Ồi ơi trái vải của miền Bắc xa xưa, ngon biết chừng nào, ngọt biết bao nhiêu, thôi, chắc là từ giờ đến chết ta không còn có bao giờ được nằm trên cỏ thơm đường Láng để thưởng thức với người vợ tắm mả biết nhau từ một đêm mưa rào ở vườn Bách Thảo và chia tay không phải từ lúc đánh Tây mà lại chính là lúc nước nhà ca hát mừng reo độc lập, tự do, thống nhất!

Nhớ ơi, nhớ sao nhớ thế này! Nhớ cũng vào một mùa vải như thế này, hai

vợ chồng rảnh rang cùng đi về Vụ Bản thuê một căn nhà rơm để nghỉ mát thay vì đi lên núi, sáng sáng, lúc mặt trời chưa mọc, hai đứa cùng đi tha thẩn dưới rừng vải cùng uống mùi thơm của vải chín tiết ra trong không khí trong vắt. Chín mười giờ sáng, vào một cái quán ăn một bát canh bún, uống một chén chè tươi rồi lại đi... đi mãi dưới các vòm cây bắt tận cho tới trưa, mệt quá, không thể đi được nữa, phải ngồi dựa vào gốc cây thêm thiếp... Mặt trời bắt đầu lên cao. Có vài chỗ mạ đã tốt, dải ra mơn mớn, xanh màu cốm giót.

Quỳ ơi, bây giờ em ở đâu? Tại cái xứ có nhiều loài kèn xe hơi cực kì tối tân này, em có biết rằng có người chồng thỉnh thoảng trông ra nắng tháng Tư lại nhớ đến một buổi trưa tiên kiếp, chúng ta đang dựa gốc cây thêm thiếp, sức

nghe thấy tiếng chim tu hú, đều mở cả mắt ra để cùng tìm xem con chim tu hú đậu ở đâu mà kêu to như thế ở chính bên tai ta vậy?

Phải rồi, cứ mùa vải đến là có chim tu hú. Tiếng chim kêu nào có độc đáo gì đâu, mà xét ra cũng chẳng hay ho gì cả, vậy mà không hiểu làm sao kẻ xa nhà, nằm gối đầu tay sầu giữa tháng Tư, lại cứ nhớ da diết, nhớ tê mê đến cái tiếng của nó và ước ao lại được nghe lại một lần. “Tu hú! Tu hú! Tu hú!”. Thấy cái mã chim xấu xí mà tiếng kêu lại nhạt phèo, trẻ con lấy đá ném, kèm theo câu chửi “Tu hú! Chú mày chết!” nhưng chim vẫn cứ kêu như thường và có khi đứng ở trên tít ngọn cây mà nhìn xuống như không coi thiên hạ ra gì cả.

“Tu hú! Tu hú!” Thế là cái gì vậy? Nó bảo rằng mùa xuân đã qua đi, mùa hè đã

đến, nếu không yêu lấy đời thì thu đến và đông sang sẽ hết biến một năm? Hay là nó kêu gào lên nỗi buồn trơ trọi của kẻ du mục, suốt đời không có tổ, phải đi để nhờ trên đất khác, rồi bây giờ nhớ con, đậu thật cao mà gọi con? Hoặc là chim sống mãi cuộc đời lang thang, mộng làm chuyện lớn lao, không nghĩ đến gia đình mà bây giờ thấy ngày tàn bóng xế vẫn chẳng làm được trò gì hết, nên kêu lên để cho thiên hạ biết cái lòng tiếc nuối của mình?

Thôi, nhưng muốn cách gì đi nữa thì mùa xuân cũng đã chết rồi, bây giờ chỉ còn lại những ngày mỗi một để ngồi mà tiếc nhớ, thèm thuồng những ngày vui đã qua đi như bóng nắng chiếu lên tường hoa nhà cũ.

Ngày xưa, có người nghe thấy hơi may, chấp tay xin với hai sao bến Hán

cho vợ chồng được đoàn tụ vào ngày thất tịch. Mình bây giờ thấy tháng Tư đem tiếng ve sầu, tiếng tu hú trở về chỉ thấy buồn náo nức, vì có ngờ đâu cái buổi sáng nào đó vào giữa tháng Tư vợ ra bến nước tiễn chồng đi chơi lại chính là ngày li biệt - chốc đà li biệt mười mấy năm trời, mà không biết đến bao giờ mới lại được đoàn tụ với nhau!

Nhớ lại hôm đưa nhau trên bến nước đìu hiu, hai đứa cùng trèo lên một trái đồi, giong một ngọn đèn mờ lên uống rượu và ăn bữa cơm thanh đạm mà ngon, chắc chắn là đến khi nhắm mắt cũng không thể nào quên được. Nhớ đến miền Bắc xa xôi, nhớ đến ngày gia đình bị chiến tranh tàn khốc chia cây rẽ lá, người chồng nằm ở cái đất này làm cách gì mà quên được người vợ khéo tay mùa nào thức nấy, thân chinh muối dưa,

nén cà để cho hợp với ý chồng, mùa nào thức nấy, đi chợ lo từ con cá lá rau, để cho cơm lành, canh ngọt.

Ở đất này, trời nóng như nung như nấu. Buổi trưa, ăn xong rồi, gập những hôm khó ngủ, nằm nhắm mắt gối đầu tay mà nhớ những chuyện xa xưa, người chồng thường vẫn thấy hiện ra lơ mờ trong trí óc cái bóng lưng thon nhỏ của người vợ ngày xưa, ngồi ở cửa trông xuống dưới vườn, cắt những chũm cà để đến hôm sau đem muối. Ngon biết chừng nào, cái quả cà nghệ muối vừa vụn, lấy ra ăn với nước rau luộc hay là canh trứng cua đồng vắt chanh cốt thơm lạ thơm lùng.

Tháng Giêng là tháng ăn chơi,

*Tháng Hai trông đậu, trông khoai, trông
cà.*

Cà trồng tháng Hai, cuối tháng Ba, đầu tháng Tư đem ra ăn thì nhất, không thể nào đúng “líp” hơn. Ăn một chén cơm chỉ có chan nước lã không thôi, mà điểm mấy quả cà nghệ thanh thanh, mận mận, cắn cứ giòn tanh tách, anh sẽ thấy là đương mệt mỏi, người cũng tỉnh ra liền và muốn ăn một, anh cũng cứ phải ăn hai, ăn ba mới chịu. Cái “cà bát” dầm tương ăn cũng “ác” lắm: này cứ thử dùng cao lương mỹ vị độ một tuần mà coi, anh chán ngấy lên đến mang tai, về nhà, lấy cơm nguội với thứ cà dầm tương này ăn thử rồi nói chuyện lại cho tôi nghe nhé!

Gớm thay cái xứ Bắc Việt mền thương, không giàu bằng ai, không sang bằng ai mà sao lại sản xuất được cái cà, cái dưa, cái tương, cái mắm ngon “quí khốc thần sầu” đến thế.

Công anh làm rể Chương Đài,

Một ngày ăn hết mười hai vại cà...

Câu hát khéo phóng đại làm sao! Nhưng quả cà ở Bắc, quả cà chính cống trồng ở trên đất Bắc, nó ngon đáo để là ngon, muốn gì ta cũng cứ phải tin như thế và riêng tôi lại biết chắc có những ông ngoại quốc đến Bắc Việt chê ông chê eo mà ăn tương ăn cà như quí, ăn chết cả cơm, ăn đến nổi phải vào nằm nhà thương để... xố!

Hỡi ôi là cái lòng thương nhớ của người ta: nhiều cái chẳng ra cái “chết” gì mà làm cho mình nhớ quá. Nhưng nhớ đến quả cà nghệ hay là miếng cà bát dầm tương ăn đúng vào lúc hè, có phải đâu chỉ là nhớ cà mà thôi, mà chính là nhớ đến người vợ tào khang, từ thuở bé đã được mẹ dạy cho cách làm tương cà

mắm muối, lớn lên chỉ sợ không muối
dưa muối cà được bằng chị bằng em -
vì vẫn nghe thấy nói rằng muốn biết tài
bếp núc của các bà các cô, chỉ xem mắm
muối tương cà, thừa đủ!

Nhưng coi chừng đó, hồi người bạn
háu ăn! Cà mềm môi chén tí tí vào, khát
lắm, mà phàm đã khát mà theo tác phong
ở trong này, cứ nã hết li đá lạnh này đến
li trà đá khác, hết chai la ve nọ đến chai
nước ngọt kia thì bụng dễ trướng lên
như cái trống.

Khéo biết ý chồng, người vợ đã nấu
vài chén chè để cho chồng xơi giải khát
mà mát ruột. Tháng Tư chẳng là tháng
“đong đậu nấu chè” đó sao? Ở miền Nam
này, chè ngọt là một cái gì thường quá,
bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, sà vào một
cái tiệm hay một cái xe đậu ở đầu đường
cuối ngõ, anh cũng có đủ thứ chè dùng:

chè đậu xanh, chè bạch quả, hạt sen, chè phổ mai nhân, chí mà phù, chè hạnh nhân, chè trứng... ăn một vài chén, xía tiền ra trả là xong. Tiện quá. Cũng y như thể ta đi chơi vậy!

Tôi yêu yêu cái tính tình thực tế, cái cách giải quyết mau lẹ và khoa học ấy, nhưng tôi lại yêu hơn cái thú la cà, chậm rãi của Bắc Việt xưa cũ, đi hát thì phải đi hát cô đầu, uống trà thì phải đủ lệ bộ, quân, tổng đầu ra đó, ăn uống thì phải ăn cho sành cho kỹ, “quý hồ tinh bất quý hồ đa”. Đến bây giờ, tôi vẫn nghĩ rằng chưa chắc chè ở Bắc Việt đã thực ngon hơn chè của các chú bán đẩy đường, nhưng quả thực ăn một chén chè ở Bắc tôi thấy thấm thía vô cùng là thấm thía. Đó là tại vì đậu để nấu chè thuộc một giống tốt hơn mà lại trồng trên một thứ đất màu mỡ hơn? Tại vì các thứ chè ở Bắc nấu không giống

chè ở Nam? Hay là tại vì mình “tưởng” như là ngon hơn bởi vì chè Bắc do chính tay mẹ mình, người thương của mình thân chinh vào bếp nấu cho mình?

Có lẽ cả ba giả thiết trên đều đúng cả. Hiện nay đi bách bộ trên các nẻo đường ở miền Nam, hay la cà vào các chợ, các sạp ở mười một quận đô thành, người “di cư” chợt thấy có hàng xôi vò chè đường, ít khi ngăn được khẩu cái khỏi thèm thuồng. Có nhiều hôm, ta lại thấy có những bà hàng rong bán chè đậu dãi, chè đậu đen xôi vò, chè hoa cau cũng hấp dẫn mê li đáo để; nhưng tất cả các chè đó chỉ là một thí dụ rất nhỏ bé của cái hệ thống chè bao la bát ngát của miền Bắc mà ta thương ta nhớ.

Chao ôi, có ai sầu xú vào một ngày nào đó, thấy trong người háo quá, thèm cái phong vị chè của nơi nghìn năm

văn vật có nhớ đến chè cốm không? Vào tháng Tư, củ mài nhiều, vợ thương chồng nấu chén chè củ mài để vợ chồng cùng ăn trước khi đi ngủ cũng hấp dẫn lạ lùng, nhưng điển hình nhất cho chè ở Bắc Việt đó ai quên được chè lam và chè bà cốt?

Tại sao lại kêu là chè bà cốt? Thú thực đến bây giờ tôi cũng không hiểu cái tên chè này phát sinh từ điển tích nào - có phải từ câu hát bình dân “Con chim chính chòe... ông thầy ăn một, bà cốt ăn hai, còn cái thủ cái tai đem lên biếu chúa, chúa mới hỏi chim gì? Con chim chích chòe, nó đậu cành chanh...”? - nhưng chè bà cốt quả là một thứ chè đặc biệt Bắc Kỳ, ba chục năm ở miền Nam, tôi chưa thấy có nhà nào nấu! Tội nghiệp, cái chè ấy có gì lạ đâu, chỉ có gạo nếp, mật và gừng, nhưng nói đến chè, không hiểu tại

sao tôi lại nhớ nhiều nhất đến chè bà cốt! Nhớ như thế tức là nhớ đến hồi tôi còn nhỏ lắm, còn bà, còn bố mẹ, đông đủ đại gia đình, mỗi khi nhà có vụ gì buôn bán phát tài thì bà nội tôi lại “gióng” lên: “Hôm nay, để tao nấu cháo bồi cho trẻ con ăn” hay “À, lâu lắm, không nấu chè bà cốt. Có đứa nào ăn không, bà nấu cho một nồi”!

Ngày xưa, đời sống của người dân vất vả và tần tiện, có đâu như bây giờ. Làm ăn một nắng hai sương, tối ngày vất vả, kiếm ra được tiền, nhưng nào dám ăn vào miệng bao giờ? Tôi nhớ rằng thấy mẹ tôi buôn bán vào cái hạng đủ ăn mà nửa tháng hay một tháng Một lần mới dám liêu ăn một bát cháo lòng bò sai người đi mua từ hiệu “Cát Tường” ở Cầu Gổ đem về, hay hôm nào phở lắm mới dám đưa đứa con cưng nhất đi ra Bờ Hồ

ăn một bát phở tái ba xu.

Chè bà cốt, chưa chắc đã ngon hơn các thứ chè khác trên đất Việt thân yêu, nhưng cứ mỗi khi nói đến chè thì tôi lại nhớ ngay đến chè bà cốt, có lẽ là vì nhớ đến ngày còn nhỏ, sống trong thanh bình, ở không có bin đình, máy lạnh, ăn không có pa tê gan, phó mạch và bơ, chỉ có những món ăn mềng thế thôi nhưng lúc nào cũng mát ruột, mát lòng, không vì “miếng ăn quá khẩu thành tàn” mà bị ngoại quốc nó khinh cho như chó!

Chè đậu đãi bây giờ người ta gánh bán khắp các ngã đường, nhưng cũng thuộc loại chè đậu này, tôi ít thấy có ai làm chè lam. Hồi những người bạn ở đây hay phiêu bạt nghìn trùng mây nước, bây giờ mỗi khi thấy năm hết tết đến có còn nhớ những đêm mùa xuân lạnh lạnh, chúng ta đóng cửa lại uống rượu, đánh bài rồi

đến lúc tàn canh thì cùng xúm lại quanh bàn ăn chè lam, uống trà mạn sen?

Tội nghiệp cho người vợ bé nhỏ đầu tắt mặt tối, miễn sao làm cho bạn chồng và chồng được vui vẻ là mãn nguyện! Trà mạn sen phải do chính tay mình mua sen, tỉa lá, lấy “gạo” rồi ướp lấy, sấy lấy; còn chè lam cũng phải do mình đãi đậu, quấy lấy và chính mình xem lúc nào nên bỏ đường, cho gừng, bắc ra và đơm vào đĩa, cho vào trong “lồng bàn”. Ăn cái chè lam, nó không mềm quá, mà cũng không rắn quá. Đến lúc tôi lớn lên, không còn mấy nhà làm chè lam nữa.

Bây giờ, nhớ đến cái loại chè lam này, thỉnh thoảng tôi lại thấy hiện ra trên màn bạc của trí óc những buổi chiều ở căn nhà cổ kính đầu Hàng Gai, u già tắm rửa và thay quần áo cho tôi xong rồi, tôi lại “lẩn” ra đầu Hàng Trống, ngay ở

dưới cây đèn, trông sang nhà Đỗ Bá Tỳ vẽ tranh bạch hổ, để ăn ốc luộc hay mua ô mai, trám, khế, để ăn. Một bà già đội một cái mẹt con cú vào khoảng sáu bảy giờ chiều thì ngồi tại đó bán quà cho trẻ con. Trong các quà đó, tôi nghiện nhất chè lam - nhưng cái chè lam này không phải là chè lam đơn đĩa mà là chè lam đóng thành bánh mỏng, dài bằng bàn tay, hình cái lưỡi, hai đầu tròn, ngoài có rắc một lớp bột mỏng như kiểu kẹo vừng, kẹo bột.

Tháng Tư, đông đậu nấu chè

Nói đến chè Bắc Việt, người xa quê tự nhiên thêm lại mấy thứ chè bây giờ không còn nữa, nhớ luôn cả chè hoa cau, chè củ từ, nhớ chè đường vấy mấy giọt dầu chuối hăng hăng, nhớ thạch chan nước đường có ướp hoa bưởi từ đêm hôm trước...

Thực ra, có hôm nào rầu rầu trong bụng, sầu sầu con tim, mình nhẩn nha nấu lấy một cái thứ chè ao ước để mình thưởng thức với mình, cũng cứ được đi; nhưng nghĩ vậy mà thôi, chớ cũng chẳng bao giờ làm cả. Là vì có nấu lên ăn cũng không ngon lành gì mà lại rầu thêm, mà lại sầu thêm, vì đâu còn cái hương vị chung tình, bùi ân ngọt ái của người vợ vui cái vui của chồng, buồn cái buồn của chồng, mà lại khéo đón ý chồng nấu đôi chén chè để hai vợ chồng cùng thưởng thức trong bầu không khí lắng đọng của ban đêm có tiếng ve kêu lẫn với lời oan trách của con tằm xuất.

**Tháng Năm,
Nhớ nhót, mặn, rượu nếp và lá móng**

Cảm giác của anh ra thế nào? Tôi không biết. Nhưng tôi biết là đối với nhiều người, bốn câu thơ ấy hay ác, mê không chịu nổi.

Đả tử hoàng oanh nhi,

Mạc giao chi thượng đề.

Đề thời kinh thiếp mộng,

Bất đắc đáo Liêu Tê.

Mê nhất là có người không biết chữ nho, nghe thấy ngâm lên bốn câu đó, không hiểu nghĩa ra sao mà cứ thấy là hay. Nói gì đến dịch ra tiếng Việt, giữ được nguyên ý của thơ mà lời lại du dương, tiết tấu thì khỏi cần phải nói, cũng thừa biết là người nghe thơ cảm xúc biết chừng nào, tiêu sái biết chừng nào:

Đánh cho chết cái hoàng oanh,

Ai cho mi hót trên cành cây giao.

Hót thời tan giấc chiêm bao.

Chẳng cho hồn thiếp được vào Liêu Tây.

Tôi cũng mê bốn câu thơ trên vào hạng nặng, nhưng vì mê quá thành ra mắc bệnh hay phân tách, nên có lúc tôi đã mạo muội chê cái bà chinh phụ ở trong thơ hơi khó tính: mộng gì mà chẳng có

lúc tàn; chỉ vì đương nằm mơ thấy chồng ở Liêu Tây, nghe thấy tiếng chim kêu, tỉnh mộng, mà sai thị nữ đánh đuổi cái hoàng oanh đi, thì cũng tội nghiệp cho chim quá.

Riêng tôi, chưa bao giờ tôi lại ghét chim như vậy; trái lại, nếu bây giờ còn nhớ lại cảm tình gì sâu đậm nhất đối với chim, ấy là tôi nhớ đến lúc còn nhỏ, vào những ngày tháng Năm, chim khuyên, chim sẻ, chim sâu đã đánh thức tôi dậy vào lúc tỉnh mơ sáng.

Tỉnh mơ sáng tháng Năm, trời trong vắt như lọc qua một tấm vải màu xanh. Đó là lúc trời mát mẻ nhất trong một ngày, giấc ngủ của người lành mạnh tương đối vào lúc này ngon nhất, nhưng không bao giờ tôi dậy muộn là vì chính vào lúc đó thì các con chim bé nhỏ riu ran tập hót ở trên các ngọn cây chung

quanh nhà. Bao giờ cũng vậy, nghe tiếng chim hót như thế tôi cũng thức dậy, nhưng không mở mắt vội, cứ nằm mà nghe khúc nhạc của chim và tôi ưa nằm đoán một mình xem tiếng nào là tiếng chim sâu, tiếng chim khuyên, tiếng nào là tiếng chào mào, tiếng chích chòe, và tiếng nào nữa là tiếng chim cu, bạc má...

Không khí thanh bình lúc ấy hiện lên từ trong ngọn gió, từ tiếng động ở trong nhà, từ cái xéng của người phụ xúc đất giắt vào trong đường rầy xe điện cho đến cái tiếng chổi chà cán dài ngồng của người quét đường làm việc một cách thông dong, nhàn nhã.

Chắc hẳn cũng có nhiều người vất vả, nhưng không hiểu tại sao dưới mắt tôi lúc đó, đời sống của người ta có vẻ nhẹ nhàng, bình dị, không bồn ba lo nghĩ quá đến đồng tiền như bây giờ để đáp

ứng những đòi hỏi mỗi ngày mỗi nhiều hơn. Bây giờ, thấy người ta giữa buổi trưa nắng nẩy đom đóm mắt mà vẫn cứ phải chạy bù đầu ở ngoài đường để buôn bán làm ăn kiếm đồng tiền mua cái máy giặt, cái ti-vi, cái máy thu băng... tôi ưa nhớ lại những buổi trưa tháng Năm trước ở Bắc Việt, cũng oi, cũng nóng, cũng mồ hôi mồ kê nhễ nhại, nhưng hầu hết người nào lúc đó cũng tự cho phép mình nghỉ xả hơi, kiếm một chỗ nào có gió mát để chợp mắt đi một chút.

Đường phố vẫn hằn người đi lại. Nằm ở trong nhà nhìn ra bên ngoài thấy cái cảnh êm ả của phố phường, tự nhiên mình cảm giác thấy cái nắng cũng có vẻ nên thơ, tiếng giun tiếng dế nghe cũng có một cái gì thú vị, mà ngay đến sự uể oải của người ta cũng là thú uể oải phong lưu chứ không phải vì quá lao tâm khổ trí

mà thành ra kiệt sức. Hầu hết mọi người, ngoài thì giờ bôn ba tranh đấu sự sống còn ra, vẫn có một chút thì giờ để pha một ấm trà ngon nhắm nhót, cao hứng ngâm một vài câu thơ để mình lại nghe với mình, xong rồi tìm những đường phố mát thung thỉnh đi chơi, xem cây thế, ngắm giò lan và nếu cao hứng hơn chút nữa thì đi tìm hàng mần thẩn gia dụng đậu ở gần đền Vũ Thạch ăn một tô hay rẽ xuống chợ Hôm tìm hàng bánh cuốn ngon nhất thưởng thức vài miếng rồi tráng miệng một chén chè hạt sen long nhãn.

Ấy, cứ ăn bậy như thế lại ngon, chớ thật ra thì vào cái tháng này nghĩ đến cơm đã ngán. Người vợ hiền biết ý chồng cứ phải nghĩ cách để thay đổi món luôn luôn cho chồng “dễ nuốt”: nay canh riêu cua, mai giò sống nấu với canh cải ngọt,

mứt rau ngót nấu với trứng cáy ăn với cà... nhưng ta cứ phải thành thực nhận rằng ở Hà Nội, vào những buổi chiều tháng Năm “đứng gió”, người sang kẻ hèn đều có thể tự tạo một cái thú vô cùng thanh lịch mà ít đồng tiền: ấy là ăn bánh tôm ở trên hai bờ cỏ đường Cổ Ngư.

Cô Năm đã ra thăm ngoài Bắc lần nào chưa nhỉ? Thử tưởng tượng mà coi: một bên là Hồ Tây, một bên là hồ Trúc Bạch, giữa là con đường Cổ Ngư thẳng vút lên Nghi Tàm, hai bên viền cỏ xanh mướt và san sát cây cao bóng cả. Cứ vào khoảng năm sáu giờ chiều, nắng bắt đầu nhạt thì người ta dọn bàn ghế ra hai bên lề cỏ ấy bán cho những người đi hứng gió các thứ giải khát địa phương. Ngồi uống đỡ mệt rồi, mà thấy lòng phơi phới vì có gió mát từ hai cái hồ đẹp dâng lên, anh có thể bảo kẻ chủ nhân đưa lên

cho anh một đĩa bánh ăn chơi.

Bánh đây là bánh tôm - nhưng kì lạ lắm cô Năm à - nói cô đừng buồn, chớ thực quả là tôi thấy cái bánh tôm chiên bán ở tiệm, ở quán, ở chợ trong mười một quận đô thành nó vẫn thế nào, chớ không như cái bánh tôm ở đường Cổ Ngư Hà Nội. Cái bánh tôm chính cống Hà Nội không có khoai lang tẩm bột đánh với trứng vịt rắc lên trên, nhưng là thứ bánh chỉ hoàn toàn có bột và tôm thôi, ăn vào không ngán mà lại thơm, chấm với xì dầu, giấm ớt, ngon không chịu được. Anh muốn ăn chiên già hay chiên non, tùy ý; nhưng chiên già hay chiên non cũng vậy, ăn cái bánh ấy, tôi đổ người nào lại không da diết nhớ lại lúc còn đi học, kẹp cái cặp vào hai đùi, đứng ăn hai ba xu bánh tôm như thế và húp xì dầu giấm bao nhiêu cũng chưa

thấy “đã”. Cái bánh tôm ấy, ăn không cần kèm các thứ rau, đã ngon rồi. Bánh tôm ở trên con đường Cổ Ngư chính là thứ bánh ăn theo kiểu đó - mà chưa biết chừng lại thú hơn vì nhiều lẽ khác: vừa ăn bánh, mình lại vừa được trời quạt cho khỏi nóng; thêm vào đó, sóng nước lại rì rào đập vào bờ như hát ru mình, trong khi mắt mình được thưởng thức không biết bao nhiêu cái nồn bà của biết bao nhiêu người. Ồi, vào những buổi chiều như thế thì nam thanh nữ tú thiếu gì, chỉ sợ anh nhìn không xuể. Mà thương nhất là mắt cô nào cũng như mơ, nhìn anh mà anh biết ngay là thương yêu anh thực sự, y như thể mẹ thương con, em gái thương anh trai vậy.

Càng về tối, sóng càng tràn mạnh hơn vào vệ cỏ. Bây giờ, anh không còn thấy sóng rì rào nữa, nhưng có vẻ như

thủ thả ân tình. Vừa lúc đó, người hầu bàn bưng một đĩa trái cây tráng miệng lên. Bà ấy cầm một que bồ quân đưa lên miệng thì chính là lúc ông cũng vừa ngồi sát lại với bà ấy hơn chút nữa và bắt đầu kể chuyện ngày xưa:

“Ngày xưa - mình cũng chẳng nhớ là vào triều đại nào - có một ông vua nước ta đem quân sang đánh nước Chiêm Thành. Anh không nói giỡn đâu: nước mình ngày xưa hùng lắm, phần nhiều các nước hùng đều coi nước nhỏ là tiểu yêu, không ra gì. Nhưng nước nhỏ còn khu-ya mới chịu đầu hàng. Quân ta bị Chiêm Thành chống lại, gặp nhiều trận thất điên bát đảo. Có một lần chính nhà vua bị vây ở trong rừng núi và tưởng chừng phen này có thể cùng nhân răng chết đói, nhưng may làm sao giữa lúc khổ lên khổ xuống như thế thì chim rừng ở đâu bỗng

tha đến cho một loại trái cây nhỏ xíu, lớn hơn quả găng một chút, nhưng đẹp một màu huyết dụ mà ăn vào thì lại ngọt, có hạt nhỏ như hạt vừng. Trái ấy nuôi tạm quân ta một hai ngày để cho ta kịp thời sửa sai, mở một đường máu ra để thoát.

“Trái ấy là trái bồ quân em đương nhắm nháp đó, em! Có nơi gọi là bồ quân, có nơi kêu là hồng quân, nhưng chính tên nó là phù quân, vì nhà vua nhớ lúc bị vây, có loài chim đem loại trái cây này để cứu, nên gọi như thế để kỉ niệm một thứ quả đã cứu vua chúa và quân quan thoát nạn”.

Điểm đặc biệt nhất của bồ quân là không ăn từng vốc hay từng chùm, mà ăn từng trái, như trái sơ ri; nhưng sơ ri bán từng lon, chớ bồ quân thì xâu vào một cái que, mỗi que chừng dăm sáu trái, khi nào ăn thì tĩa ra từng quả để cho

mình vừa suy nghĩ vừa ăn.

Nói không phải nịnh, chớ miền Nam nước Việt nhiều trái cây không chỗ nói, mà trong đó có nhiều thứ ở Bắc không thể lấy giống đem ra trồng. Muốn trồng thế nào, xoài trong này đem ra ngoài ấy cũng thành ra muỗm, còn sa-bô-chi-ê, vú sữa, sầu riêng, cóc, ô ma, măng cụt... cho đến lúc đất nước chia đôi, tôi vẫn chưa thấy ai gây được giống... Ít lâu nay, ta đã thấy có trái sầu bán kí lô cho túi ni lông để các bà nội trợ mua về nấu canh; ta cũng thấy quất, hồng lạng, cam sành... nhưng riêng tôi cảm thấy như từ một thế kỷ nay không được trông thấy trái phù quân xâu vào que là một, quả nhót là hai, quả cây là ba, quả vả là bốn, quả hồng bì là năm...

Thật ra lúc nào thức đêm nhiều xót ruột, chán cơm, nhấm nhót trái cây của

miền Nam nước Việt thân yêu, tôi vẫn nhớ đến năm người bạn lâu ngày không gặp đó, nhưng sang đến tháng Năm tôi phải nói thực là có lúc nhớ quả nhót đến thèm... rõ dãi!

Ấy là vì tháng Năm là mùa nhót, nhưng làm cho tôi nhớ nhót nhiều chính là tại vì nhà nào ở Bắc, vào ngày tết Đoan ngo, mồng năm tháng Năm, cũng giết sâu bọ bằng rượu nếp, mật, nhót và bỏng bột. Ồ, mà nghĩ cũng thần tình thật. Sống vào cái thời đại mới này, mỗi khi muốn phát động một chiến dịch gì, gây một phong trào gì, kỉ niệm một ngày lịch sử gì, ta vẫn thấy dán khẩu hiệu ầm ầm, bắc loa đi cổ động nhân dân sa sả, thế mà có nhiều lúc nhân dân cũng lười biếng chẳng theo; vậy mà sao cứ đến mấy ngày lễ vớ vẩn ở đâu, chẳng cần cổ động, chẳng cần biểu ngữ, chẳng hô khẩu hiệu

mẹ gì mà dân vẫn cứ tự động theo răm rắp? Cứ lấy cái thí dụ người mình, nghìn nhà như một, vạn nhà như một, tự động ăn tết Đoan Ngọ thì đủ biết.

Ở thành thị vào cái tháng này, người ta lo làm ăn. Mỗi phố tổ chức lễ vào hè riêng biệt đã phờ rêu ra rồi. Còn ở nhà quê, càng bận, vì tháng Năm là tháng làm mùa:

*Tháng Tư đi tậu trâu bò,
Để cho ta lại làm mùa tháng Năm.*

*Sớm ngày đem lúa ra ngâm,
Bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra.*

*Gánh đi, ta ném ruộng ta,
Đến khi lên mạ thì ta nhổ về.*

Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,

Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi.

Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,

Nước ruộng với mười, còn độ một hai.

Ấy thế mà tôi đổ ai thuyết phục nổi nhà quê cũng như thành thị đến ngày mừng năm tháng Năm cứ cắm đầu làm việc, không ăn tết Đoan Ngọ đấy. Không bao giờ, không bao giờ.

Đến cái lớp tôi lớn lên, bị ảnh hưởng của văn minh Âu Mỹ cứ kể đã là sâu cay lắm, tôi cứ phải thú thực là không có một năm nào tôi bỏ được cái tục giết sâu bọ - mặc dầu tôi đã làm cách mạng bản thân, không nhuộm móng tay móng chân bằng lá móng như hồi còn bé tí.

Vào những ngày bé tí ti ti đó, bố mẹ tôi cho người đi mua lá móng về cho vào cối giã từ ngày mừng bốn đến tối thì

phát cho mỗi đứa con một chút. Anh em chúng tôi đem cái thứ lá già nhỏ đó đắp vào mười đầu ngón chân, mười đầu ngón tay rồi lấy những miếng vải nhỏ quấn lại một đêm để sáng tinh mơ hôm sau, thức dậy mở ra ngắm nghía và hãnh diện vì móng tay móng chân mình đỏ chói màu gạch cua bể luyệt.

Bên cạnh cuộc cách mạng nhuộm móng chân móng tay, tôi lại bỏ luôn cái lệ mua “bùa tua bùa túi” để đeo vào nút áo hầu tránh tà ma quỷ quái; nhưng trước sau, dù các ông nhà báo đả kích thế nào cũng mặc, cứ đứng sáng sớm mừng năm tháng Năm là tôi phải giết sâu bọ bằng cháo trắng, rượu nếp và các thứ trái cây mà vợ đã đi chợ Mơ, Ô Cầu Dền mua cả đóng về từ hôm trước.

Nhớ đến như thế thì làm sao mà quên được là có nhiều lần hai vợ chồng

cặm cùi đồ xôi cả ngày rồi rắc men, rồi ủ, rồi đêm thức dậy giờ ra xem đã có nước chảy xuống thau chứa và bàn bạc có nên rút bớt lại không hay cứ để nguyên thế cho tới sáng... Này em ạ, cái rượu nếp này ăn thì ngon thật, nhưng làm công phu quá. Hay là từ giờ ta cứ mua bég về ăn, tội gì mà vất vả cái thân thể này, mệt quá.

Vợ không chịu, nhưng rồi cũng chiều chồng. Thực thế, cứ sáng mừng năm tháng Năm, các đường phố Hà Nội ngày xưa đâu cũng sang sảng tiếng rao rượu nếp. Kêu một hàng vào mua, cả nhà ăn, chỉ mất hơn hào chỉ là cùng, nhưng có phần thú hơn của nhà làm, không những vì các bà bán hàng này là những chuyên viên làm rượu nếp, mà còn vì lẽ nữa là từ cái chén đến đôi đũa của họ cũng hợp lệ bộ hơn.

Mấy năm gần đây, ở miền Nam, người Bắc di cư cũng làm rượu nếp bán rong, đựng rượu nếp vào những cái bát như bát ăn cơm và dùng muỗng để xúc lên ăn như ăn chè đậu xanh, đậu đỏ.

Ăn rượu nếp ra ăn, đâu có tàn nhẫn thế! Cái chén đựng rượu nếp phải là những cái chén nhỏ như chén chè, còn đĩa dùng thì là một thứ đĩa riêng vót bằng tre cật, ngắn bằng hai ngón tay, tròn trịa, nhẵn nhụi mà lớn chỉ hơn cái tăm bông một chút. Tôi van cô bạn đừng có lấy đôi đĩa xinh xinh đó để và lùa một mạch vào trong miệng tươi hơn hớn, mà tôi xin cô khẽ cầm đĩa xới từng hạt rượu nếp lên, để lên đĩa rồi thông thả nhấm nhót từng miếng nho nhỏ, be bé và cô sẽ thấy cái rượu ấy nó ngọt biết chừng nào, cái nếp ấy nó ngậy, nó thơm, nó bùi, nó bổ biết chừng nào!

Ở miền Nam, tôi đã thử ăn cơm rượu, ăn không và có khi ăn lẫn cả với xôi. Bảo rằng cơm rượu này không ngon, không đúng; mà bảo ngon, lại cũng không đúng nữa. Có lẽ tôi chết vì thành kiến, nhưng tôi cứ phải nói thực là cái thứ cơm rượu viên từng cục nổi lênh bênh trong rượu không gây cho tôi một cảm xúc gì đặc biệt và có nhiều lần tôi đã cố tìm hiểu xem tại sao tôi lại không thú cơm rượu bằng rượu nếp.

Có lẽ yếu tố đầu tiên là việc trình bày, sau đó là vấn đề nếp dùng để đồ xôi làm rượu. Nếu tôi có lần xin cô Năm, cô Sáu, cô Bảy, cô Tám, cô Chín, cô Mười cứ chỉ dạy cho tôi: rượu nếp Bắc làm bằng gạo lứt, loại nếp cái chưa giã, còn cơm rượu thì làm bằng nếp trắng; riêng hai cái nếp đã khác nhau rồi và cái ngon, cái bùi của hai thứ đó cố nhiên là đã khác biệt hẳn

nhau. Kẻ phàm phu này ăn cơm rượu cảm thấy hơi sừng sượng và không mấy đậm. Chớ cái rượu nếp chính cống Bắc Việt thì là một cái gì khác hẳn: nó mềm, nó ngọt, nó lại bùi. Ngọt, bùi và ngậy là vì nếp lứt cái nó đã no đủ chất bổ rồi: một hạt nếp ấy để lên trông chẳng khác một con rệp ăn no bụng xệ; còn cái hạt nếp trắng thì nó dài, chỉ lớn hơn hạt gạo tẻ một chút, trông yếu lắm. Còn mềm? Theo tôi, đó là tại vì làm rượu nếp đòi hỏi nhiều công phu hơn làm cơm rượu. Làm cơm rượu, người ta ngâm nếp rồi đồ lên như đồ xôi là đủ. Rượu nếp không thế: người nội trợ sành sỏi không ngâm gạo, nhưng đồ lên như đồ xôi một lần, dỡ ra nia, xả nước, lại đồ lên lần nữa, rồi mới dỡ ra nia, “sên” ra, chờ lúc nào nguội mới cho vào rá, cứ một lần nếp mỏng thì lại rắc một lần men làm bằng thuốc Bắc, rồi lấy lá chuối, lá khoai ngứa hay lá sen

ủ cả lên. Nước rượu chảy như giọt nước đồng hồ ngày xưa xuống một cái thau đặt sẵn dưới cái rá nếp đồ...

Ai bảo giết sâu bọ như thế là nuôi sâu bọ? Tôi thú thực theo học Tây từ thuở bé, cũng biết ẩm ố nói chuyện khoa học như ai, nhưng tôi xin nói với các bạn một điều: nếu giết sâu bọ như thế là phản khoa học, tôi thích phản khoa học cả đời, vì rượu nếp ăn quá ngon, sướng quá, “thần sâu” quá.

Mà không phải tôi chỉ phản khoa học như thế mà thôi đâu: rượu nếp ăn rồi, tôi lại thích ăn liền roi mặn - hời ời, mặn Thất Khê to bằng quả đào, cắn một miếng ngập răng mà ngọt, dám chắc không có thứ mặn Đà Lạt nào sánh kịp! - ăn luôn cả một vốc nhót cho nó đau bụng luôn đi, nhưng năm nào cũng “giết sâu bọ” như thế, tôi chẳng thấy đau bụng

bao giờ hết! Chính vì “được Trời thương” như thế cho nên ở giữa cái thời buổi mà người ta kêu là “thời buổi hỏa tiễn” này, nằm ở cái rốn Sài Gòn mà bài hát ca ngợi là “đẹp quá”, tôi vẫn hủ hóa, nhằm ngày tết mừng năm thì cứ “giết sâu bọ” như thường - bất di bất dịch!

Ở đây, tôi giết sâu bọ bằng uyết-ky, mạc-ten, rượu Minh Mạng nhắm với củ kiệu, măng cầu, khế xanh, cóc tím, xoài ang ca, vú sữa. Vừa giết sâu bọ như thế, vừa nhớ lại lúc còn ở Bắc Việt, có một vài lúc, tôi muốn kêu trời lên một tiếng để xem Trời có cách gì cho tôi được ăn một quả nhót, và chỉ một quả thôi, để cho đỡ thèm thuồng, nhớ tiếc... Nhớ như thế, nào có phải là tiếc nhớ, thèm thuồng riêng quả nhót thôi đâu, mà thèm thuồng tiếc nhớ cả một thuở thiếu trời xanh mướt mộng thần tiên, đi học

về, mua nhót đầy hai túi áo, lấy ra từng quả xoa vào cái tay áo ma ga cho hết bụi phấn rồi bóp cho mềm, chấm muối ớt, mút sì sà sì sụp.

Đó là nhót chín.

Nhót xanh thì lại nhớ cách khác, nhớ là cứ vào cái khoảng cuối tháng Tư, đầu tháng Năm, vợ mua nhót xanh về nấu canh ăn sướng quá, sướng không biết thế nào mà nói. Cái trái cây gì gồm ghiech: trông như quả trám màu bạc ố, bóp hơi mềm mà đem nấu canh thì không thể có cái gì ăn ý với thịt thăn hơn: khế nấu riêu cua, sấu dầm nước mắm ớt chấm với rau muống luộc, nhưng nấu canh thịt ba chỉ hay thăn, để cho dễ nuốt vào mùa hè, không có gì hơn là nhót. Ăn như thế mới là hợp với... lẽ trời, sai đi thì hỏng kiểu.

Giết sâu bọ vào những ngày mồng

năm tháng Năm mà ăn nhót chín hay nhót xanh đều thú cả. Tôi không biết các nhà khoa học vì lẽ gì bảo giết sâu bọ mà ăn rượu nếp, nhót, mận thì là nuôi sâu bọ, nhưng tôi thì cho rằng nếu ăn như thế mà có bị Tào Tháo đuổi thì bất quá cũng chỉ là một cách xỏ thôi: người Việt Nam không có cái thói quen uống thuốc xỏ ba tháng Một lần như lời ông đốc tờ chỉ bảo, nếu một năm có trót đại xỏ một lần cho nhẹ bụng, chắc cũng chẳng chết ai đâu mà sợ.

Có lẽ nhiều người nghĩ như vậy nên vào ngày tết Đoan Ngọ họ ăn chí tử; ăn bao nhiêu thứ đó cho là chưa đủ, đến bữa trưa, nhiều nhà lại ăn bún xáo vẹt, tổ thêm dưa hấu rồi đi tắm với nước đun với lá chanh và vỏ bưởi. Tắm như thế, theo nhiều người, trừ được nhiều thứ bệnh cũng như có nhiều người tin rằng nếu

chính giữa trưa mừng năm tháng Năm mà trời đổ mưa hứng lấy nước ống máng trôi vào những ngón tay “xước mang rô” thì sẽ hết hẳn, không bao giờ trở lại, hay sắc vỏ cây bưởi bong để uống sau khi ăn đủ các thứ “độc” vào bụng rồi thì không còn sợ đau bụng nữa.

Ấy, chính vì tin như thế, cứ mỗi khi tết Đoan Ngọ tới thì tôi ăn thả cửa, chẳng lo âu gì hết và tôi tiếc rằng ở đây người ta không còn được hưởng những thú lật vặt như thế nữa. Còn gì chán đời hơn là cứ mỗi khi ăn một thứ gì, uống một chất gì, người ta lại cứ phải tự hỏi xem thức ăn ấy, đồ uống ấy lợi hại ra sao và có đủ chất bổ không.

Bổ càng hay, nhưng thích mà không bổ cũng cứ ăn, ăn cho đã. Ở đây, xoài tháng Năm nhiều vô kể mà thơm, mà ngọt cứ lừ đi, chẳng lẽ vì thầy thuốc bảo

là nóng mà phải chịu buộc mồm buộc miệng hay sao? Mà tính tôi lại thích hồng bì, nói đại đồ đi, bây giờ có ai ở Bắc Việt vào cho một mớ, vỏ cứ bóng như da đồng, ăn mới đến môi đã trôi đến cổ, mà bảo tôi đừng nên đụng tới vì sợ kiết lỵ hay phi chánh trị, nghe sao... vô được!

Bắc Việt mến thương ơi! Nhớ Bắc Việt ngày trước quá, nhớ sao nhớ quá thế này! Mà càng nhớ lại càng yêu, vì Bắc Việt ngày trước từ việc nhỏ đến việc to, từ khía cạnh này sang phương diện khác, lúc nào cũng giữ nguyên được đặc tính của mình, không bị chi phối, không bị ai cho được vào trận hỏa mù để rồi từ đó bỏ đặc thái của mình đi tìm cái mới lạ chưa chắc đã là bổ ích, chưa chắc đã hợp với dân tộc Việt.

Đừng ai thấy thế mà bảo rằng mình không tìm tòi, học hỏi thêm. Không.

Mình muốn tiến lên, nhưng bảo mình bỏ tết Đoan Ngọ vì nó hủ lậu không hợp thời, nhất định mình không chịu. Có khi chính vì thế mà mình lại yêu tháng Năm hơn nữa cũng nên bởi vì tháng Năm có tết Đoan Ngọ... mà nhớ đến tết Đoan Ngọ là nhớ đến bao nhiêu phong tục của nước ta đã tạo nên một nền văn hóa oai hùng mà bao nhiêu ngoại nhân muốn cắt ngọn đều tỏ ra bất lực.

Trời tháng Năm nóng quá, đến nửa đêm mới bắt đầu có ngọn gió phe phẩy đuổi cái nóng đi. Hai vợ chồng kê cái giường tre ra nằm ở dưới gốc bưởi trước nhà, nhắc lại cái bữa bún xáo vẹt buổi trưa không được hoàn toàn xứng ý vì măng ninh chưa nhừ. Mặc dầu có gió mát rồi, chồng vẫn quen tay quạt cho vợ và nói nhỏ:

– Làm thế đã ngon chán rồi, đừng nghĩ nữa. Ngủ đi. Em không biết đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng đấy ư?

Chập chờn nửa tỉnh nửa say, vợ đáp lại chồng, nhưng nói như thế là nói cho chính lòng mình nghe vậy.

–... Chưa nằm đã sáng thực, nhưng đêm ngắn lại càng hay, chớ có làm sao đâu. Em yêu đời quá, mình ơi, ngủ nhiều thấy phí phạm quang âm quá.

Bên kia bức tường hoa, con đồ vũ sấu đưa giọng khắc khoải trầm trầm như ru người ngủ vào một thế giới đầy những lầu hoa điện ngọc, thỉnh thoảng lại bay lên ngạt ngào tiếng địch quyện vào bóng lá của những hàng thùỵ dương xanh biếc.

**Tháng Sáu,
Thèm nhãn Hưng Yên**

Thế thì con đỗ vũ là con quái gì
mà lại ru người sắp ngủ vào
những giấc mộng vàng son như thế?

Gớm ghê cho các bố già, bất cứ vật gì
cũng có thể tạo thành sự tích. Con đỗ vũ,
còn có tên là đỗ quyên, là tử quy, chỉ là
con chim cuốc đen trùi trùi, miệng lớn,
đuôi dài, lưng màu tro, bụng màu trắng,
cứ hết xuân, sang hạ thì kêu ra rả, nhưng

kêu dữ nhất vào tháng Sáu bởi vì thiên hạ đồn rằng nó kêu hết mùa hạ thì thổ máu ra mà chết.

Tôi chưa thấy ai quả quyết đã trông thấy con cuốc kêu ra máu, nhưng không biết bao nhiêu văn sĩ, thi nhân dựa vào truyền thuyết đó đã viết nên những lời thống thiết và nhất định nó kêu ra máu vì thương nước.

Là vì, theo sự tích, con cuốc kiếp trước là vua nước Thục, tục gọi là Đỗ Vũ. Ông vua đốn mạt này thông dâm với vợ bề tôi Biết Linh, nên trao ngôi báu cho anh chàng này. Về sau, Biết Linh làm ngật, không phát lương thực cho Đỗ Vũ. Buồn bã, Đỗ Vũ bỏ xứ mà đi. Sau, thác đi, hóa thành chim đỗ vũ. Người ta bảo rằng Đỗ Vũ tiếc nước nên ngày đêm mới kêu lên những tiếng thảm thiết bi thương như vậy.

Lại có người bảo rằng chim cuốc là hóa thân của vua Chàm. Ngày xưa, nước Chàm nằm ở phía Nam xứ Giao Chỉ. Dưới thời vua La Hoa, Chàm đem quân đánh Giao Chỉ để trả cái thù truyền kiếp bị Giao Chỉ thôn tính và đô hộ. Thấy thế của mình yếu mà đối phương thì mạnh, một gián quan Chàm tên là Quốc hết lời can vua, nhưng vua Chàm không nghe. Biết rằng cuộc viễn chinh này thế nào cũng đem lại thất bại cho xứ Chàm, viên gián quan Quốc xin đi theo phò vua để được chết theo vua, hầu có tỏ được tấm lòng trung quân báo quốc.

Cuộc chiến giữa hai nước Chiêm Thành và Giao Chỉ diễn ra ở Đèo Ngang. La Hoa chết vì trúng một mũi tên. Viên gián quan Quốc xông ra trận, định cướp lấy xác nhà vua, nhưng cũng bị chết luôn. Hồn của Quốc không tiêu tan được, hóa

ra làm con chim cuốc. Ngày đêm, chim ấy kêu lên những tiếng bi thương của một vị trung thần khóc quốc vương tử trận: “Cuốc, cuốc! La Hoa?” Cuốc, cuốc đây, còn La Hoa bây giờ ở đâu?

Ấy chỉ có thể thôi, nhưng con cuốc đã thành ra một đề tài bất tận trong văn học sử.

Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Bà huyện Thanh Quan đi qua đèo Ngang lúc chiều tà đã cảm khái nên những vần thơ bất hủ. Sau đó, cụ Trần Danh Án, một di thần nhà Lê, cụ Nguyễn Công Trứ, cụ Tam nguyên Yên Đổ, cụ Nguyễn Thượng Hiền, cụ Huỳnh Thúc Kháng... mỗi khi nhớ thương đất nước đều nhắc đến con chim cuốc; nhưng đặc

biệt nhất, theo tôi, là bài “Tầm phụ ngâm” của Tạ Phương Đắc, tả người con gái nhà nghèo hái dâu nuôi tằm, nhờ tiếng cuốc kêu khắc khoải mà không ngủ, thức thâu đêm suốt sáng để chăm lo việc tằm tang.

Trong khi ấy, có người con gái đẹp trên lầu cao cũng thức thâu đêm suốt sáng, nhưng là để đàn địch múa hát với người yêu.

Tử quy để triệt tứ canh thì,

Khởi thị tầm trù phạ điệp hi.

Bất tín lâu đầu dương liễu nguyệt,

Ngọc nhân ca vũ vị tăng quy.

Canh tư tiếng cuốc kêu vang,

Dậy xem tằm nở lòng càng lo âu;

Tằm nhiều sợ thiếu lá dâu,

*Thoáng nghe địch ngọc rộn lầu bên
kia.*

Hàng dương xế bóng trắng khuya,

Say mê múa hát này chưa chịu về.

Tôi không biết những người khác nghe tiếng cuộc thì cảm nghĩ thế nào; riêng tôi, lại thấy tiếng con chim nước trầm trầm, buồn buồn, nghe mới đầu khó chịu, nhưng quen tai rồi thì lại hay hay, mà đến khi nghe đều đều thì như thể là tiếng ru mình ngủ vậy.

Thường thường, trong những lúc chập chờn sắp ngủ như thế, tôi hay mơ thấy hiện ra những cung vàng điện ngọc của một thời xa xưa lắm lắm rồi, có những người con gái nghèo nghe tiếng cuộc kêu mà buồn cái cảnh hưng vong suy thịnh của kiếp người, nhưng trong

khi đó thì có biết bao nhiêu người sung sướng, trâm cài ngọc giắt, ngồi trên lầu cao múa hát sáng đêm đến nỗi mê quá không còn muốn ra về nữa...

Sung sướng như thế thì cuộc kêu ra máu có làm gì. Kêu ra rả thì cuộc chết, có ai thương, mà cuộc đời thì cứ thản nhiên trôi đi như một dòng sông chảy đều đều, hết trong lại đục, hết vui lại buồn. Sống rất khó mà chết thì tương đối dễ hơn, nhưng ít có ai muốn chết.

Có đêm đi lang thang trên vỉa hè thành phố Sài Gòn, nhìn lên cao thấy những cái lầu khuya sáng chói đèn màu, tôi có lúc đã tự hỏi không biết con cuộc ở miền Nam có giống con cuộc ở miền Bắc hay không, mà nếu nó kêu thì hay kêu vào tháng mấy, và kêu “cuốc cuốc” hay kêu ồm ồm như chim “thằng bè”, chim “già sói”, kêu thanh thanh như “nhạn

sen”, “óc cao”, hay kêu ríu rít, lú lo như chim “chàng nghịch”, chim “võ vẽ”?

Nổi tiếng về người đẹp, về trái cây, miền Nam nước Việt còn nổi tiếng về chim cá Hậu Giang lạ không biết thế nào mà nào mà nói, nhiều không biết thế nào mà kể, nhưng tôi cầu xin cho ở đây không nên có giống chim cuốc làm gì, bởi vì tiếng nó kêu thảm quá, nhỡ lọt vào tai của những người tiền rừng bạc bể, phong nhã hào hoa, có thể làm cho u ám phần nào sự vui sướng thần tiên, cao quý. Bắc Việt, so với Nam Việt, là một xứ nghèo, nghe những tiếng kêu thảm thiết nó quen đi, không có làm sao hết.

Nhưng hồi ai ở đất lạ đã có lần đặt chân lên Bắc Việt, có thể cho tôi biết tại sao Bắc Việt nghèo như thế, buồn như thế và chịu đựng đau khổ nhiều như thế, mà người xa phần tử vẫn thương, vẫn

nhớ, vẫn yêu, vẫn quý?

Cái thương, cái nhớ, cái yêu, cái quý đó, người Bắc Việt nào, “cũ” cũng như “mới”, giàu cũng như nghèo, sang cũng như hèn, đều cảm thấy và đều rầu rĩ, nhưng ít có nói ra. Vì thế những cảm nghĩ ấy ngày một ngày hai nó lẫn cả vào trong tiềm thức để rồi có những đêm xanh như tóc những cô gái tuyết trinh, người xa nhà mộng thấy mình phiêu phiêu đi về những đường cũ lối xưa trò chuyện với những người thương yêu đã mấy thế kỉ nay vắng mặt.

Những đêm mộng về Hà Nội như thế, thức giấc nửa đêm muốn ngủ lại không tài nào ngủ được. Ở trên cái gác nhỏ, nhìn xuống con đường giới nghiêm, thỉnh thoảng có một chiếc xe quân cảnh bay vun vút như hỏa tiễn, người xa quê cảm thấy như có cái gì bốc cháy ở trong

người. Y nhìn bốn phương trời và tự bảo: “Nếu bây giờ trời mưa cho một trận thật to, may ra mình ngủ được”.

Nhưng cái mưa ở miền Nam, lạ lắm. Chính vào lúc mình cầu mưa như thế thì chốc thủng trời ra cũng chẳng mưa; nhưng lại cũng vào lúc mình không ngờ và không mong nhất thì mưa, nhiều khi không kèn không trống, trút xuống âm âm làm cho người đi đường không kịp tìm chỗ ẩn, khiến người ở trong nhà thấy người đi đường ướt lướt thướt, quần áo dán cả vào mình, cảm thấy ái ngại và tội nghiệp.

Ờ, cũng vào tháng Sáu này đây ở Hà Nội cũng hay có mưa rào, nhưng mưa rào ở Bắc đâu có thế: trước hết, mưa Bắc thường thường không lớn bằng mưa ở trong Nam, nhưng mưa Bắc lại rai hơn, có khi mưa suốt ngày suốt đêm không

ngủ, khác hẳn cái mưa rào trong Nam thoát một cái mưa, đánh đùng một cái tạnh, rồi nắng liền, y như thể một anh “thọc lét không cười” liến khí mà mặt thì cứ phượt ra không nhếch mép... Lắm lúc thấy cái mưa như thế, tức giận không để đâu cho hết, nhưng có lúc thấy mưa cũng thương thương; nhưng thật yêu mưa, phải nói rằng quả là tôi yêu những trận mưa rào đất Bắc, nó có đầu có đuôi, có xuôi có ngược, nhất là không bao giờ vừa mưa xong lại nắng liền, nhưng bao giờ cũng có một thời kì quá độ, tạnh mưa thì mát mẻ hắt hiu, thơ mộng...

Vợ chồng ăn ở với nhau, như thể là bàn tay mở rộng, còn có gì mà giấu được nhau? Bữa cơm hôm ấy, vợ làm thêm một món nữa để chồng nhắm với rượu ngâm bát vị hạ thổ bách nhật và chính vợ rót ra mời chồng uống rồi tự mình

cũng cầm lấy cái li uống một chút cho lưu thông huyết mạch. Trời mấy hôm nay oi quá, mưa được một trận thế này, cho của cũng không bằng. Chồng lại mời vợ uống thêm chút nữa và thấy mắt vợ tự nhiên sáng hơn mọi ngày mà đôi má hình như hồng hơn và mịn hơn. Không khí mát mẻ thế này, đóng cửa ở trong nhà uống quá.

Đi ra ngoại ô cho thoáng đảng thêm, anh nghe thấy rõ ràng không khí thơm nức mùi hoa chanh như ở trong giấc mộng: đường sá sạch như lau; lá cây ngọn cỏ xanh ngấn ngắt vì vừa mới được trời tắm rửa, không còn trắng bụi như ban trưa nữa. Bước trên những con đường xào xạc đá dăm cát trắng, mà nhìn vào những căn nhà nhỏ bắt đầu lên đèn ở giữa những mảnh vườn mát mẻ, có bóng đàn bà ẩn hiện, tự nhiên anh cảm thấy

đời thơm tho ý vị mà tim anh, quái lạ, sao lại rung lên nhẹ nhẹ như đôi cánh bướm!

Chẳng hiểu có phải vì thế mà mình mát mẻ dễ chịu thực hay là tại mùi hoa lá, sau trận mưa, hòa vào không khí làm cho ta say như nhấp phải men tình? Anh nhớ... hình như đã có một thời kì, anh cũng say như thế. À, phải rồi, đó là lúc hai vợ chồng mới gặp nhau, mới yêu nhau, cùng ngồi trên một bãi cỏ ven hồ Bảy Mẫu thả chân xuống nước và cùng ngây ngất vì hương gió ngát mùi sen thơm dội về ban đêm.

Đêm hôm ấy, người vợ nằm giải suối tóc xanh ở trên giường nệm trắng, cảm thấy cái hương gió ngày xưa ở đâu lại trở về vuốt ve da thịt mình.

Anh ơi, mở cửa sổ ra cho trăng chiếu

thật nhiều vào giường của đôi đứa chúng mình và anh để tay thế này, anh nhé, vì em thích nghe tiếng đồng hồ đeo tay của anh kêu tí tách bên tai như những trái tim bé nhỏ. Và người chồng tự nhiên lại thấy từ trong tóc da của người bạn chiều chăn cái mùi sen ngát của một buổi tối xa xưa trên bãi cỏ ở ven hồ Bảy Mẫu...

Ngủ đi em. Anh ru em ngủ đi em. Ở làng Nam, có những đám mây vẫn vù vù kia và thỉnh thoảng lại lóe lên những lần chớp sáng, có lẽ còn mưa, em ạ.

Đương nắng hạn, gặp mưa rào, đã đành là thú thật, nhưng thấy mưa nhiều cũng sợ vì tháng này là tháng ở Bắc có nhiều dông bão, mà nước lại thường dâng to. Đây là mùa người ở tỉnh kêu trời kêu đất vì không mưa, nhưng người nông dân, sống với thiên nhiên hằng ngày xem phong vũ biểu qua những phản ứng

động trời của cây cỏ cùng loài vật:

Kiến cánh vỡ tổ bay ra,

Bão táp mưa sa gần tới.

*Mùa hè đang nắng, cỏ gà trắng thì
mưa.*

Đóng thấp thời bão, đóng cao thời lụt.

và họ lo từng chút một - có khi được
mùa này mà lo cho mùa khác:

Được mùa cau, đau mùa nhãn.

Kể ra được mùa nhãn thì ai cũng lo là phải. Mặc dầu nông dân ta chưa đúc kết kinh nghiệm về mây mưa, sấm chớp, nóng rét, lụt bão thành một bản thống kê có lí giải khoa học, nhưng ai cũng có thể nghiệm thấy rằng những năm được mùa nhãn, những năm ta được ăn nhãn kì thích thì chính những năm ấy là năm

nước lớn và bão lụt nhiều. Ai cũng biết như thế, nhưng cầm lấy quả nhãn để ăn, có mấy ai nhớ vậy đâu, chỉ biết ăn nhãn thì sướng không gì bằng, ăn bao nhiêu đi nữa cũng không biết chán.

Ở miền Nam, độ mười năm trở lại đây, người ta đã có nhãn bán đầy đường, bán từng kí, bán từng mớ và cũng bán từng trăm bó lại, trông đẹp mắt vô cùng; nhưng riêng tôi ít khi dùng vì ngay lúc mới bắt đầu có nhãn ở đây, tôi thấy nhãn ở đây “trơ” quá. Cố ăn để thưởng thức hương vị của thời trân, càng nhớ quả nhãn Bắc Việt, cũng là quả nhãn mà sao khác một trời một vực!

Cô Ba thử tưởng tượng những quả nhãn to gần bằng trái chôm chôm bó lại, chung quanh có lá xanh ôm lấy quả vàng óng như những vòng tay ôm ấp người thương, chỉ nhìn thế thôi cũng đã sướng

mắt rồi phải không? Chưa thấm, cô Ba à: lột vỏ ra, đưa lên miệng còn sướng hơn. Cái cùi nhãn trắng như ngà, mà dày, mà thơm, mà lại ngọt như đường phèn, làm cho ta thoát đầu chỉ muốn giữ nguyên ở lưỡi, vì sợ nuốt vội thì phí quá.

Nhưng nhãn ấy thì ăn thua gì so với nhãn lồng, nhãn tiến, không to sồ sồ như thế mà ăn vào còn mê li gấp ngàn lần! Cái giống nhãn này lớn chừng nào thì cùi dày chừng nấy, lột vỏ ra không có nước dính tay, nhưng ăn vào thì nước nhiều, hương thơm ngào ngạt, nhân mãi mới thấy cái hạt có khi chỉ to bằng đầu ngón tay của đứa trẻ con mới đẻ.

Bây giờ, gặp ai ăn nhãn, tôi cảm thấy như vẫn còn thấy rõ ràng những ngày tháng Sáu ngày xưa, cứ mỗi khi nhãn sắp chín thì ông Hương Tam lại lên mời mẹ tôi mua một vài cân. Nhãn mà ăn nhãn

Hưng Yên hay nhãn Cót thì quả là... trời sâu đất thẳm, quỷ khốc, thần kinh! Anh có thể đi nửa ngày mà không thấy trời vì trời bị các rặng nhãn sum sê che lấp. Anh có thể ngồi trên bãi cỏ, bảo trẻ trẩy nhãn cho anh ăn kì thích thì thôi, nhưng biết thế nào là thích? Vì thế, hằng năm những gia đình đủ ăn ở Hà Nội thường đặt mua năm mười cân nhãn “gia dụng” để ăn dần cho đến hết mùa.

Nhiều người bảo rằng giống nhãn ăn vào nóng lắm. Tôi chưa có dịp nghiên cứu xem lời ấy có đúng không, nhưng có một vài lần tôi đã say nhãn, tựa tựa như say rượu nếp cẩm, uống vào ngọt lừ lừ nhưng say lúc nào không biết, say nhẹ nhẹ, say êm đềm, mà có thể say lơ mơ như thế hai ba ngày. Có người bảo ăn long nhãn cũng có thể say như thế. Long nhãn phần nhiều làm bằng nhãn

Lạng Sơn. Đây là đất sản xuất một phần lớn tổng số tiêu thụ trên toàn quốc. Vừa ăn, và ngắm nghĩa miếng long nhãn, người ta thấy cùi nhãn này dày ở phần trên, mà mỏng về phía dưới, chớ không dày toàn diện như những quả nhãn lồng, nhãn điếc mà ta ăn hằng ngày hay bóc ra lồng một hạt sen vào bên trong, nấu chè để thưởng thức vào những buổi chiều oi bức.

Tôi yêu đất nước tôi vì mỗi vùng có những con cá lá rau, những hoa thơm trái ngọt nổi tiếng, và tôi yêu người nước tôi đã khéo biết đem các thức ăn ngon lành nổi tiếng đó làm thành tục ngữ ca dao, muôn đời nghìn kiếp không sao quên được: cam xã Đoài, xoài Bình Định, bưởi Đoan Hùng, mít Gio Linh, nhót Thanh Chương, tương Nam Đàn, nhãn Hưng Yên, giò Văn Điển, vịt Bầu Bền, gà trống

thiến Lạng Sơn... Dứa La, cà Láng, nem Báng, tương Bần, nước mắm Vạn Vân, cá rô Đầm Sét...

Cũng vào mùa này đây, ăn mặn ai mà không nhớ mặn Thất Khê vừa giòn vừa thơm, ăn ngọt ơì là ngọt; na thì na Láng là ngon nhưng na Phủ Lí cũng là na có tiếng; song le đến bây giờ tôi vẫn chưa biết tại sao dứa ở Bắc Việt ngon lạ ngon lòng như thế mà không thấy có câu tục ngữ nào nói tới? Tôi đồ chừng là tại dứa ở vùng nào cũng có mà ở vùng nào cũng ngon lành như nhau nên thành ra không có gì cần phải ghi nhớ nữa.

Phải, không cần ghi, nhưng nhớ thì vẫn nhớ. Cũng như nhãn, dứa ở ngoài ấy cũng khác dứa trong này: trái nó phần nhiều không lớn như trái thơm nhưng đến cái dứa thì mật thì tuyệt, nhất định thơm ở trong này không thể bằng. Vợ

ngồi bổ dừa cắt từng khoanh, xếp vào trong đĩa tây trắng bong ra, rắc đường tây, bỏ nước đá vào, đợi ăn cơm xong, thì lấy ra tráng miệng: này, anh thử cầm lấy một miếng soi lên sẽ thấy miếng dừa chắc nịch, lõi gần như không có. Mà nếu có, ăn cũng không có xơ nhiều, nhưng đặc biệt là chung quanh miếng dừa sao nó vàng thế nhỉ, vàng cứ như mật ong, mà cũng thơm phức như là mật ong!

Cái thứ dừa thường để ăn lắm rất lười nhưng thái từng miếng để xào với lòng vịt thì tuyệt trần. Lòng vịt với dừa hình như có duyên nợ với nhau từ kiếp trước cho nên lòng vịt xào với dừa ăn ý nhau lạ lùng, còn xào với lòng gà, không hiểu tại sao nó có cái gì làm cho thực khách thấy ngang ngang một chút.

Có một ông bạn già, rất nghiêm

trang, một hôm giải thích cho tôi về sự kiện đó như sau:

– Có gì lạ đâu, ông? Dứa màu vàng, thuộc về dương, vịt ở dưới nước thuộc về âm. Âm dương hòa hợp nhau thì nhất định là đúng phép, cũng như núi với sông, bướm với hoa, trai với gái!

Dù sao, ăn như thế cũng chỉ là ăn chơi ăn bởi: mùa nực mà ăn đồ xào nhiều, nóng lắm. Người đàn bà sẵn sóc đến miếng ăn giấc ngủ của chồng, tình ý, không ưa làm món thịt thường xuyên, mà lại ưa làm món cá bởi vì cá vào cũ nước lớn thường tương đối béo. Muốn ăn cá chép phải đợi đến cuối tháng Bảy sang tháng Tám; cá quả thì tết Trung Thu ra ăn mới vừa miệng người sành; còn cá rô đầm Sét nổi tiếng là ngon thì đợi đến tháng Một, tháng Chạp ăn mới thật là đáo để.

Nhưng ở vùng Bắc Giang, Hà Đông vào Vân Đình, Hương Tích, Đọi Đệ, chợ Dân, chợ Kẹo, ai đã qua chơi mấy nơi đó vào cỡ cuối tháng Sáu, đầu tháng Bảy, có còn nhớ rằng có một thứ cá rô gọi là “cá rô don”, ăn cũng ra phết lắm không? Giống này chỉ to hơn ngón tay út, lưng đen, bụng vàng, đánh vảy bỏ ruột, nấu với rau cải cúc ăn đã sướng nhưng không thấm vào đâu, nếu đem hầm trong nồi đất, theo lối nhà quê.

Tôi không bao giờ quên được những ngày tản cư ở cái làng đồng chiêm giữa chợ Kẹo và chợ Ngăm, không biết làm gì trong những giờ phút vô liêu, vợ chồng và con cái mua những cái xa về kéo sợi. Đến phiên chợ, đem sợi bán.

Yêu người vợ tấm mẩn không biết chừng nào! Trong những giờ phút gian lao như thế, vẫn chẳng nghĩ đến mình,

lúc nào cũng chỉ lo chồng buồn, chồng khổ, vì thế bao giờ bán sợi rồi cũng tìm mua cho kì được một vài thứ để đem về nấu nướng cho chồng thưởng thức và thết đãi các bạn hữu ở mạn trên về qua đó hay ở Hưng Yên, Đáp Cầu sang thăm.

Cái món “cá rô don” ăn ngon không chịu được, nhưng có nhiều phần chắc chắn là tôi khó có dịp được thưởng thức lần thứ hai. Không những vì giống cá này ở đồng chiêm, nơi đây hiếm có, mà còn vì đời sống ở đây vất vả gay gắt quá, người ta không có thể phí phạm thì giờ nịnh khẩu cái của mình hay nuông chiều một ý thích có khi không mắc mớ gì cho lắm.

Thực vậy, một rô cá rô don ngày trước bán đắt lắm cũng chỉ đến hai hào. Dem về làm chẳng tốn kém gì, bất quá cũng chỉ thêm một hai xu lá gừng, cộng

gừng và một ấm nước trà tàu đặc là cùng, nhưng mà hầm một nồi để ăn, mất công phu nhiều lắm. Làm vậy, mổ ruột bỏ đi rồi, xếp vào nồi, cứ một lớp lá gừng và cộng gừng lại là một lớp cá, đun rồi lấy nồi đất úp lên trên, lấy tro và trấu trét lại cho nồi thật kín; lúc đó mới bện rơm chung quanh nồi, bỏ ông nồi rau ra và vùi xuống tro có lửa riu riu, phủ kín nồi. Như thế, vài ba tiếng đồng hồ. Đến lúc được, mở ra thì cá rô đỏ đồng đỏ mà dừ nhĩn; ăn ngon gấp bội cá mè đóng hộp.

Nếu không muốn cầu kì, cá rô đơn nấu với rau cải, bỏ mấy nhát gừng, ăn cũng sướng khẩu cái lạ thường. Nhưng tháng Sáu là mùa trám xanh ở Bắc, ăn canh cá, tội gì không điểm trám xanh vào cho nồi vị thơm. Trám xanh khác trám đen: trám đen bỏ đôi ra, chấm với tương Bần, hay nhồi thịt, mộc nhĩ, nấm

hương đem hấp; còn trám xanh, nhiều người cho rằng làm theo lối đơn giản, bỏ đôi ra, dầm nước mắm ớt, ăn kèm với canh cá rô rau cải theo kiểu cà của ta hay trái ô liu của Tây, hợp giọng không chịu được.

Vợ chồng yêu thương nhau thì ăn uống cần gì phải cầu kì mới ngon. Tôi còn nhớ có một thời kì sống độc thân ở một căn gác nhỏ tại Thanh Mộc Áp, cứ chiều đến lên đèn, phải sửa soạn đi đến nhà hát ở nhà bà Phủ Thắng. Nói là đi hát cho thanh nhã chứ thực ra thì là vì mê đào. Đào này lại không ở đêm ở nhà hát, cứ vào khoảng mười hai giờ thì về nhà ở cách đó chừng bốn năm cây số. Tôi không hiểu mãnh lực gì ghê gớm cứ buộc tôi tối nào cũng phải đưa cô ta về nhà; tuy nhiên, cái đó cũng chưa lạ bằng có đêm tháng Sáu, mưa rào như trút

nước, tại sao tôi lại cứ có thể cùng đào đội mưa đi như thế cả tháng mà cứ khỏe khoắn, cứ tươi vui như thường? Nghĩ lại những đêm hai đứa, độ một giờ sáng mới về đến nhà, ướt lướt thướt như chuột lột, phơi quần phơi áo xong lấy nồi đất thối một nồi cơm nóng lên ăn với mấy cọng rau cải xanh chấm nước mắm dầm trứng, tôi mới thực thấy rằng cái món ăn ngon đã quý, nhưng quý vượt bậc là bầu không khí lúc ăn và người cùng ngồi ăn với mình.

Ở miền quê Nam Việt, tháng Sáu là mùa khoai và bắp. Trông thấy những luống khoai tươi tốt, có củ to như cái cườm tay, tôi lại nhớ lại những bữa ăn với vợ sau này, cũng thanh đạm như hồi còn tăng tịu với cô đầu ở Thanh, có khi chỉ có mấy nồn khoai mà sao ăn ngon thế. Thì nào có quái gì đâu: ở Hà Nội, sáng sáng

vẫn có những người ở quê lên bán những cái nõn khoai xanh ngắn ngắn, cuộn lại như tháp bút. Mua về rửa đi, cho vào nồi đất có tương ngon và mỡ ninh dừ lên rồi lấy ra ăn; có thể thôi, nhưng mà ăn cứ là ngon, một cái ngon mộc mạc, quê mùa, nhưng bây giờ có khi đương ngồi ăn thịt gà rang muối hay vịt bỏ lò, sức nhớ đến thì thấy thèm quá thể là thèm. Y như là đương uống rượu mạnh như đốt ruột đốt gan mà thèm một chén chè tàu ướp trong một bông sen dầm trong nước Hồ Tây hay là rỗ gót phong trần trên một vùng đồi núi xa xôi, lúc chiều tà, nghe thấy tiếng líu lô mà nhớ lại tiếng hát dịu dàng của người vợ ru mình vào giấc mơ thân thoại:

*Bên này con sông, Bên nọ con sông,
Nước sông bên nọ theo dòng bên kia.*

*Quản chi lặn đạn sớm khuya,
Thân em dầu dãi nắng mưa vì chồng.*

Tiếng hát ru xen lẫn lời than của con đĩ vũ làm cho trăng trên trời mờ đi. Không khí lúc nửa đêm về sáng rung lên nhẹ nhẹ. Trong lúc chập chờn, người chồng thấy sao rụng ngay xuống đầu mình và ở phía xa xa hình như có tiếng sinh phách của những cô nàng bé nhỏ tí ti vừa bay vừa hát:

*Bến Nam liễu bá con đò,
Mảnh mây viễn phố, cánh cò hàn sa.
Ngàn đông khói lẫn lạc hà,
Giọt mưa cổ thụ, tiếng gà cô thôn.
Vó câu pha gió nhẹ bon,*

Bên lầu bắc hỏi hoàng hôn địch nào?

Trời tây bóng hạc non sào,

*Đường rêu khách quạnh ruổi vào Thiên
Thai.*

**Tháng Bảy,
Ngày rằm xá tội vong nhân**

Thì mình cứ nhận ngay là cái trò
ấy gọi cảm không chịu được.
Sáng tháng Bảy, ai chẳng nhớ đến đại lễ
Vu Lan Bồn, xá tội vong nhân! Mà cứ nói
đến xá tội vong nhân, chắc chắn trong
mười người Bắc Việt di cư phải có tám
chín người nhớ đến bài thơ Chiêu hồn:

Tiết tháng Bảy mưa dầm sùi sụt,

Toát hơi may, lạnh buốt xương khô.

Ngày rằm xá tội vong nhân

Não người thay, buổi chiều thu

*Hoa lau nhuộm bạc, lá ngô rụng
vàng...*

Tôi còn nhớ lúc bắt đầu vào đây, tìm cả tháng không ra bài văn ấy. Về sau, vào một ngày tháng Bảy nhớ đến Nguyễn Tuân xát xà bông vào người nổi bọt lên, gõ chậu thau, niệm bài văn đó, tôi thêm được nghe một cô đầu nào ở Phú Nhuận, Đại Đồng niệm đúng theo lối Bắc cho nghe, nhưng chưa có dịp nào thì may làm sao, người phụ trách mục Tao Đàn cho nghe bài ấy qua giọng một danh ca xứ Bắc.

Thử tưởng tượng: chín mười giờ đêm, cả nhà đi ngủ rồi, mình lò mò trở dậy, ngồi vắn máy nghe một mình bài thơ thảm thiết ấy với một giọng quý khóc thần sầu thì đã rợn tóc gáy chưa? Thật

tình, tôi không ngạc nhiên chút nào khi thấy có những cô hàng xóm người Nam thấy tôi nghe bài đó, sáng hôm sau, hỏi tại sao tôi lại có thể nghe một cách thích thú như thế và các cô lại không ngại nói trắng ra là các cô nghe “tởn” lạ lòng vì nó “ma quái” quá! Muốn chê gì, mặc, tôi cứ nghe như thường.

Tôi có cái bệnh là không ưa đài phát thanh, xuân thu nhị kỳ mới mở máy nghe một chút; nhưng năm nào vào ngày mười bốn hay rằm tháng Bảy, tôi cũng nhớ vắn nghe bài chiêu hồn ma quái ấy và bất cứ năm nào, với bất cứ ca sĩ nào, tôi cũng thấy nguyên vẹn cái thích thú buổi ban đầu. Tuy nhiên, mỗi khi nghe xong, bao giờ tôi cũng tiếc một chút là tháng Bảy ở đây... nắng quá, oi quá, hấp hơi quá. Mà tôi thì quan niệm rằng bài Chiêu hồn của Nguyễn Du chỉ có thể hay hoàn toàn

khi người ta niệm vào ngày mưa sầu gió
thâm liên miên ở Bắc.

Bắc Việt từ đầu tháng Bảy, mưa thối
đất: mưa lai rai, mưa dầm dề, mưa lê thê,
và tự nhiên thấy mưa ai cũng náo nức là
vì không ai bảo ai mà đều biết đó là mưa
ngâu. Và ai cũng nhớ lại câu hát mà ai
cũng thuộc lòng từ thuở nhỏ:

*Tục truyền tháng Bảy mưa ngâu,
Con trời lấy đũa chần trâu cũng phiên.
Một rằng duyên, hai rằng là nợ,
Sợi xích thằng ai gỡ cho ra...
Vụng về cũng thể cung nga,
Trăm khôn nghìn khéo, chẳng qua mục
đồng...*

Ở trong Nam, vài chục năm về trước, những ai chưa từng đặt chân lên đất Bắc không thể biết thế nào là mưa ngâu.

Vào lúc đó, một năm chia rõ rệt hai mùa: mùa mưa và mùa nắng, quanh năm không biết cái lạnh là gì. Về sau này, thời tiết thay đổi hẳn. Có người đùa bảo rằng người Bắc mang theo thời tiết vào đây, năm tháng đổi thay, từ tháng Chín tháng Mười, vào lúc nửa đêm về sáng trời hơi lạnh, phải đắp chăn đơn. Cuối Chạp, có mưa, đôi khi tựa tựa như mưa phùn để cho cây cối đâm chồi nảy lộc. Từ tháng Năm, bắt đầu mùa mưa. Sang tháng Bảy có khi mưa sậm sục. Mưa không lớn, nhưng ào ào một tí rồi thôi, rồi lại mưa, mưa dai dẳng, có khi kéo dài cả một buổi chiều đến hết đêm, nhưng mưa như thế không thể ví với mưa ngâu đất Bắc.

Ở đất Bắc, sang tháng Bảy trời chưa lạnh, nhưng đứng ở trên cao mà nhìn ra sông nước, người ta thấy trời đất cỏ cây ướt sũng một thứ hơi ùng đục, làm cho người ta linh cảm như sắp có một cái gì làm cho ta bứt rứt, làm cho ta tấm tức. Trời thấp tè tè. Thỉnh thoảng, lại có một làn gió ướt thoảng qua. Ai cũng đoán là sắp mưa. Quả nhiên mưa thực, nhưng cái mưa gì mà buồn không chịu được! Nó lai rai như muốn cửa vào thần kinh ta, nó tạnh một lát rồi lại mưa, mưa đều đều trên mái nhà, mưa đều đều trên bụi cây đồi cỏ, có lúc im phăng phắc nhưng có lúc lại trút xuống rào rào, rồi lại mưa đều đều, và cứ mưa như thế hết ngày ấy sang ngày khác, hết đêm nọ đến đêm kia, chán không để đâu cho hết, mà rầu rĩ trong lòng không biết bao nhiêu.

Chẳng còn ai muốn bước chân ra đường. Đứng ở sau bức châu liềm nhìn ra con đường lầy lội, người con gái đẹp tưởng tượng như mình sống ở một thế giới cách biệt với đời và cảm thấy chưa bao giờ cô quạnh, lạnh lùng như thế. Bao nhiêu ước mơ đã quên đi trong những ngày hè oi bức có tiếng đàn ông cười giòn tan, có những bóng dáng phong lưu in vào tròng con mắt, có những câu nói hữu tình đẩy đưa những con mắt hữu tình, tự nhiên, không biết từ đâu trở lại và làm cho con tim trời cho đa tình đau như thể có một bàn tay nào bóp khế.

Nhìn mưa ngâu, người con gái đẹp cũng thấy mưa ở trong lòng mình vì cho rằng mình là một thứ Chúc Nữ bị trời đày phải cách biệt. Ngưu Lang và Chúc Nữ còn có dịp gặp nhau đêm thất tịch để cùng than khóc với nhau, còn Ngưu

Lang của nàng thì biết đến bao giờ mới gặp?

Ai không vui duyên hương lửa, ai ôm trong lòng vạn lí tình, ai tiễn người đi mãi mãi không về, ai nhìn khói sóng mà nghĩ đến người bạt ngàn mây nước, ai nhớ ai cùng xây mộng ước mơ nhưng vì trời chẳng chiều người mà phải gảy khúc đàn cho kẻ khác nghe, vào những ngày mưa ngâu như thế, hỏi có đau không, hỏi có sầu không? Ai cũng như ai, không nói ra lời nhưng đều thấy lòng nặng trĩu một bầu trời thương cảm. Thương cho vợ chồng Ngâu một năm mới gặp mặt nhau một lần, thương cho mình, thương cho kiếp người sao lại dặt toàn bằng những sự nhớ nhàng ngang trái! Giọt lệ của vợ chồng Ngâu, ai cũng cho là chính giọt lệ của mình. Ai cũng cho là mình còn khổ hơn cả vợ chồng Ngâu vì vợ chồng Ngâu

còn có chim quạ bắt cầu ô thước, chớ đến mình thì có chim nào bắt cầu đâu? Câu chuyện truyền kì, tự nhiên, đượm một vẻ nên thơ kì lạ và rồi người ta thấy rằng mưa ngâu tỏa ra một thi vị bao la man mác.

Những đêm như thế, người nằm nghe mưa thấy trong cõi buồn vơ vẩn một thú vị nhẹ nhàng của những người được đau khổ để cảm thông cái đau khổ của bao nhiêu người khác cũng đau khổ như mình, đương sống hay đã chết. Đêm mưa sullen sướt nghe thấy tiếng van xin của những người ăn mày ở đằng xa vọng tới, hay tiếng guốc lê sên sệt trên đường khuya, hoặc tiếng rao buồn muốn chết của những người đi bán hàng khuya chưa về với gia đình, mình tự nhiên thấy chán chường cho kiếp sống và tự hỏi có nhiều người khổ quá sức là khổ thế thì

có thể gọi họ là người được không?

Nhưng nói cho cùng thì sống chết đều khổ cả. Ai bảo chết là xong chuyện? Ở thì cứ bảo là phản khoa học đi, bảo là dị đoan đi, nhưng thâm tâm tôi bao giờ cũng tin rằng chết không phải là hết, rất nhiều người chết mà vẫn khổ như thường.

Ấy là những người chết mà không siêu thoát, chết mà vẫn nuối tiếc cái gì, chết mà không nhắm mắt, vì còn ân hận. Ấy là những người trước đây lắm le thay đổi non sông nhưng gặp phải vận cùng thế khuất; ấy là những kẻ màn lan trướng huệ gặp phen thay đổi sơn hà chỉ còn mảnh lá che thân; ấy là những kẻ lâu đài phượng các không còn ai bát nước nén nhang; ấy là những kẻ vào sông ra bể, đem thân chôn rấp vào lòng kinh ghê; ấy là những kẻ mắc đoàn tù rạc,

gửi mình vào chiếu xác một manh; ấy là những kẻ chìm sông lạc suối, những người gieo giếng thắt dây; ấy là những đứa trẻ lỗi giờ sinh phải lìa mẹ cha từ tấm bé, không có ai bông bế.

Thương thay thập loại chúng sinh,
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê
người.

Hương lửa đã không nơi nương tựa,
Hồn mồ côi lần lửa bấy niên...

Những hồn mồ côi ấy siêu thoát làm sao cho được, đành là cứ phải vất vưởng ở ngang bờ dọc bụi, lang thang ở quán nọ cầu này, nay hiện lên ở đầu chợ cuối sông, mai lại lập lòe ở chân mây ngọn suối.

Trời thăm thăm mưa gào, gió thét,

Khí âm huyền mờ mịt trước sau.

Ngàn cây nội cỏ râu râu,

Nào đâu diệu tế, nào đâu chúng thường.

Những cô hồn vô định, côی cút ấy đành là chỉ còn biết trông vào những người có đôi chút từ tâm, ngày rằm mồng một thí bỏ cho bát cháo nấu xôi, hay đốt con thoi vàng manh áo để rồi:

Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,

Lặn mặt trời lẩn thẩn tìm ra.

Tháng Bảy mưa ngâu, thấp ngọn đèn con lên mà niệm một mình bài “Văn tế thập loại chúng sinh”, quái thật, sao mình cố giữ cho lòng bình tĩnh mà như có sóng gió nổi lên ở trong tim?

Nửa đêm về sáng, trời bắt đầu lành lạnh. Gồm giếc cho cái mưa quái quỷ gì cứ kéo lê thê ra mãi không có một lúc nào ngớt hột. Ngoài kia, trời tối mù mù.

Có ai thức vào những lúc này có cảm thấy gì không, chớ tôi thú thực có nhiều lần đã ớn lạnh nơi xương sống vì tưởng như trông thấy những cô hồn rách rưới tang thương kéo từng đoàn đi lơ lững trong không khí âm u sương khói.

Bao nhiêu truyện “Liêu trai chí dị”, “Truyền kỳ mạn lục” đọc từ ngày đi học, lần lượt xâm chiếm đầu óc tôi, lộn xộn, lơ mờ, nhưng có lúc hiện ra rõ rệt như những tia sáng yêu ma lóe ra trong một thế giới hỗn mang có những hồ li hóa trang thành đàn bà xõa tóc, những bộ xương trắng chui từ trong lòng núi ra đi lọc cọc, chạm vào nhau kêu cóc ca cóc cách, và những người không đầu từ

những mảnh giẻ ở dưới đất bay ra thành hàng vạn đốm lửa rồi tụ lại thành ra không biết bao nhiêu ngọn tháp bay lơ lửng trên lưng chùng trời.

Tất cả những cái đó là người hay ma? Là u hồn không được siêu thoát hay chỉ là ảo tưởng do người phản khoa học tưởng tượng ra vì bị ám ảnh, vì hổng óc?

Thôi, chẳng tội gì mà nghĩ ngợi vẩn vơ về vấn đề có ma hay là không có ma, chết là hết hay linh hồn còn tồn tại, những cô hồn không được cúng kiến đi lang thang trong cõi hư vô là thật hay chỉ là chuyện đặt để không đâu để lấy làm điều răn người sống! Chỉ biết rằng mắt mình trông thấy thật như thế thì cứ nói toẹt ra, chẳng sợ ai cười là hủ hóa, là “rùng”, là “chậm tiến”.

Thế nhưng mà tại sao những cô hồn

rách rưới tang thương kéo từng đoàn đi lơ lửng trong không khí sùi sụt mưa dầm, lạnh toát hơi may, cứ điểu đi diển lại mãi không thôi thế này? Họ đi đâu mà kéo đi bất tận thế này? Họ có bao giờ được nghỉ ngơi không, hay là cứ phải đi như thế mãi, như thế mãi? Mà họ là ai vậy mà trông vừa gớm ghê, vừa ai oán, nửa như thực mà nửa như hư thế này?

Quả là đến lúc viết tới đây tôi cũng không hiểu tại sao lại nhớ đến một chương trong thiên phóng sự “Về Bắc Việt” của Madeleine Riffaud “viết dưới bom”: ờ, Mỹ bắt đầu oanh tạc Bắc Việt hồi 1966 chính là vào cỡ mưa rầm tháng Bảy, vong nhân xá tội đây! “Chúng tôi đọc thấy rằng, từ một vài tháng nay, các phi vụ ở Bắc tăng gấp ba, số bom ném cao lên vòn vọt, còn nhiều gấp tư số bom ném trung bình hằng tháng ở Cao Ly.

Người Việt Nam có bị tiêu diệt không?
Mà họ làm thế nào chịu đựng được?”

Chẳng cần phải nghĩ vắn vơ, ai mà lại không biết số người chết hẳn phải nhiều. Đem cộng con số này với bao nhiêu người Việt Nam đã chết vì bom của “đồng minh” đến “giải phóng” chúng ta khỏi ách của “phát xít” Nhật, bao nhiêu người chết đói năm 1945, bao nhiêu người chết vì bệnh tật, súng đạn của Pháp đến “cứu” ta ra khỏi “nanh vuốt” của cộng sản, rồi lại bao nhiêu người chết vì cộng sản và vì “chống cộng”, bao nhiêu người chết vì bom Mỹ, súng Mỹ ở ngay tại miền Nam, bao nhiêu người bị đột kích, pháo kích, truy kích, xung kích, oanh kích, công kích, xạ kích, phục kích... Ồ, nhiều quá sức là nhiều, thế thì những oan hồn cứ kéo nhau đi hằng hà sa số, trường kì bất tận cũng không có gì lạ hết.

Nhưng mà họ đi đâu? Họ cứ đi mãi thế à? Nghe nói cả bên đạo, bên đời đều chủ trương là có một cõi ghê gớm lắm, tục gọi là địa ngục, rộng bằng cả một thế giới chúng ta đang ở, xét xử rất phân minh, ai làm tội ác thì bị cửa đầu, cắt lưỡi, leo cầu vồng, cho chó ngao moi ruột, còn người nào làm việc thiện thì được lên thiên đường.

Thiên đường và địa ngục, hắc bạch rất phân minh, thế thì tại sao lại có những cô hồn không lên thiên đường mà cũng không ở địa ngục, cứ đi phất phưởng lang thang như thế? Có phải là Nam Tào, Bắc Đẩu đã quên ghi họ vào sổ tử chăng? Hay là vì họ không có tiền chạy chọt nên còn phải ở ngoài chờ đợi? Hay là vì không phải ở “đảng ta” nên chưa được gọi vào xét xử, cứ phải còm nồm, muỗi vùng đứng châu rìa?

Nhưng dù sao đi nữa thì mình cũng cứ chịu vị đại đức nào đã nghĩ ra sự tích lễ Vu Lan, mỗi năm lại lấy ngày rằm tháng Bảy làm ngày xá tội vong nhân... ở nơi âm phủ.

Bây giờ ngồi nghĩ lại thì mới thấy tội nghiệp cho vợ mình: cứ mỗi năm đến lễ ấy - còn kêu là lễ Trung Nguyên hay là tết Vu Lan - thì lại kể lại cho chồng nghe sự tích lễ ấy theo đúng sách “Mục Liên cứu mẫu kinh điển âm”, theo đó thì Mục Liên không phải là tên thật mà chỉ là cái hiệu. Tên thật Mục Liên là La Bộc.

“Theo đúng sách, La Bộc là con ông Phổ Tướng và bà Thanh Đế. Vì gia đình túng thiếu, La Bộc phải đi buôn bán ở tỉnh Kiên Liên. Ít lâu sau, giàu có, La Bộc cho người đem tiền về biếu mẹ. Bà mẹ ăn xài hết nhẵn rồi lại còn giết chó làm nhân bánh biếu sư. Đến lúc La Bộc về thì

bà mẹ lái chổi và nói rằng bao nhiêu tiền con gửi về cho đã đem cúng cả vào đền chùa miếu vũ rồi.

“Chẳng bao lâu, bà mẹ chết. Chịu tang mẹ ba năm, La Bộc đi qua nước Ki Tô là nơi Phật ở, xin phép ở lại tu luyện theo hầu. Phật thương tình, ưng thuận, sai thầy Kha Na cắt tóc ông và đặt tên là Đại Mục Khiên Liên và cho vào tu ở chùa Lã Bí trong rừng Quít Sơn. Cái tên Mục Liên phát sinh từ đó. Muốn đến rừng Quít Sơn, phải qua chùa Thiên Giai là nơi có những âm hồn ở lẫn quất nghe kinh. Mục Liên chỉ nhận thấy có cha là Phổ Tướng, còn mẹ là Thanh Đề thì không. Mục Liên ôm mặt khóc, Phật hiện lên bảo cho biết là Thanh Đề vì khi sống điều ngoa gian ác nên bị đày xuống ngục A Tỳ rồi.

“Mục Liên lặn lội tìm cho tới ngục

A Tỳ gặp mẹ. Nơi đây bà mẹ chịu trăm ngàn thứ cực hình, không sao chịu nổi. Thấy con, bà mẹ khóc lóc nhờ con tìm cách cho bà ra khỏi ngục. Mục Liên dắt mẹ đi nhưng quỷ sứ giữ lại. Chàng lại cầu xin đức Phật. Ngài thương tình bảo Mục Liên: ‘Nhà người cứ an tâm, trở về Vương Xí, ta sẽ hóa phép cho mẹ người thành con chó ở bên cạnh nhà người.’

“Quả nhiên về đến Vương Xí thì có một con chó quẩn quít ở bên chân Mục Liên. Chàng hiểu ngay đó là mẹ mình, bèn hóa phép cho con chó thành người. Từ đó, Mục Liên ngày đêm đem hết lời khuyên mẹ sám hối, rũ lòng theo chân lý đạo Phật. Bà mẹ nghe lời con, ăn chay niệm Phật, rồi một đêm rằm tháng Bảy, hóa thành tiên, bay lên trời. Mục Liên bay theo mẹ và cầu xin đức Phật xá tội cho bảy đời họ hàng nhà mình.

“Dựa vào sự tích ấy, cứ đến ngày rằm tháng Bảy, các đền chùa miếu mạo đều làm chay chạy đàn, phá ngục cho các tội nhân. Tục gọi là tết Vu Lan. Mọi nhà cũng đều làm lễ cúng bái rất thành kính vì tin rằng ngày đó là ngày ở dưới âm, vong nhân xá tội cho những người quá cố”.

Ấy, câu chuyện đại khái chỉ có thế thôi. Nghe một, hai lần cũng vui tai, nhưng vợ chồng ăn ở với nhau chốc là hai mươi mốt, hai mươi hai năm trời mà cứ nhắc đi nhắc lại sự tích ấy vào dịp vong nhân xá tội, thét rồi cũng ngấy. Nhưng đến bây giờ, cũng vào tháng Bảy ngày rằm, cũng ăn cái lễ xá tội vong nhân dưới một trời nắng cháy, mình có muốn gối đầu vào tay vợ, nghe chính vợ kể lại cho mình sự tích Mục Liên Thanh Đề một lần nữa trong khi ở ngoài trời mưa

sườn sườn, có gió may thổi vi vu thì cũng chẳng còn được nữa..., nuối tiếc đến mấy thì cũng chẳng còn được nữa...

Nhưng nuối tiếc không phải chỉ có thế mà thôi. Người ly hương còn nuối tiếc không biết bao nhiêu cái không khí chùa chiền ở Bắc vào dịp lễ Trung Nguyên, chiêm trống, chũm chọe vang rân cả những vùng chung quanh, các sư lũ lượt ở xa về họp ở mấy ngôi chùa chính, đội mào có múi như múi khế, thêu xanh, đỏ, trắng, vàng, cầm gậy chạy đàn, ra điệu phá của những nhà ngục ở dưới âm ty để giải thoát cho những u hồn tội lỗi rên xiết trước những hình phạt gớm ghê mà óc người không thể nào hình dung được trọn vẹn, như leo cầu vồng, rớt xuống sông mê, chó ngao moi ruột, quăng vào vạc dầu, cửa đầu, móc mắt, leo cột đồng nung đỏ, rút lưỡi hà răng...

Có trông thấy người vợ bé nhỏ thấp hết tuần nhang này đến tuần nhang kia, khấn hết bàn thờ này đến bàn thờ khác, xuýt xoa lễ bái hết gốc cây này đến ụ đất kia, mình mới thấy rõ ràng hơn hết cả bao giờ là vợ mình tin tưởng như điên, lễ Trời lễ Phật đã đành, nhưng nếu thấy rằng lễ yêu tinh quỷ sứ, cô hồn các đảng, bà cô ông mãnh mà các tà ma yêu quái đó đỡ ác đi thì cũng chẳng ngại gì mà không lễ.

Lễ như thế, chưa đủ: về nhà còn lễ nữa. Nhưng muốn lễ thế nào thì lễ, vào ngày tết Trung Nguyên nhà nào cũng phải nấu một nồi cháo trắng múc ra từng chén đặt ở trước nhà, và nhang đèn vàng mã, chè đường bỏng bộp bày ra để cho các u hồn phảng phất ở chung quanh đó tìm lại mà phối hưởng. Lễ xong, các phẩm vậy ấy người nhà thường không

ăn, mà để cho các người nghèo khó đến giành giựt để ăn hoặc cho vào bị đem về nhà.

Sống ở trong này, thì tôi không thấy các thành phố ăn tết Trung Nguyên như thế. Có thể bảo rằng bà con miền Nam ăn tết to hơn: xí nghiệp, công ty, tư sở, công sở nào cũng cúng rồi quay ra uống la ve, nhậu với thịt quay bánh hỏi, không cứ vào đúng ngày rằm tháng Bảy nhưng có thể vào bất cứ ngày nào từ rằm đến ba mươi, vui lắm, nhộn nhịp lắm, nhưng không có mấy nhà nấu cháo bày ra đường và bày chè lam, bỏng bộp để tiếp đón những oan hồn đi qua, như ở Bắc.

Tôi còn nhớ lúc nhỏ, vào những đêm cúng cháo chúng sinh như thế xong rồi, lên giường nằm ngủ, - tôi thích tưởng tượng ra những cảnh cô hồn ở các nơi kéo nhau về ăn cháo, tranh giành bỏng

bộp, chè lam và giành giựt nhau những cái áo cắt bằng giấy tàu xanh đỏ, những thoi vàng bẻ bằng nan nửa ngoài bọc giấy vàng hay những tờ giấy tiền làm bằng những tờ thiếc tráng tượng trưng cho bạc và những tờ thiếc quét “hòe” tượng trưng cho vàng.

Nhớ lại như thế tức là nhớ lại cả một thời bé dại, nhà chưa có gì, tôi còn đi học “Dương Tiết” ở nhà cụ Tú Tăng đầu Hàng Gai. Học xong, về nhà, bắc chõng ra giữa sân nhìn lên trời xem mây bay rồi ngủ lúc nào không biết. Đến khi thức dậy thì mẹ tôi đã đếm xong những thiếc buộc lại từng bó ngàn tờ một. Nồi lá hòe cũng vừa nấu xong, thầy tôi lấy một cái chổi cọ dúng vào nồi lá hòe, phết lên tờ thiếc thành một màu vàng sẫm. Tôi phụ trách gấp đôi những tờ thiếc lại, phơi lên những cái “vè” nhỏ làm bằng tre, mặt ướt

để ra ngoài. Khi nào hòe khô, một người em tôi lấy xuống, xếp lại, đếm từng trăm một, buộc lại thành bó một ngàn, thỉnh thoảng để một miếng giấy để đánh dấu từng trăm một.

Những tờ thiếc trắng và vàng đỏ bán vào cái cũ rằm tháng Bảy chạy không thể nào tả được. Về sau này, nhà tôi không “bồi thiếc” nữa, mà cũng không quét hòe nữa, nhưng đến rằm tháng Bảy thì vẫn cúng cô hồn; tuy nhiên, cùng với tháng năm lì lợm, tôi không còn mấy khi nghĩ đến các cô hồn ở các nơi về cướp cháo lá đa như hồi tôi còn nhỏ; nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn yên trí rằng nếu ngày rằm tháng Bảy mà không lễ các cô hồn thì là một cái tội không thể tha thứ được đối với những người đã khuất, nhất là những u hồn lang thang khe suối gốc cây, vất vưởng nơi cầu sương điểm cỏ.

Ấy là bởi vì mặc dầu đã bị tiêm nhiễm văn minh Hi Lạp, La Tinh, mặc dầu khoa học thét vào tai tôi rằng tin tưởng như thế là hủ bại, tôi vẫn không thể nào tẩy não được mà vẫn cứ “ngoan cố” tin rằng ngoài cái thế giới chúng ta đang sống hiện nay, còn một thế giới u huyền khác mà loài người chưa cứu xét được đến nơi đến chốn, nhưng bởi vì “muốn cho xong chuyện” nên kết luận toạc ngay là “dị đoan”.

Thôi thì muốn bảo tôi là chậm tiến, là dị đoan, là hủ hóa thế nào tôi cũng cứ chịu đi, nhưng những điều mà tôi thấy, những điều mà tôi biết không cho phép tôi nói khác những điều tôi vừa nói.

Thế là nghĩa làm sao?

Tôi không hiểu ra sao hết, nhưng có những sự việc mà tôi chứng kiến,

mà người trong các chuyện ấy hãy còn sống sờ sờ để làm nhân chứng cho tôi, lắm lúc, đã làm cho tôi nghi ngờ khoa học. Có cô hồn không? Cô hồn có oan ức không? Cúng kiến có giúp ích gì cho họ hay không? Câu chuyện nhỏ dưới đây chắc chắn sẽ cho bạn đọc phải suy nghĩ nhiều, còn tin là có thật hay cho tôi bịa đặt, hoàn toàn tùy ở nơi các bạn.

Hồi 1947, một người bạn tôi tên là Q. (hiện nay làm ở Sở Thanh niên) ở ngoài kháng chiến hồi cư về Hà Nội. Thành phố lúc ấy tan nát, có đường không còn lấy một căn nhà. Vì thế Hội đồng An dân, phụ trách sự ăn ở cho những người có nhà bị tàn phá, buộc lòng phải lấy tạm nhà của những người chưa trở về để cho những người hồi cư ở tạm. Q. được Hội đồng An dân dành cho ngôi nhà số 47 đường Lê Lợi.

Đây là một căn nhà hai tầng, khá rộng, đằng trước có vườn. Chung quanh có một hai ngôi nhà khác đã có người về trước.

Vốn là một thanh niên mạnh khỏe, lì lợm, có võ mà lại bắn súng vào hạng khá, Q. một mình đến ở đó (vì lúc ấy gia đình anh chưa về). Ở được độ một tuần, hàng xóm có người sang chơi trò chuyện, đến lúc ra về hỏi Q. “Ở bên này, ông thức khuya nhỉ, mà sao bè bạn đến cứ rầm rập, chúng tôi không tài nào ngủ được”. Q. ngạc nhiên hết sức vì từ lúc hồi cư, không có người nào đến thăm anh lúc đêm hôm. Chính anh cũng nghe thấy tiếng chân người đi rầm rập cả đêm, nhưng anh lại cứ tưởng đó là tiếng người đi lại ở nhà bên cạnh.

Từ lúc nghe câu chuyện, anh bắt đầu để ý thì ngay tối hôm ấy mới nhận thấy

rằng tiếng đi sầm sập ấy ở chính dưới nhà anh - anh ngủ một mình trên gác. Lẳng tai nghe kỹ thì dường như có hàng trăm người vừa đi giày, vừa đi guốc, vừa đi chân không, từ ngoài vườn đẩy cửa vào trong nhà, chạy thình thình ở thang gác. Q. bật đèn lên, giương to mắt ra nhìn thì không thấy gì. Tứ bề lại yên lặng. Nhưng Q. không phải là tay “vừa”: thấy thế, anh tức, nhất định phải “ăn thua đủ” với bọn ma quỷ đó. Anh rình.

Hình như biết “thóp” như vậy, bọn đó bắt đầu làm dữ: rung chuyển giường của anh, ném đá vào đèn, chạy sầm sầm lên gác rồi hàng trăm hàng ngàn cái đầu đâm sầm vào tường tạo nên một tiếng vang dữ dội trong đêm tối. Q. đương nằm chồm trở dậy thì thấy có hàng trăm cái bóng cao lớn, đen trùi trùi, có cái mặc áo ngắn, có cái cởi trần, râu ria tua tủa mà

đầu thì trọc chạy sầm sầm đến trước mặt anh rồi... biến mất...

Bao nhiêu tiếng tục tằn rác rưởi nhất, Q. giở ra dùng hết, nhưng vừa nằm xuống được một lát thì lũ quỷ sứ ở đâu lại dẫn đến, nện gót xuống sàn gác kêu thành thịch và có vẻ như muốn sẵn cả lại để lôi anh dậy. Vớ lấy cây súng giấu ở đầu giường, Q. bắn lia bắn lịa, vừa bắn vừa chửi. Đến lúc nhìn lại thì tường vách và đồ đạc đều có vết đạn nhưng tuyệt nhiên không thấy có dấu máu nào. Cứ như thế chừng một tuần. Thét rồi, Q. không biết làm thế nào khác, đành phải chong đèn nằm ngủ, nhưng cứ chợp mắt một chút - mà có khi mắt còn mở hỏn hời chưa ngủ - thì lũ quỷ sứ kia lại sầm sập chạy từ dưới nhà lên làm dữ. Cho đến một ngày kia, gia đình Q. ở hậu phương về, ông thân anh Q. thấy căn nhà con ở dữ quá,

nhất định bắt anh phải dọn đi nơi khác.

“Cứ ở mãi thế này, trước sau gì cũng chết, làm sao mà sống nổi. Bởi vì ai lại còn không biết tự vệ ở Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Bông, Hàng Hòm đến ngày chót rút cả về khu Lê Lợi này, quân Pháp một mặt công kích, một mặt ném bom, nhà cửa tan nát, trăm người không thoát một: oan hồn của họ không tiêu tan được cứ lảng vảng ở đây khuấy phá, không những ban đêm mà có khi cả ban ngày nữa. Có người thuật lại rằng có những ngày mưa dầm sùi sụt những cái bóng ma ấy kéo nhau thành hàng một, đi lơ lửng trên trời, sần sần các ngọn cây và lại cũng có hôm họ lại hiện ra trong các chợ vầy vọc vào các hàng miến chín và chỉ từ sáng đến trưa bao nhiêu thịt thà, nem chả tự nhiên thiu thối hết, chỉ có mà đổ đi. Thôi, anh ạ, tôi xin anh là hết; anh

bướng với ai chớ vướng với các ‘ông ấy’ chỉ có mà đại thôi”.

Anh Q. đành phải nghe lời ông cụ, nhưng vẫn tức bực không chịu được. Vào đêm trước khi định dọn nhà đi nơi khác, anh ngồi chửi om lên, chửi văng mạng, chửi tuốt, nhưng không chỉ đích xác ai. Vào gần sáng, lũ người đen trùi trũi, trọc đầu lại đến, nhưng lần này có vẻ hòa nhã hơn. Một người - ánh chừng là đại diện cho cả bọn - đứng ở đầu giường lúc anh đang chập chờn sắp ngủ, bảo: “Chúng tôi phá anh như thế cũng đủ rồi. Thôi, bây giờ chúng ta nói chuyện thành thực với nhau, anh có bằng lòng không? Chúng tôi quả thực không muốn làm cho anh tức bực hay tác hại đến sinh mạng của anh. Bây giờ, chúng tôi muốn kết thúc, không đùa dai nữa. Anh lo công việc của anh, còn chúng tôi thì có công việc của chúng

tôi. Chúng ta giã biệt. Nhưng trước khi chia tay, xin nói thật với anh, chúng tôi đói rét lắm, anh cố xoay cho chúng tôi một ít quần áo, thuốc đánh răng và kiếm cái gì để anh em ‘mỡ’ cho đỡ lòng một tí”.

Thức dậy khi mờ sáng Q. nằm suy nghĩ, chửi thề một hồi lâu rồi ra phố mua bánh mì chả lụa về bày đầy một mâm, đặt trên một cái ghế giữa sân. Vì lúc ấy những người hàng mã chưa về, anh lục tủ lấy hết quần áo cũ, dây lưng, sơ mi, ca vát, thuốc đánh răng thật, chồng lên một đồng trên cái chiếu trải dưới đất rồi châm nến, đốt nhang, lẩm nhẩm khấn các oan hồn phá phách anh từ nửa tháng nay “nếu có linh thiêng thì về thụ hưởng”. Đoạn, anh đổ một chai dầu lửa vào tất cả, bật một que diêm đốt hết, trong lòng bán tín bán nghi, không biết làm như thế thì có ích lợi gì không, mà những oan

hồn kia làm sao hưởng được những đồ vật cháy ra than đỏ.

Nhưng Q. ngạc nhiên không thể tả được, mà còn ngạc nhiên mãi đến tận bây giờ, vì kể từ đêm hôm đó trở đi, anh không thấy những cái bóng trọc đầu, đen trùi trùi đẩy cửa vào nhà anh, chạy thành thịch trên thang gác để rung chuyển giường anh, ném đá vào đèn, và đâm đầu vào tường vách để bắn tung ra như quả bóng, như trước nữa.

Đêm buồn không ngủ mà chong một ngọn đèn con lên, nhớ lại những chuyện “liêu trai” như thế, mình dù sống ở miền Nam người đông như kiến cũng thấy ớn lạnh nơi xương sống và muốn bắt chước người xưa bán cả áo cừu đi để mua rượu uống cho đỡ sợ và luôn thể tiêu cái sầu thiên vạn cổ.

*Nước khe cơm vắt gian nan,
Dãi dầu nghìn dặm, lấm than một đời
Buổi chiến trận mạng người như rác,
Phận đã đành, đạn lạc tên rơi.
Lập lòe ngọn lửa ma trời,
Tiếng oan vắng vắng, tối trời càng
thương!*

Công danh, phú quý, sắc đẹp, ngai vàng, bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, bao nhiêu trí tuệ, mưu cơ, rút cục lại cũng chỉ còn là những oan hồn đi vất vưởng đó đây, chờ lúc lặn mặt trời thì kéo ra để xin ăn một nắm cơm, bát cháo, la cà các đền chùa miếu mạo nghe kinh và suy nghĩ về chữ “giai không vạn cảnh”.

Thôi rồi, lại nói chuyện “chiến bại” rồi. Thế thì còn đâu là tinh thần đấu

tranh, tiến bộ? Nhưng giả thử ở đời ai cũng suy nghĩ một cách chiến bại như thế, chưa biết chừng thù hận sẽ ít đi, chiến tranh giảm bớt và do đó số oan hồn cơ khổ sẽ giảm rất nhiều cũng nên! Nhưng nói vậy mà chơi thôi chớ thế giới làm sao mà “thoái hóa” như thế được? Còn giống người thì còn ganh đua, còn ganh đua thì còn mâu thuẫn mà còn mâu thuẫn thì còn đâm chém giết chóc nhau, lẽ đó khó mà tránh được.

Còn nhớ ngày xưa có một anh chàng tên là Candide, trong một cuộc lãng du cuối cùng⁴, nhìn thấy ở giữa đại dương có một hòn đảo trên có người ở đông đúc như kiến cỏ. Candide quay lại hỏi ông cố vấn theo sau:

– Người ta làm việc gì mà tấp nập như vậy?

4 Le dernier voyage de Candide: Georges Duhamel.

Vị cố vấn trả lời:

– Thưa, họ chém giết nhau. Đất nước chia làm hai bên: một bên mang tiếng là bảo thủ, một bên tự nhận là tân tiến. Bên tân tiến lật bên bảo thủ, hai bên giết nhau hơn cả người khác giống.

Đi một lát nữa, đến một eo đất kia thấy người ta làm việc quên cả ngày đêm, Candide vỗ tay khen:

– Họ chăm chỉ quá. Chắc là họ kiến thiết quốc gia.

Vị cố vấn chậm rãi nói:

– Họ đang xây cất nhà tù đấy, là vì cứ mỗi khi có cách mạng thì lại có một số người chống cách mạng. Phe thắng sẽ bắt hết những người của phe bại, hoặc giết chết, hoặc cho vào nhà giam. Thét rồi, không còn chỗ để mà giam người

nữa, họ phải hối hả xây thêm nhà giam mới để nhốt những đồng bào của họ.

Candide hơi buồn nhưng chỉ một lát sau, chàng vui lại vì thấy ở trên một đảo khác có đèn giăng lá kết và từ trên chiếc tàu chạy giữa biển khơi chàng nghe thấy tiếng đàn hát từ đằng xa vọng lại.

Candide vỗ tay, bảo viên cố vấn:

– Thôi, chắc chắn ở đây là thiên đường rồi. Nếu không, sao lại có nhã nhạc và sinh ca như thế?

Viên cố vấn lắc đầu:

– Bẩm, cũng lại không đúng nữa. Đây chính là địa ngục: những người đàn hát múa may đó có phải vui sướng gì đâu; họ phải theo lệnh chủ, múa hát đàn ca như thế để che lấp tiếng khóc than của muôn dân đói khổ rên xiết dưới gông cùm nô

lệ. Có thể, chủ họ mới có lí do để tỏ cho thế giới biết là dân chúng không đồ thán mà trái lại, lại vui vẻ tôn thờ cả tở lẫn thầy...

Lần này, Candide không còn bám được vào cái gì để mà tin tưởng và yêu đời nữa. Chàng ngửa mặt lên trời mà than: “Đời đến thế này thì ta còn biết phân biệt ai là người, ai là quỷ. Chẳng thà toàn là quỷ cả lại còn dễ sống hơn!”

Nói như thế là nói phần. Có nước nào chịu đựng chiến tranh và chết chóc nhiều đến như nước Việt Nam không? Oan hồn, ma quỷ hằng hà sa số, nhưng chính mắt người thì có mấy ai thấy chúng đâu, hay chỉ thấy toàn người - mà những người đẹp như tiên, thơm như mít, mỗi ngày nghĩ ra được thêm thú vui kì quái để tiêu khiển trong tiếng nhạc “sốt gơn” huyền ảo.

“Anh ơi, đừng bỏ em ở nghĩa trang một mình...”

Không. Có ai bỏ em đâu. Trăng chiếu lên nắm mộ em, hãy đứng dậy đi, chúng ta cùng hát một bản “sun”. Thế giới sẽ chụp hình ta và đó là một cách tuyên truyền hùng hồn nhất để tỏ cho cả trần hoàn này biết là ở Việt Nam, cả người sống lẫn người chết đều sung sướng.

**Tháng Tám,
Ngô đồng nhất điệp lạc Thiên hạ cộng
tri thu**

Gặp những ngày trời đất xuống màu như thế, người khách xa nhà, cả trăm người như một, đều cảm thấy buồn tê tê trong lòng mà tự nhủ: “Ồ, đúng là mùa thu ở Bắc... Trời này có rượu ngon đem uống thì tuyệt trần đời!”

Thế thì ngày trời đất xuống màu ấy ra sao mà người ta lại rầu rầu trong dạ,

sầu sầu muốn uống một cái gì? Thôi, ai lại còn lạ cái thời tiết ở miền Nam nước Việt nó nhõng nhẽo đến chừng nào: buổi tối nóng như điên, nửa đêm xoay ra lạnh lúc nào không biết; chiều sấm chớp ầm ầm, yên trí có mưa thì một lát sau trăng lại sáng trưng, ấy thế mà chính lúc người ta đang yên trí là nóng còn lâu thì mưa trút xuống rào rào làm cho ai cũng ngạc nhiên tự hỏi: “Quái, sao năm nay mưa sớm thế?”

Thế rồi ai cũng tưởng là mùa mưa bắt đầu thì chộc trời cũng không ra một hạt nước, trời nóng đến cái mức làm cho người ra mồ cả mắt, nhức cả đầu; nhưng có một buổi tối kia đi ăn đầu cá với một người yêu xa cách lâu ngày ở cầu Bình Lợi thì tự nhiên trời đổi gió, giăng tơ lên ngọn cỏ lá cây để đến lúc sắp đứng dậy ra về anh cảm thấy như có một cái lưới

buồn rủ từ trên trời xuống nước, lan tràn ra khắp cả mặt đất chân mây và gói ghém luôn cả anh cùng với tâm óc anh vào đó.

Lau lách ở ven hồ kêu lên những tiếng rì rào y như thể những tiếng than nhỏ bé; nước vỗ vào bờ nghe trầm trầm; qua những chùm lá, qua những cành cây, gió rì rào như kể chuyện xa xưa và giục người ta xích lại gần nhau cho ấm cõi lòng hơn một chút.

Mùa thu ở Bắc cũng đến với người ta như thế. Bây giờ mỗi khi thấy trời trở gió, không gian bàng bạc một màu chì; mỗi khi thấy lá rụng ở các công viên như những người đau ngực, bay lảo đảo trên mặt đất hanh hao; mỗi khi thấy lá tre rụng vèo xuống các ao hồ nằm êm ả trong những lớp bèo ong bèo tấm, có ai biết rằng tôi nhớ lại những gì không? Cứ vào đầu tháng Tám, trời Bắc Việt buồn se

sắt, đẹp nảo nùng, sáng sáng thức dậy từ lúc còn tối đèn, cầm cái áo ma ga mẹ lấy ở trong rương ra mặc cho mình, húp bát cháo đậu kho và ăn ba nắm xôi lạc do mẹ mua cho rồi đút hai ba đồng xu đồng kêu xủng xoảng trong túi áo đi qua dãy Nhà Thờ, thảng một lèo đến dốc Hàng Kèn, có ai biết rằng tôi đã trông thấy những gì và nghĩ những gì không?

Lúc ấy, trời đã sang thu. Lá cây nhội ở hai bên đường đi ra dốc Hàng Kèn vươn những cái thân gầy lên trên trời và mỗi khi có gió thổi thì từng chiếc lá vàng lại rụng xuống, xoay nhiều vòng, rồi đậu ở trên những vai trắng nuốt của các pho tượng mỹ nhân cõi truông trong công viên ở cuối Phố Nhi, gần cái hang đá thờ Đức Mẹ.

Cái mà bây giờ tôi còn trông thấy rõ từng li từng tí là một cậu bé xách cái cặp

da nặng trĩu đi học một mình, vừa đi vừa ôn lại một bài văn xuôi có vắn:

“Sáng ngày ra, ta đi học, hiu hiu gió, lá vàng rụng bay. Ấy là gió mùa thu, đưa hơi thu, rét sắp đến. Hỡi các anh học trò con, có nghĩ đến mặc áo rét không? Áo mặc rét, các anh sẽ trông lấy vào đâu? Có khi phải về hỏi mẹ cha.

“Các anh đi học xa, mẹ ở nhà, sáng ngày ra, thấy hiu hiu gió, lá vàng rụng bay, biết là gió mùa thu, đưa hơi thu, rét sắp đến, đã nghĩ lo áo rét cho các anh. Mẹ mở hòm, tìm áo cũ, áo cũ lành tốt thời gửi ngay, áo cũ rách thời mẹ vá, không có áo cũ thời mẹ may.

“Các anh ở nhà trường ngồi bàn ghế, cầm bút viết, mẹ ở nhà, ngồi dưới cửa, cầm kim vá may. Các anh đi ra đường, thấy gió lạnh, lòng nhớ mẹ, mong mẹ gửi

cho áo; mẹ ở nhà thấy gió lạnh, lòng lo con, gửi cho áo, mong con học cho hay.

“Mỗi một năm, gió mùa thu, lá vàng bay, lòng mẹ lo.

 Gió mùa thu, mỗi năm, lá vàng bay.
Các anh đi học trường, mỗi năm càng
mỗi hay, đến công cha mẹ, không phụ áo
mẹ may.

“Gió mùa thu, lá vàng bay, năm sau
như năm trước. Nếu sự học của các anh
cũng năm sau như năm trước thời công
mẹ may áo cũng như gió mùa thu, lá
vàng rụng bay”.

 Lắm nhẩm ôn lại bài học rồi, anh
học trò bé nhỏ ấy nhìn lên bầu trời bàng
bạc và nhảy nhót như một con chim sẻ.
Là vì y biết là mùa thu đã bắt đầu, các
cây nhội chi chít quả, chim hét về nhiều,

chắc hẳn y có nhiều hi vọng bắt được nhiều để về nuôi, nếu còn sống, hay rán lên cho mèo ăn, nếu chẳng may chim bị trọng thương mà chết.

Tuy nhiên, chỉ có ý tưởng của tôi theo chân được cậu bé ấy mà thôi, vì cậu bé ấy chỉ là cái bóng, mà là cái hình bóng của chính tôi năm mươi mấy năm về trước. Thương thương cậu bé vô tội ấy biết chừng nào! Tôi chú ý tới cậu ta, nhưng lúc chính tôi là cậu bé ấy thì tôi lại không chú ý.

Đến bây giờ tôi không còn là cậu bé ấy nữa thì tôi lại thương thương vô cùng, nhưng thương thương đến mấy cũng là vô ích vì cậu bé ấy đâu còn nữa; đồng thời ông bà, bố mẹ cũng chết cả rồi mà có khi anh em, bè bạn lúc nhỏ cũng không còn nữa, vì chiến tranh này, ai mà dám biết người thân của mình sống chết ra sao.

Duy chỉ còn có mùa thu tồn tại, nhưng đến cái buồn se sắt, đẹp nảo nùng của Bắc Việt thân yêu cũng lại biệt mù tăm tích, không biết đến bao giờ mới lại được nghe thấy hơi may về với hoa vàng, không biết đến bao giờ mới lại được thấy lá ngô đồng rụng xuống giếng thu, nửa đêm thả một lá thuyền con đi mua rượu sen Tây Hồ về uống mà cũng không biết đến bao giờ mới lại được cùng với người vợ tắm mần ăn mấy con ốc nhồi thịt thăn, miến, mộc nhĩ hấp với lá gừng trông trắng trong khi thỉnh thoảng ở đằng xa lại vọng lại những tiếng hát chèo, tiếng rước sư tử, tiếng trống quân thùng thành!

Mùa thu ở Bắc Việt xa xưa ời, ta buồn da diết khi nghĩ đến kiếp chúng sinh hệ lụy trong biển trầm luân, nhưng ta không thể không cảm ơn Trời Phật đã cho

người Bắc đau khổ triền miên một mùa thu xanh mơ mộng diễm tình đến thế. Mộng từ ngọn gió, cánh hoa mộng đi, mộng từ tiếng nhạc về én đi mà mộng lại, mộng từ bông sen tàn tạ trong đầm mà mộng lên, mộng từ sắc ố quan hà mà mộng xuống.

Quái lạ là cái mùa kì diệu: tự nhiên trời chỉ đổi màu, gió chỉ thay chiều làm rụng một cái lá ngô đồng, thế là bao nhiêu cảnh vật đều nhuộm một màu tê tái, làm cho lòng người đa cảm tự nhiên thấy se sắt, tư lường. Thế là trời đất cỏ cây tự nhiên hiện ra dưới một lăng kính mới: trắng sáng đẹp là thế cũng hóa ra buồn, trời bát ngát yêu thương như thế mà cũng hóa ra tê tái, sông nước đẹp mông mênh như thế mà cũng hóa ra điều hiu lạnh.

Ngay đến cái thân mình, bình thường chẳng làm sao, vậy mà không hiểu cơn có nào thấy gió thu về xào xạc ngoài hiên mình cũng tự nhiên thấy thương cho thân thể và băng khuâng buồn nhớ. Nhớ cái gì, buồn cái gì, không rõ rệt. Chính vào lúc bóng tối chưa tan, người vợ thấy chồng chong một ngọn đèn con lên pha trà uống một mình và khe khẽ ngâm thơ cũng không hiểu tại sao chồng lại băng khuâng như vậy:

Trăng tà con qua kêu sương,

Lửa chài le lói, sâu vương giắc hồ.

Thuyền ai đậu bến Cô Tô,

*Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn
San.*

Chính thực ra, nghe thấy gió thu đuổi lá chạy ở rặng cây ngoài vườn, người vợ

cũng bâng khuâng nhưng chính mình không biết đó thôi.

Lúc ấy, muốn chiều chồng cách gì đi nữa thì cái buồn vô căn cứ của người chồng cũng không thể nào giải được. Những cuộc biệt ly, những ngày thất thế, bao nhiêu cuộc ân tình ngang trái, bao nhiêu mộng ước không thành, bao nhiêu cuộc phù trầm cay đắng của những ngày xa thật là xa, tưởng đâu như ở một tiền kiếp đã lu mờ, tự nhiên trở lại như vang như bóng, ầm ầm hiện hiện trong khúc ngâm cảm khái của Bạch Cư Dị buộc ngựa vào gốc ngô đồng treo lên trên một cái chòi uống rượu với đám ca nhi lạc phách.

Bóng đâu trong sáng vô ngần,

Sầu thêm giận đắp cỗi trần khắp nơi,

Đóng lâu đồn thú kìa ai,
Biệt li buổi mới đâu người trước sân.
Canh khuya ai đó phi tần,
Vua không yêu nữa tần ngần về cung.
Biên thành thế thủ không xong,
Bạc đầu ông tướng thông dong lên chòi.
Soi cho đứt ruột bao người,
Thiền thờ, ngọc tỏ trên đời biết chi!

Cái buồn mùa thu lê thê, cái buồn mùa thu tê mê, cái buồn mùa thu não nề nhưng không day dứt đến mức làm cho người ta chán sống. Ấy là vì gió thu buồn, nhưng trời thu lại đẹp, đẹp nhất là trăng thu, đẹp đến nỗi làm cho người ta buồn nhưng vẫn cứ muốn sống, để hưởng cái đẹp bàng bạc trong khắp trời cây mây

nước - nếu chết đi thì uống quá.

Trong một năm, không có mùa nào trăng lại sáng và đẹp như trăng thu. Từ thượng tuần tháng Tám, nhìn lên cao, nhà thi sĩ thấy cả một bầu trời phẳng lì mà xanh ngắt, không có một đám mây làm vẩn đục làn ánh sáng mơ hồ của trăng tỏa ra khắp cả nội cỏ đồi cây, chân sim bóng đá, nhưng từ rằm trở đi thì ánh trăng mới thực lung linh kì ảo. Vợ chồng dắt nhau đi vào trong ánh trăng lúc ấy cảm thấy mình đi ở trên trần mà dường như có cánh ở dưới chân, không bước mà có cái gì đẩy chân đi nhẹ nhẹ vào trong cõi mê li thần thoại. Lắng tai nghe thật kỹ, đâu đây có cái gì rung động như cánh của những con bướm mới ra ràng.

Mà ở đâu đây có cái hương thơm gì dịu dịu thế? À, đấy là hương lúa ba giăng, mà tiếng rung động nhẹ nhẹ kia chính

là tiếng ân tình nhỏ bé của những bông thóc thơm thơm ngả vào lòng nhau để tìm sự ấm áp trước ngọn gió vàng hiu hắt.

Mùa hồng lúc này đã rộ, buổi cũng đã nhiều, nhưng thơm ngọt ngào mùi đất nước quê hương, đó có cái gì sánh được với cốm Vòng ăn với chuối trứng cuốc ngon lừ.

Đi trên những con đường nóng bỏng của trời tháng Tám miền Nam bây giờ, tôi nhớ gì là nhớ đến những buổi sáng mùa thu mẹ mua cho một mẻ cốm giót ăn lót lòng buổi sáng trước khi đi học, rồi đến khi có vợ có con thì vợ biết tính chồng, thường dặn những người gánh cốm ở Vòng lên bán, thế nào cũng giữ cho những mẻ cốm thật ngon đem nén rồi đem vào những cái đĩa con phượng để chồng ngồi nhẩn nha xắt từng miếng

nhỏ, vừa ăn vừa nhắm nháp nước trà sen thơm ngát.

Những ngày như thế, trời vào buổi trưa sáng mờ mờ như lọc qua một dải lụa nồn nường. Có người thấy trời đẹp nồn nường như thế cảm thấy rạo rức không ngủ được. Tôi nhớ có nhiều khi giữa buổi trưa, có những anh bạn gõ cửa vào ngồi đòi uống rượu “nhắm với bất cứ cái gì cũng được”. Gió đập vào lá cây hoàng lan trồng giữa sân kêu rào rào. Một vài cánh hoa tím ở trên giàn hoa rơi vào trong chén rượu: anh em uống cả hoa và cứ như thế uống cho đến xế chiều rồi tất cả dắt nhau đi - lang thang bất cứ đâu, vì tuy rằng không ai nói ra lời, nhưng ai cũng cảm thấy trong sâu thẳm cõi lòng rằng gặp những ngày trời đất thế này mà không đi ra ngoài thì uống quá. Đi quanh Hồ Gươm nhìn lên cây gạo ở Ngõ

Hồ nghe những con sếu báo tin rét sắp về; đi lên Ngọc Hà ở đằng sau Bách Thú xem hoa và tán tỉnh chuyện tầm phơ với mấy cô nàng trắng ngà trong ngọc; đi ra Nghi Tàm mua mấy cây thế rồi rẽ ra ngõ Quảng Lạc tìm nhà một ông bạn già để ngấm lại cái tượng “Mạnh Mẫu gánh sách cho con đi học”... đi như thế trong một bầu không khí vừa vừa lạnh, hiu hiu gió, biêng biếc sâu, kể đã là thú đấy; nhưng chưa thấm với cái thú của người đàn ông được vợ chiều, vào buổi tà huân dắt tay vợ đi chơi ở ngoại ô nhìn trăng dải trên ruộng lúa và nghe tiếng hát trống quân theo gió vàng heo hút ở làng bên kia sông vọng lại.

Trăng sáng quá, em ơi, cứ đi như thế này, cả đêm không biết chán. Trăng dải trên đường thơm thơm; trăng cài trên tóc ngoan ngoan của những khóm tre

xào xạc; trăng thơm môi mời đón của dòng sông chảy êm đềm; trăng ôm lấy những bộ ngực xanh của những trái đồi ban đêm ngào ngạt mùi sim chín... trăng ơi, sao trăng khéo đa tình, cứ đi hoài theo chân cô gái tuyết trinh và lén cả vào phòng the của người cô phụ lay động lá màn chích ảnh?

Lúc ấy, đứng dừng lại nhìn vào mắt vợ thì trong mắt vợ mình cũng thấy có trăng, có trăng cả ở toàn thân, mặc quần áo mà như là khỏa thân; chạm mạnh vào thì vỡ. Tự nhiên mình có cảm giác trăng ở trong lòng mình cũng lung linh một thứ ánh sáng xanh màu huyền diệu, thắm hoa hương, làm cho cả tâm óc chơi vơi, rung động.

- Ồ, ngày xưa Thân Thiên Sư dùng phép thuật đưa Đường Minh Hoàng du Nguyệt điện để tìm Dương Quý Phi có

lẽ lòng cũng chỉ chơi vơi, rung động đến thế là cùng.

Tội nghiệp cho cái ông vua mê gái quá chừng là mê: Dương Quý Phi chết rồi mà thương nhớ không nguôi đến nỗi phải nhờ Thân Thiên Sư đánh đồng thiếp đi tìm, mà đến lúc Thân Thiên Sư bảo là đã gặp nàng thành tiên trên cung nguyệt cũng cứ tin là thực. Đúng vào một đêm Trung Thu, Đường Minh Hoàng lập đàn cúng tế trong nội đình rồi nhờ Thân Thiên Sư dùng phép thuật đưa hồn lên cung nguyệt. Chỉ một lát, thân hình của ông vua mê gái đó nhẹ bỗng như lông hồng, bay bỗng chín từng không vào được cung nguyệt và gặp người yêu thực. Nhưng tiên giới và phàm trần cách biệt nhau, Dương Quý Phi chỉ biết trông Đường Minh Hoàng mà khóc.

Theo sách “Thiên bảo di sự” thì Quý Phi ném một chiếc vòng ngọc cho Minh Hoàng rồi biến mất. Minh hoàng nhặt lấy xem: quả thực là chiếc vòng ngọc tự tay mình ban cho nàng năm xưa. Nhà vua ứa nước mắt. Thì vừa lúc đó con ngọc tho đang cầm chày giã thuốc ở dưới cây quế, ném cái chày vào vai áo nhà vua mà bảo: “Làm vua mà chẳng biết lấy nước lấy dân làm trọng, chỉ say mê một người đàn bà, chuyện đó đã xấu lắm rồi, nhưng xấu vượt bậc là đến lúc loạn li, chẳng biết tự sửa lỗi mình lại đổ cả lỗi lên đầu một người yếu đuối, như thế sao gọi là thương yêu được, sao gọi là tiếc nhớ được?” Đường Minh Hoàng sức thức.

Thì ra đó chỉ là một giấc chiêm bao, nhưng lạ thay, cái vòng của Quý Phi tặng ở trên cung nguyệt vẫn còn ở trong tay Minh Hoàng. Buồn héo lá gan, Đường

Minh Hoàng từ đó đỡ nghĩ đến Quý Phi nhưng nhà thơ Lý Thương Ẩn nhờ đó đã viết nên tám câu thống thiết khi đi qua trạm Mã Côi, nhắc lại cái nhục quân sĩ bắt nhà vua phải giết Quý Phi, đồng thời nhớ đến lời nguyện ước khi xưa giữa “chàng” và “nàng” đêm thất tịch.

Cớ sao bốn kỉ làm thiên tử,

Kém Mạc Sầu kia được hãn hoi.

Mê gái, thế thì hay hay dở? Dở hay hay không ai dám quyết, nhưng Đường Minh Hoàng chỉ vì mê gái mà thành ra thần tượng của tình yêu, âu cũng li kì ác!

Không thể, sao cứ đến Trung Thu ở Bắc cũng như Nam, nhà hát nào cũng đưa vở tu “Đường Minh Hoàng du Nguyệt điện” để chài người đi xem; còn hàng bánh dẻo, bánh nướng thập cẩm,

đậu đen, hạt sen trứng muối, ôi thôi hàng nào mà không có một bức tranh thật lớn vẽ ông vua mê gái đó lúng liếng con mắt nhìn Dương Quý Phi hay làm thành hình đen cho chạy đèn kéo quân để hấp dẫn nhiều người bu lại?

Ở miền Nam, đồng bào ăn tết Trung Thu kể đã vui đáo để, nhưng không có những khu hoàn toàn tết. Mua một cái đèn con thỏ, ở Chợ Lớn có, ở Sài Gòn cũng có, ở đường Thủ Khoa Huân có mà ở Nancy cũng có, có cả cái tàu chạy trong thau nước, có đầu sư tử, có đèn quả đào, có cả ngựa nghê bằng ni lông nữa... nhưng ở Bắc thì không thể.

Có những năm đi xem tết Trung Thu ở miền Nam đất nước ta, tôi tưởng như lạc vào trong một cái động đồ chơi bằng giấy có đủ các sắc cầu vồng, chan hòa ánh sáng thần tiên, nhưng có ai bảo cho

tôi biết tại sao tôi vẫn cảm thấy là chơi cái tết Trung Thu như thế vẫn còn thiếu cái gì? Cái gì đó là cái không khí chăng? Cái gì đó là cái thời tiết chăng? Cái gì đó là cái tâm hồn phơi phơi chăng?

Từ đầu tháng Tám, các phố Hàng Gai, Hàng Hai, Hàng Mã, Hàng Hòm, Hàng Thiếc, Hàng Bông Lờ, Hàng Trống hóa trang một cách kì diệu đến nỗi làm cho du khách không thể nào nhận ra được nữa. Các hàng tạp hóa, hàng sách, hàng giấy, hàng tơ lụa, nhất nhất đều thu cả hàng hóa lại một chỗ để bày bán toàn những đồ chơi tháng Tám. Ôi chao, sao mà lắm kiểu đèn đến thế: đèn quả dưa, đèn xếp, đèn trái trám, đèn con thỏ, đèn kéo quân, đèn thiềm thừ, đèn ông sao...

Hỡi người đàn bà đẹp như thơ đi sắm tết cho con, bà đã mua con voi lắc lư cái đầu đứng trên một cái bệ có bánh

xe đẩy được thì ngại gì không mua thêm một đầu sư tử và một quả ngọc cho nó vờn để vui của vui nhà? Ai ưa điển tích, rước ông Lão Vọng râu bạc ngồi câu cá về mà bày cỗ; con cá chép kia là “Lý ngư bá nguyệt” treo ở nhà có con đi thi rất nhiều hi vọng đỗ cao; nhưng cô gái nhà lành kia đừng mua lũ nhỏ làm bằng vỏ trứng làm gì, cứ về lấy hai quả dừa phết bông gòn vào rồi đánh tai đánh mắt vào đó làm hai con thỏ mẹ đặt vào trong hai cái bát chiết yêu, trông còn nền nã hơn nhiều, phải không cô?

Bây giờ tôi bàn với cô như thế này: ngày mười bốn, kê cái án thư ra ngoài hàng hiên bày hai con thỏ mẹ hai bên, giữa để một cái lư trầm rồi đặt ông Lão Vọng câu cá ở giữa, hai bên là hai con chó tết bằng tép quả bưởi bỏ ra, mắt làm bằng hai hạt nhãn, hai bên hai bát

hạt dẻ, giữa là bốn bát chiết yêu gạo nếp trắng bao lấy bốn chữ cũng bằng gạo nếp nhuộm màu xanh, đỏ, tím, vàng “Trung Thu Nguyệt bính”. Ai muốn cỗ to hơn thì treo ở trên một cái đèn kéo quân, dưới đặt rất nhiều ghế, và trên mỗi ghế để một thứ đồ chơi như đàn lợn làm bằng ca tông, cô tiên đánh đàn, cái đầu sư tử và các thứ bánh trái như bánh dẻo, bánh nướng, bánh đậu xanh, bánh chữ, bánh tô châu; nhưng có một nguyên tắc không ai được phép quên; cái bánh dẻo to nhất phải bày ở giữa, trên một cái kỉ kê ở trước án thư, và nhớ đặt lên đó một con thạch sùng bằng bột; còn các con giống khác như kì lân, con phượng, trái đào, quả chuối, cành hoa... muốn đặt đâu cũng được.

Ấy đấy, cỗ Trung Thu bày như thế có thể coi là tạm xong rồi đấy. Bây giờ chỉ

còn đợi trời tối là thắp đèn xếp, đèn quả bưởi, đèn múi trám treo ở đây kềm căng hai bên cho sáng tinh lên rồi đốt nhang thắp nến, lễ Trời, lễ Phật, trong khi người lớn ngồi ăn ốc hấp trông trắng, còn trẻ con đánh trống cứ om lên và múa sư tử lùng tùng xoèng ở trước sân gạch có trăng chiếu sáng như ban ngày.

Bây giờ đã lớn tuổi rồi, trí óc hẳn là phải suy đi chứ có đâu được phương cương như trước, nhưng quả tình tôi không hiểu làm sao cứ nhớ đến những cái tết Trung Thu hồi nhỏ, bày cỗ, múa sư tử, đánh trống âm âm như thế thì tôi lại như thấy máu chảy mạnh hơn, con mắt sáng hơn, mà tinh thần cũng hăng hơn?

Gớm chết là cái thưở thiếu thời tai ác ấy. Nhà tôi bán đầu sư tử: ai mà bảo sư tử của nhà khác cùng phổ lớn hơn mà

đẹp hơn thì tôi tưởng có thể sanh sự liền; đèn kéo quân nhà tôi bán cũng là đèn đẹp nhất; còn cỗ tháng Tám thì khỏi phải nói, bao giờ tôi cũng thấy cỗ của nhà tôi hách nhất và to nhất, không cỗ nhà ai sánh kịp... Cứ từ mười hai tháng Tám là ngày bày cỗ, tôi sướng như điên, có đêm thao thức đến một hai giờ khuya không ngủ được. Đi hết Hàng Thiếc xem những cái tàu bay tàu thủy, lại rẽ Hàng Mã xem con giống, quay xuống Hàng Gai xem đèn và sứ tử, rồi lại quành ra Hàng Trống để đứng ngắm nghía xem nên về nhà xin tiền để mua cái trống nào, tôi oán ức bố mẹ bắt phải lên giường đi ngủ. Nằm nhìn lên những đám mây bay quanh ông trăng sáng in rõ hình thằng cuội, cây đa, tôi thao thức vắn vơ và nhiều khi, mở mắt rõ ràng, tôi tưởng như thấy có những cô tiên bé nhỏ bằng ngón tay út bay là là từ mặt trăng xuống đất dắt nhau đi “dung

giăng dung dẻ” và hát những câu hát dân gian mà tôi thích thú vô cùng vì lẽ chính tôi cũng biết những câu hát ấy:

“Ông giăng, ông giăng - xuống chơi với tôi - có bầu có bạn - có ván cơm xôi - có nồi cơm nếp - có đẹp bánh chưng - có lưng hũ rượu - có chiếu bảm dù - thằng cu xí xoài - bắt trai bỏ giỏ - cái đồ ằm em - đi xem đánh cá - có rá vo gạo - có gáo múc nước - có lược chải đầu - có trâu cày ruộng - có muống thả ao - ông sao trên trời...”

Tôi cũng lắm bảm trong bụng hát theo các cô tiên rồi thiu thiu ngủ lúc nào không biết, nhưng trong khi chập chờn, vẫn nghe thấy tiếng trống sư tử ở đình xa vọng lại và những đứa trẻ hàng xóm vừa vỗ tay vừa đồng ca:

Ông trăng mà bảo ông trời,

Những người hạ giới là người như tiên.

Ông trời mới bảo ông trăng,

*Những người hạ giới mặt nhân như
tửu.*

Nhớ ời là nhớ cái tết Trung Thu ở Bắc! Vui, mà vui thế là cùng! Về sau này lớn lên, nghĩ đến giờ phút đó, tôi không lạ làm sao lại có những người thấy tết Trung Thu về lại muốn phát điên lên, bày các trò chơi lạ để hưởng thụ cuộc đời cho đã.

Ở này, hầu hết chúng ta gặp lúc trời sâu ngất ngất, lòng hận mang mang, thường ngâm câu thơ cổ:

Thương nữ bất tri vong quốc hận

Cách giang do xứng Hậu Đình Hoa.

(Gái kia không biết buồn vong quốc

Còn hát bên sông khúc Hậu Đình.)

Nhưng có mấy ai nhớ rằng Hậu Đình Hoa, nguyên thủy là của một anh chàng thấy mùa thu đẹp như điên không chịu được, đã sai các cận thần soạn ra bản hát ấy để cùng hát với khúc “Ngọc Thụ” đêm rằm tháng Tám ở Vọng Nguyệt Đình trong ngự uyển?

Cái anh chàng mê mùa thu xanh ấy là một vị vua chơi bời vô độ, hoang dâm có tiếng, tên là Trần Hậu Chủ. Chính ông này đã cùng các cận thần soạn ra hai khúc “Ngọc Thụ” và “Hậu Đình Hoa”, nhạc và lời dâm dật để cho các phi tần đẹp nhất trong ban “Nguyệt lí quần tiên” vừa múa vừa hát theo điệu “lộng nguyệt vũ” tức là múa vờn trăng vậy.

Ôi chao, người ta cứ đả kích các cái “sô” và khích động nhạc bây giờ: tội quá. Âu Mỹ, tổ sư lối vũ nhạc ấy, bất quá

cũng chỉ là những kẻ nổi gót Hậu Chủ mà thôi! Đêm thu, trăng sáng, Trần Hậu Chủ cho bày tiệc yến rồi đích thân dẫn ban “Nguyệt lí quần tiên” ra trình diễn, ả nào ả nấy chỉ khoác ngoài một cái áo dài màu lụa bạch để vừa múa vừa thoát y... rồi thốn thà thốn thiện đến trước mặt Hậu Chủ để trình... ngự duyệt.

Tương truyền các ả trong ban “Nguyệt lí quần tiên” đều vui vẻ trình thân như các người đẹp “xéch xy” bây giờ, duy có một người đẹp rụt rè không chịu tiến lại gần nhà vua.

Nhân lúc đó chất men đã bốc, Hậu Chủ chạy lại ghì chặt lấy cô ta, xé cái áo dài lụa bạch ra để... soạng làn da mát rượi mỗi lúc mỗi trắng, mỗi lúc mỗi trong hơn và sáng hơn. Nhà vua cười ha hả:

– Chao ôi, trăng cũng đa tình! Không

thế, sao mỗi lúc mỗi sáng hơn lên như vậy?

Rồi ngâm vang bốn câu thơ dưới ánh trăng:

Nguyệt diệc đa tình thậm

Chiếu thử ôn nhu hương

Duy ngô đắc chung lão

Lao nguyệt phí quang mang

Về sau, có người tạm dịch:

Gấm cho trăng cũng đa tình,

Này nơi êm ấm cũng rình sáng soi;

Suốt đời riêng một ta vui

Trăng soi tỏ lắm cũng toi công mà!

Sách xưa chép rằng: sau khi ngâm xong bốn câu thơ trên, Hậu Chủ buông tay ra thì người con gái lặn xuống đất, không động đậy. Thì ra người đẹp bị hôn

quân nắm chặt, sợ và hổ thẹn không chịu được, đã tắt thở từ lúc nào rồi.

Các phi tần hoảng hốt tâu lên Hậu Chủ thì đức vua lè nhè truyền cho thái giám khiêng bỏ xác chết xuống sông. Nhưng cũng chính giữa lúc ấy thì lửa sáng lòe ở hoàng thành, tiếng hò hét, tiếng đao kiếm vang lên như sấm dậy: quân nhà Tùy chiếm được hoàng cung và bủa vây tứ phía để tìm bắt tên vua dâm dật.

Hậu Chủ chui trốn vào một bụi rậm, chờ lúc nửa đêm về sáng, thừa khi có mây che khuất mặt trăng, bò ra một cái giếng ở hậu cung, đâm đầu mà chết.

Cái chết không mấy gì đẹp, điều đó ai cũng thấy; nhưng nghĩ cho cùng thì cũng tội cho Hậu Chủ vì tội có phải riêng của Hậu Chủ đâu. Ai bảo trời thu

đẹp nảo nùng, buồn se sắt; ai xui gió thu
biêng biếc nổi sầu hắt hiu; ai làm cho ánh
trăng thu mượn mượn như nhung để cho
người đa cảm thấy tâm hồn phơi phới,
thấy lòng tê tái, thấy thêm ân ái?

Nằm ở trên cái lầu cao nhìn ra cuối
dòng sông có khói tỏa mờ mờ, người
chồng tưởng như thấy trong lúc bóng
giăng lồng bóng nước thì cả bầu trời rền
rĩ lên khe khẽ, thương thương, y như thể
tiếng rền rĩ thương thương, khe khẽ của
người vợ nằm trong vòng tay của người
chồng triu mến.

Gió lay động bức màn mỏng nơi cửa
sổ. Xa xa, ở trên con đường dọc mé sông,
có những bóng đèn trẻ con đi rước tháng
Tám phản chiếu xuống nước trong vãn
vất. Im, để mà nghe! Anh có thấy gì
không?

Anh chỉ nghe thấy có tiếng thở của trăng và tiếng tim em đập mạnh như một con chim bé nhỏ.

Không. Còn gì nữa, anh không thấy à? Thỉnh thoảng cùng với gió may ở bên kia sông đưa lại, có tiếng hát trống quân. Thôi phải rồi, mình ở thành phố lâu ngày không nghe hát trống quân, mà Trung Thu không có tiếng hát trống quân không được. Em là con gái Thuận Thành ở Bắc Ninh vốn là đất nổi tiếng về hát trống quân và quan họ. Đã lâu lắm, em không được nghe một đêm trống quân nào “gia dụng”, thể nào tối rằm này, chúng ta cũng phải sang Gia Quất xem hát, anh có chịu không?

Chịu chứ. Và anh chịu luôn các cụ nhà ta sao mà tâm lí thế, lại khéo biết lấy mùa này làm mùa cưới vợ, lấy chồng. Gió hiu hiu khêu gợi thế này, mà trời về

khuya, lại hơi lành lạnh, trai với gái tốt đôi, thử hỏi còn có bài thơ nào đẹp hơn không?

Quan quan thư cưu...

Nằm xích nữa lại đây em, anh kể cho em nghe nốt bài thơ của cặp vợ chồng mới cưới...

Người vợ mỉm cười, mở rộng cửa sổ ra hơn một chút để cho ánh trăng tràn vào cả gian phòng. Đến lúc thiu thiu ngủ trên tay chồng, người vợ nói khe khẽ như trong mộng: “Nhớ nhé... thế nào chúng mình cũng phải đi nghe hát trống quân!”

Thương biết bao nhiêu, nhớ không có cách gì quên được cái đêm Trung Thu năm ấy, hai vợ chồng quần quít tơ hồng, cùng dắt tay đi qua cầu Bồ Đề sang bên kia sông, vào trong một cái quán ngói ăn

miếng bánh đậu xanh, uống chén nước chè tươi, nghe hai tay tổ là Hai Mão và cô Sinh ở Hưng Yên về hát đố nhau những câu hiểm hóc do Lí Xuyên ở Gia Lâm sang cầm trịch.

Từ khi lạc bước vào Nam, tôi không còn được đi xem một đám trống quân nào, trừ phi nghe vợ vẫn ở trên đài phát thanh, nên càng nghĩ đến cái đám hát đêm Trung Thu năm đó lại càng nhớ quá.

Thực ra, nói đến hát thì nhớ không biết bao nhiêu thứ: Phú Thọ có hát xoan, hát ghẹo, Vĩnh Phúc có hát hội Rô. Bắc Ninh có hát quan họ và có biết bao nhiêu miền còn bao nhiêu điệu hát mê li nữa, như hát cửa đình có màu sắc tôn giáo, hát nhà trò ở các đám khao vọng, hát ca trù, hát văn, hát xẩm... nhưng không hiểu là vì vợ mình thích mà mình cũng thích

lây hay tại một lí do nào không biết, tôi thích hát trống quân... không chịu được.

Tục truyền nghệ thuật hát trống quân có từ thế kỉ thứ mười ba, phổ biến lúc quân ta chống quân Nguyên. Khi nghỉ, quân ta ngồi gõ vào tang trống mà “hát sông” và “hát đôi”. Về sau, trong ngày tết Trung Thu, trai gái thường họp nhau dưới bóng trăng, trên bãi cỏ, trước sân đình, để hát trống quân với nội dung đối đáp giao duyên, đề cao tình bạn, ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên đất nước.

Hồi cô Ba Sa Đéc, cô Tư Cần Thơ, cô Năm Vĩnh Long, cô Sáu Mỹ Tho, cô Bảy Đồng Xoài, mấy cô đã có bao giờ được xem tận mắt một đám hát trống quân chưa? Ngộ không để đâu cho hết, mấy cô à. Nhạc cụ của điệu hát này giản dị không chỗ nói: đàn kiếm, đàn nhị, đàn

sến, tây ban cầm... hết thấy đều là đồ bỏ. Tất cả nhạc cụ chỉ gồm một cái hồ sâu, có cái thùng bằng thiếc úp trên, trên thùng có một sợi dây kẽm dài chừng năm sáu thước căng giữa hai cái cọc. Cầm mảnh gỗ, gõ khẽ một chút vào đầu dây, cái dây bật vào thùng phát ra một thứ âm thanh giòn giã nhịp theo tiếng hát:

Thình thùng thình!

Một đàn cò trắng bay tung,

Bên nam bên nữ ta cùng cất lên,

Cất lên một tiếng linh đình,

*Cho loan sánh phượng, cho mình
sánh ta...*

Hát trống quân thường mô tả niềm vui hồn nhiên của dân ta. Người hát

phải biến báo, mau trí, sáng tác đột xuất để hát trả lời lại bên kia, có khi nghiêm nghị, có khi trào phúng, nhưng bao giờ cũng phải giữ thái độ thanh nhã, khiêm nhường, thua thì chịu thua chớ không được tỏ thái độ cục cằn thô bỉ, nói thánh nói tướng, đề cao mình, hạ thấp địch.

Tôi nhớ đêm ấy Hai Mảo đã hát một câu hóc búa để hạ phe Sinh:

Thình thùng thình!

Tiếng đồn thực nữ đại tài,

Bây giờ anh hỏi một lời phân minh.

Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,

Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng,

Tài hoa ma mọi già gan,

Hỏi rằng tên họ anh chàng ở đâu?

Tuy biết nhiều câu đố hiểm hóc, nhưng chỉ thuộc những vật dụng hằng ngày, chớ không biết nhiều điển tích, Sinh không thể nào giảng được. Dưới ánh trăng rằm, khán giả thấy mặt nàng đỏ ửng lên... Nhưng chẳng lẽ ngồi im? Nàng đành phải nhượng bộ, xin Hai Mão giảng giùm:

Một lòng như ý sở cầu

Xin chàng nói lại trước sau sự tình

Thình thùng thình!

Hai Mão nhìn Lí Xuyên cầm trịch một cách hả hê và giảng:

Thình thùng thình!

Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,

Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững
vàng,

Họ Lương tên gọi Thạch An,

Triều vua Gia Tĩnh rõ ràng tài hoa,

Thật là trong ngọc trắng ngà,

Thấy mình không biết giảng ra mấy
lời.

Đôi ta cùng một làng chơi,

Thấy em thực nữ trả lời cũng xinh,

Bây giờ lại hỏi phân minh,

Tài hoa ngỏ hết sự tình anh hay.

Ở đời một giống lạ thay,

Đêm đêm hí nguyệt ngày ngày có thai.

Thình thùng thình!

Những tiếng “thình thùng thình” cứ nhắc đi nhắc lại mãi câu đố của Mão làm cho Sinh càng rối ruột. Biết làm sao bây giờ? Sinh nhất định không chịu nhục vì Sinh vẫn khinh Mão ra mặt, thường giễu Mão què.

Nhưng tiếng “thình thùng thình” mỗi lúc thêm giục giã. Mà cái phép hát trống quân lại không cho người ta giờ giọng cục cằn liều lĩnh.

Rút cuộc, Sinh lại đành phải xin hàng vậy; xin hàng như vậy có lợi vì giữ được thể diện với công chúng và mặt khác thì lại được chia giải thưởng, chớ giở mặt liều thì chẳng được xơ múi gì.

Sinh cúi mặt hát:

Thấy chàng tôi bốn cột chơi,

Thi gan mới biết là người tài hoa.

Chấp chi bồ liễu đàn bà,

Giữ gìn cho vững bông hoa trên cành.

E khi sóng gió bất bình,

*Đành thân phận thiếp, ngại danh giá
chàng.*

Ấy mới tài, ấy mới gan,

Xin chàng tỏ lại rõ ràng thiếp hay.

Có thể chứ! Cái công tu luyện của
Mão không phải là vô ích. Thấy Sinh hạ
mình xin lỗi, Mão thấy nao nao trong
lòng. Bèn hát:

Hay, hay, hay thực là hay,

Làng nho có lẽ chịu tay bọm già,

Thuyền quyền rõ mặt tài hoa,

Nếu nàng đã chịu thì ta cũng lờ.

*Cát đặng thuận nẻo gió đưa,
Chấp chung tần tảo sớm trưa tùy lòng.*

Sinh đáp:

*Sâm thương đã vẹn chữ đồng,
Biết người, biết mặt, biết lòng làm
sao?*

*E khi chiếc bách ba đào,
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may.*

Sắt cầm hồ đã bén dây,

Thiếp xin thưa lại câu này vui chung.

Hai chữ “vui chung” của Sinh có ý nghĩa xin chia giải với Mão, nhưng sợ người cầm trịch không nghe, nàng liếc Lí Xuyên một cách tình tứ rồi hát:

Đây nhiều tài tử anh hùng,

Biết rằng lòng có chắc lòng cho ai.

Sợ khi ép trúc nài mai,

Thế trong dù lớn hơn ngoài khó phân.

Vụng hèn nhờ lượng đại nhân,

Tùy lòng giải cấu xử phân được nhờ.

Lí Xuyên hiểu ý, trông Sinh mà cười.
Ông phê vào tờ giấy cầm trích cho nàng
ngang khuyên với Mão.

Nhưng sau Trung Thu năm đó, Sinh
không đi hát giải nữa. Cô đã trở thành
bác Mão gái; còn Mão què, xong vụ giật
giải ở Gia Quất rồi cũng bỏ nghề, xếp
một chỗ ngồi ở đền Mậu Dương đoán
thẻ cho các bà các cô đi lễ.

Đau nhất là trong khi thiên hạ ca
khúc bạc đầu như thế thì ba năm sau
đó, vào một ngày cách mạng bùng nổ

mùa thu, vợ chồng mình lại ngâm câu li biệt. Đó chính là cái năm mà chính lúc vợ chồng đi lễ giao thừa đền Ngọc Sơn thì cầu Thê Húc gãy. Điềm xui xẻo đó ai ngờ lại vận vào mình cho đến cuối năm, rồi từ đó cứ kéo lê thê mãi như lời thơ “Chinh phụ hành”:

Thập bát giá lang quân,

Thập cửu lang quân xuất,

Nhị thập, bất qui lai,

Kim niên nhị thập nhất.

Mà sau này có nữ sĩ dịch là:

Mười năm mười tám lấy mình,

Mà năm mười chín dứt tình ra đi.

Hai mươi, mình vẫn chưa về,

Giờ hai mươi một trăng thề còn soi!

Cái thời buổi loạn li tạo nên bao nhiêu là biệt li. Nằm ở miền Nam vắng trăng mà chỉ thấy hỏa châu, không có tiếng trống quân mà chỉ nghe toàn tiếng súng, không biết làm gì để giết cái vô liêu, người chồng bây giờ chỉ còn biết trèo lên trên lầu, cầm li rượu nhìn ra bóng đêm mịt mùng, ngâm câu thơ “Thú cổ đoạn nhân hành”:

*Sầu không trống giục người xa,
Thu về cánh nhạn bay qua gọi sầu.
Đêm nay sương trắng bắt đầu,
Cố hương hỏn cũng một màu gương
nga.*

*Mấy em tan tác không nhà,
Tử sinh nào biết đâu mà hỏi han.
Thư đi không thấu dặm ngàn,
Bên trời huống lại chưa tan nửa bình.*

Nửa đêm về sáng, trăng xuống thấp chỉ còn cao bằng ngọn tre thì cũng lúc ấy người tương tư cố hương cũng say khà. Hà, sáng mai đây, cuộc đời lại tiếp diễn, cả thế giới lại thi nhau kêu gọi hòa bình và chưa biết chừng lại có người tự thiêu “vì hòa bình, cho hòa bình”. Nhưng hòa bình bao giờ tới? Hòa bình đi có còn trở lại không?

Người xa nhà không muốn nghĩ lôi thôi gì nữa, vì hy vọng sống để trông thấy hòa bình và trở lại cố hương, nhìn lại cố hương một chút trước khi nhắm mắt, mỗi ngày mỗi nhạt đi mất rồi.

Cái thời buổi li loạn này, tiến bộ đến tột bậc, có đâu lại như thời Thiên Bảo được. Cuối thời Thiên Bảo, An Lộc Sơn nổi loạn, chiếm kinh thành Tràng An. Vua Huyền Tôn phải chạy vào Thục. Sau,

Hoàng thái tử lên ngôi ở đất Linh Vũ, hiệu là Túc Tôn.

Bấy giờ Đỗ Phủ ở Khương Thôn (Lộc Châu) cùng với gia quyến. Nghe tin tân quân mới tức vị, nhà thi sĩ từ biệt vợ con, trốn đến nơi hành tại. Chẳng may giữa đường, ông bị giặc bắt và bị kệt mấy tháng trời. Mãi sau, Đỗ Phủ mới trốn được về Linh Vũ. Túc Tôn phong cho ông chức Tả thập di, giữa khi ở nhà, vợ con ông cùng quần, đến nỗi có vài con nhỏ chết đói. Túc Tôn cho phép ông về thăm nhà:

Mặt trời xế về Tây,

Núi cao cao vút, sắc mây ửng hồng.

Kim ô chìm xuống mặt đồng,

Thấy ta, cái sẻ reo mừng ngô gai,

Ta từ ngàn dặm xa xôi,

Về quê hương cũ với người thân yêu.
 Vợ con sắm sửa nhường bao,
 Lạ rằng “người ở nơi nào lại đây?”
 Định thần lau mắt lệ đây,
 Lầm than, kể lại những ngày ra đi...
 Loạn li, trôi dạt một thì,
 Ra đi, đâu hẹn ngày về hôm nay.
 Đâu tường, hàng xóm tới đây,
 Nghẹn ngào cùng vị thân này cảm
 than.
 Cầm đèn quên cả đêm tàn,
 Nhìn nhau còn tưởng mơ màng thấy
 nhau⁵.

Bây giờ sống trong chiến tranh “mất”
 mới, ai đã từ biệt vợ con để ra đi lại còn
 dám nuôi hi vọng được ngâm lại bài

5 Vì tác giả lúc chép thơ chỉ dựa vào trí nhớ nên không ghi tên được tác giả và dịch giả.

“Khuông Thôn” như Đỗ Phủ? Hoạ chẳng chỉ thấy cổ hương trong giấc mộng hay là mượn bóng trăng để gửi mối tương tư hoa vàng về chốn nghìn dặm quan sơn.

Tiếng chim xào xạc bên đồi.

Giật mình lại ngỡ tiếng người dưới hoa,

Đường xa, rừng vắng, trăng tà,

Khói lên nghi ngút thấy nhà ta đâu!

Trăng thu, mây thu, gió thu ời, trăng đẹp quá, mây cao quá, gió buồn quá, người nhớ nhà van xin với trăng đừng đẹp quá, mây đừng xanh quá, gió đừng buồn quá, vì càng đẹp, càng xanh, càng buồn thì người xa nhà lại càng nhớ day dứt đến phong vị Giang Nam, không có cách gì khuây khỏa được trăm sầu nghìn giận.

Đó cũng là lời nguyện ước của cô gái còn son nhớ chồng đi lính trong khi chiến cuộc vẫn lan tràn, sen tàn rồi sen lại nở bao nhiêu lần mà người thương vẫn đi biển biệt không về:

Từ ngày chàng ra ải quan,

Mình em với bóng trăng tròn lẻ loi.

Trăng đừng tròn mái hiên ngoài,

Xin trăng hãy vỡ làm hai mảnh lòng.

Mảnh thì rơi xuống cô phòng,

Mảnh gài ngọn ải cho chồng em soi.

Đến gần sáng, gió may làm rụng mấy cái lá biệt li cuối cùng trên mặt đường hanh hao xào xạc.

Người mắc bệnh tương tư uống thêm một li rượu thật đầy, cho thật say, rồi lên

giường nằm thiu thiu giấc hồ. Trăng khéo
trêu ngươi, nào có chịu thôi, lại chiếu
vào cái giường xô lệch một nửa trắng (là
trắng) để đỏ, một nửa giường để đỏ (để
đỏ) chờ ai... hũ la ơi...

**Tháng Chín,
Gạo mới, chim ngói**

Thì đã bảo cái gì đẹp thường là vẫn chóng tàn. Giai nhân, danh tướng đều không để cho người ta thấy bạc đầu thì dễ gì trăng lại cứ sáng mãi, tròn luôn để cho tao nhân mặc khách cứ uống rượu khà mà ngâm câu “nguyệt thị cố hương minh”.

Trăng giữa tháng Tám đẹp trội lên, đẹp ảo huyền tức là trăng sắp kém tươi

và bót sáng đến nơi rồi. Biết quá cái diễn tiến của cuộc đời là thế, các nhà thơ đành chỉ còn biết nhìn trăng mà luyện tiếc, sống mà đã cảm thấy rõ rằng ngày đương có là ngày đã hết.

Bao nhiêu lời vàng nói lên cái cảnh đưa bạn ở trên sông nước bây giờ thành ra là những tiếng thơ tả nỗi lòng của người đã cảm chia tay với trăng thu để cho những ngày bàng bạc màu chì có mưa bóng mây, có gió lạnh, có tiếng sếu kêu đìu hiu về thay thế.

Đầu bến sông Hoài bóng nguyệt soi,

Trời chìm đáy nước, nước trôi xuôi,

Sáu triều việc cũ,

Mây nổi chơi vơi,

Dưới trăng ấy

Ta với người

Biết nhau rồi đấy muôn trùng thăm

Thuyền rẽ sông Hoài sóng bạc trôi.

Cái buồn của tháng Tám nên thơ,
qua khúc rẽ, cái buồn của tháng Chín ủ
ê, day dứt.

Nhìn lên trời, người ta trông thấy
trăng liềm nhô ra khỏi mộng để cho ánh
ngà vắt sữa xuống ngàn cây; nhưng bây
giờ thì mỗi khi chiều lắng xuống, sương
đâu đây đã dâng lên và hơi lạnh bắt đầu
vỗ cánh bay vào trong quán gầy, có người
đàn bà vận ngọn đèn nhỏ lên may áo rét
cho chồng nơi gió cát.

Những lúc đó, vì có muốn bắt chước
người li phụ trong thơ Đường lay trăng
xin ở lại thì trăng cũng chẳng buồn nghe.
Bấy giờ, nghĩ mới ghê cho các cụ ngày

xưa, biết lẽ tồn vong hơn cả ai ai, gặp những giây phút rầu rĩ như vậy, không nói không rằng, lặng lẽ trèo lên núi cao uống rượu “Trùng Cửu đăng cao” để tiễn nuối mùa thu sắp hết.

Hay là để hưởng nốt những cái gì còn thể hưởng? Không biết. Nhưng thấy các cụ ăn tết Trùng Cửu ở trên cao như thế thì vợ chồng mình một ngày trùng cửu xa xưa nào đó cũng bắt chước, trèo lên trên lầu, nhìn ra sông nước xa xa ngâm khúc hát tạ từ:

Hôm nay có phải là thu,

Mấy năm xưa đã phiêu du trở về.

Cảm vì em bước chân đi,

Nước nghiêng mặt ngọc lưu li phớt buồn.

Ai về xa mãi cô thôn,

*Một mình trông khói hoàng hôn nhớ
nhà.*

*Ngày anh mới bước chân ra,
Tuy rằng cách mặt lòng ta chưa sâu.
Nắng trôi, vàng chảy về đâu?*

Hôm nay mới thật bắt đầu vào thu.

Ở cuối sông, sương đục bốc cao ngút lên đến trời. Người vợ, thấy gió lạnh, kéo cái khăn choàng che nửa mặt mà rằng:

– Nhưng nghĩ cho cùng thì “Trùng Cửu đẳng cao” để tiết nuôi trăng thanh gió mát chưa chắc đã hoàn toàn đúng. Đâu phải chỉ có mùa thu là đẹp? Mà tết Trùng Cửu ăn vào ngày mừng chín tháng Chín mỗi năm hình như còn có một ý nghĩa khác hẳn thế, chứ không phải dành riêng cho các nhà văn nghệ sĩ

ngồi mà luyện tiếc mùa thu đẹp và than khóc mùa thu chết.

Chứng cứ là theo sách sử để lại thì tục ăn tết Trùng Cửu bắt đầu từ bên Tàu: cứ vào ngày mừng chín tháng Chín, cả thiên hạ đều nô nức vui chơi như trong tết Thanh Minh, kẻ lên núi cao, lội suối, người ra sông thả một con thuyền rong chơi, người đánh cờ dưới bóng tùng, kẻ thả diều trên bãi cỏ. Các công nương mỹ nữ, trong xiêm y lộng lẫy, đi trong sương mù, gió lạnh để hái hoa đem về cùng với các trái cây đặt lên bàn thờ, vì theo tục lệ truyền lại thì ăn trái cây tháng này tránh được tai nạn bất thường, còn hoa đem sắc lên lấy nước uống thì tránh được nhiều bệnh tật trong những ngày đông tháng giá.

Vậy là cả bàn dân thiên hạ vui chơi trong ngày tết Trùng Cửu, chứ không

phải chỉ là ngày tết dành riêng cho các
mặc khách tao nhân nói lên cái đẹp của
mùa thu đang chết.

Có lẽ như thế đúng hơn, vì mùa thu
đẹp, mà đẹp hơn nữa là những ngày tàn
thu, nhưng ai bảo mùa đông lại không
có những cái đẹp riêng của nó, cái buồn
nên thơ riêng của nó?

Tháng Chín là tháng cuối cùng của
mùa thu, nhưng bây giờ ngồi nhớ lại
những ngày tháng Chín đã qua ở Bắc, tôi
thấy rằng tháng Chín không hẳn là thế,
nhưng còn ấp ủ một cái gì đẹp hơn thế,
đa tình hơn thế: ấy là lúc đôi mùa thu,
đông gặp nhau, mở hội giao hoan trước
khi đưa tiễn nhau trên bến sông trắng cỏ
bạc đầu, có gió lạnh mới về chạy xào xạc
trong lau lách.

Ồi ời những người lỡ hội chồng con,

có phải đến tháng này, ở Bắc Việt, cái gió lạnh mới về ấy thấm vào da thịt, len lỏi tới sâu thẳm của tâm hồn, nó làm cho người buồn dằng dặc, tự nhiên cảm thấy thèm khát yêu đương hơn cả bao giờ hết phải không?

Nhìn ra thì thấy cái gì cũng vậy chào, hẹn hò nhau, cái gì cũng tơ hồng quấn quít, cái gì cũng đủ lứa no đôi; hồng thì có cốm đẹp duyên, bưởi thì có bông ân ái, gió bắc có mưa phùn, cam vàng có quít xanh, ăn cái món rươi thế nào cũng phải có vỏ quít mới dậy mùi, thế thì tôi đổ ai cầm lấy chén cơm mới đưa lên môi mà lại không nghĩ ngay đến chim ngói nhồi củ cải, thịt ba chỉ, hạt sen và miến?!

Ghê cho các loài cây sao mà đến tháng này thấy hoa rét trở về cũng như cảm thấy thèm thuồng ôm ấp, để cho đỡ lạnh lòng. Ấy là cây phật thủ. Ba mươi

tám năm trước ở miền này, tôi chưa được thấy loại cây “tiến” ấy, nhưng bây giờ lạc nước đi vào vườn của mấy ông bạn chịu chơi, một vài gốc phật thủ đã thấy hiện ra, nhưng hầu hết chỉ tốt lá đẹp hoa mà bói thế nào cũng không chịu ra lấy một hai quả để bày cho thơm nhà.

Ở Bắc, cứ vào cỡ tháng Chín này, sao các cây phật thủ sai quả thế? Mà tại sao ở đây lại cứ đực ra? Hay là tại thổ ngơi? Hay là tại hơi bom đạn của Mỹ ném để giải phóng dân ta và yểm trợ cho ta nhảy vọt cướp lấy độc lập và tự do thực sự đã làm thui chột các quả đó ngay khi còn trứng nước?

Hóa ra nghĩ như thế là lầm. Có tìm được những người đã trồng phật thủ ở Bắc Việt vào đây mới biết là giống cây này tuy là mang cái tên rất đạo mạo trang nghiêm nhưng đến tháng Tám bước sang

đầu tháng Chín là lúc bói quả thì lại không chịu được sự lẻ loi, cô quạnh. Muốn cho sang đến tháng Chín phật thủ có trái thì từ tháng Bảy, tháng Tám nhà trồng tía đã phải ủ cho cây “một chất đàn bà” để cho ấm lòng.

– Nói vậy. Cây gì mà lại có cây khéo khéo đa tình đến thế?

– Ấy thế mà thực đấy, mới phiền. Không có chất đàn bà, cây nhất định cứ ì ra nằm vạ.

– Thế cái chất đàn bà ấy là chất gì?

– Nói thì tục tĩu, nhưng thực, sợ gì mà không dám nói? Chất ấy có thể là một cái yếm, một cái quần, một cái khăn... Nhưng điều cần là khăn ấy, quần ấy, yếm ấy phải do người đàn bà đã dùng rồi, nghĩa là phải có hơi hướng của người

đàn bà mới được. Dem ra bón ở gốc cây, cũng như hoàng lan bón phân ngựa, mai vàng bón gạch non, sứ Thái Lan bón khô dầu, rồi lấy nước giặt quần dơ của đàn bà ra tưới, ấy thế là phật thủ đỏ mảy hay hạt, sang đến tháng Chín thì quả cứ lúc lỉu ở trên cây. Lại lấy cái quần, cái yếm cũ của đàn bà ra bọc lấy trái cho đến khi da nó bóng lên, các cái móng dài cuốn lại đẹp như móng tay Phật, anh hái đem về để lên trên mâm ngũ quả, đến đêm hương dậy lên khắp cả nhà. So với thanh yên, và bưởi, hay hồng hạc, cam sành, trái phật thủ bỏ ra ăn chơi một miếng, chữa chắc đã ngon bằng, nhưng từ xưa nó vẫn được tiếng là quý, thành ra lúc ăn, ai cũng lấy làm trịnh trọng – nhiều khi cứ để đấy mà trông, thỉnh thoảng cầm lên mà nắn cho nó teo đi, để dành phòng khi đau bụng mang ra dùng chớ không dám ăn sợ phí. Những người ăn thuốc

‘sưa’ rồi lại bày ra cái trò kì cục không chỗ nói: tiêm thuốc phiện vào trong phật thủ rồi để đẩy cho nhuyễn vào vỏ và thịt của trái cây. Này, cứ thỉnh thoảng tiêm một chút như thế rồi để đẩy, hàng năm không thú; khi nào cần, lấy ra dùng một miếng, sợ còn hay hơn là thuốc tiên, cụ ạ. Gớm cho cái giống Âu Tây họ khôn chảy máu mắt ra: lấy vỏ phật thủ chế ra cái rượu cointreau ngon đáo để, ngọt cứ lừ, ấy thế mà say đảo đồng đảo địa lúc nào không biết.

Mứt phật thủ ăn cũng ngon gia dụng, nhưng riêng tôi lại ưa cái mứt kì đà hơn, vì cùi của kì đà dày, còn thơm cũng tựa như phật thủ. Đó là một thứ bưởi lớn có khi hơn cả cái đầu một đứa trẻ lên năm, ngon không thể bằng bưởi Đoan Hùng, Phúc Trạch nhưng quý vì cái cùi của nó giòn, ăn vào sần sật mà thơm một cách

độc đáo, nửa như mạn Thất Khê mà nửa như hồng mòng.

À, hồng mòng! Phải rồi, cái hồng này ít lâu nay cũng thấy bày bán ở niềm Nam nhưng có lẽ vô duyên là khẩu cái của tôi cho nên từ khi có loại trái cây này bày bán ở các chợ đô thành, tôi chưa được thưởng thức một trái nào mềm xớt, ngọt lừ như hồng mòng ở Bắc ăn với cốm vào cuối tháng Tám đầu tháng Chín.

Cốm thì xanh biêng biếc mà hồng thì đỏ chói chang, họa sĩ lập thể nào đã dám dùng hai màu đó kết hợp với nhau chưa? Ấy thế mà ở Bắc, cứ đến tháng Chín thì nhà trai lại đem đến sêu tết nhà gái hồng và cốm, hai thứ bày sát với nhau. Nhìn những mâm hồng và cốm tốt đôi như trai gái tốt đôi, ai cũng cảm thấy lòng mình nở hoa và kính sợ tổ tiên ta hơn lên một chút vì sao các cụ lại có thể lựa chọn tài

đến thế trong việc chơi màu sắc, đồng thời lại đem cho nhân duyên của trai gái một ý nghĩa đậm đà đến thế.

Hồng, thực ra, có ba bốn loại: hồng hạc, bốn múi, trái dài, ít hột, ngon nhất là giống ở Việt Trì; hồng ngâm tức là thứ hồng xanh, có trái ăn hơi chát, muốn kiếm thứ thực ngon phải là giống ở Sơn Tây. Nhưng trong lễ cưới hỏi, nhất định phải tìm cho được hồng mòng, chẳng những trông đã đẹp mắt, mà cốm và hồng ăn vào miệng lại nhuyễn với nhau, vừa thơm, vừa ngọt, vừa bùi, ấy ai đa cảm, mấy mà không nghĩ rằng thịt ướp lấy thịt, da ướp lấy da để hòa làm một cũng chỉ mê li đến thế chứ không thể nào hơn được!

Ôi thôi, đến cái thú thưởng thức miếng ngon đất Bắc vào những ngày tàn thu, nghe gió bắc thổi vi vu bên cạnh

người thương bé nhỏ thì biết kể đến bao giờ cho hết. Tháng Chín thì quít mới đỏ tròn, ăn chưa xứng ý, nhưng cam thì có cả rừng bạt ngàn san dã ở trên những vùng mường mán, ai muốn ăn bao nhiêu tùy thích, mà muốn trả mấy hào cũng cứ được đi. Tuy nhiên, ăn như thế chỉ là ăn chơi. Mùa này, bắt đầu có cam sành nổi tiếng ở Bồ Hạ, vỏ vàng ăn ngọt như đường phèn; cam chanh ở Xã Đoài không những ngọt lại thơm, chẳng thể lại được liệt vào hàng cam tiến; còn cam giàng sản xuất từ làng Giàng ở Thanh Hóa thì có ý mát và nhiều nước hơn.

Tôi nhớ lại có những buổi chiều vô liêu tháng Chín, trời lạnh, gió tê tê buồn, không đi ra ngoài, ăn cơm xong, tráng miệng bằng cam rồi không biết làm gì ngồi châm một ngọn đèn dầu lên hút thuốc rồi lấy những cái vỏ cam bóp vào

ngọn lửa; nước ở trong vỏ tia ra làm bùng ngọn lửa đèn, tạo cho mình một sự thích thú và hồi hộp lạ.

Chẳng biết cái vỏ cam ấy để dành có làm được vị thuốc gì không, chớ cái vỏ quít thì quả là dùng vào được nhiều công việc quá. Ai ăn nhiều mà đầy dạ bụng, khó tiêu, cứ lấy vỏ quít kinh niên sắc lên mà uống; nhưng ăn rươi mà dùng vỏ quít phơi khô không sướng bằng dùng vỏ quít tươi mới lột ra, thái nhỏ như sợi chỉ.

Tài thế! Chẳng cần nhiều, chỉ một dúm thôi, cho vào rươi tráng trứng, rươi mắm, rươi nấu với củ cải theo kiểu tam xà đại hội hay là rươi xào xâm xấp nước với củ niễng, rắc mấy cọng mùi lên trên, tự nhiên rươi dậy hẳn mùi. Thiếu vỏ quít, nhất định không phải là rươi nữa, cũng như non thiếu nước, trắng thiếu hoa, gái

thiếu trai, nhất định không có cách gì tạo nên được bài thơ ý nhị!

Thế nhưng mà quái, làm sao đến tháng Chín, có nhiều cái thú ý nhị thần tiên thế nhỉ?

Đã cốm với hồng, đã vỏ quýt với rươi, lại còn gạo mới chim ngói nữa. Có phải là ông Trời đem tất cả những cái gì đẹp nhất, mê li nhất lại cho người Bắc Việt để đền bù lại cái đời sống vất vả của những người ưa chuộng hòa bình nhưng liên tiếp cả ngàn năm phải vật lộn, phải đấu tranh để chống lại ngoại xâm lúc nào cũng manh tâm thôn tính cái dải đất nổi tiếng là bờ xôi, ruộng mật?

Mặc. Muốn mưu toan gì mặc, người đàn ông cứ quyết tâm giữ phần đất của mình đến kì cùng, còn người đàn bà thì cứ thờ chồng nuôi con, và giữ lấy dung

nhân cho đẹp để cho người chồng được
hỏi dạ dưới ngọn đèn rủ chao xanh.

Thường thường, vào cũ có nắng
hanh ban ngày, da người vợ hơi nẻ và
hồng lên đôi má. Mặc dầu ánh sáng đèn
chiếu ra xanh lờn lợt, người chồng ngồi
cạnh vợ cũng thấy đôi má vợ phơn phớt
hồng như hoa đào. Tắm áo nhung đen
rưng rức làm nổi bật sắc da ở cổ tròn trịa
lên; cặp môi có vẻ thắm thêm một chút;
ở ngoài gió bắc xào xạc làm rung động
ngọn hoàng lan và người chồng nhìn vợ
nghĩ đến làn da ấm áp thơm thơm mùi
hoa chanh.

Trời tháng Chín ở Bắc Kỳ lạ lắm. Có
nhiều lúc trời đang nắng hanh vàng bỗng
tím về một hướng rồi mưa rào rào một
lúc rồi tạnh, rồi bất thần lại mưa.

Đó là mưa bóng mây, đó là mưa rười.

Cái mưa này, tuy vậy không có gì độc hết. Thường thường, người ta chỉ se mình, khó ở một chút thôi. Nhưng trời khéo đa tình, cứ vào lúc màn đêm rủ xuống, gió bắc nổi lên thì máu phát ra từ con tim dường như chảy mạnh hơn và cả vợ cả chồng đều thấy diễm tình bát ngát trên làn môi thương thương, trong đuôi mắt yêu yêu... Đến khuya, cả hai vợ chồng vẫn nằm mở mắt trong bóng tối để nghe tiếng gió lay động những cành hoàng lan. Người vợ lấy tay đập khẽ vào vai chồng nói khẽ, như sợ có ai nghe thấy:

– Này, mai nhớ đánh thức em dậy sớm, đừng có ngủ quên đấy nhé.

– Dậy sớm làm quái gì. Thức khuya mệt, ngủ đi cho khỏe.

Nhưng người vợ không thể chiều ý người chồng vì mai là mười bốn, phải đi chợ Mới Mơ mua chim ngói về cúng với gạo mới.

Gạo mới gặt về đúng lúc có chim ngói, hai thứ gắn liền với nhau, cũng như quít với rươi, hồng với cốm thiếu một thứ không còn ra nghĩa lí gì. Nhưng tại sao hai thứ đó lại ăn khớp với nhau như thế? Suốt một năm, người ta không thấy bóng một con chim ngói, thế mà không hiểu tại sao cứ có gạo mới thì cái giống chim ấy ở đâu lại dẫn diệu về để làm tăng cái thơm, cái dẻo của gạo mới tạo thành một khối thuần nhất, lạ kì, thứ này làm tăng hương vị của thứ kia lên, khiến cho người sành ăn chỉ còn biết tặc lưỡi, gật đầu vì không còn chữ để mà ca ngợi nữa.

Chẳng biết xem ở sách nào, người vợ kéo cái chăn đơn lên đến cổ y như

con chim nhỏ thò đầu ở tổ ngó ra ngoài, kể cho chồng nghe lai lịch của con chim ngói:

– Đúng rồi. Cái giống chim này quanh năm không có, tuy chỉ xuất hiện vào khoảng đầu tháng Chín mà thôi. Ấy là vì nó không phải là một giống chim của nước ta, nhưng là của những vùng biên giới Trung Hoa thấy gió rét, bay về phương Nam để tìm một nơi ấm áp hơn trú ngụ, nhưng vừa tới đây thì người ta đã bắt từng đàn. Bắt bằng vó như bắt chim sẻ vậy.

Tài tình đáo để là người Việt. Các đồ vật ứng dụng chẳng cần máy móc cóc khô gì, chẳng cần phương trình thức, đại số thức, hóa học thức con tườu gì, ấy thế mà đem ra dùng thì bén nhạy và hữu hiệu lạ lùng.

Cái vó bẫy chim ngói, có gì là cầu kì đâu: chỉ có một cái lưới, hình tròn, giữa có một cái trụ để dựng một nửa lưới lên, còn nửa kia thì để nằm trong ruộng, trên rắc lúa làm mồi. Chim ngói, bay từng đàn làm râm cả một góc trời, sà xuống để ăn thóc. Người bẫy chim, do một sợi dây buộc vào cái vành lưới làm bằng tre cật, giật một cái, phần nửa lưới úp xuống, vơ cả mẻ chim vào bên trong. Muốn cách gì cũng không thể chệch được vì người bẫy chim đã cẩn thận buộc vào vành lưới đó nhiều hòn gạch nặng, một khi đã úp xuống thì chim khó lòng thoát được ra. Có khi có tới vài chục con bị mắc lưới theo kiểu đó cùng một lúc.

Bây giờ, ngồi ở đây nhiều khi trông mưa nhớ nhà, tôi ưa nhớ đến những ngày có bóng rười ở Bắc, cha mẹ anh em quây quần dưới một ngọn đèn dầu, chúng tôi

tranh nhau vặt lông chim ngói rồi thả xuống đất giậm chân, đập tay để cho nó trốn lủi vào những gầm giường, xó tủ.

Chính ra con chim ngói trông cũng không đẹp mấy: tựa tựa như bồ câu, chim gáy, nhưng nhỏ hơn và tròn mình hơn. Lông chin ngói màu nâu, điểm những chấm đen đen, mà đuôi thường cụt. Vặt lông rồi, nó để lộ ra một làn da xám xám, thỉnh thoảng có vết máu rớm ra vì người nhổ lông bất cẩn. Có lẽ vì nó sợ, và có lẽ vì đau, chim cúi đầu xuống đi bập bả bập bồng, trông như một đứa trẻ lột trần vừa bị đòn đau, tìm chỗ trốn.

Tội nghiệp cho kiếp chim, ai thấy mà không ái ngại, nhưng triết lí là một chuyện mà thực tế lại là chuyện khác: chỉ một lát nữa thôi, mổ ruột bỏ lòng đi rồi nhồi hạt sen, ý dĩ, miến, thịt ba chỉ,

mộc nhĩ, nắm hương cho vào nồi hầm lên, anh sẽ thấy rằng các nhà đạo đức tu hành khuyến cáo các đệ tử ăn chay trường, cấm sát sinh, thật quả là đại, đại quá, đại không để đâu cho hết. Đáo để là cái giống chim này, sao mà thịt nó thơm, mà lại mềm đến thế, mềm đến cả cái xương, bồ câu, chim cu sao có thể đem ra mà ví được? Chết, đem nó làm món gì cũng ngon chết người đi: xáo với măng, lá lốt như kiểu sáo vịt đã hay, thái ra từng miếng nhỏ hấp với rau cải nộm lại càng ngon tề, nhưng ngon vượt bậc là đồ một chỗ xôi “nếp cái mới” rồi úp một hai con chim ngói lên trên để cho mỡ nó nhuyển vào xôi lấy ra ăn thật nóng, nhất định là cả thế giới này không có một món ăn nào sánh nổi!

Ấy chính vì chim ngói ngon và quý một cách rùng rợn như thế cho nên đến

mùa mà ăn ngay thì đắc tội với trời: không được!

Vì thế tất cả những gia đình có lễ giáo mỗi khi đến mùa chim ngói đều phải sửa lễ cúng trời đất, tổ tiên cùng với gạo mới vì cuối tháng Tám đã gặt lúa mới, sang tháng Chín gạo mới đã bắt đầu đem bán ở khắp nhà quê kẻ chợ.

Ở đây, ngon nhất thì có Ré Cánh, Nanh Chồn, Nàng Hương... thối một nồi cơm lên thơm ngát cả nhà; kể ra cũng đã là “cao cấp”, nhưng mà đến cái gạo Tám Thơm ở Bắc thì phải nói là thơm “điếc mũi”, ghế nồi cơm lên, không những cả nhà thấy ngào ngạt hương thơm mà cả mấy nhà hàng xóm cũng bắt thềm rỏ dãi! Gạo Tám nổi tiếng nhất là ở Bắc Ninh, nhưng Bắc Ninh lại có một làng riêng sản xuất một thứ Tám Thơm “thượng thặng”:

làng Cói. Gạo Tám Cói thổi lên ăn với chim ngói hầm đem cúng thiên địa quý thần và tiến vua quả thực là đúng khổ, y như thường trống cô đầu đến đoạn “dịp phách phách” mà đánh “bóc bóc” hai tiếng ăn nhịp với nhau chan chát, chịu sao cho nổi!

Nhưng người đẹp như Tây Thi đau bụng nhăn mặt lại mà vẫn cứ đẹp như thường thì gạo Tám Thơm cứ gì phải ăn với những món thực quý, thực lạ mới ngon? Nay, thổi một nồi cơm gạo Tám Cói cho thật vừa lửa, ghế cho thật vừa tay rồi xới ra một chén đưa lên, nhìn cái hạt cơm trong muốt, trắng tinh, ong óng như con ong, có khói bốc lên thơm ngào thơm ngạt, có khi anh chỉ rưới lên một tí nước mắm Ô Long hay một hai thìa nước thịt rim ăn cũng đã thấy ngon quá thể rồi; nhưng nếu người nội trợ đi chợ

Bằng thấy thịt thăn ngon mà rẻ, lại mua về làm mấy lạng ruốc bông để đây, lấy ra ăn với cơm Tám vừa chín tới thì... nhất định tối hôm ấy phải yêu thương người vợ hơn một chút.

Người chồng mới nói rằng:

– Cơm hôm nay thối khéo quá. Giá em thối cơm thi, nhất định anh phải chấm em giải nhất.

Ấy đó, người đàn ông thường có những cái bực mình lật vặt như thế đấy: tưởng nói như thế thì lòng tự ái của vợ mình căng lên, không ngờ chính anh nịnh vợ lại đâm ra “hỗ” vì nịnh không đúng chỗ.

– Anh nói em lại nhớ. Phải rồi, vào cái cũ này đây, ở Bắc Ninh ngày trước, có cái tục thối cơm thi nhưng không phải

ở Thuận Thành mà ở Thị Cầu. Con trai bốn giáp Đông, Bắc, Giữa, Già, từ mười tám đến hai mươi được cử đi rước thần - anh có nhớ tháng Tám tháng Chín là hội cha mà tháng Hai tháng Ba là hội mẹ không - và đến hôm rã đám thì được phép dự cuộc thổi cơm thi.

- Nhưng thổi cơm thi có tiếng là làng Tích Sơn, huyện Tam Dương tỉnh Vĩnh Yên. Khác hẳn làng Thị Cầu, làng Tích Sơn lại có tục thổi cơm thi vào ngày hội mở ngày mồng ba tháng kiến dền. Trai làng từ mười tám đến bốn mươi phải thổi mỗi người một nồi cơm mang đến trình các cụ ở đình. Sau khi ban giám khảo xét nét rất nghiêm minh, nồi nào thổi khéo nhất thì để thờ, các nồi khác để các cụ thưởng thức rồi còn bao nhiêu để mời khách thập phương nếm thử.

– Nhưng ở Thị Cầu, cũng như ở Tích Sơn, cơm thối dự thi mà được trúng cách không tơi lên như thứ cơm gạo mới em thối cúng thánh ngày hôm nay đâu anh ạ.

– Lúc em còn nhỏ, em đã đi xem nhiều cuộc thối cơm thi rồi nên em cũng biết ít nhiều. Cơm dự thi mà được coi là khéo phải hội hai điều kiện; một là cơm phải mịn như cơm nắm, đổ ở nồi ra có thể lấy dao cắt thành miếng một mà cầm không có cháy hay có vỏ bao lấy nắm cơm; hai là cái nồi đất thối cơm không được bén lửa, nấu cơm rồi mà cái trôn nồi vẫn mới nguyên.

– Ăn một miếng cơm như thế, nó cứ lừ đi trong cuống họng, vừa thơm vừa man mát mùi nhựa gạo. Nhưng chỉ ăn chơi bởi một hai bữa là cùng, chớ ăn hàng ngày thì phải thối cho ráo nước,

cơm cứ tươi lên, không khô, không nát thì mới gọi là thối khéo.

Khéo chống chế, anh chồng nói:

– À, ra cơm thối thì nó như thế hay sao? Nào ai biết. Chỉ biết đọc truyện ‘Phạm Công Cúc Hoa’ thấy nói đến thối cơm thì mình cũng nói thế, chớ biết đâu thối cơm thì khác thối cơm thường. Nhưng mà cơm thì hay cơm thường thì em vẫn cứ là nhất, anh tự lập lấy một ban giám khảo, và chấm như thế đấy.

Người vợ cười và đêm ấy cũng thấy yêu thương người chồng mặn mà hơn đêm trước nhiều.

Gió bắc thổi về gần sáng lạnh hơn, buồn hơn. Cả hai người lúc ấy cùng cảm thấy sống đủ đôi ấm quá, mà cái tháng Chín ở Bắc quả là tháng lí tưởng của bùi

ân ngọt ái. Nhưng càng bùi, càng ngọt bao nhiêu thì cũng lại càng thương biết mấy mười những người chinh phụ trắng tui, hoa sầu không biết than cùng ai, thở cùng ai, không biết chồng đi trận còn sống hay đã chết, đành là gửi hồn mộng đến Ngư Dương để gặp bạn chiếu chăn ngày cũ:

Bên thành rặng liễu thướt tha,

Dâu xanh um tốt tỏa ra đây đồng.

Vẫn vợ mang giỏ về không,

Ngư Dương còn nhớ giấc nồng đêm qua.

Bây giờ, nằm ở niềm Nam, nhớ về phương Bắc, người chồng không ngờ đâu mình lại cũng là người đi hái dâu chỉ thực sống khi còn trong mộng, mà mộng tỉnh rồi thì lại tiếc mộng mấy mươi!

*Hôm xưa đương lúc nửa đêm,
Gặp nhau trên gối đã tìm trong mơ.
Nỗi lòng vừa kể hết;
Mặt đẹp tựa hoa xưa,
Tha thuật đôi mày liễu,
Nửa mừng nửa ngán ngơ,
Muốn gần nhau vẫn đứng trơ,
Đau lòng nghĩ tiếc giấc mơ vừa tàn.*

Tiếc không biết bao nhiêu những đêm lạnh nằm chung một chăn đơn với vợ ăn hạt dẻ, nói đôi ba câu chuyện buồn vui thế sự; tiếc những buổi chiều mưa rười hai đứa dắt nhau đi trên những con đường vắng ẩm ướt có hoa sấu rụng thơm lên trong không khí một mùi hương dịu dịu, man mát lại chua chua; tiếc những

ngày tản cư cùng đứng trên con đê sông Máng với con trai, nhìn về phía có đèn sáng ở đô thành ngâm bài thơ đi đày.

Nằm ở đây bây giờ, người chồng bỗng nhiên thấy tủi thân vì cảm thấy chìa khóa để mở cái tháp vàng đã mất rồi, ngày vui không hi vọng còn trở lại, cũng như người tỳ bà nữ bến Tầm Dương không còn hi vọng được thấy những ngày ở Hà Mô có không biết bao nhiêu chàng trẻ đem the thắm để mua lấy tiếng đàn huyền diệu.

Thì ra cái thân mình ở đây cũng chẳng hơn gì người tỳ bà nữ lúc về già, lấy người lái buôn chè, một đêm ngồi thuyền gảy mấy thiên ai oán cho Bạch Cư Dị nghe lúc tiễn bạn ở sông Bồn, vào khi ông bị biếm ra làm chức Tư mã ở quận Cửu Giang hẻo lánh:

Từ xa kinh khuyết bấy lâu,
Tâm Dương đất trích, gói sâu hôm
mai,
Chốn cùng tịch lấy ai vui thích,
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm;
Sông Bồn gần chốn cát lầm,
Lau già trúc võ nẩy mầm quanh hiên,
Tiếng chi đó, nghe liền sớm tối,
Cuộc kêu sầu vượn hót nỉ non,
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn
Lần lần tay chuốc chén son riêng
ngừng,
Há chẳng có ca rừng địch nội,
Giọng lúu lô buồn nổi khó nghe,

Tiếng tỳ bồng lắng canh khuya,

Dường như tiên nhạc gần kề bên tai...

Nghe thấy tiếng đàn của người tỳ bà nữ, khắp tiệc hoa đều tuôn nước lệ rơi, nhưng đến lúc chiếu cuốn rượu tàn, trở lại chỉ còn chiếc thuyền trăng dãi nước trôi, người tỳ bà nữ nằm một mình, nghĩ một mình, lại chỉ còn biết vui với cảnh, với người trong mộng; ấy vậy mà ngay ở trong mộng cũng buồn, tỉnh dậy mà vẫn còn thấy nước mắt đầm đìa mặt gối.

Người chồng bây giờ ở đây cũng ôm đàn đi gảy thuê cho thiên hạ giải sầu, nhưng đêm khuya về nằm một mình ở căn nhà gầy, y không khóc như người tỳ bà nữ, nhưng nâng chén rượu lên uống một mình, ngâm khế mấy câu thơ cũ:

Hơi may heo hắt từ đây,

*Giang Nam phong vị độ rầy ra sao?
Năm nỉ với hai sao bến Hán,
Dải trường giang giới hạn đông tây,
Hai sao soi biết nạn này,
Xin cho thất tịch cùng ngày đoàn viên.
Vầng trăng trước về miền vân thủy,
Soi những người thiên lí tương tư.
Đi qua vườn cũ lơ thơ,
Thử xem án cũ cầm như thế nào?
Trông đàn én bay cao phấp phới,
Xịch then song gọi với trước màn.
Tiện đây nhờ gởi chút tình,
Chờ xuân nhẩn gởi chim xanh còn
chầy!*

*Tình nam bắc thân ngày qua tháng,
Sầu biệt li với sáng đây chiều,
Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều,
Cây ai về nẻo Thuốc Kiều hỏi tin...*

Đến nửa đêm, thức dậy, cái giường tre ở ngoài vườn có sương mù bốc lên như khói. Ngủng đầu nhìn thấy có những cánh hoa trắng nhỏ rụng lả tả trên chiếu lạnh. Người chồng cúi đầu nghĩ lại giấc mộng vừa qua, thấy mình về phương Bắc cùng vợ đi trên con đường xưa cũ, con đường hò hẹn khi mới quen nhau, hai đứa cùng lấy một tấm lá che đầu để tránh mưa rười mà chân thì giẫm lên những cánh hoa sấu rụng cũng nhỏ, cũng trắng như những cánh hoa rụng đêm nay trên chiếc giường trống trải.

Những hoa này đâu phải là hoa sấu rụng thơm lên trong đêm xanh một mùi hương dìu dịu, man mát, chua chua! Mà đó chỉ là hoa cây trứng cá lúc rụng cũng duyên dáng vô vàn, nhưng chẳng có hương thơm gì hết!

Tháng Mười,
Nhớ gió bắc mưa phùn

Không khóc như người tỳ bà nữ
bến Tầm Dương? Mà chỉ rót
rượu uống một mình rồi nằm khoèo
trên chiếu lạnh, mộng về Hà Nội, đi với
vợ trên con đường hò hẹn thơm thơm
mùi hoa sấu?

Không. Nói như thế là dối mình, dối
người. Tỉnh mộng rồi, người chồng ấy
nằm khóc một mình.

Khóc thì yếu thật, nhưng anh ta khóc, khóc âm thầm - rồi khóc nức nở, khóc thảm thiết như chưa khóc thế bao giờ.

Là vì chính ngày tàn thu ấy, anh ta vừa được một người bạn viễn phương tìm đến báo cho biết rằng người vợ mà anh khắc khoải nhớ thương qua ngày ấy sang tháng khác đã lìa trần, và lúc gần mất chỉ nhắc nhở đến anh vì bản khoản không biết ở miền Nam no đói ra thế nào và sống chết ra sao. Nhớ đến những lời bạn thuật lại cho nghe, người chồng buồn đứt ruột: bao nhiêu kỉ niệm đã có khi lắng xuống bây giờ lại như nước bị khuấy lên.

Trong bóng đêm lạnh, có tiếng mưa rơi trên giàn hoa thiên lí, anh khóc vợ, khóc chính mình, khóc không cho ai biết.

Và bao nhiêu những việc đã qua dần dần hiện ra mờ mờ nhàn ảnh trước đôi mắt lệ nhòa: cái đêm hẹn ước đầu tiên, gặp mưa rào trên con đường vắng tanh vắng ngắt đi vào Bách Thú; những lời trách móc phản đối của gia đình; bao nhiêu là hi sinh của người đàn bà quyết tâm theo một người chồng mang tiếng là hư hỏng bị cả họ hàng khinh khi; những ngày đầu chung sống thấp một ngọn đèn dầu ở trong màn viết một bài truyện lấy năm đồng bạc; những lời ong tiếng ve của ruột thịt bạn bè khi thấy vợ đem bán hết cả tư trang; rồi tiếp đó là những ngày thắt lưng buộc bụng, một nắng hai sương, xây dựng cơ đồ để mong mở mày mở mặt với người; những ngày tao loạn vợ chồng con cái lang thang đi sát vào nhau trên sông Máng để cho gió khỏi thổi bay đi; những ngày hồi cư thức khu-ya dậy sớm, vợ chồng heo hút với nhau,

chồng có khi cáu bẳn, chơi bời hư hỏng, nhưng vợ thì cứ chịu đựng, cứ thui thủi ở nhà dạy con và lo lắng miếng ăn giấc ngủ cho chồng từng li từng tí.

Thôi, thế là hết. Bây giờ thì còn ước mơ gì nữa, bây giờ thì còn đợi chờ gì nữa, bây giờ thì còn cầu xin gì nữa? Vợ chồng lấy nhau từ lúc còn hàn vi, đến lúc chết tưởng là được vuốt mắt cho nhau, ai ngờ đâu lại vô duyên đến thế! Đã buồn như vậy, lại còn rầu vì nổi cùng lúc hay tin vợ mất thì lại được biết là con nhớ bố mấy năm nay thăm dò mà không làm sao nhờ được én nhận trao tin, cháu nhớ ông chỉ cầu nguyện nhận được một chữ của ông gửi về để cho ngui ngoai thương nhớ nhưng chiến tranh tàn ác đã cắt hết cả đường dây liên lạc. Thương nhớ não lòng não ruột, nhưng biết làm sao hở Khoái, hở Lãng? Mà cháu Khanh, có

phải sau khi ở Trung Quốc trở về, cháu đã có gia đình rồi phải không?

Nhớ lúc ra đi, đứa cháu ấy mới có bảy tám tuổi, theo bà ra bến nước tiễn đưa ông, nào đã biết chi là buồn. Mười tám, mười chín năm rồi... Bây giờ, ở miền Nam, người li hương nhớ đến vợ, nhớ đến con, đến cháu làm thế nào mà quên được những buổi tối tháng Mười ở Bắc có gió bắc thổi lạnh lạnh, có mưa rơi rầu rầu, ai đi đâu, ai làm gì cũng cố phiên phiên để về cho sớm quây quần với nhau chung quanh cái bàn ăn, dưới một ngọn đèn hồng ấm áp?

Lúc ấy, trời bắt đầu rét, gió bắc bắt đầu thổi, người ta chưa quen với khí hậu nên cứ chiều đến, lúc lên đèn ăn cơm thì gia đình sum họp đầy đủ, người lớn trẻ con, mỗi người có vài ba câu chuyện nói với nhau, hưởng cái thú vui ích kỉ là sống

đầm ấm trong khi ở bên ngoài có những người hối hả bước mau dưới trời mưa để về nhà. Khói từ nồi cơm và các thức ăn tỏa ra trong gian phòng nhỏ ở cầu thang đi xuống làm cho lòng người ấm thêm lên và cơm ăn cũng ngon hơn lên một chút.

Đây là mùa gạo ba giăng, cơm thối lên ăn quên chết. Là vì riêng cái gạo nhựa mới ăn vào đã dẻo quá rồi, thơm quá rồi, người vợ lại cẩn thận chuyên đông của người quen thành ra không pha phách gì hết, ăn mới thực hoàn toàn thích khẩu.

“Cũng thì là một thứ thóc, cho vào cối xay, nhưng mỗi người hàng xáo sàng trấu cho tách rời khỏi gạo, khéo vụng khác nhau. Phải làm sao cho gạo không lẫn trấu. Mà thế cũng chưa đủ: gạo sàng rồi phải giã trắng thì ăn mới ngon miệng chớ có trấu lẫn vào, hư cả chén cơm đi”.

“Vẽ chuyện! Gạo giã ngon, thì có lẫn một vài hạt trấu vào vẫn cứ ngon như thường”.

“Không được. Ăn một chén cơm ngon lúc hết mà có một vài hạt trấu lẫn vào, coi như bỏ. Vì thế những người hàng xáo thông thạo, lúc sàng gạo rất cẩn thận mà đến lúc giã gạo cũng không cầu thả: họ đếm từng chày, và đôi khi hồ gạo bằng một vài cái mạ non. Xong rồi, phải giần cho thật kĩ để cám và tấm tách rời riêng khỏi gạo”.

“Trấu dùng để đun bếp hay trải chuồng lợn, cám thì cho lợn ăn, còn tấm sở dĩ phải để riêng ra là vì ăn hơi sạn sạn. Cái nghề hàng xáo cũng như nghề con gái may áo cưới cho người ta, anh ạ. Gạo ngon thì đem bán hay để dành cho chồng cho con, còn chính các bà các cô hàng xáo thì ăn cơm tấm”.

“Tại cơm tấm ăn ngon và lạ miệng”.

“Không phải. Nhưng bởi vì cơm tấm no lâu, đi chợ xa đỡ phải ăn quà. Mà bỏ đi cho lợn ăn thì phí”.

Đói no một vợ một chồng,

Một niêu cơm tấm dầu lòng ăn chơi.

Cách đây ba chục năm, ở miền Nam có sáu xu vào tiệm ăn, phổ ky đưa ra một đĩa xì dầu, một cái hột gà và một thìa mỡ nước không tính tiền ngoài đồ ăn ra, mà cơm thì nóng sốt, trắng tinh - vì kỹ nghệ xay thóc mở mang, không có nghề hàng xáo như ở Trung và Bắc - tôi gần như không thấy ai ăn cơm tấm; nhưng bây giờ vì ớn nhờ kiệm ước, cơm tấm được coi là một thứ quà sáng vào hạng sang, thiên hạ ăn nha nhẩn, trông thấy người ta ăn mà mình đã thấy ngon rồi.

Nhưng ngon cách mấy đi nữa thì cũng không có cách gì so sánh được với gạo ba giảng tháng Mười. Cơm chín tới, cả nhà quây quần lại rồi bắc ra ăn với cá mương đầm Vạc vào hồi này đương béo kể đã là ngon, nhưng ngon thật là ngon thì phải kể đến cá mè vì tháng Mười chính là mùa của giống cá này - béo bùi nhất định là hơn đứt cá thu, mà ngọt thịt thơm hương dấm cuộc là cá trắm, cá mương không thể nào sánh kịp. Thực ra, cá mè không lạ gì lắm với miền Nam là đất có tới chín mươi ba thứ cá, tôm, cua, còng; ngon như cá trắm, cá chìa vôi, cá lăng, lạ như cá duồng, cá tra lóp, cá sặc buồm, có tiếng như cá thát lát, cá chạnh lá tre, cá vồ chó, cá vồ cừ... Cứ vào khoảng tháng Năm, tháng Sáu ở đây, các chợ có mà thiếu giống cá mè, các bà các cô mua rả rích đem về, hoặc chiên lên

dầm nước mắm, hoặc nấu ngọt hay kho lạt ăn bằng thích.

Nhiều người bảo: “Thích gì! Cá mòi đóng hộp quanh năm có bán, ăn vào thơm mà xương lại nhừ, không tanh, tội vạ gì mà mua về làm cho cực!”

Những người nói như thế là lầm. Cá đóng hộp kêu là sardines là cá trích, cá lầm, còn sardines của Mỹ và của Nhật là cá chuồn chuồn có râu ở mép và một cái vây dài ở lưng trông như cái cánh. Cá mòi (hareng), cũng thuộc vào loài cá biển, nhưng khác thế: nó đẹp, nhiều xương dăm, mình tròn, thường thường lớn bằng ba ngón tay là cùng. Đặc trưng của nó là lấm mỡ; vào tháng Năm tháng Sáu, cá này béo gia dụng, mua một kí đem về lấy dao khứa ở hai bên sườn ra mà chiên lên có khi được tới một chén mỡ vàng như mỡ gà mái đẻ.

Ở Phan Thiết, tại cực nam Trung bộ, cá mòi là căn bản của một sản phẩm đặc biệt quý giá: mắm mòi - một sản phẩm từng làm đầu đề cho nhiều câu hát, câu hò tình tứ:

Cô kia bới tóc cánh tiên,

Ghe bầu đi cưới một thiên cá mòi.

Không tin giở thử lên coi,

Rau răm ở dưới, mắm mòi ở trên.

Con trai Bình Thuận nghe thấy cô gái Phú Yên đẹp quá, mê cứ tí đi, dẫn cưới cả một thiên cá mòi, thế thì đủ biết mắm mòi ngon biết chừng nào, cá mòi quý là nhường bao.

Ở Bắc Việt, cá mòi không có nhiều như ở Nam và ở Trung. Cả năm, chỉ tháng Mười, tháng Một mới thấy giống

cá này xuất hiện, mà đặc biệt là nó chỉ rộ lên mười ngày lại thôi rồi lại có, có vài ba bận rồi thôi hẳn, y như thể chim ngói và rươi vậy.

Tôi còn nhớ mỗi khi trời bắt đầu rét mà có cá mòi thì người ta gánh đi bán rao âm ỉ cả hàng phố lên, y như thể có một thứ hàng gì lạ lắm. “Ai mua cá mòi ra mua”. Và cũng như rươi, cốm và chim ngói, quay đi quay lại chỉ một buổi sáng là những bà nội trợ sành ăn đổ ra mua hết nhẵn. Ở bên ngoài có gió rét mưa phùn, đóng cửa sổ lại mà uống một vài cốc rượu hâm cho nóng thì vừa lúc vợ ở dưới bếp đưa đĩa cá mòi lên cho chồng đưa cay: không, dù anh là người không ưa món cá, sợ tanh, anh cũng phải nhận cá mòi ở Bắc khía cạnh, rồi xát nghệ, nướng lên trên than tàu, chấm nước mắm gừng, nhắm rượu ngon gia dụng!

Cứ nói thực ra thì có người đẹp miền Nam không lấy làm dzui lắm, nhưng tôi cứ phải chịu lấy cái tội “thiếu sự thể” mà nói rằng, vào đây, tôi cũng ăn cá mòi, nhưng cá mòi ở Bắc sao nó vẫn có cái gì ngát hơn, bùi béo hơn, mà cũng ngọt ngào hơn. Không biết có phải tại hiếm mà quý? Tại thương vợ quá, phàm vợ làm món gì cũng thấy ngon dỗi hẳn lên? Hay là bởi tại thời tiết hiu hiu lạnh, mang mang buồn, ăn vào thấy ngon hơn? Mà cũng không biết có phải tại con cá mòi ngoài Bắc nó li kì hơn con cá mòi ở Nam và ở Trung?

Sách “Giao Châu Ký” chép rằng ở miền bể phía Nam có thứ cá vàng đến tháng chín hóa ra con chim cút, trứng ăn vào bổ thận tráng dương, thịt chữa được các chứng phiền muộn, cảm lị, thì sách “Thoái thực kí văn” của Trương

Quốc Dụng cũng ghi rằng cá mòi là do con chim ngói hóa ra, cái ruột con cá mòi là cái mề của con chim ngói.

Cuối tháng Chín ăn chim ngói cơm mới sau lễ Thường Tân còn đương thòm thèm thì chim ngói bói không còn lấy một con, mà bây giờ sang đến giữa tháng Mười lại vang rân tiếng rao cá mòi là con chim ngói hóa thân, mấy mà không cố mua ăn cho kì được để ngấm nghĩ lại cái ngon của chim ngói và nhân tiện sánh cái ngon của chim ngói so với cá mòi ra sao.

Ăn một miếng cá như thế, muốn nói gì thì nói, cũng cứ phải nhận là thú vị không tả được, mà vừa nhắm nhót vừa thấy thú vị trong lòng, ngon một cũng thành ra ngon mười, gia đình dù có túng thiếu ít nhiều cũng vẫn chan hòa một bầu không khí tươi vui ấm cúng. Chính

lúc ấy, người chồng cảm thấy câu dân ca này đúng hơn cả bao giờ:

Khế rụng bờ ao, thanh tao anh lượm

*Ngọt như cam sành, héo cuống anh
chê...*

Mà người vợ, hình như cảm thông với chồng từ khoe mắt, từ tiếng cười, mặc dầu không thốt ra miệng cũng cảm thấy trong tim như có tiếng hát bé nhỏ vọng ra:

Nhà em có vại cà đồng,

Có ao rau muống, có đầy chĩnh tương.

Dầu không mỡ vị cao lương,

*Trên thờ cha mẹ, dưới nhường anh
em.*

Một nhà vui vẻ êm đềm,

Đói no trong cảnh không thềm lụy ai.

Hay lắm. Cơm hôm nay thường thường thôi, nhưng mà hay vì món cá mòi.

Người chồng say chến choáng, lên trên gác đi nằm trước, vỗ vào cái chậu sứ Giang Tây trồng một gốc thanh tùng cổ thụ mà hát một mình:

Bữa ăn có cá cùng canh,

Anh chưa mát dạ bằng anh thấy nàng.

Chập chờn nghe tiếng gió mưa ở ngoài sân, người chồng loáng thoáng thấy tiếng trẻ ở dưới nhà trò chuyện với nhau về một con chim yến “chú Lăng làm bay mất”, tiếng máy nước chảy lạnh canh xuống những tách chén chè sen đang rửa... rồi người vợ phàn nàn:

“Quên rồi, lúc nãy không ai nhắc tôi lấy chuối để cho cậu xơi tráng miệng!

Chuối thế này mới là chuối chứ!”

Cốm, hồng, chuối trứng cuốc, cam... đó là thời trăn của tháng Mười, nhưng yêu nhất là quả quít tháng Mười sao mà nõn nường đến thế, sao cái vỏ nó mỏng đến thế, sao màu sắc tươi lạ tươi lòng đến thế. Tháng Chín thì quít đỏ tròn, sang đến tháng Mười thì quít chín. Trông những vườn quít trĩu trĩu những quả thắm một màu vàng xen vào những chùm lá xanh màu thiên lí, ai mà quên được những cô hàng đẹp như thơ, chút khăn vuông cười duyên với khách mà nói nửa đùa nửa thật:

“Quýt đẹp như thơ, ngọt mua chua trả, ba quả một hào.”

Ờ thì mình cứ nhận là si, đã chết ai chưa, nhưng mà ăn nói duyên dáng như thế, cứ mua đi để... ăn dần, mình ạ! Yêu

biết bao nhiêu người vợ tào khang thấy thế đã không giận người chồng trác nết, mà lại còn cười họa theo với cô hàng và nức nở khen cô hàng xinh quá.

Nghe thấy thế, người chồng rờn rợn tưởng là vợ chơi chua, nhưng dò ý tứ mãi thì thấy không phải thế, thực ra chỉ là khéo biết chiều ý chồng mà thôi.

Không chiều ý thì làm sao người chồng “lên cơn” bảo đưa tiền để tiêu xài một cách phi lí mà cũng cứ chịu liền? Ấy là tại vì người vợ hiểu chồng quá đi rồi, biết là có tiền cũng chẳng đi cô đâu cô đít hay là trai gái phiện phò đâu, nhưng lại đi lên Nghi Tàm hay tạt về Ô Đống Mác mua cái đôi, hòn non bộ hay một cây thế lãng nhăng gì đó để ra ngắm vào ngắm rồi tưới, rồi sửa, rồi uốn, rồi bón, rồi hãm mất hết ngày.

Mùa thu vừa qua đây, cây khô lá vàng, vì thời tiết hanh hao, sang đến tháng Mười, có mưa dầm, cây cối tỉnh lại, không mua ngay gốc tùng La Hán của Nhiều Ban hay chạy lên nhà Ba Thá nói khó để lại cây bông nổ gốc to bằng cổ tay mà lá lăn tăn như hạt thóc thì uống quá.

Sáng dậy, ra thăm mấy chậu cảnh, mấy cái đôi, thấy lá cây còn óng ánh nước mưa, lá tươi hơn hớn, hay những cái “rể nổi” trắng phau như có ai mới lau chùi, mình tự nhiên thấy nhẹ nhõm cả người và tưởng như mình là một thứ người đạo cốt tiên phong sống hảnh ra ngoài vòng kiểm tỏa. Khoác một cái áo lạnh lên lưng, đi quanh quần trong vườn, “trả lại” cảnh này cho cây này, trả những lá thừa kia cho cây kia, mình thấy ngày giờ trôi đi nhẹ như mây, nhưng nếu ví thử cái

máu giang hồ vọt nổi lên, không muốn bị tù hãm trong bốn bức tường mà lại đi ra ngoài hứng rét đội mưa để nghe tiếng chuyển mình của sông hồ đồi núi thì lại thấy trong lòng ngan ngát một sự say sưa khác hẳn.

Đó là cái say sưa thần thoại của Từ Thức nhập Thiên Thai nhìn ra bát ngát chung quanh toàn những hoa đào, mà lắng tai nghe thì trên trời dưới đất toàn là tiếng suối đàn róc rách.

Nhưng tháng này đâu đã có hoa đào? Mận mới bắt đầu nảy lộc xinh xinh màu hoa lí, trà chưa ra hoa mà mộc thì cũng chưa hé nụ, nhưng hoa trầu, sang đến giữa tháng Mười, sao ở đâu ra không biết mà nở nhiều đến thế! Nhớ lại lúc còn kháng chiến, vai mang một cái ba lô, tay chống một cái gậy tre, lê gót trên con đường Chi Nê đi Đầm Dạ thẳng

hướng lên Lạc Thủy, Châu Sơn dưới mưa phùn gió lạnh, phải nói có cả chục cây số đường đất trắng tươi hoa trầu. Hoa trầu rơi xuống kín cả đầu, cả vai người cán bộ, kín cả cỏ hai bên vệ đường, kín luôn cả đôi cây, vách đá ở chung quanh. Xa xa, bỗng nổi lên tiếng xi xô của mấy đồng bào Thổ đi làm việc buổi chiều về, hát lên những câu hát mình nghe không hiểu, nhưng biết là nói lên nỗi uất hận của những người căm thù đế quốc làm cho con lìa cha, vợ lìa chồng, anh lìa em, mẹ lìa con, tình nhân lìa tình nhân vì chiến tranh.

Ngày tháng Mười tàn vội vã, mặt trời vừa lặn thì bóng tối dãi ra khắp đôi núi lúc nào không biết. Chính vào lúc đó, đứng trên một trái đồi mà lắng nghe hơi thở của trời, ta thấy có một mùi hương kì lạ làm cho ta nhẹ nhõm hẳn lên, một

mùi hương dịu dịu nửa như mùi dạ lan hương mà lại nửa như mùi hoa mơ, hoa mạn. Giẫm lên hàng cây số hoa trầu đỏ và tấm hương của nó vào lòng, anh nhớ lại bộ tứ bình ngày xưa treo ở trong căn nhà lụp xụp phố Hàng Gai và thấy hiện ra rõ rệt, như trong một cuốn phim, cái cảnh mùa đông ở trong tranh vẽ một ông già mặc áo tay dài, vai mang bình rượu, đi với một tiểu đồng “đạp tuyết tầm mai”.

Nhớ lại như thế tức là nhớ lại cả một thiếu thời hồi cha mẹ song toàn, cứ vào những buổi tối tháng Mười thì cậu Hảo và chú Cả Tộ lại sang nhà ngồi nói chuyện mua cái áo dạ Mông Tụ để may mặc vào những ngày giá rét sắp tới hay là rủ nhau đi ăn chả cá ở nhà Hi “chớ không nên vào cái nhà Sơn Hải mới mở ăn không thú lắm vì không có cái không khí mông lung sương khói”

Ở đây là xứ giờ tay ra thì có gạo, vớt nước lên thì có cá, ôi thôi, còn thiếu món cá gì mà chẳng có người làm: đầu cá nhắm không, hay cuốn thành gỏi, hoặc là ăn với bún, cách gì cũng vẫn cứ là ngon; muốn lạ miệng, thì dùng cá nướng trui, cá bọc vào đất rồi bện rơm lại mà hầm, như các ông sư hồ mang hầm thịt chó; nhưng có cô gái nào xót ruột thì nên dùng canh chua cá lóc hay lấy tạm cá tra sọc, cá sặc buồm, cá bi côi nấu với xoài xanh ăn cũng “đỡ” vô cùng.

Cá làm thành bao nhiêu món, cá tạo nên bao nhiêu là bài thơ, nhưng chỉ lạ có một điểm là làm sao không ai làm chả cá để đến nỗi phải đợi sau khi di cư đến bảy tám năm trời mới có hai ba nhà làm món ấy để cho các ông ghiền món ăn này “xài đỡ”? Đi chơi mười một quận đô thành, đi khắp cả các Vàm Đông, Vàm Láng,

Vàm Tây, Bãi Xấu, Sóc Trăng, Bạc Liêu xưa kia nổi tiếng về nghề đóng đáy thả lưới, quảng chài để bắt cá bắt tôm mà cũng nổi tiếng luôn là có nhiều các chú:

Bạc Liêu nước chảy lờ đờ,

Dưới sông cá chốt, trên bờ Triều Châu.

thật quả tôi chưa thấy một người Tàu nào làm chả cá trong khi bao nhiêu món ăn Bắc như phở, bánh dẻo⁶, thang, cuốn, thịt cầy, lươn, ếch, họ đều làm tốt để bán cho người mình thưởng thức! Tại chả cá khó làm? Tại có một bí quyết riêng ướp chả? Hay tại vì cá anh vũ dùng làm chả không ở đâu có ngoài Bắc Việt? Điều đó chưa có người nào nghiên cứu nhưng hồi còn ở Hà Nội, mỗi khi ngồi tán chuyện gẫu với Hy-Chả-Cá⁷ mà thấy có những người Tàu ở Hồng Kông về đặt

6 Bánh cuốn ở Thanh kê là bánh dẻo.

7 Chủ hàng chả cá nổi tiếng nhất ở Hà Nội.

mua cả trăm cả ngàn “gắp”, với đủ rau, hành, nước mắm, bánh đa, cà cuống, mắm tôm, chanh ớt để đưa lên máy bay chở hỏa tốc về Hồng Kông ăn nhậu thì tự nhiên mình cũng thấy sướng tê tê vì người mình đã sản xuất được một món ngon đặc biệt mà chính ba tàu nổi tiếng là nước “kén ăn” cũng phải mua của ta để xài!

Nghĩ như thế rồi ăn một bữa chả thật ngon, được chủ nhân để dành cho vài chục gắp “lòng”, chan mỡ nước kêu lách tách, rồi uống nước trà mạn sen, ăn một miếng trầu nóng ran cả người lên, đoạn đi ngất ngưỡng trong gió lạnh, tìm một cái xe bỏ áo tơi cánh gà trực chỉ Khâm Thiên hay Vạn Thái nghe một vài khẩu trống, không, anh phải nhận với tôi là cái bọn tiểu tư sản sống vô bổ và đầy tội lỗi thực đấy nhưng sướng lắm - sướng

không chịu được. Có anh sẽ bảo:

– Nói giọng gì mà nghe thấy cái thói ích kỷ nó thấm vào đến tận xương, tận tủy! Thế chú mày không biết rằng ở quê cày bừa gặt hái vất vả, người nông dân chính vào cái cữ này khổ cực vô cùng, không mở mắt được, có khi phải làm việc suốt đêm đến sáng?

Đương nằm làm một điệu tự tay em tiêm “trôn quýt” đưa mời, mà nghe thấy ông bạn nói thế, ai mà không cảm thấy như bỏ cục tuyết vào cổ áo làm tê dại cả xương sống, xương sườn.

Người hưởng lạc cảm thấy nao nao trong lòng một giây lâu, nhưng sau đó lại tìm ngay được rất nhiều lí lẽ để tự bào chữa cho mình, tự an ủi, và tự tuyên bố là mình trắng án. Là vì nằm bắt óc nhớ lại hết các ca dao, tục ngữ, dân ca của đất

Việt trời Nam, anh không thể nào kiếm
ra được một câu nào nói lên là người dân
quê khổ cực trong tháng Mười.

*Tháng Giêng chân bước đi cày,
Tháng Hai vãi lúa, ngày ngày siêng năng.*

*Thuận mùa lúa tốt đặng đặng,
Tháng Mười gặt lúa ta ăn đầy nhà.*

...

*Tháng Mười buôn thóc, bán bông,
Tháng Một tháng Chạp nên công hoàn
thành.*

...

*Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng với mười, còn độ một hai.
Ruộng thấp đóng một gàu dai,*

Ruộng cao thì phải đóng hai gàu sòng.

Chờ cho lúa có đòng đòng,

Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.

Bao giờ cho đến tháng Mười,

Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.

Gặt hái ta đem về nhà,

Phơi khô, quét sạch thế là xong công.

Thực ra, chính đến tháng Mười là người dân quê Bắc Việt tương đối rảnh tay, vì lúc bấy giờ là mùa gặt, thóc gặt về, đập sảy, phơi phóng xong rồi là yên. Cho đến hết tháng Mười, họ chỉ còn lo quây vào cót để ăn dần, bán dần đi để lo trả công trả nợ, đóng sưu đóng thuế cho chồng, nhưng đây là những năm được mùa. Còn mất mùa thì sao?

Phải biết rằng trước đó, vào lúc lúa sắp chín, đã có biết bao nhiêu ngày, biết bao nhiêu đêm, người nông dân lo sợ mất ăn mất ngủ. Họ sợ những đêm chớp bể mưa nguồn, họ sợ những trận mưa to, khiến nước lũ kéo về làm lụt lội, và đêm đêm họ trông từng cái ráng trời, cái rế cây; họ hỏi sao, họ trông gió, họ nhìn trăng, vì nếu “có bể nào” thì tất cả thành công cốc! Không những là đói mà còn bao nhiêu thứ khổ cực, bêu riếu nữa!

Bây giờ gặp phải hội này,

Khi thì hạn hán, khi hay mưa dầm.

Khi thì gió bão âm ẩm,

Đồng điền thóc lúa mười phần còn ba.

Lấy gì dâng nạp nữa mà,

Lấy gì công việc nước nhà cho đang,

Lấy gì sưu thuế phép thường,

Lấy gì bổ trợ đong lường mà ăn?

– Nói thế là nguy hiểm. Tháng Mười gặt hái, vui vẻ như anh vừa nói là chỉ nơi đất đồng mùa. Ở những đất đồng chiêm như Nam Định, Thái Bình, Phủ Lý, tháng Năm là mùa gặt hái, còn tháng Mười, anh còn nhớ ra thế nào không? Từ giữa tháng Sáu, các cánh đồng chiêm biến thành những dải nước mông mênh trắng xóa. Làng mạc thành ra những cù lao nằm chơ vơ trong nước bạc, từ thôn này sang thôn nọ có khi phải đi bằng thuyền nan. Và cái cảnh trời nước mông mênh như thế kéo dài cho tới trung tuần tháng Tám. Lúc ấy, nước mới bắt đầu rút lần lần. Đó cũng là lúc người dân quê bắt đầu lo bữa vụ chiêm. Thử tưởng tượng cuối tháng Chín đầu tháng Mười, trời đất hanh hao, tay chân bị nể mà phải lội

nước để cày bừa những thửa ruộng lớn
chởm những gốc rạ đâm vào chân. Mà
nào chỉ có thể thôi đâu, đất đồng chiêm
lại nhiều giống địa củ bám riết lấy chân
người cày ruộng mà cắn và hút máu!

Cày đồng đang buổi ban trưa,

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.

Ai ơi bưng bát cơm đầy,

Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Đấy tôi lại đổ anh tìm được một câu
dân ca nào nói lên được cái khổ cực của
người dân quê hơn là câu ca dao nói về
việc cày bừa vụ tháng Mười!”

Nghe thấy thế người khách chơi đêm
ở mặt, không biết nói ra thế nào. Nhưng
biết làm sao được? “Trời cho mỗi người
một lộc”, thôi, ta cứ biết hưởng thụ đã rồi
muốn ra thế nào thì ra.

Về khuya trời rét ngọt, nằm trên một tấm nệm rồi trùm cái chăn lên trên mình, nghe các em lấy Kiều hay hát vo bài Tỳ bà, thỉnh thoảng lại làm một điệu, hăm một miếng táo hay một trái nho, rồi lim dim con mắt lại mơ mơ màng màng, tôi quả quyết với anh rằng cách mạng, đảo chánh, chống bất công xã hội... tất cả những cái đó anh đều cho là “đồ bỏ” không ăn nhằm gì hết! Những lúc ấy mình mới mang máng thấy rằng những người làm chánh trị họ tâm lý thật: cái bọn “tạch tạch sè” chẳng làm được mẹ gì, còn những người cứu nước từ ngàn xưa như Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Huệ, Lê Lợi... đều xuất thân là những nông dân áo vải...

Thôi, biết rồi! Nghĩ lan man quá làm gì nó mất vui đi mà hại lây cả đến bữa thuốc xài toàn hộp con rỗng, đã đậm mà

lại bụi như lạc. Đến mờ mờ sáng, vác cái thân mệt nhọc ra về, bảo phu xe mặc cái áo tươi lên để cho hàng phố khỏi nhìn thấy mặt, có phải đã mấy lần người chồng ấy hé mắt nhìn ra ngoài đã thấy vợ đổ cái xe nhà ở gốc cây đa ba ngọn, đi chợ thật sớm mua con cá lá rau cho thật tươi, thật rẻ, để cho cơm lành canh ngọt, chồng con vui vẻ, gia đình ấm cúng, thuận hòa?

Ghét không biết chừng nào cái thiếu thời đầy tự ái! Mang tội lỗi cùng mình đến thế, người chồng đã chẳng biết thương người vợ mưa dầu nắng dãi mà lại còn lấy làm hả hê vì đã sống đúng theo lí tưởng của một người chồng kiểu mẫu lúc bấy giờ: vợ phải chịu thương chịu khó, còn chồng thì muốn ăn chơi chè rượu gì, tùy ý, vợ không có quyền can thiệp.

Sau này, đến lúc có con, có cái với nhau rồi, bắt đầu biết thương vợ, anh ta

có lúc đã nghĩ thăm thế nào rồi một ngày kia, gặp khi có bóng trăng hữu tình soi sáng trước sân, vợ chồng góp trăm mỗi lại để đem làm tâm sự thì sẽ thú hết cả tội lỗi với người thương về những lỗi lầm ngày trước... nhưng thôi, bây giờ thì còn biết thú tội với ai, thú tội cách gì, mà còn ai nữa để mà thú tội!

Nằm trong đêm, mở mắt nhìn vào cái tối tăm sâu thẳm, bao nhiêu đoạn đời sống bên cạnh vợ con, dưới mái nhà lạnh, hàng đêm lại hiện ra từng mẩu một, từng mẩu một, và chưa bao giờ anh lại thấy ngao ngán cho mình như thế, chưa bao giờ lại thấy cái thân bé nhỏ của mình chồng chất nhiều nỗi sâu to đến thế!

Sài Gòn đẹp như mắt cô con gái đa tình! Ta yêu Sài Gòn quá, nhưng ghét sao mười mấy năm nay vẫn cứ giới nghiêm hoài không để cho người ta đi thông thả

nghe tiếng của ban đêm một chút? Thôi thì muốn làm gì nhau thì làm, cũng cứ vùng dậy mà đi, đi, miễn là đi, nhưng đi đâu, mà đi làm gì, chưa biết. Thì ra lắm quá: mình cứ tưởng tượng giờ giới nghiêm thì chẳng có ma nào ở ngoài đường, hóa ra không phải. Giới nghiêm cho có lệ, chứ một hai giờ sáng, nhiều nhà hàng, tiệm nước vẫn có khách túa vào, nhảy nhót ăn chơi, hả quá.

Nhớ lại có những đêm tháng Mười ở Hà Nội, vợ chồng còn sống cạnh nhau, cứ vào khoảng này thì mặc áo ấm dắt nhau đi trên đường khuya tìm cao lầu quen ăn với nhau một bát tam xà đại hội có lá chanh và miến rán giòn tan, người chồng lạc phách đêm nay nhớ vợ cũng đóng cửa lại đi tìm một nhà hàng nào bán thịt rắn để nhấm nháp một mình và tưởng tượng như hãy còn ngồi ăn với

người vợ thương yêu ngày trước, nhưng sao đi tìm mãi, đi tìm hoài không thấy một tiệm nào bán thịt rắn thế này?

Rõ mình là thằng điên! Rắn thì phải ăn vào trời rét, vì rắn lúc ấy mới béo mà nhả hết chất độc ở trong mình ra, cho đến đông chí thì vào thu hình trong hang; lúc ấy rắn ăn không còn bổ mà có khi còn độc nữa, thế thì sao tháng Mười ở đây, nóng chảy mỡ ra, lại có thể có thịt rắn để làm vui khách hàng kén ăn?

Người đàn ông oan khổ lưu li ngừng lên nhìn trời thấy mây đỏ đòng độc mà không khí đặc quánh lại như có thể lấy dao ăn để thái ra: trời này còn nóng mà độc lắm đây. Ai dại gì mà ăn thịt rắn? Muốn ăn thì phải về Đồng Tháp, chớ ở Sài Gòn người ta ăn những cái gì chứ đâu có ăn thịt rắn, đi kiếm chỉ mất công vô ích.

Hồ hồ, nếu không có thịt rắn thì ăn làm gì? Người chồng tức giận mà không biết tức giận cái gì, lại quay gót về nhà và tưởng như thấy ở mỗi góc đường tăm tối có những cầm thú đi hai chân chỉ rình giết người đi khuya và hình như ở xa xa có tiếng vượn lâm tuyền khóc rợn trắng khuya, “đâu đây u uất hồn sơ cổ, từng bóng ma rừng theo bước đi”.

Người khách đi đêm ớn ớn lạnh. Anh ta nhớ lại lúc cùng đi với vợ trong đêm theo bước nhịp mà họ gọi đùa là “nhịp bước quân hành”: ờ, lúc ấy cầm thú ít, yêu ma không có, đời đẹp như một bông hoa trinh trắng, không biết một ngày kia bắt chước Orphée xuống địa ngục tìm Eurydice, có bao giờ lại thấy như thế nữa không?

Ôi mộng, chỉ là mộng và chỉ là mộng mà thôi! Địa ngục thì bao giờ lại có hoa

trình trắng! Đến dưới một gốc đèn rầu rĩ, anh thấy cái bóng anh đi lù lù ở phía trước, đi cô độc trên đường dài.

Người chồng dừng lại, sợ chính bóng mình. Nước mắt anh lại ứa ra, và chảy dài theo lối đi lấp loáng một bông sao rụng.

**Tháng Một,
Thương về những ngày nhể bọng con
rận rông**

Tưởng là hết chuyện truyền kì,
quả là lắm. Sang tháng Một, lại
có truyền kì về con cà cuống.

Có ai ở Bắc Việt vào đây cho hỏi
thăm tháng Một mấy năm nay ở Bắc
Việt, trời có rét lắm không, mưa vẫn riêu
riêu buồn như trước hay thời tiết vì ảnh
hưởng bom đạn của Mỹ đã khác xưa?

Nghe thấy nước bạn Mỹ xuất toàn lực ném những loại bom kinh khủng lắm, mà ném toàn bom nặng tới bảy trăm tấn có sức phá hoại ngang bom nguyên tử, mình ở đây thấy rợn cả tóc gáy lên, ấy thế mà không hiểu làm sao cứ nghe thấy người ta nói là Bắc Việt vẫn đánh và đánh dữ hơn cả lúc mới phát động chiến tranh là khác!

Thế thì là cái thớ gì? Ở đây, người ta cũng ném bom tiêu diệt quá khích, ai cũng bảo là thời tiết không như trước, mưa không đúng cỡ mà nắng cũng ra ngoại lệ, thành ra mình cũng tưởng thời tiết Bắc Việt đổi thay, do đó lắm đêm nằm tưởng tượng, mình cứ ngỡ là Bắc Việt không còn mưa rét nữa mà có khi lại nóng nứt đá tan vàng cũng nên. Nghĩ như thế, thấy buồn; nhưng nằm nghĩ thêm một lúc mình lại cười muốn khóc.

Bom không làm nhụt được người thì sao mà lại ảnh hưởng được đến trời?

Bảo rằng thuốc khai quang có thể làm cho người ta ngũa; đạn thối có thể làm cho người ta ghệt mũi trước tiến bộ của văn minh khoa học; đạn cay có thể làm cho người ta nhức đầu khó chịu, nhưng bảo rằng bom mà thay đổi được thời tiết, có lẽ là chuyện mơ hồ bịa đặt.

Ấy, chính vì nghĩ dớ dẩn như thế mình mới thấy yên tâm hơn một chút.

Hơn thế, lại còn nghe thấy nói rằng những vùng bị bom, mười ba năm nữa không cày cấy, trồng trọt được cũng lại là lòn nữa. Trái lại, có người quả quyết những chỗ bị bom cày như thế trồng trọt cày cấy lại tốt hơn, còn không khí ở những vùng bị bom nguyên tử ở Nhật tưởng đâu là bị ô uế đời đời nhưng chỉ

mấy tháng sau thì lại sạch sẽ và trong vắt như thuở trước. Cây lại đâm hoa trổ lá, chim lại ca hát trên cành, thế thì cơn bom đạn qua rồi trời lại trong xanh, gió lại thổi, mây lại bay, cây lại nở ngành xanh ngọn, có hề gì đâu, như thiên hạ vẫn thường đồn đại?!

Nước non là nước non trời,

Ai chia đặng nước, ai dờn đặng non

Không ai dờn đặng non, không ai chia đặng nước, thế thì tháng Một ở Bắc Việt, tất nhiên vẫn rét, mưa tháng Một ở Bắc Việt tất nhiên vẫn riêu riêu. Và nghĩ đến như thế thì bảo không yêu Bắc Việt làm sao cho được?

Mưa rét thì khổ, khổ nhất cho người nghèo, nhưng biết như thế mà vẫn cứ yêu bởi vì cái mưa, cái rét ấy thông thường

quá, vì chỉ có Bắc Việt mới có cái mưa cái rét ấy thôi. Ai đã xa nhà, trôi nổi ở một phương trời không có nước mắt, không có phở, tương tư phở và nước mắt thế nào thì ở giữa một thành phố khét lẹt hơi người, chói chang nắng lửa, người ta cũng nhớ mưa rét tháng Một ở quê hương mình đến thế là cùng.

Chập tối, thắp một ngọn đèn lên ăn cơm rồi uống một ngúm nước vối, quây quần lại với nhau nói chuyện, cái thú ấy kể đã êm đềm; nhưng nếu lại chống một cái gậy tre, đi qua vũng lợ mà sang nhà hàng xóm bàn chuyện tâm phơ, cái thú ấy lại càng đậm đà hết sức.

Những cái gộc, những cành cây mót lại và chất đống ở đằng sau vựa thóc, lúc bấy giờ lấy ra đem chụm để cùng quây lại mà sưởi ấm, có một cái gì rất mờ ảo, thần tiên, làm cho người ta quên mệt nhọc,

quên cả lo âu, quên luôn những buồn rầu về tiền nong công nợ. Ánh lửa bập bùng soi vào những bộ mặt nửa sáng nửa tối của những người ngồi nói chuyện. Thỉnh thoảng, nghe gió rào rào và nước lóc róc trên tàu ba tiêu, có người mới nhớ là bên ngoài mưa và rét. Ở trong này, chén nước sôi nóng làm ấm lòng người ta. Một ông vỗ vào đùi:

– Ồ, thằng Cún đâu nhỉ, tao có rầm mấy củ khoai trong bếp tro, về lấy sang đây, mau!

Có tối, chỉ có một mẻ ngô rang mà khê khà ăn gần hết đêm. Lại có ông nhấm nháp một vài chén rượu với chả nhái, rung đùi tưởng chừng như có thể gãy cả thang giường vì ngon quá thể là ngon, ngon có thể chết ngay đi được.

Hồi kháng chiến, tôi đã từng sống ở

những làng đồng chiêm và những buổi tối tháng Một vẫn ngồi đốt lửa họp hội đồng như vậy. Họp chừng một tuần, thành ra nghiện. Nghiện chuyện của bà con lối xóm, nghiện nước vối, nghiện ngô rang, nghiện khoai lùi, và nghiện luôn cả cái lòng ưu ái đậm đà của những người hàng xóm nghèo nhưng ăn ở lúc nào cũng như bát nước đầy.

Ở đất đồng chiêm, khoảng giữa tháng Mười, sau khi tát nước để làm vụ cấy, người nông dân gieo mạ trên những thửa ruộng xâm xấp nước. Buổi chiều, chắp hai tay sau lưng đi ra ruộng, vào trung tuần tháng Một, ta đã thấy ngọn mạ dạt dào trước gió bắc. Qua màn mưa phùn tím nhạt, những ruộng mạ xanh hoa lí giải ra như những tấm thảm lưu li, chỗ đậm, chỗ nhạt, trông thật tài tình. Mạ lúc ấy cao chừng ba tấc, mỗi khi có

gió chạy qua, dạt cả xuống rồi lại đứng lên, trông y như thể là các cô tiên đang múa.

Trông thấy mạ, người nông dân không những sướng mắt mà sướng cả lòng. Là vì lúc ấy họ cảm thấy đã hơi hơi “ăn chắc”; mai kia, họ sẽ nhổ mạ lên bó lại từng bó, xén bớt đầu lá để đem cấy lại, nhưng trước khi cấy lại, thường thường phải tát nước vào trong ruộng.

Chính lúc này nước lại khan, hồ ao lắm khi gần như cạn hết, người làm ruộng phải mất công tát từ những mương xa, nhiều khi phải cho nước chảy qua ba bốn thửa ruộng khác mới tới ruộng của mình. Ấy chính đôi khi tát nước như thế mà bắt được vài con cá nhỏ hay mấy con tôm càng, họ nhin miệng không ăn, lại đem biếu vợ chồng người khách lạ tản cư về làng họ. Tội nghiệp, ông bà ấy bỏ

cả nhà cả cửa mà đi...

Họ không nghĩ đến chính thân họ mà chỉ nghĩ thương đến người tù ở phương xa tới và đã biết bao nhiêu lần đi kiếm rau mồng tơi, mảnh bát về nấu canh, họ không quên hái thêm một mớ cho vợ chồng mình “ăn tạm”.

Ở thị thành, phải nói thật là cái không khí yêu thương, ưu ái đó không có mấy. Tôi nhớ những đêm tháng Một hồi còn bé, cứ độ tám giờ tối thì nhà nào nhà nấy đóng kín cửa lại ở trong nhà với nhau, ít có người nọ đến thăm người kia, ít có đốt lửa sưởi với nhau và cũng ít có những “vụ” uống nước vối, ăn khoai lùi, trò chuyện cởi mở với nhau như thế. Thường thường, trẻ con chui vào chăn bông đi ngủ sớm, trùm kín đầu đầu đấy rồi mới móc túi lấy hạt dẻ hay ngô rang ra xực, trong khi một cô em gái đọc cho

bà nội nghe truyện “Thuyết Đường” hay “Tây Du” lấy công một hai xu một quyển.

Có khi ăn chưa hết ngô rang trong túi đã ngủ rồi, và chỉ độ một tiếng đồng hồ đã mộng thấy mình đi qua cầu, sang Gia Lâm, Gia Quất bẻ trộm ngô và bị người ta đuổi đánh. Sợ toát mồ hôi, thức dậy thì có khi cả nhà đã tắt đèn đi ngủ rồi. Lúc ấy, nằm mà lắng tai nghe những hạt mưa nặng hơn lúc ban ngày rơi lộp bộp trên mái ngói, người ta, dù hầy còn nhỏ nhít, cũng thấy buồn tê tê, nhưng buồn nhất đêm đông ở Bắc Việt là tiếng rao “giò giầy” và tiếng một người ăn mày từ ở títt đằng xa vọng tới, ví cái thân mình với con cá: “con cá nó sống vì nước, con sống về cửa ông cửa bà”.

Hình ảnh một người đàn ông mặc áo lá rách, đội một cái thúng vá trên đầu và xách một cái đèn dầu ở tay, thỉnh thoảng

lại đánh rơi trong đêm khuya một tiếng rao ngái ngủ “giò giầy” cũng như hình ảnh một người mù, tay cầm một cái gậy bò lê dưới trời mưa, trong gió lạnh (có khi có một con chó dẫn đường), tính đốt tay cho đến bây giờ đã có ngót sáu mươi năm nhưng vẫn cứ mờ mờ hiện hiện trong óc tôi mỗi khi thấy tháng Một trở về.

Tháng Một trở về ở đây không có gió bắc, không có mưa phùn, tháng Một trở về ở đây tươi hồng rậm lá, tháng Một trở về ở đây sương như điện trong tiếng nhạc “sốt gơn” có cô con gái Việt Nam bá vai thằng Mỹ đu đưa, thế mà không hiểu tại sao tôi cứ nhớ hoài, cứ thương mãi cái tiếng rao “giò giầy” và tiếng than “con sống về cửa ông cửa bà” của người ăn mày mù!...

Sài Gòn ơi, Sài Gòn có đêm hồng,
Sài Gòn có những cô ca sĩ đeo một triệu
rười hột xoàn ở cổ và một triệu rười hột
xoàn khác ở vú, có khi nào quay về xứ
Bắc anh em để nhận thức rằng Sài Gòn
sướng không biết chừng nào vì gạo thì
thừa, cá lại lắm mà mùa đông lại không
cần áo rét vì:

Ở đây được cái quanh năm nắng,
Chẳng mượn ai đan áo ngự hàn!

Giờn hoài. Bộ anh này muốn nói mỉa
Sài Gòn sao chứ?

Đâu có. Nay, tôi hỏi: thế từ xưa đến
nay có bao giờ ở miền Nam lại có người
chết đói chưa? Mà có bao giờ đã có người
chết rét chưa? Ở Bắc, có những năm mất
mùa, vô số người chết đói; còn rét mà
chết, nói đâu xa làm gì, chỉ cách đây vài
năm thôi, các báo chẳng đăng bằng tí bự

như thế này, rằng “Ở Bắc Việt người ta chết cả đồng vì trời ra tai rét quá, không thể nào chịu nổi”?

Thế nhưng mà thôi, nói mấy cũng là thừa, bởi vì từ xưa tới nay ai cũng biết là Bắc Việt nghèo khổ mà Nam Việt thì phê phỡn. Phê phỡn vì Nam Việt là con cưng được trời thương, nhưng “con ghét làm nên” có lẽ cũng là được trời thương cách khác. Nhưng dù là con thương hay con ghét thì cũng là anh em ruột thịt cho nên Nam, Bắc lúc nào cũng thương nhau, mỗi khi thấy cảnh đậu đũa hạt đậu, thì hạt đậu khóc hu hu:

Cùng chung nhau một mẹ, Đũa nhau nỡ thế ru?

Tôi không ưa mấy ông “Bắc kì cũ” lên mặt thạo, nói rằng người Nam “chịu được người Trung chứ không chịu được

người Bắc” và mặc dầu người Nam không nói ra miệng nhưng trong tiềm thức vẫn nuôi một tinh thần kì thị.

Thú thực, tôi chỉ thấy ở Mỹ có kì thị đen trắng chớ ở Ấn bây giờ cũng chẳng còn kì thị giữa quý phái và cùng đinh thì sao ở Việt Nam lại có thể có kì thị Nam Bắc được? Nói lí sự nghe lãng nhách, cứ nhìn vào thực tế mà xem. Chỉ trong vòng có hơn chục năm nay, Bắc Việt và Nam Việt đã tỏ ra “chịu” nhau như chưa bao giờ thấy ghi trong lịch sử: chịu nhau từ việc lớn là bảo vệ tự do, xây dựng dân chủ cho đến việc nhỏ như vũ nhạc, y phục, trang trí, ẩm thực, thời trang... Cuộc di cư vĩ đại một ngàn chín trăm năm mươi tư tưởng đâu là một giai đoạn đau buồn trong lịch sử Việt Nam, thế mà không ngờ lại thành ra một cái cớ để siết thêm chặt tình thương yêu Nam Bắc.

Hồi còn người Pháp ở đây, tôi hả hê không biết chừng nào khi thấy có những ông tây chính cống nghiện mắm tôm, đến nỗi cho cả mắm tôm vào chè đường để ăn. Đến thời Mỹ, thấy họ đem thực phẩm từ Mỹ sang để xài, với cả nước lạnh từ bên Mỹ sang để uống, tôi cứ tưởng suốt đời người Mỹ không thèm nhúng vào một miếng ăn nào của Việt Nam; ấy thế mà chỉ một hai năm sau, chả giò, chả lụa, lươn um, thịt bò khô trộn với đu đủ, bún thang... họ tìm ăn như quý. Thấy vậy, tôi cười, và thích thú vô cùng.

Nhưng thích thú, hả hê gì thì cũng không bằng thấy các ông, các thầy người Nam lịch sự như trời, nghiện phở Bắc, sáng sáng không làm một tô thì dù ra trông thấy, hay các bà các cô người Nam đẹp như tiên chịu bún riêu, bánh cuốn, bún ốc, rượu nếp, thang... hơn là bún bò,

bì cuốn, hủ tít thịt heo, cháo huyết...

Vẫn biết mỗi thức ăn có một phong vị riêng, không thể đem ra so sánh được, nhưng trông thấy người Nam “ăn Bắc”, tôi thấy có một cái gì duyên dáng lạ lùng, và tôi ưa nghĩ rằng ăn như thế là đem cái thương yêu đặt vào trong lòng, trong ruột.

Cô Ba đã thấy có những người Bắc mới vào đây không biết ăn sâu riêng chưa? Ngộ lắm: họ lợm giọng, muốn nhả ra, nhưng sợ bất lịch sự đành phải nuốt mà chảy cả nước mắt nước mũi ra, y như thể một đứa trẻ ăn cơm muốn bỏ bữa nhưng không được, phải nhắm mắt nhắm mũi nuốt cho xong.

Ở Bắc, có một món mà lúc đầu nhiều người trong này cũng không chịu được, cũng như có một số người Bắc lúc đầu

không chịu được sâu riêng nhưng sau quen giọng rồi thì nghiện như nghiện cần sa vậy: đó là cả cuống một thời trăn của tháng Một, được lưu ý nhiều từ khi có cuộc di cư.

Bây giờ, nói đến cà cuống, tất còn có cô Bảy, cô Ba lợm giọng và chề là hôi quá, không chịu nổi, nhưng nói chung thì nhiều người ở đây đã chịu cái giọng của nó rồi. Tôi còn nhớ hồi năm một ngàn chín trăm hai mươi chín, ba mươi, ở trong này, về phía đồng bào người Nam có thể nói một ngàn người thì may ra có một dùng được nổi mà thôi, còn chín trăm chín mươi chín người “cắm như Tây” không thể ngửi được mùi của nó, chớ đừng nói là thưởng thức.

Thực tình đến bây giờ tôi không biết tại sao lại có người ngửi mùi cà cuống mà lại bảo là hôi, chớ ở Bắc thì có thể nói

không người nào lại không mê cà cuống, không nhà nào lại không có một ve cà cuống để sẵn trong nhà, ăn uống món nào đó cần phải có tí cà cuống mà không có để đưa ra thì người nội trợ chưa được liệt vào “số dách”.

Tưởng là gì! Con cà cuống anh nói đó có phải tên thật là đà cuống không? Nếu thế thì ở đây thiếu gì. Người ta không buồn bắt. Vào cỡ này, đêm nào anh cứ đi lảng vảng trên con đường Tân Sơn Nhứt hay là ra cầu Bình Lợi xem có cả đồng không?

Chính “hắn” đó. Người ta quen gọi là cà cuống. Thực ra, tôi không biết sự tích nó thế nào, nhưng nhớ lại lúc vợ chồng sum họp với nhau, ngồi nhể bông cà cuống lấy dầu, thì vợ, vốn là người thuộc thơ và nhớ tích truyện, cho biết con cà cuống thực ra là con đà cuống,

và cũng như chim ngói, cá mè, cũng có một truyền kì về nó.

Tục truyền rằng Triệu Đà là người đầu tiên ở nước ta ăn cơm với con cá cuống. Thấy thơm một cách lạ kì, ông ta bèn gửi dâng vua Hán một mớ và gọi nó là “quế đồ”, nghĩa là con sâu cây quế. Vua Hán nếm thử thì nhận rằng nó giống mùi quế thực, khen ngon và phân phát cho quần thần mỗi người một con. Bất ngờ trong đám có một ông lắm chuyện lại tâu rằng: “Đó không phải là con sâu sống ở trong cây quế, mà chỉ là một con sâu sống ở dưới nước ‘thủy đồ’”. Vua mới phán rằng: “Thử nãi Đà chi cuống dã”, nghĩa: đó là lời nói láo của Đà. Từ đó, cá cuống thành ra đà cuống. Nó còn một tên nữa là “long sắt”, nghĩa là con rắn rồng.

Con rận rông! Nghe tên có quý không? Ta có tám món ăn quý nhất gọi là bát trân: nem công là một, chả phượng là hai, da tây ngu là ba, bàn tay gấu là bốn, gân nai là năm, môi đười ươi là sáu, thịt chân voi là bảy, yến sào là tám. Con rận rông không phải là một thứ trân, mà chỉ nên coi là gia vị, nhưng nghe tên thì quý có phần hơn cả bát trân là khác.

Là vì con cà cuống quý không phải vì thịt nhưng vì cái dầu của nó. Cứ vào cỡ tháng Một ở Bắc Việt cà cuống trứng, cà cuống cay “dội” lên ở khắp nơi. Trên các đường phố Hà Nội thương thương, có những người đàn bà đội thúng ở trên đầu, tay đu đưa đi trong im lặng không rao một tiếng mà tài thế, nhà nào cũng biết để mà gọi vào mua.

Tôi còn nhớ có một thời kì tôi được sống những ngày trời tháng bụi: mùa rét,

tám chín giờ mới dậy, chùng mười giờ mặc ba đồ xuy, đi ghệt đồ vin lán cháng ra một nhà hàng gần đó uống rượu hâm, rồi về nhà giết những phút vô liêu bằng cách lên gác xuống nhà, ngâm ngời dăm ba câu lếu lảo.

Chính nhờ thế, tôi mới biết là những người đàn bà bán cà cuống ấy sở dĩ không cần rao vì họ đã có khách quen cả rồi: có hàng thì cứ tự nhiên đem vào bán, mà đã vào thì các bà nội trợ cứ tự nhiên mua. Người bán và người mua cùng ngồi nhể bông cà cuống cho vào một cái đĩa nhỏ, đến khi xong cả thì mới trút vào trong một cái ve nhỏ bằng ve dầu Vạn Ứng, đập thực kín, lấy giấy bóng bao ngoài cái nút rồi lấy dây quấn chặt để cho không bay hơi đi mất.

Vì không có công chuyện gì phải làm ăn gấp rút, có nhiều lần tôi cũng “kế” vào

ngồi xem và cũng bắt chước đi lấy tăm nhể bông cà cuống chơi. Những con cà cuống này còn sống cả. Nếu cầm không cẩn thận, nó châm cái ngòi vào tay. Ngòi nó tựa tựa như vòi con ve vậy. Mà “như” gì nữa? Theo tôi, cà cuống là một loại ve lớn, nhưng thay vì mình ve khác tròn thì mình nó dẹp, có bốn cánh, hai cánh ở trong ngắn, mỏng mà vàng còn hai cánh ở ngoài thì dài, cứng hơn một chút, màu cánh gián sẫm, có gân tím tím.

Anh cẩn thận kéo nó bò đi mất đấy. Mà nó lại bay nữa, phải coi chừng!

Biết quá mà. Hồi chúng mình chưa lấy nhau, anh đi chơi một hai giờ đêm mới về. Anh còn nhớ cũng vào khoảng tháng này đây, đi con đường từ Lò Sũ về Bồ Hồ, qua rạp Philharmonique và đền Bà Kiệu, lá rụng và cà cuống bay cứ rào rào làm lu cả bóng đèn điện ngoài

đường, bắt không xuể... Nhưng này, sao nó chỉ dội lên mấy ngày, một tuần lễ là cùng, rồi mất hẳn không thấy nữa?

Cái gì đẹp mà quý lại chẳng hiện lên rồi mất ngay? Con rươi, chim ngói, cá mòi, cốm... đều thế cả. Có phải Tây cũng như Tàu đều tin như vậy và vẫn nói rằng “ngay hôm nay phải hái liền những bông hồng của cuộc đời” phải không anh?

Nhưng mà này, sao mình nhể “liền” cái bông của con này lại không có gì là nghĩa làm sao?

Ông ơi, ông chỉ được cái tài nói khoác. Có phải con cà cuống nào cũng có bông để lấy dầu đầu! Đây này là con đực, chỉ có con đực là có dầu thôi. Vì thế, cà cuống cay bao giờ cũng là cà cuống đực. Con cà cuống đực có một cái bao nhỏ dính với ruột, trong chứa một chất

nước như mùi nước đáí quý. Ở hai bên, phía trong bụng, dưới cặp chân thứ ba, có hai cái túi nhỏ bằng hột gạo trong đựng một chất nước thơm. Cái nước thơm ấy, ta đương nhể ra đây. Nhể phải nhanh tay mới được; chậm thì bay mất mùi thơm đi. Ta gọi cái nước thơm ấy là dầu cà cuống. Dầu cà cuống nhẹ hơn nước, mùi thơm hơi cay, cho vào lọ mà bịt nút không kín thì nó bay hơi đi mất.

Nhớ những lời của vợ kể ngày xưa, người chồng nói khoác hôm nay lại cứ đúng nguyên văn mà nói lại với những cô bạn mỹ miều phương Nam đương ngồi ăn thang chan đấm mắm tôm cà cuống. Cô nào nghe cũng cứ treo mắt lên môi anh chàng. Và anh không quên nói tiếp mấy câu tráng miệng:

Thế nhưng đừng tưởng cà cuống chỉ quý riêng về cái dầu đó mà thôi. Ta

biết cà cuống có hai thứ: cà cuống cay và cà cuống thịt. Cà cuống cay cho chúng ta chất dầu đặc biệt vừa nói, nhưng cà cuống thịt lại có một vẻ lâm li khác hẳn. Bỏ cánh đi rồi, anh nhân nhân sáu cái chân nó, lấy cái đầu, xé ra nhấm nhót cái ức trước rồi cái đuôi sau, anh sẽ thấy nó có một vị ngon khác hẳn các món ăn ngon nào khác: nó nhận nhận, bùi bùi, beo béo mà lại thanh thanh, một người tục có thể ăn cả trăm con không biết ngán. Mà ngán làm sao được? Tháng Một là tháng cà cuống thịt hầu hết đều có trứng, tách đôi cái bụng nó mà nhân lấy những chùm trứng xanh xanh, vàng vàng⁸ như hoa cà hoa cải, tôi nhất định tin là còn khuya cái món cavi của Âu Mỹ mới mong sánh kịp.

8 Caviar: một loại trứng cá esturgeon, thoát đầu chỉ Nga xô có, nhưng bây giờ thì có hầu hết cả Âu châu.

Thế cà cuống cay lấy dầu xong thì “rục” cả đi ư?

Nói vậy. Ăn cũng ngon như cà cuống thịt vậy, nhưng nó kém ngon một chút vì không có trứng mà thịt ở ức không mấy béo.

Một cô mỹ miều bỗng đập tay vào vai cô ngồi cạnh:

– Thôi chết rồi, nói vậy thì ở đây mình cũng có cà cuống mà mình không bắt để ăn...

Thì đã nói là ở đây thiếu gì, nhưng cái hay là có người không buồn bắt, trong khi có người khác lại biết bắt lấy để rút cái chất nước thơm và cay ở trong bụng nó làm đồ gia vị độc đáo nhất, mê li nhất. Đừng ai bảo ăn uống như thế là tầm bậy tầm bạ. Không. Ăn uống như

thế là đã đi đến chỗ tinh vi triệt để, không dễ gì các nước võ ngực là văn minh, mà cũng không dễ gì các nước có một nền văn hóa hai ba trăm năm đã biết ăn như vậy.

Mù tạt là cái gì? Nước cà tô mát là cái gì? Mà ma gi là cái gì? Đó là tất cả những cái gì rất ngon, rất quý của Tây phương, ai mà dám chê; nhưng có nhiều lúc tôi đã nghĩ thầm như thế này và tôi cười muốn chết: ngày Tết gói bánh chưng trộn nhân với mù tạt; ăn thang, cuốn, chả cá, tiết canh lòng lợn chấm mắm tôm mà lại cho tô-mát dút⁹ hoặc ăn bánh cuốn, cháo ám mà lại cho vào nước mắm một ít ma gi hay lạp chấu chương thì trời đất quỷ thần ơi, phong vị các món ăn gia dụng ấy sẽ ra sao?

⁹ Tomato juice: nước cà chua.

Nước Việt Nam khổ sở của chúng ta có biết bao nhiêu món ăn thích khẩu, nhưng biết bao nhiêu món ăn thích khẩu sẽ “đi đoong” nếu không có gia vị là cà cuống! Âu cũng là một điều đáng tiếc là phải đợi mãi đến gần đây ta mới thấy người mình ở trong này lấy dầu cà cuống để điểm vào những bữa tiệc hay những bữa quà cho “thơm” hơn! Vậy mà dần dần đồng bào ở đây và cả các ông ngoại quốc cũng “chịu giọng” cái “chất nước trong, cay hắc mà hôi hôi đỏ” - chịu quá, chịu đến hóa ra ghiền, vì tôi đã thấy có người ăn bất cứ món gì cũng phải cho mấy giọt cà cuống vào nước chấm mới làm được vừa ý ông thần khẩu.

Ấy thế mà cà cuống ở đây, thực ra, mới chỉ là hạng nhì, vì cà cuống ở đây không cay sát là một lẽ, mà lẽ khác là vì dầu cà cuống phần nhiều pha chớ không

được nguyên chất, lại cũng có thứ dầu cà cuống chế bằng chất hóa học chứ không phải là dầu chính cống, lấy trong bụng con cà cuống ra.

Tôi tiếc ở đây người ta không xài cà cuống thật, phải chỉ có những người đến mùa đi bắt đem về luộc lên để cho các bọm nhậu đưa cay, dám chắc xí quách, lỗ tai heo, khô nai, khô cá thiều, thịt bò lúc lắc đều thua xa một nước.

Nhưng nói thế mà thôi, chớ nóng chảy mỡ ra như cái tháng Một ở trong này, ăn vàng vào miệng cũng như là ăn rơm. Chỉ được cái trái cây gỡ lại. Không nuốt được cơm, chỉ lấy trái cây mà rầy, rồi ăn xong thì mồm hôi mồm kê nhể nhại, anh nằm quạt máy lim dim con mắt mơ về những chuyện xa xưa, tôi đổ anh không có lúc thấy tiếc tiếc, nhớ nhớ, thương thương cái bầu trời đục màu chì lỏng, cái

mưa lầy lội chỉ vừa làm ướt gấu quần và cái rét êm êm, ngòn ngọt thỉnh thoảng lại có một ngọn gió hơi buồn buốt thổi vù vù từ xa lại làm cho những cành cây thưa lá đập vào nhau và reo lên khe khẽ như tiếng của những người yêu bé nhỏ gọi những người yêu.

Mưa rét như thế, ai mà chẳng cảm thấy ở trong nhà đọc sách thỉnh thoảng lại nhấp một miếng cà phê do chính mình pha lấy và hít một khói xì gà thì nhất: những người có chất nghệ sĩ lắm khi khó chịu đến cái mức vợ con không thể nào chịu nổi. Có ai nằm nhớ lại Hà Nội ngày nào, vào những lúc trời se sắt, mưa dầm dề, gió lê thê như thế, thỉnh thoảng ở giữa đường lại có một anh chàng mặc áo tơ, đội mũ mốt sành, đi ghệt, ngậm cái ống điếu đi lang thang một mình như đang nghĩ thơ không?

Ấy đó, biết là đóng cửa lại ở trong nhà ẩm cúng thật tình, nhưng có những người nhìn lên trời thấy ở bên ngoài sâu sâu một cách nên thơ, tự nhiên cảm thấy không chịu được, phải vội vàng khoác áo đội mũ ra đi để tận hưởng cái rét, để đắm mình vào trong mưa, để nghe cái nhịp thở âm thầm của cỏ cây lúc đó bắt đầu hé những lá non bé tí tẹo, xanh mơn mướt.

Không phải là thi sĩ, nhưng vào những buổi chiều tháng Một ở Hà Nội, người nào cũng muốn làm thơ: trời lạnh, có gió mưa, nghe tiếng rao sù cốc bểu là một loại bánh cuốn hấp, người ta cũng thấy có một cái gì gợi cảm; cái xe tay trùm áo tơi cánh gà cũng có thể là một đề tài để cho người đa tình suy nghĩ hay một cái quán bên đường he hé mở để cho người đi qua ghé thấy một cái lò than hồng

tráng bánh cuốn có mấy người ngồi ăn trong làn khói mờ mờ như sương cũng có thể làm cho ta tưởng tượng bao nhiêu cuộc hợp hoan chờ đợi...

Rét lắm, anh ơi, thôi đi về, anh nhé. Những bờ vai sát lại với những bờ vai; những con mắt nhõng nhẽo tìm những con mắt ngọt ngào; mớ tóc ai đen rưng rức như đêm tăm sao khéo buông lơ xuống môi má người thương y như thể tơ hồng quấn quít lấy cành mộc liên xanh nõn...

Kéo cái màn cửa sổ mà nhìn qua lớp kính mờ mờ hơi nước xuống con đường nhựa láng bóng nước mưa, anh thấy vũ trụ im ru như trong buổi hồng hoang mà nhịp thở ân tình của người yêu là tiếng hát ru, còn bộ ngực ngát thơm là cái gối mộng đưa anh xuống con thuyền bát nhã chở về miền cực lạc...

Bây giờ, ngồi ở trong một quán nước vắng teo mà nhìn lên gác nhà ai le lói một làn ánh sáng mờ mờ ấm ấm, người chồng phiêu bạt đột nhiên cảm thấm thía hơn cả bao giờ nỗi cô chích của mình và bao nhiêu kỉ niệm với người vợ bù ân ngọt ái khi xưa lại trở về như những cánh chim non trong mộng.

Ồi, ở cái đất giàu có sung sướng này, hương phấn thừa thãi, giờ ngón tay út lên thì lúc nào chẳng có người sẵn sàng kết bạn một đêm với anh ngay, nhưng người chồng “đánh rẻ cái hồng nhan” đứng dậy, bỏ quán nước đứng lên, đi thủng thỉnh dưới mưa phùn gió bắc. Ngao ngán cho thân mình, y có lúc không còn mong gì nữa, không còn thèm gì nữa. Mong gì bây giờ? Mà còn thèm gì bây giờ? Những tiếng cười tiếng nói đa tình, những bộ đứng, cách đi duyên dáng của các cô bạn

mĩ miều đã tắt như lửa ở trong lò sưởi tắt lúc trời gần sáng. Bao nhiêu ấm cúng, bao nhiêu yêu thương, bao nhiêu an ủi đã chết rồi, bây giờ chỉ còn lại một cái gì trống rỗng mông mênh, một cái gì nhạt nhẽo không làm rung động được khứu giác, một cái gì ghê rợn thoang thoang mùi bệnh tật và chết chóc.

Chiếc chìa khóa vàng rớt từ ở trên đỉnh tháp xuống bây giờ biết tìm đâu? Đến gần sáng, người chồng mới về được tới nhà, mở cửa rộng ra, và tự nhiên thấy tạt lại một mùi gì nhạt nhẽo: có lẽ đó là mùi chần hôi chiếu mốc. Một mỗi, anh không buồn đóng cửa lại nữa, gục đầu xuống cời giày nhưng để nguyên quần áo lăn ra giường và lấy nửa cái chần đắp vào ngực cho đỡ lạnh.

Ngoài kia, mưa rơi buồn thê thiết; gió thổi qua khe cửa làm cho lá màn màu

bạc úa cũng rung lên vì lạnh. Kỉ niệm xa xưa ời, cứ đến trêu chọc người gỏi lẻ nằm mất ngủ đêm mùa đông làm gì?!

Em ra bến nước trông về Bắc,

Chỉ thấy mây trôi, chẳng thấy làng!

Y giờ tay bưng lấy mặt, nhưng vẫn không tài nào chớp được mắt.

Một lát thì ở xa tiếng gà đã gáy te te. Trời lọc qua cửa kính rọi vào một làn ánh sáng đục lờ như thể cà phê sữa. Chẳng biết bây giờ ở xứ bạn nằm yên giấc, trời đã sáng chưa, mà sao ở trong căn phòng úa héo này, vẫn còn tối mù tối mịt.

Người chồng lẫn bên này, lẫn bên nọ thì đã thấy ở bên cạnh có tiếng máy truyền thanh nhỏ nhỏ vọng sang. Cái đất này nghiện máy truyền thanh, cải lương, Quỳ ạ.

Trước đây, vợ anh thích nhất hai tuồng “Sơn Hậu” và “Chiêu Quân cống Hồ”. Anh cũng thích là vì vợ thích. Nhưng đêm nay, ruột cứ nẫu ra, còn bụng dạ nào mà nghe nữa? Anh kéo chăn trùm kín lấy đầu, nhưng giọng Út Bạch Lan trong “Bụi mờ ải nhận” vẫn cứ như khoan vào lỗ tai. Trong lúc chập chờn nửa mê nửa tỉnh, anh bỗng thấy từ dưới đất dựng lên đồi núi trùng trùng điệp điệp, trắng xóa dưới những lớp tuyết dày dãi ra bát ngát không biết đâu là đất, đâu là trời.

Không có một bông hoa, một bóng chim. Tuyết, chỉ toàn là tuyết trắng. Thỉnh thoảng, nổi lên một tiếng tì bà oán hận. Rồi ở xa xa, xa tít đàng xa, có hai cái hình bóng bé nhỏ hiện lên trên hai con ngựa gầy cùi đầu đập tuyết mà đi về phía chân trời tẻ ngắt. À, ra là Vương Chiêu Quân đi cống Hồ, có Lưu Văn Long hộ

vệ, và cứ đến mỗi chặng đường, Chiêu Quân lại khóc bằng mười đầu ngón tay trên cây đàn tì rôi tức cảnh làm thơ để Lưu Văn Long họa lại, nói lên nỗi lòng thương Hán oán Phiên.

Người chồng chảy nước, nói một mình như thể người mơ ngủ:

– Tội nghiệp Chiêu Quân vì sắc đẹp mà phải đem mình sang cống vua Phiên, nhưng ai oán nào cho bằng Lưu Văn Long bị vạ lây, phải bỏ vợ mới cưới đi hộ tống “lệnh bà” sang đất rợ để tới khi được về thì tóc xanh đã bạc quách từ bao giờ rồi!

Tháng Chạp, Nhớ ời chợ Tết

Đáng lí ra thì công lên việc xuống như thế, vợ phải mệt đừ, nhưng tài thực, không những đã chẳng sao mà lại còn tươi hân lên là khác. Ấy là vì làm việc nhiều mà quên mệt? Ấy là vì thời tiết? Ấy là vì thương chồng, thương con mà không quản ngại vất vả chẳng? Đã đành là vào cỡ tháng Chạp ở Bắc Việt người ta thấy trong người khỏe mạnh hơn cả những tháng vừa qua; đã đành

có khi lòng yêu thương làm cho người ta quên mọi nỗi buồn phiền cực khổ khi thấy những người thân yêu của mình vui sướng; đã đành là có nhiều khi ham mê công việc quá mà quên mệt mỏi; nhưng bao nhiêu cái đó chưa thấm vào đâu với cái vui của người đàn bà khi thấy năm hết Tết đến, nhà cửa bình an, vui vẻ mà trong mình lại có một số tiền dành dụm được từ trong năm, tạm đủ để mua bán cho bằng chị bằng em hầu ăn một cái tết không to nhưng cũng không lúi xùi.

Năm nào chồng cũng bảo vợ:

– Thôi nhé, năm nay ăn thế nào xong thôi, chớ bày vẽ ra lắm chỉ tổ ốm người, em ạ.

Và năm nào vợ cũng trả lời:

– Thì nào có sắm sửa gì đâu. Chỉ có vài con gà con què và một nồi cá kho xì xăng...

Ấy thế mà từ đầu tháng Chạp, nhà chẳng có lúc nào rỗi rãi. Vấn đề quần áo tết đã giải quyết xong xuôi từ cuối tháng Một rồi - vì sợ để đến gần tết mới lo thì không có người nhận may - người vợ ngày nào cũng dậy từ tinh mơ đi chợ để bắt đầu mua các thứ đồ nấu cất sẵn một chỗ, vì sợ để đến rằm tháng Chạp mới mua thì đã kém ngon mà lại đắt. Hầu sì, bong bóng, bào ngư, bột ngọt, măng tây, vây cá... tất cả những thứ đó cất sẵn cả vào trong chạn. Tuy vậy, cũng chữa yên tâm. Nhiều khi sức nhớ ra điều gì lại lấy cuốn sổ ra ghi.

– Phải thế mới được. Đạo này em nói trước quên sau, hỏng quá.

– Này, còn phải mua mấy cái tranh gà lợn và hai ông “Tiến tài, Tiến lộc” để dán ở hai cánh cửa chính này; mua một hộp thuốc đánh đồ đồng này; lên trên phố Lò Rèn lấy hai con dao gọt thủy tiên đặt đánh này; mua thêm mộc nhĩ để gói giò thủ này... À, nếu em quên, anh nhớ nhắc nhé: mai, thể nào cũng phải xuống ông Cả ở Khâm Thiên xin một ít lan chân cua về trồng.

Ở Hà Nội, đến Tết, nhà nào cũng phải có một cành đào hay cây mai, một chậu cúc, cụm hồng nhung hoặc một cặp đồ quỳên có hoa nở đỏ chói để cho vui nhà vui cửa; nhưng có những nhà đặc biệt quan niệm rằng Tết mà không có hai chậu lan chân cua để trưng bày thì cái Tết kém hẳn phần rực rỡ. Bởi thế năm nào cứ vào đầu tháng Chạp, người vợ cũng tự tay trồng hai khúc xương rồng

vào hai cái chậu sứ Giang Tây rồi lấy con dao nhọn khía cây xương rồng ra để ghép những cánh lan chân cua vào cho lan hút lấy nhựa xương rồng mà sống. Ghép lan như thế, phải làm từ đầu tháng Chạp. Chừng một tuần, những lá lan trông như chân con cua bể căng nhựa, tươi lên trông thấy, và thường thường vào cuối tháng Chạp thì hoa nở sum sê, đỏ chói - nhưng đỏ một màu đỏ đặc biệt, nửa như màu chu sa mà nửa lại như màu cánh sen.

Người chồng vụng chân tay, chịu chết không thể làm được công việc đó, đành là phải đứng ở bên cạnh để xem có đỡ dần được việc gì chẳng. Tủ chè, sập gụ và bộ xa lông bằng gụ cần đá hoa đánh bằng xi không được, phải đánh bóng bằng lá chuối khô; đồ đồng đánh bằng tro và trấu, đã lau sạch rồi mới bôi thuốc

đánh đồng; sàn gạch cứ đổ dầu lạc một đêm rồi lau đi, đợi đến hai mươi chín, ba mươi cọ bằng nước thì mới bóng; mi môn, quần màn đem phơi sẵn một vài nắng chớ không thì mốc đấy. Lãng ời, con xem giùm mẹ cái tranh “Đồng Phương Sốc ăn trộm đào” cuộn lại cất ở đâu, lấy xuống phơi nhân thể để nay mai treo ở ngoài phòng khách nhé.

Bao nhiêu màn ở bàn thờ đã thay hết rồi, nhưng cái mâm ngũ quả nhớ đem rửa sạch. Khanh ời! Còn Khoái, con nhớ hai cái đèn lục lăng treo ở hai bên bàn thờ Phật, phải hạ xuống rửa các miếng kính bằng xà phòng chớ cứ lau không, không sạch. Ấy đó, quanh đi quẩn lại chỉ rặt những công việc vặt như thế mà hết cả ngày. Hết cả ngày mà cũng không hết việc. Cứ vào khoảng mồng mười trở đi, người vợ lại phải thức khuya để

quét dọn bàn thờ, bày biện lại mấy bộ đồ trà, mấy bình rượu thúi lục, thúi hồng bày ở trên đầu tủ rồi đem hộp mút ra rửa, cắt những miếng trang kim để bày dưới những miếng kính ở coi trầu, rồi ra sân vặn đèn thay nước của từng cốc, uốn lá và lấy những cái tăm tách những cái giò thủy tiên ra để cho đừng chạm nhau. Nhiều khi đến lúc ấy thì người chồng đã chợp được một giấc ngắn rồi. Nhìn xuống nhà thấy còn đèn, biết là vợ chưa đi ngủ, người chồng dặng hắng rồi xuống thang, nhả mặt:

– Làm gì mà đến giờ này vẫn chưa ngủ?

Biết là chồng khó tính, người vợ cười:

– Em sắp xong đây. Chỉ còn một tí nữa thôi: em để chậu thủy tiên này ra sân

cho có sương rồi lên ngay đây mà.

– Một giờ hơn rồi đấy. Em cứ thức thế này ồm mắt. Đã bảo cái tục ăn Tết phiền lắm, phải giản tiện một chút, cứ theo đúng thủ tục thì theo làm sao cho được.

Ngon đèn đêm bật lên rồi, gian phòng ngủ chìm vào trong một bóng tối xanh biêng biếc. Bảy giờ người vợ mới thủ thủ bên tai chồng:

– Thì em cũng muốn giản tiện lắm đấy chứ, nhưng cũng chỉ giản tiện được có chừng thôi. Tết mà không trang hoàng một tí cho vui của vui nhà và sắm sửa lễ bộ mỗi thứ một tí, lòng nó không yên, anh ạ.

Có lẽ là vì từ bao nhiêu đời nay tổ tiên mình, rồi đến ông cha mình tin

tưởng, rồi đến mình đây tin tưởng là đất đai cũng như sinh vật, ngưng hoạt động trong những ngày cuối năm, lại bắt đầu sống lại, với sự trở về sắp tới của khí ấm. Từ quan niệm đó, người ta vui mừng trông đợi lúc cây cối và muôn vật trở lại cuộc sống bình thường và ao ước năm mới phải có một cái gì mới, một tiến bộ mới.

Người nông dân ao ước sản xuất nhiều, người thị thành ao ước khôn ngoan hơn, giàu có hơn, trưởng thành hơn. Bao nhiêu thù oán xếp lại, tình đoàn kết được đề cao, sự lo buồn lộn xộn quẳng đi một xó. Người ta thăm hỏi nhau, kiêng mắng chửi mè, kiêng hốt rác, rồi trồng nêu, vạch vôi vẽ cung tên, chẳng qua chỉ là để hi vọng năm sắp tới bản thân mình, gia đình mình, làng nước mình sẽ khôn ngoan hơn, khỏe mạnh hơn, sinh sản

nhiều hơn. Người ta chúc mừng nhau, cầu Trời khẩn Phật, chỉ là để xin các sức huyền bí viện trợ cho mình. Sự hoang đường mê tín thường phát xuất từ một nhu cầu thực tế. Không theo như thế thì không yên dạ. Không yên dạ vì sợ rông, vì sợ xúi quẩy cả năm, nhưng không yên dạ còn vì sợ việc này hay việc nọ trong năm sẽ không bằng được năm cũ.

– Em nghe thấy nói trước đây, ở chợ Đồng (Hà Nam), chợ Phủ Giầy (Nam Định), có những người đến phiên chợ cuối năm thường cố mang một thứ hàng, bất kì nhiều ít, bất kì tốt xấu đi bán, chỉ mong bán chạy chứ không mong lấy tiền. Bán như thế là bán cái xúi quẩy của năm cũ đi.

Cũng vậy, ở Nghệ Tĩnh trở vào Thừa Thiên ngày trước cũng có tục đến phiên chợ Tết thì đem đồ đi bán và rao “Có ai

mua đại ra mua” và không cần bán mà cũng không cần ai trả lời mua hay là không mua.

Tất cả những tục lệ ấy, truy tầm ý nghĩa sâu xa của nó, chỉ là biểu hiện nguyện vọng của dân tộc muốn cho mọi sự trong năm mới phải hơn năm cũ.

– Em thiết nghĩ nếu ta có chỉnh trang nhà cửa, mua bán sắm sửa cái này cái nọ, cho cửa nhà vui vẻ chẳng qua cũng chỉ là theo truyền thống của dân tộc, lập lại cái nguyện vọng chung của dân tộc, nếu không có lợi thì cũng chẳng có gì là hại.

– Nhưng mà mệt mỏi, bận rộn, ồm người!

– Đó là ý nghĩ của anh, chớ em thì thấy mình có bận rộn mấy ngày này thì đến Tết nghỉ ngơi, mình mới càng thấy

sự nghỉ ngơi thanh thản là quý báu.

– Anh bảo người ở xa nhà xa cửa đến Tết lười thôi lếch thếch vợ con kéo về quê ăn tết còn mệt mỏi và tốn kém đến đâu, sao mà họ vẫn cứ về quê ăn Tết? Không về là không ăn Tết, không ăn Tết thì không thể yên tâm được. Có ai bắt buộc họ đâu, nhưng họ cứ về, vì cách gì trong một năm họ cũng phải trở về nhìn lại bàn thờ, ngôi mộ, cây cau, cúng ông bà, thăm họ hàng làng nước một lần, mà lần đó phải là ngày Tết. Về quê ăn Tết, đối với tất cả người Việt Nam tức là trở về nguồn cội để cảm thông với ông bà tổ tiên, với anh em họ hàng, với đồng bào thôn xóm; về quê ăn Tết tức là để tỏ cái tinh thần lạc quan ra chung quanh mình, tỏ tình thương yêu cởi mở và biểu dương những tinh thần, những kỉ niệm thấm thiết vì lâu ngày mà quên đi mất.

– Riêng cái quan niệm về Tết đó đã cao thượng lắm rồi, nó khác hẳn đạo Phật, đạo Lão, nó không tách ra khỏi cuộc sống mà lại đi vào cuộc sống, dựa vào cuộc sống mà vươn lên, nó thực tiễn và tiến bộ, anh ơi, mình chỉ thông cảm sơ sơ cũng đã thấy khỏe rồi. Thú thực với anh, em không thấy mệt một phút nào và em nói thẳng là em yêu Tết, mong Tết y như lúc em còn nhỏ vậy.

– Chẳng lẽ em của anh yêu Tết, thích Tết, ham sắm Tết và trưng bày ngày Tết, anh yêu lại ngăn cấm em sao?

Nghe vợ nói như thế, người chồng ở người ra, không còn biết nói năng sao. Ở thôi, em muốn làm gì mặc, nhưng có mệt mỗi, đừng than phiền đấy! Nhưng cùng lúc nói câu ấy, người chồng thấy vợ đột nhiên đẹp trội hẳn lên, y như thể một thiên thần. Nghĩ cũng kì: ăn

thì khềnh, ngủ thì ít, mà làm sao trong những ngày gần Tết, vợ mình lại nhanh nhẹn hơn, đôi mắt sáng hơn mà má cũng hồng hơn? Người chồng cảm thấy rõ rệt như thế; hơn nữa, trong những buổi theo vợ đi chợ Mới Mơ, chợ Bằng, chợ Ô Cầu Dền, chợ Đồng Xuân, chợ Đán, chợ Ngắm, chợ Đệp... đông quá, chen chân không được mà sao vợ mình cứ đi dẹo queo, không tỏ vẻ gì mệt mỏi, dừng chỗ này mua một thứ, rẽ ra đấy kia mua thứ khác, ôm đồm trăm thứ mà vẫn cứ tươi như thường.

Đất thì lầy lội, người thì đông, chen chúc xô đẩy ồn ào, mình mệt muốn dứt hơi, đứt ruột mà cứ phải đi theo xách làn mây leo đẹo, lắm lúc muốn thở hắt ra đi về; nhưng nghĩ thế mà thôi, chợ Tết có một sức hấp dẫn hết sức kì lạ, muốn về nhưng lại cứ muốn đi, đi để xem thiên hạ

mua bán, đi để xem bao nhiêu cái ngon, cái đẹp của quê hương, đi để xem... chợ Tết.

Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc, Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon, Vài cụ già chống gậy bước lom khom, Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ.

Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ, Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu.

Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau. Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa; Tia nắng tía nháy hoai trong ruộng lúa, Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh; Đôi thoa son nằm dưới ánh bình minh, Người mua bán ra vào đầy cổng chợ.

Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ, Để lắng nghe người khách nói bô bô.

Anh hàng tranh kiu kịt quấy đôi bồ, Tìm
đến chỗ đông người ngồi giờ bán.

Một thầy khóa gò lưng trên cánh
phản,

Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân;

Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,

Miệng lẩm nhẩm đọc vài hàng câu
đối đỏ;

Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,

Nước thời gian gội tóc trắng phau
phau.

Chú hoa man đầu chít chiếc khăn
nâu,

Ngồi xếp lại đồng vàng trên mặt
chiếu;

Áo cụ lí bị người chen sẵn kéo,

Khăn trên đầu đương chít cũng tung
ra.

Lũ trẻ con mãi ngăm bức tranh gà,
Quên cả chị bên đường đang đứng
gọi.

Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rượi,
Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây
đa.

Những mẹt cam đỏ chói tựa son pha,
Thúng gạo nếp đông đầy như núi
tuyết.

Con gà trống mào thâm như cục tiết,
Một người mua cầm cẳng dốc lên
xem...

Chợ từng bừng như thế đến gần
đêm...

Không nhớ nhà thơ nào đã tả chợ Tết như thế nhỉ! Mệt quá, anh ta cũng chẳng buồn nghĩ xem là ai nữa, thì vừa lúc ấy vợ lại từ dãy hàng hoa quả xách một cặp gà sống thien bảo mình ngồi canh để còn đi mua thêm mấy chục cam sành nữa rồi về.

Ngồi trên cái ghế dài thấp lè tè, làm một khói thuốc hăm với nước trà tươi nóng, người chồng lại lim dim con mắt nhìn qua làn khói thì thấy người lố nhố đi lại y như trong một bức phim màu vậy. Cái yếm sồi của cô gái quê khéo đa tình lại đeo một lá bùa vàng; chiếc quần là ống sớ của chàng trai chống chiếc gậy tre làm nổi bật cái áo tam giang của cô gái bán dưa; ông thầy bói chít khăn nhiễu nước dưa có nhìn thấy quái gì đâu mà sao cứ nghển nghển trông vào những bức câu đối đỏ của ông đồ bán chữ? Đây là tiếng

ới, đó nọ câu cười; mấy ông lái trâu nói thú tiếng gì mà nghe như tiếng xạ phang, còn các bà bán cây sao hôm nay ăn trâu tươi thế? Nhưng tất cả... tất cả đều thua hai chị em cô hàng bán chiếu cạp điều cười đã xinh, ăn nói lại tình, ô hay, sao chiếu chất cao gần nóc chợ mà mình lại thấy như có hoa nở ở chung quanh?

Thì ra chợ Tết có một sức hấp dẫn kì lạ thật: nhìn vào cái gì mình cũng thấy đẹp, trông người nào mình cũng thấy tươi, thấy cái gì mình cũng muốn mua. Cái ống bương cắt chéo góc, ngày thường ai mà thèm để ý, ấy thế mà mình cũng muốn mua để về trồng mấy giò lan “đồng tiền”; cái chút chút bằng đất ra cái chết gì, ấy thế mà mình cũng muốn mua cho trẻ vì bây giờ ở phố phường không có bán; mà cả đến hai chị em cô bán chiếu nọ mình cũng muốn mua luôn đem về vì

ngộ quá, y như thể một cặp búp bê Nhật Bản. Nhưng mà nghĩ một cách tội lỗi thế thôi, và chỉ tán láo tán lếu tí ti thôi, chớ đâu dám đi sâu quá...

Phải chi đây là “phiên chợ cưới” thì mình đâu có ngán.

Phiên chợ cưới... Phiên chợ cưới... Ờ phải rồi, nhớ lại lúc vợ chồng chưa lấy nhau, người chồng rộng rãi thường vẫn bỏ nhà đi ăn Tết lang thang, có khi ở nhà con hát đàn, có khi ở một vùng quê, lại cũng có khi ở một vùng sơn cước. Anh ta nhớ có một năm lên vùng Tam Đảo chia tỉnh Vĩnh Yên với Thái Nguyên, anh đã đi một phiên chợ đặc biệt của đồng bào người Mán ở mấy tỉnh Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ: phiên chợ cưới. Chợ cưới họp vào ngày hai mươi năm tháng Chạp tại xã Tam Long, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Yên,

ở ngay cổng làng Tam Long, giữa cánh đồng, bên một con sông đào nhỏ nước trong vắt.

Từ mười giờ sáng đến năm giờ chiều, các trai gái, hoặc là đi một mình hoặc là cùng đi với bà con thân thích, kéo nhau tới chợ - nơi mà ngày thường mấy xã ở quanh vùng vẫn họp nhau buôn bán. Nhưng hôm nay thì một con cá, một lá rau cũng không có, vì đồng bào ở đây đã mua bán xong xuôi từ mấy hôm trước rồi. Hôm nay, trai gái ăn mặc tề chỉnh, đến đây là để giao duyên và tình tự với nhau. Có cặp thể sông hẹn núi; có đôi ước hẹn một ngày chồng vợ vuông tròn; lại có những tình nhân trao đổi cho tình nhân những món quà kỉ niệm. Khe suối, bụi tre, đồi cây, bờ ruộng, chúng kiến bao nhiêu mối tình thơ mộng, dường như cũng rung động một cách khác thường,

tươi lên một cách khác thường. Những cái phá sắc sỡ, những cái khăn, những đôi hài sảo thù xanh viền đỏ với bao nhiêu hoa tai bạc, vòng cổ vàng, vòng tay đen, vòng chân tím giao hoan với mây ngàn trắng màu bạc cũ, gió núi biêng biếc màu bằng lăng làm cho phiên chợ cưới và bao nhiêu cảnh vật ở chung quanh có một vẻ huyền ảo lung linh như một buổi quần tiên đại hội trong một thửa vườn thần thánh trên Thiên đình.

Phiên chợ cưới... Chớ sao? Tiên cũng lấy nhau, chớ đâu chỉ có người phàm trần mà thôi. Cô sơn nữ và chàng trai vùng Tam Đảo quanh năm vất vả vì ma chay, giỗ chạp, nuôi trâu bò, gà lợn và đi rừng cắt đông trùng hạ thảo, mộc nhĩ, hái lá kim giao, quên làm sao được phiên chợ cưới cuối năm; hết năm nọ đến năm kia, bọn này thành vợ thành chồng thì bọn

khác lại kế tiếp đi chợ cưới Tam Long để gắn bó keo sơn, kết nên những cuộc ân ái đẹp như trăng thu, trắng như tuyết núi.

Thả hồn về chợ Tết ở Kinh, người chồng tiếc không biết bao nhiêu cái đẹp đã qua và cảm thấy tức bực con người ở đây sao vất vả tẩm thân vì nhiều thứ phù hoa quá. Năm hết Tết đến rồi, mình lì đến mấy đi nữa cũng cứ là thấy sốt ruột vì nhiều công việc chờ đợi quá. Hôm qua, vợ đã gióng lên là nhớ việc gì thì phải làm ngay, chớ cứ để dồn lại đến ngày chót, làm sao cho kịp: lần này về, cách gì thì cũng phải lo “gửi Tết”. Mình là ngành thứ phải đem đồ lễ đến nhà gia trưởng: gà vịt, hoa quả, vàng hương; những ngành trực thống phải “gửi” vàng hoa; còn những ngành khác thì dùng vàng hồ hoặc vàng lá. Vàng hồ là một thứ vàng gồm, một phần ba những thoi vàng ở lớp trên làm

bằng giấy bồi vàng, còn hai phần ba lớp dưới là những thoi bạc làm bằng giấy bồi trắng có dính mặt kính, trang kim. Vàng hoa làm toàn bằng giấy màu vàng, cũng có dính mặt kính, trang kim như vàng hồ nhưng nhiều hơn, tượng trưng cho vàng thoi, do đó mỗi nghìn vàng là một nghìn thoi nhỏ. “Gửi Tết” nhà gia trưởng mà không có vàng, không được.

Gửi Tết rồi lại còn phải lo biếu Tết. Bao nhiêu bạn bè, thân thích xa gần buôn bán, giao thiệp với mình, làm ơn làm huệ cho mình, nhất thiết phải moi trí óc ra mà nhớ cho kì hết để đem đồ đến biếu. Biếu như thế không phải là đút lót, mà chỉ là để tỏ cái tinh thần thương yêu, cởi mở, thực thi quan niệm “thêm bạn bớt thù”, san bằng những mâu thuẫn để cho người ta có dịp biểu thị những tình cảm, những ý niệm thâm thiết mà người ta

không biểu thị được trong những ngày thường trong năm phải làm ăn vất vả, đầu tắt mặt tối không có thời giờ thăm viếng nhau, trò chuyện với nhau lâu.

Xong được mấy công việc đó thì cũng đã đến rằm, mười sáu rồi. Đến cái ngày ấy, anh thấy thời giờ đi nhanh một cách tẻ nhạt. Dù anh lơ là với Tết cách nào đi nữa, anh cũng cứ thấy tim anh rộn ràng lên, anh không biết phải làm việc gì trước, việc gì sau và anh thấy rằng mặc dầu là bỏ giấc ngủ trưa, những ngày cuối năm ấy quả là đi nhanh quá, nhanh như “bóng câu qua cửa sổ” - cái danh từ rất sáo mà lúc nhỏ anh vẫn viết trong tờ “com-pờ-li-măng” đọc chúc mừng thầy giáo trong buổi học tất niên viết trên một tờ giấy rất trắng vẽ một bó hoa buộc bằng một cái băng tam tài!

Thì ra mình trách vợ bận rộn về Tết, ốm cả người, mà chính mình từ rằm tháng Chạp trở đi cũng bận rộn, vất vả y như vợ vậy. Cái việc mua giấy hồng điều rắc vàng để nhờ ông Cả Nam viết câu đối dán ở cột trước cửa và ngoài sân; cái việc mua trầm để đốt trên bàn thờ; cái việc đi chọn pháo Công Tường Cát để đốt đêm giao thừa và ba ngày Tết, nhất định mình không đảm trách thì không được. Cũng không được, nếu sắm sửa Tết tàm tạm xong xuôi mà mình lại không cùng với vợ đi thăm mộ gia tiên nội ngoại để viếng các cụ, đắp lại mộ các cụ và thắp nhang mời các cụ về ăn Tết với con cháu trong nhà. Trước đây, làng Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh có cái lệ đi thăm mộ gia tiên hằng năm ấn định vào ngày ba mươi tháng Chạp nếu là tháng đủ, hay hai mươi chín nếu là tháng thiếu. Nhiều làng khác cũng theo như thế. Nhưng sau

này, đời sống xô bồ, có thay đi chút ít, người thành thị đi thăm mộ ông bà cha mẹ sớm hơn một chút, có khi trước ngày ông Táo lên châu trời, có khi sau vài ngày.

Thực tình, cái giống nhà văn, nhà báo có lúc đáng yêu thật, nhưng có một vài khi cũng làm cho đàn bà bức cả mình. Cái gì lại đem cả ông Táo ra chế nhạo là “đội mũ đi hia chẳng mặc quần”? Cái gì lại đề nghị bỏ tục lễ ông Táo mà cho như thế là dị đoan? Cái gì mà năm nào cũng nhạo ông Táo “lập bờ” lên với Trời về các việc xảy ra dưới trần?

Muốn nói gì thì nói, người vợ, đúng ngày hai mươi ba tháng Chạp, cứ phải đủ lệ bộ tiễn ông Táo lên trời thì mới yên lòng.

Mình là người trần mắt thịt, biết thế nào là dị đoan hay không dị đoan, biết

thế nào là Tây Phương có lí hay Đông Phương có lí? Ai bảo phản khoa học em chịu, mà ai bảo cái tục này do quan lại phong kiến đặt ra để ngu dân, lại cũng chịu luôn; nhưng lễ tiễn ông Táo vẫn cứ lễ tiễn như thường vì không làm như thế thì em ăn Tết không ngon. Tội gì mình lại khổ thân mình như thế?

Nhưng mà nó buồn cười, em ạ. Tiễn một ông vua bếp cưỡi ngựa cá chép lên châu trời, còn có cái gì nực cười bằng!

Nói như thế, thật hay, thật đúng. Nhưng mà ta cũng nên biết rằng ta thờ kính ông Táo có phải là ta thờ kính cái ông vua bếp cưỡi cá chép lên châu trời đâu?! Cũng như ta trồng nêu, vẽ vôi bột, gói bánh chưng, dọn cửa lau nhà, kiêng cử chửi mè� mắng chớ, ta tiễn ông Táo là để chúng tỏ tính chất đồng nhất của xã hội, vì biết ăn Tết tức là tầm mắt ta

đã vượt được cái tổ chức thị tộc bộ lạc chật hẹp để sống với nhau rộng rãi hơn trong sự đoàn kết của nhiều thị tộc bộ lạc thống nhất với nhau về quan niệm, nghi lễ cũng như về thời gian.

Đây là lúc tổ chức gia đình đã có cơ thay thế cho tổ chức thị tộc. Sự thờ cúng ông Táo và sự tiễn đưa ông Táo lên trời hôm hai mươi ba tháng Chạp chứng tỏ rằng người mình lúc ấy đã tổ chức thành gia đình nhỏ, mà cái bếp của ông Táo là tượng trưng cho gia đình, cái bếp là đơn vị nhỏ nhất của xã hội. Cái gia đình ấy, cái đơn vị ấy đồng nhất từ Bắc vào Nam cho nên không có kẻ nào chia rẽ được Nam với Bắc.

Nếu bảo tiễn ông Táo là mê tín dị đoan thì cả nước ta đoàn kết ngay cả trong sự dị đoan, mê tín: ông Táo ở Bắc, hôm hai mươi ba tháng Chạp, lên châu

trời cưới một con cá chép thì cũng ngày ấy ở Trung, ông Táo cưới một con ngựa yên cương chính chạc, còn ở trong Nam thì giản dị hơn, đồng bào ta cúng ông một cặp giò - cặp hia để cho ông đi lên Thiên Đình cho lệ!

Người chồng đùa dai, chọc nĩa:

– Người ta bảo là ông Táo tham những lắm, chẳng biết có đúng không? Ai mà lẽ ông chu đáo, ông tâu tốt, ai không có gì, ông truy...

– Đây là nói đùa. Nhưng nếu căn cứ truyền thuyết mà bàn thì ông Táo nếu ăn tiền có muốn tâu bậy cũng không thể được. Là vì - lại theo thần thoại - các cụ ngày xưa chống tham những triệt để chớ đâu có như bây giờ. Anh quên mất rồi ư? Tháng Mười ta có lễ Song thập, là ngày lễ gần cuối năm, có tên là Hạ Nguyên.

Đó là theo tục lệ nhà Phật.

Nhưng theo truyền thuyết thì ngày Song thập, tức là mồng mười tháng Mười, trên Thiên đình, Ngọc Hoàng Thượng Đế sai một sứ thần tên là Tam Thanh xuống kinh lí trần gian để kiểm toán những điều lành hay dữ trong một năm qua để làm biên bản tâu lên Ngọc Hoàng minh xét. Vì thế, vào ngày ấy, dân chúng lập bàn thờ hương án để rước điều lành, tránh điều dữ trong dịp thăm viếng của sứ thần Tam Thanh, đồng thời sửa cơm canh cúng ông bà cha mẹ qua đời và cầu Trời Phật phù hộ cho mạnh khỏe, ăn nên làm ra, tai qua nạn khỏi.

Như vậy là trước ngày ông Táo lên châu Trời hai tháng thì đã có một phái đoàn điều tra xuống dưới trần để xem xét tình hình rồi, các ông Táo của các gia đình gan có bằng gan cóc tía cũng không

dám khai gian nói bậy.

Nói câu này, nhất định có người sẽ bảo là mình nịnh vợ, nhưng có thể nào cứ nói thế, không sao: tôi thích nghe những truyện truyền kì như thế nhưng từ buổi di cư vào miền Nam ít được ai nói tới, thành thử lắm khi cũng nhớ, mà đời hình như cũng kém thơ mộng đi một chút. Có lẽ cũng chính vì thế mà ăn mười tám, mười chín cái tết ở đây, vào ngày ông Táo chầu trời, không thấy ai cúng cá chép, mình có khi cảm thấy như nhớ cái gì đẹp lắm mà mất đi không còn thấy nữa. Tôi nhớ Bắc Việt vào những ngày hai mươi ba tháng Chạp, tiễn ông Táo lên Thiên đình, cái không khí nó khang khác chớ không như thế này... Từ sáng tinh sương, chưa bước chân xuống giường, tôi đã nghe thấy rao ới ới ở khắp các nẻo đường: “Ai mua cá ông Táo khô-

ng?”, “Cá ông Táo không nào?” Nghe như thế, tự nhiên lòng mình bỗng nao nao vì biết rằng có cá ông Táo là sắp đến Tết rồi. Không thể nào nằm được nữa. Mình ra xem thì thấy những bà bán hàng gánh hai cái thùng sơn đi vất vẻo đôi tay, như chạy, để bán vội cho hết hàng, kéo còn phải về sớm để sửa sửa tiền ông Công lên châu Trời tâu việc hàng năm của mỗi gia đình. Ông Công đó là thần Trương Đoàn hay Tử Quách, chỉ phụ trách riêng về việc bếp núc, còn Thổ Địa trông nom việc nhà, Thổ Kỳ có nhiệm vụ coi về chợ búa và tăng gia sản xuất cho đàn bà.

Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ là ba nhân vật trong truyện truyền kì “hai ông một bà” mà dân gian đều biết: hai ông là Trọng Cao và Phạm Lang, còn một bà là Thị Nhi cùng chết trong một đồng rơm. Để kỉ niệm ba người cùng chết một

lần vào ngày gần Tết, dân chúng làm cái bếp ghép bằng ba hòn gạch đều nhau bắt góc. Ở giữa, có để một hòn đá: đó là tên đầy tớ xông vào đám cháy để cứu chủ không được mà cũng bị chết lây. Thường thường, ai cũng tưởng lễ tiễn ông Táo là ngày lễ cuối cùng trong một năm, thật ra sau đó hai ngày còn lễ tiễn ông vải, lễ tạ trường và lễ tất niên.

Trong lễ tiễn ông vải, người ta đem hết cả những chân nhang trong bát hương đốt quanh năm ra đổ xuống sông hồ hay đốt đi và thay tro khác vào bát hương. Nhân lúc con cháu dọn dẹp, bày biện lại bàn thờ, ông vải thừa dịp đi chơi vài ngày để chờ lễ giao thừa lại trở về ăn Tết với con cháu trong nhà.

Ít lâu sau này, lễ tạ trường đã bỏ vì chữ Hán hết thời, nhưng lễ tất niên thì vẫn giữ nguyên cò bay ngựa chạy tù đồng

Nằm ở nơi đây là đất mà có người ca ngợi là mỗi khi Tết đến “đưa hấu chất cao hơn nóc chợ”, người xa nhà nhớ nhất cái mưa xuân bay nhẹ nhẹ như hôn vào môi, vào má người ta, thay thế cho cái mưa phùn đem buốt lạnh thấm vào da vào thịt; nhớ những con đường hoa láng láng, thơm thơm như có bàn tay ai lau rửa thay thế cho cái lầy lội, ướt át kéo dài từ tháng Một sang đến thượng tuần và trung tuần tháng Chạp; nhớ những hoa mận, hoa đào đủ đờn múa may trước gió hiu hiu thay thế cho những cành khô nghèo nhua nằm chết chóc trong giá rét trước ngày đông chí.

Tài thế, lập xuân rồi thời tiết đổi thay liền! Thảo nào sách Thích danh giải nghĩa xuân tức là xuân, nghĩa là cựa động, muôn vật đến mùa ấy cựa động mà sống dậy. Người đàn bà Trời đã cho đẹp,

lập xuân rồi tự mình cũng thấy mắt biếc hơn, má hồng hơn, ngực tròn hơn và cảm thấy như nhấp một thứ men nồng làm cho lòng phơi phới.

Đêm qua hoa nở nhị vàng,

Sáng ngày thiếp thấy bóng chàng áo xanh.

Chàng áo xanh về quê ăn Tết thấy cô gái đa tình, mảy mà không thấy lòng rạo rực thương yêu và thốt ra lời tình tứ:

Vườn em có chỏn cau non,

Nhà anh có chiếc cơi son đợi chờ.

Thậm chí đến bậc lão đại, bạc cả mái đầu, thấy hoa xuân hé miệng ra cười cũng cảm như thấy con tim muốn nói lên những lời yêu thê thiết.

Ai ơi, chơi lấy kéo chây

Xem hoa bốn mắt đi giày ba chân.

Yêu tháng Chạp không biết bao nhiêu, nhưng yêu nhất là những ngày giáp Tết, thời tiết sao mà dĩ thế, con mắt tấm lòng sao mà đong đưa thế, lời nói, tiếng chào sao mà duyên dáng tơ mơ thế.

Tôi yêu hết và tôi nói là tôi yêu hết; yêu ngọn cỏ gió đùa, mây trôi lãng đãng, ngọn núi đồi sim, nhựa cây mạch đất, yêu con sâu cái kiến nằm co ro trong tổ bấy giờ trỗi lên tìm lá mới hoa non, yêu cô gái mặc quần lĩnh hoa chanh lại cài một cánh hoa hồng trên mái tóc, yêu con bướm đa tình bay lượn trên giàn hoa thiên lí, cái áo nhung xanh nổi bật lên trong vườn quít đỏ, cam vàng, trông mới lại càng yêu những giọt mưa bé tí ti đọng lại trên nhung muốt làm cho người đẹp óng a óng ánh như thiên thần trong mộng. Cũng may mà cứ vào tháng

Chạp, ở đây, thỉnh thoảng lại có những đêm xanh gió thổi hiu hiu làm cho người thức khuya cảm thấy da tê tê, lạnh lạnh mà nghe như thấy Tết đến xuân về trước ngõ nên cũng ngơ ngơ ngoài được phần nào, chớ cứ nắng chói chang, khô héo liên liên thì chỉ thương nhớ mà héo hắt đi, sống làm sao cho nổi.

Tết ở đây thiếu gì vải lụa của Thái Lan, Đại Hàn, thiếu gì đồ ăn thức uống của Nhật, của Mỹ, thiếu gì trái ngon, gái đẹp “lô can”, nhưng cơn cố làm sao mỗi khi có sự giao tiễn đôi mùa thì lòng lại hướng về quê cũ xa xưa, mơ lại ngày nào cùng vợ đi mua đôi ba chậu cúc vàng, quất đỏ, rồi về ăn quấy quá cho xong để lại đi ù lên Ngọc Hà mua mấy cánh mẫu đơn về để cắm bình, không quên vài tấm giấy đỏ để gói tiền mở hàng cho trẻ, một chai Mai Quế Lộ hay Sủ Quốc Công, hai

vợ chồng đi dưới mưa riêu riêu dặn nhau phải nhớ mua một hộp trà Thiết Quan Âm vỏ thiếc và sê vài chai rượu nếp cẩm hạ thổ từ tháng Tám!

Nhớ lại như thế thì quên làm sao được vào những ngày hai mươi bốn, hai mươi lăm, vợ thức từ bốn năm giờ sáng, khoác một cái áo lạnh trên mình ngồi giữa sập sắp xếp các món đồ đem đi biếu Tết những bạn bè thân thiết. Đó là cả một vấn đề phức tạp: hộp trà Thiết Quan Âm vỏ thiếc để biếu ông Long đã đành rồi, nhưng ông Luận hôm qua đã cho rượu, chả lẽ mình lại biếu rượu nữa, thôi hay là biếu cân mít và chục cam xã Đoài. Hộp kẹo này đưa sang bác Thanh Châu; chị Sen ơi, hai hộp trà mạn sen tự tay mợ ướp đây là để dành cho ông Chung, ông Chúc; nhưng đến Nguyễn Dân Giám thì quả là khó nghĩ. Hôm hai

mười ba mới rồi, để đánh dấu tập “Dưới rặng thông” in làm phụ bản số Tết, anh ta sai người làm đội một cái quả to bằng cái nia từ Hàng Cân đến Hàng Da, đầy đủ bún thang, chả quế, giò lụa, nước xuýt, bào ngư, hàu sì, cuốn; bây giờ biết đem biếu gì đây? Ấy, chỉ có thế mà nghĩ mãi không biết làm ăn ra thế nào.

Ôi chao, cứ suy nghĩ vợ vẫn mãi thế này, bức lắm. Người chồng nại cứ đi lấy “cái phong bì” của nhà báo tạ ơn nhân dịp cuối năm, rủ bạn hữu đi ra ngôi “Lơ Lắc” uống lót dạ vài cái “pun sô” và trông mưa bay trên hồ Hoàn Kiếm, ngâm bài thơ điên.

Có linh hồn, tôi đem cho trọn vẹn,

*Vốn nhà nghèo, không quen cảnh bán
buôn.*

*Đến những kẻ mới vờ duyên hứa hẹn,
Tôi cũng cho trọn vẹn cả linh hồn.*

...

*Điên! Diên! Diên! Và say nữa, xin say,
Điên đến chết và say cho đến khóc.*

*Say thêm nữa! Phút giây điên ngà
ngọc!*

*... Dốc máu buông tim, giết hồn lấy
xác!*

Ta cao dâng tế lễ đấng Thiêng Liêng.

Nhạc đâu rồi! Lễ vật sắp đưa lên,

Xin mau nổi cho hồn ta rung động...

Yêu Tết không biết bao nhiêu, nhưng
yêu nhất là những ngày hai mươi chín,
ba mươi, anh em say suốt ngày, tơ lòng

rung động như điên, chè chén ở quán này chưa đã lại sang tiệm khác đập phá âm âm. Mà để làm gì? Chỉ là để tỏ rằng mình là những người văn nghệ bị đời bạc đãi nhưng nọ cần ai cả, mục hạ vô nhân...

Quan niệm đời một cách sai lầm như thế, chúng tôi tuy vậy vẫn tự cao tự đại và thỉnh thoảng lại lên cái mặt sầu đời, bỏ cả lễ giao thừa, đi một mình ở ngoài đường để suy tư, và suy tư mãi chẳng thấy tòi ra cái gì thì tìm một cái gì trác táng để liều thân hoại thể. Thuốc phiện. Trai gái. Rượu chè. Chúng tôi không chê bất cứ một thứ gì làm cho con người sa đọa. Nhiều khi đi đến gần sáng mới về mà vẫn thấy người vợ còn thức với con để xem lại nồi cá kho, gói mấy cái giò gà, thái củ cải, cà rốt để sáng hôm sau nêm vào đồ nấu hoặc vừa quấy một xanh

chè đậu vừa ngồi trông nồi bánh chưng luộc ở ngoài sân, người chồng cũng cảm thấy hơi se lòng một chút nhưng lại tự mình tha thứ mình liền, chỉ vì lẽ là ngày Tết, người đàn ông có thể tự cho phép sống ra ngoài vòng kiểm tỏa từ ngàn xưa ấn định, mà cũng là để giải phóng bao nhiêu trói buộc, với hi vọng năm mới sẽ đưa lại nhiều may mắn hơn năm cũ.

Về khuya, bắt tay bạn hữu ra về, đi thơ thẩn trên đường hoa một mình, anh thấy lòng anh cũng căng lên một thứ nhựa như cây cỏ và hình như có những bàn tay bé nhỏ mơn man trái tim anh lúc ấy đập mạnh hơn vì máu chảy dồn dập và nóng hổi.

Lúc ấy, nhà đã trang trí xong xuôi. Đèn nến thấp la liệt trên bàn thờ. Nhìn vào chỗ nào cũng thấy khói hương nghi ngút. Cây đào và những cánh mẫu đơn

in bóng lên tường làm cho anh ngỡ mình đang đứng trước một bức tranh cổ của Tàu. Ở ngoài kia, có tiếng gì nhỏ bé như tiếng sóng xa xa mà lại như tiếng đàn hát của thần tiên, tiếng chuyển mình của sông hồ, của lộc cây, của giàn hoa thiên lí?

Người chồng ngỡ đó là tiếng của mùa xuân, nhưng không nói cho ai biết, lẳng lặng mở bình Mai Quế Lộ, rót ra hai cốc nhỏ mời vợ một, còn mình uống một. Thỉnh thoảng, ở ngoài sân lại có tiếng tạch, tiếng đùng: ấy là lúc các trẻ trong nhà bắt đầu “đốt pháo một” tung lên trời. Mùi thuốc pháo thơm thơm bay vào trong nhà, làm cho cả vợ cả chồng hơi ngọt, nhưng ngọt một cách du dương.

Trong khi ấy, từ xa xa vọng lại tiếng ống bương nện xuống đất đều đều, hòa với những tiếng hát trầm trầm, bỗng

bổng của những em đi “súc sắc súc sẻ” ca ngợi sự hòa ấm của gia đình “có rồng ấp trên giường cao, có rồng châu dưới giường thấp” và chúc cho ai nấy “sinh đẻ những con tốt lành, những con như tranh, những con như vẽ”, sống lâu một trăm tuổi lẻ mà lại giàu có đề đa, có voi buộc trong tàu, có ngựa giỡn nhau trên cỏ...

Cái Tết đẹp nhất, mê li nhất chính là ở vào giây phút thần tiên đó. Lát nữa, cúng kiếng trời đất tổ tiên xong rồi, người vợ thoa tí phấn, điểm một giọt hồng lên má rồi bận cái áo nhung màu hoa sim cùng chồng và con mở cửa đi ra đền Ngọc Sơn, rẽ sang đình Hàng Trống, đi lên Hồ Tây, vào đền Quán Thánh lễ giao thừa, rồi người thì cầm cành lộc, người cầm hương lộc, đi thông thả về nhà, sự mê li còn gấp trăm gấp ngàn lần nữa.

Những đêm như thế thường thức cho đến gần sáng bạch cả nhà mới đi nằm. Là vì về đến nhà, còn bao nhiêu việc nữa chớ đã được nghỉ ngay đâu. Mở cửa vào xông đất lấy. Khoái và Lăng chạy ngay vào buồng khách lấy bánh pháo Điện Quang dòng từ trên mái xuống đốt lấy may; vợ thì lễ sì sà sì sụp; xong rồi cả nhà quay ra ăn uống, nếm thứ này một tí, nếm thứ kia một tí, rồi trò chuyện, rồi lập chương trình đánh tam cúc và rút bất, bắt đầu từ tối mồng hai, rồi chồng mở hàng cho vợ; vợ mở hàng cho con... Ồi, cứ thức đến sáng bạch cũng vẫn cứ được đi, nhưng sợ là mai mệt nên hai ba giờ sáng phải đi ngủ cả.

Chẳng biết lũ trẻ đi nằm như thế thì có ngủ được không, chớ người chồng mơ lại lúc mình còn nhỏ, nhớ mang máng rằng giấc ngủ đêm ba mươi Tết chập

chờn, không mấy khi ngon. Ấy là tại vào cái thuở thanh bình ấy, pháo đốt suốt cả đêm không ngớt một phút nào, người đi lễ đông nườm nượp, lại thêm có những người có lẽ vì vui quá cứ ngửa mặt lên trời đi ngâm thơ bô bô ở ngoài đường!

Ôi những đêm giao thừa xa xôi, những đêm giao thừa cực lạc, đi không bao giờ trở lại, ta chẳng còn thấy thần thánh xuống trần để vui cuộc đời trần tục, ta chẳng còn thấy Đức Tin ngời lên trong ánh mắt của muôn người... Cố nhân ơi, cố nhân đem theo biết bao nhiêu hương vị đậm đà của kiếp sống khiến cho những giao thừa còn lại chỉ là thừa mà thôi...

Em ở mình đây, trời nắng lắm,

Sài Thành không biết có xuân sang.

*Một đêm trăng khuyết đầy thương
nhớ*

Đất Bắc xa vời không tiếng vang.

... Ôi, vườn dâu cũ ai cười đó,

Xào xạc bên sông tiếng chợ tàn.

Mưa bay đầy ngõ hoa đào rụng,

Này đã giao thừa pháo nổ ran...

Ờ phải, ở đây pháo cũng nổ giao thừa, nhưng còn đâu là bầu không khí dịu hiền của những ngày trước nữa. Bao nhiêu bè bạn giờ này đây đã về với gia đình. Người chồng cô chích cảm thấy mình lẻ loi, xa vắng hơn cả bao giờ hết, đi tha thẩn một mình trên các đường phố giới nghiêm, thỉnh thoảng lại có bóng một gã công an chìm và cảnh sát cùng quân cảnh bảo vệ an ninh trong bóng tối.

Xa xa, tiếng súng nổ như điên.

Không đâu, năm nào đến Tết cũng ngưng bắn vài chục tiếng đồng hồ: mình thừa đạn thì nổ thay pháo chó không phải là diệt địch, cứ yên tâm uống rượu, và tán láo, đừng có sợ! Chao ôi, chơi bởi láo lếu mà thấy an ninh được bảo vệ kĩ càng như thế, mình lại càng thấy yêu Sài Gòn không biết chừng nào. Có những nhà hàng mở cửa suốt đêm. Có những quán cà phê bày bàn ghế ra hè nhiều gái chơi bởi ngồi đợi khách hơn là khách vào uống rượu. Lại cũng có những phòng trà có ca nhạc hai ba giờ sáng mà vẫn có người vào nghe.

Kì chưa, thế thì họ không lẽ giao thừa à? Họ không kiêng cữ gì à? Họ không cần biết xông đất là gì à? Họ khoa học như Mỹ, không tin dị đoan chẳng? Hay là khói lửa và sự chật vật trong cuộc sống đã

làm lệch lạc đầu óc họ? Người mắc bệnh sâu thương cổ lí, không lệch lạc đầu óc, mà cũng không bài xích dị đoan, ngồi ở đầu ngọn gió lạnh giao mùa, nhìn hàng tiếng đồng hồ vào trong bóng tối đêm ba mươi không nói, không rằng, đứng dậy, trả tiền đi thông thả trên con đường vắng ngắt. Đèn Sài Gòn sáng lắm, nhưng đêm ba mươi tháng Chạp thì ngừng lên trời làm sao thấy được mây lưu lạc, mà tiếng nhạc “sun” âm ỉ như thế thì nghe làm sao thấy “tiếng sóng nhớ nhàng ở bến cũ cây đa”?

Đêm ấy, trên con gác nhỏ leo lét một ánh đèn một nhọc, có một người nhớ da diết giao thừa Bắc Việt, ngồi giở những trang sách cũ xem lại những tranh con gà con lợn. Tội nghiệp, sinh vào cái thời loạn, ở ngay trên chính đất nước mình mà không có lấy mấy bức tranh con gà

con lợn thực để mà coi, phải giở đồ giả chụp lại đem ra ngắm! Tự nhiên anh cảm thấy có một cái gì làm cho da dẻ tê tê, gờn gợn lạnh. Đã mấy chục năm nay, anh ta không còn được trông thấy những bức tranh gà lợn thực, đưa lên mũi ngửi mùi giấy, mùi mực, mùi màu thực của những bức tranh ấy nữa. Đêm nay, nghe tiếng pháo của nhà ai nổ vang ở chung quanh, người tương tư Bắc Việt không biết làm gì, giở lại những bức tranh gà lợn giả lên coi, cảm thấy da dẻ tê tê, lạnh lạnh chính là vì anh thấy hiện lên ở trên những bức tranh chụp lại, vẽ lại đó không biết bao nhiêu kỉ niệm xa xưa đã được khâm liệm trong trí óc.

Đó là những kỉ niệm lúc còn nhỏ bé ở căn nhà thấp lụp xụp phố Hàng Gai, còn cụ tổ, còn bà nội, bà ngoại, còn cha mẹ, còn đông đủ anh em chú bác.

Năm nào cũng vậy, cứ vào những ngày cuối năm, mẹ tôi đi sắm Tết về cũng mua cho anh em chúng tôi một cuộn chùng chín mười tờ tranh vẽ trên giấy Đáp Cầu, dọc chùng một gang tay rưỡi, ngang chùng bốn gang hay hơn một chút. Những bức tranh ấy mang những hình vẽ khác nhau: hái dưa, gà mẹ gà con, chuột vinh quy bái tổ, Phúc Lộc Thọ, Thần Trà, Uất Lũy, cóc đi học, Ngưu Lang Chức Nữ, Đinh Tiên Hoàng cười rống, v.v. Bức nào cũng xanh đỏ lòe loẹt, bức nào cũng có những nét hóm hỉnh mà ngây thơ, bức nào cũng làm cho chúng tôi thích thú. Và năm nào cũng vậy, anh em chúng tôi cũng tranh giành nhau những bức tranh gà lợn đó, có khi đến đánh nhau; nhưng rút cục thì anh em thỏa thuận dán đầy cả lên tường để ngắm chung và làm như thế thì nhà tôi, đương bình thường, vụt hiện ngay ra một quang cảnh Tết vui tươi

khác thường, từng bừng nhận nhịp không chịu được.

Sau này, lớn lên một chút, đi học Tây, tôi lên mặt hợm, coi thường những tranh ấy và cho là “quê một cục” vì hằng ngày học sử Hi Lạp, tôi thường thấy những bức họa của Gauguin, Léonard de Vinci... và tôi nghĩ rằng tranh như thế mới là tranh, vẽ như thế mới là vẽ, chớ cứ quanh đi quẩn lại chỉ có mấy chú chuột thối kèn tàu, Chúc Nữ mặt méo xẹo, mà lại có đuôi gà, cóc đi học quạt lò mà cái ấm lại to hơn cóc... thương làm sao cho nổi! Ấy là cái lúc tôi... lai Tây, học sử địa “Nước tôi tên là xứ Gaulle, tổ tiên tôi là người Gaulois” và tôi tưởng rằng cái quan niệm mới mẻ ấy sẽ cứ tồn tại mãi, rồi trưởng thành, rồi già nua trong đầu óc tôi như thế mãi. Hóa ra tôi lầm. Thôi trường ra, đi lang bạt nay đó mai đây, xa nhà cửa

ông bà, xa quê hương bác mẹ, cái gì làm cho tôi nhớ nhất, ấy là cái Tết, mà nhớ đến Tết, cái mà tôi không thể nào quên được, ấy là những bức tranh gà lợn.

Kể đó là thời kì chè rượu bê tha, nằm ở một cái phòng chật hẹp ở phố Hàng Đồng hút thuốc phiện, bị cả họ khinh khi, nằm bẹp gí trên một cái giường mẹt nhọc, hút thuốc tối ngày rồi đợi đến đúng trưa ngày ba mươi thì trở dậy đi mua một cành mai vàng về cắm trong một cái cốc dơ và dán ở đầu giường bức tranh “Chúc Nữ Ngưu Lang” để mỗi khi hút xong một điếu lại lơ mơ ngắm bức tranh, tự ví mình với Ngưu Lang bị trời đày, chú tiên ở trên trời khinh bỉ “nhưng đây nọ có cần”, một ngày kia làm chuyện lớn, khối anh xúm lại mà nịnh như nịnh Tô Tần ngày trước.

Một thời gian qua đi nữa rồi đến thời kì bỏ thuốc, sống với vợ con theo đúng một anh “chân chỉ hạt bột”: cứ mỗi khi Tết đến thì vợ, không do ai bảo hết, cũng làm đúng như mẹ mình ngày trước, cứ mỗi khi Tết đến thì lại mua mấy bức tranh gà lợn về để cho con dán lên trên tường.

Thì ra những bức tranh gà lợn đó không phải chỉ hòa đồng với tôi, nhưng hòa đồng với vợ, với con tôi như thế, có lẽ vì chúng tượng trưng cho tinh thần dân tộc Việt Nam mà chúng tôi không biết. Tường Tết mà vắng những tranh ấy mình cảm thấy nhớ nhung. Tết mà không mua tranh ấy dán lên tường, mình thấy chưa phải hoàn toàn Tết.

Tôi nhớ có nhiều khi cứ suy nghĩ vẩn vơ như thế và nói mãi cho con nghe ý nghĩa những bức tranh gà lợn, mình

thành ra bị ám ảnh và đến lúc nhắm mắt ngủ thì nằm mê - mê thấy hiện ra những cảnh chuột đi hai chân như người thật, lợn con lội qua sông, mê thấy Đinh Tiên Hoàng đứng điểm binh như một ông tướng Đức, mê thấy cá chép đi cà kheo lộc cộc trên cầu Thê Húc. Tất cả những thứ đó hiện ra rồi biến đi trong một thế giới kì ảo lạ lùng mà người cảm thông với vật, chuyện trò thân ái với nhau chớ không có một tí ti gì là thù ghét...

Thôi rồi, bây giờ còn làm sao mà thấy lại được những giấc mơ thơ mộng như thế nữa, bao giờ mới lại được sống ngày thanh bình mà người ta lấy tay vuốt ve từng cái lá, nường gót chân đi sợ làm đau từng ngọn cỏ, mà cũng đến bao giờ Nam, Bắc mới hết qua phân để cho người li hương lại được trở lại quê nhà vui dưới mái nghèo, kể lại tình kiều tử mười mấy

năm đằng đằng và cùng nhau nhắc lại hồn quan sơn trong lửa đạn dãi dầu.

Người đàn ông sâu nhớ giao thừa Bắc Việt gục đầu xuống những trang sách cũ, chớp mắt đi lúc nào không biết và y cũng không biết rằng những ý nghĩ vừa hiện ra trong trí óc đều là những ý nghĩ hiện lên trong khi y ngủ. Một quá chừng là những phút buồn khổ một mình, không biết than cùng ai, khóc với ai, nhất là chính mình lại biết rằng trong khi buồn khổ như thế thì trăm họ ở chung quanh lại vui tươi - dù là cái vui tươi mù lòa giả tạo, cái vui tươi chửi rửa những người lương thiện bị coi là ngu ngốc vì không biết khuây khỏa trăm sầu ngàn giận mà lại đi sụt sùi thở ngán than dài.

Cách đây mười mười lăm năm, đúng như nhà thi sĩ “nấn ná ở nơi xa” đã nói, Sài thành không biết có xuân sang và ăn

cái giao thừa không bằng vui cái đêm lễ Giáng Sinh. Nhưng bây giờ đã khác: xa xa, có tiếng giày dép người ta đi lễ giao thừa. Súng nổ ầm ầm thay tiếng pháo. Ti vi và truyền thanh hát oang oang những khúc vui xuân...

Người khách li hương cúi xuống đường, nhìn xem cái giao thừa ở đây khác cái giao thừa ở Bắc ra sao thì vừa vặn có một người lê bước trên đường, nhìn một cành mai cầm ở tay mà đưa lên câu sầu xứ:

Nhớ nhà quăng chén rượu,

Thôi rồi, những ngày vui!

Đâu đây rền lửa đạn,

Có tiếng ai sụt sùi...

Vàng bay năm lại hết

Lại vẫn không giao thừa...

Ôi bạn trăm năm cũ,

Hôn ở đâu bây giờ?

**Tết,
Hồi cô mặc cái yếm xanh...**

Nhưng tại sao cứ đến ngày Tết chẳng ai bảo ai mà thiên hạ cứ tự động kiêng như thế? Kiêng theo tập tục? Kiêng vì mê tín? Hay kiêng như thế thì có may mắn thực?

Tôi không biết. Chỉ thấy rằng ông bà tôi kiêng, rồi cha mẹ tôi kiêng thì đến tôi, tôi cũng cứ theo thế mà kiêng luôn. Và tôi chắc rằng con tôi, cháu tôi, có thể có

óc khoa học hơn tôi, nhưng rồi cũng cứ sẽ kiêng như thế.

Lúc ấy, lễ giao thừa đã xong rồi. Giấc ngủ lúc hai ba giờ về sáng ngon lành hơn cả bao giờ. Gặp ngày thường thì năm giờ sáng đã có người đi lại ở ngoài đường rộn rã, nhưng sáng ngày mồng một Tết, người ta ngủ muộn mà không sợ ai khinh động giấc ngủ của mình. Bảy giờ, và có khi hơn bảy giờ mới dậy.

Nằm ở trên giường mở mắt nhìn thì thấy cả cái nhà mình mới hẳn ra, cửa vẫn đóng kín mà lại sáng như cái động. Thì ra đèn nến ở trên các bàn thờ để suốt đêm không tắt, nhang vòng vẫn cháy đưa ra một mùi thơm ngạt ngào hòa với hương hoa, hòa với gió đàn của những cánh đồng bao la lùa qua cửa sổ, hòa với tiếng của mùa xuân về trong ý nhạc lời thơ. Rõ ràng anh mở mắt nhưng cảm như thấy

tổ tiên mình về ngự ở trên bàn thờ trò chuyện với nhau, và phù hộ cho con cháu thực. Âm dương không còn cách biệt xa vời nữa. Dương quang không phải chỉ đầm ấm trong hơi sương ngọt ở ngoài kia, nhưng ngay ở trong mạch máu của mình. Anh thấy sinh khí len khắp nhựa cây mạch đất và thấm cả vào trong da trong thịt của anh. Khúc nhạc hồn non nước thấm nhuần anh, thử hỏi anh không yêu Việt Nam, nghĩ Việt Nam và cảm Việt Nam sao được?

Từ mấy hôm trước, người vợ đã dặn đi dặn lại các con: ngày Tết không được quét nhà, vì sợ đuổi thần Tài ra cửa, không được đánh vỡ chén bát để tránh đổ vỡ suốt năm, không được khâu vá vì kim chỉ tượng trưng cho công việc làm ăn vất vả.

– Bây giờ kiêng thế là giản tiện nhiều rồi đấy, chớ ngày xưa các cụ còn kiêng gọi tên con khỉ, con chó, con lợn vì nói đến tên chúng thì không may mắn; người làm ruộng kiêng nói đến tên “cày” trước khi cúng cái cày; các gia đình lễ giáo kiêng viết lách trước khi làm lễ khai bút, còn các nhà buôn bán thì kiêng bán hàng trước khi làm lễ tiên sư ở quầy hàng để xin trời đất phù hộ cho buôn may bán đắt.

Tất cả những sự kiêng kị đó, chồng con đã biết quá đi nhưng năm nào người vợ cũng cứ phải nhắc đi nhắc lại như thế, tuồng như không nhắc thì không chịu được.

Con cái trong nhà mà tỏ vẻ hoài nghi về các sự kiêng kị đó thì gọi là còn lôi thôi, rầy rà. Là vì người vợ cho rằng tất cả những sự kiêng kị đó không phải là dị

đoan, nhưng là tin tưởng.

Phải. Tại sao Tết lại đặt vào ngày cuối và đầu năm âm lịch, mà không đặt vào ngày nào ấm áp như Đọan Ngọ hay thất tịch? Ấy là vì tổ tiên ta lúc chọn ngày để đặt tết Nguyên Đán đã có một ý định là đem lại cho tết Nguyên Đán một sự phù hợp với tính chất sinh hoạt dân tộc: các cụ chọn một ngày rảnh nhất, một ngày có ý nghĩa nhất trong một năm để tưởng nhớ đến ông bà, rước xách thờ cúng và nghỉ ngơi cho khỏe.

Đặt vào ngày cuối đông đầu xuân, ngày tết Nguyên Đán còn có một thâm ý sâu xa hơn nữa: theo Từ Nguyên, xuân có nghĩa là “trai gái vừa lòng nhau”, xuân là cửa động, băng giá tan hết, muôn vật đến mùa xuân đều cửa động mà sống lại. Từ quan niệm ấy, người mình tiến đến tín ngưỡng thờ thần Đất. Họ tin rằng trong

không, thời gian mà thần Đất vắng mặt trên trần thì không ai được động chạm đến đất, như cày bừa cuốc xới đất lên hay giã gạo làm cho vang động đất. Ngày Tết, do đó, có ý nghĩa là đón đợi sự trở về của thần Đất: người ta chờ lúc cây cối đâm lộc nảy mầm, muôn vật trở lại cuộc sống bình thường, chỉ sợ vì một cơ gì bí mật, không phồn thịnh và sản xuất như xưa nữa. Họ tin rằng nếu không kiêng kị thì thần Đất sẽ không phù hộ loài người và sẽ làm cho cây cối, con người, súc vật, của cải không thể nào phát triển. Đến bây giờ, người Tây mặc dầu có tiếng là văn minh đáo để cũng vẫn có những sự tin tưởng như vậy, thế thì ta tin tưởng nếu kiêng thì thần Đất phù hộ cho mọi vật tăng gia sản xuất, chẳng có chi là kì quặc.

Tục tiền ông Táo, tục không quét nhà, tục xông đất thoát thai từ sự tin tưởng đó. Có người bảo rằng sự tin tưởng đó có từ lúc dân ta bắt đầu định cư và sống về nghề nông. Có từ lúc nào cũng được, nhưng tựu trung thì cũng chẳng có hại gì, vì tin thần Đất như thế cũng như thờ cúng ông bà cha mẹ, ai cũng phải nhận là một tục hay mà người phương Tây không thể cho là dị đoan, mê tín.

Người chồng không có ý kiến gì hết, nhưng cảm thấy rằng ngày Tết, mọi người đều kiêng cử mà mình không kiêng thì mình không được yên tâm. Vì thế, mặc dầu viết báo đôi khi chế giễu tục này tục nọ của ngày Tết, mà về với gia đình anh ta vẫn kiêng kị như ai và cảm thấy có một thích thú nhẹ nhàng, kín đáo trong sự kiêng kị đó. Kiêng như thế có “ăn tiền” không, cái đó không cần lắm; nhưng cần

là làm như thế mình hòa đồng với đồng bào, mình tự động đoàn kết với anh em và, cũng như mọi người, mình cũng nuôi một hoài bão là năm mới có tiến bộ mới và sự tiến bộ đó, muốn đạt, phải nghiêm chỉnh nghiêm chỉnh đón một cách trang trọng từ ngày đầu năm.

Người ta thăm viếng nhau, chúc tụng nhau chính là để thi hành nghiêm chỉnh sự tiến bộ đó và, làm như thế, họ muốn cho năm mới không xúi quẩy, trái lại, tươi tốt bằng năm bằng mười năm cũ. Tục cấm nêu, vạch vôi vẽ cung tên nhằm không cho quỷ ma quấy nhiễu là mong cho sức khỏe tốt hơn, tục quẩy nước sáng mồng một đổ đầy chum vại là mong cho của cải đầy đủ, còn tục “bán đại” ở Nghệ Tĩnh trở vào Thừa Thiên ngày trước là mong cho trí óc mở mang, khôn ngoan, minh mẫn hơn năm cũ.

Cứ tin như thế, người ta thấy đời đẹp hơn, đáng yêu hơn. Vừa lúc đó, ở ruộng khoai lại nở những bông hoa tím, ở vườn cải lại có những búp vàng, mưa xanh gió tím ôn hòa, người dân vui sướng đến tận độ, sáng lên mắt biếc, hồng xuống làn môi cũng là lẽ đương nhiên, không có chi đáng lạ.

Có ai ở tỉnh thành ăn Tết ngày mồng một rồi đến mồng hai, mồng ba đi về những vùng đất thơm ngát hoa đồng cỏ nội mới thật thấy cái Tết của ta đẹp biết ngần nào, êm ái biết ngần nào. Người nông dân vất vả quanh năm, được mấy ngày ấy nhất định nghỉ không ra đồng. Chè chén đã đành rồi, nhưng tội gì mà chẳng vui chơi để giải quyết sự thèm khát giải trí mà vua quan ngày trước không hề nghĩ tổ chức bao giờ. Vì thế, nghe thấy đầu xuân có hát tuồng cổ

“Quan Vân Trường quá ngũ quan trăm lục tướng” hay “Dự Nhượng tam đả long bào”, ở cách xa nơi họ ở dăm mười cây số, họ cũng cố đi xem cho kì được. Tuy vậy, vẫn cứ “tưng tức thế nào” cho nên tại vài làng mát mặt ở Bắc Việt, các đàn anh vào dịp Tết vẫn rủ nhau rước ả đào, tuồng cổ, phường chèo về diễn cho mọi người xem và được người ta nhớ mãi:

Sang xuân đình đám vui như Tết,

Hết đám làng bên lại đám làng...

Em nhớ đào Nhâm phường Đặng Xá,

Đóng bà Thị Kính mắc hàm oan.

*Thị Mầu chòng ghẹo mà không
chuyển,*

Nhâm có đôi bàn tay rất ngoan.

Phần tôi nhớ nhất là một năm ăn Tết

ở Huế, đánh bài chòi nghe hát hôm mồng hai, rồi đến mồng ba vào Hà Tĩnh, thăm một người bạn ở làng Thượng, được em gái bạn dắt đi xem tuồng “Triệu Tử Long phò A Đẩu”, rút trong Tam Quốc. Thế thì có gì lạ? Quảng Lạc, Sán Nhiên Đài lại không thủ tuồng đó hay sao mà lại phải lặn lội vào tỉnh Hà Tĩnh để xem?

Không bao giờ tôi quên được đặc trưng của vở tuồng cổ đó, mà theo người em gái của bạn tôi kể lại thì Tết nào làng này cũng chỉ diễn một đoạn ấy thôi - kì hơn nữa là diễn ban ngày, trong khi mọi người đi lại nhộn nhịp trên bờ sông thật. Bởi vì khung cảnh toàn là thật cả, chớ không phải vẽ như ở trong rạp hát: sông thật, người thật, thuyền nhỏ thật, thuyền thật... Diễn viên, từ ở trong đám người đi lại trên sông tiến ra, làm điệu bộ và hát, rồi nhảy từ thuyền nọ sang thuyền

kia thực, múa gươm, chuyển từ hát khách sang tấu mã trước những lời khen lao nức nở của các o đứng nấp đằng sau những cột đình cười tít cả mắt đi.

Thôi thì ngày Tết ở đâu mà chẳng vậy, trai gái dù là theo lễ giáo đến mấy đi nữa cũng cứ có quyền đùa giỡn, chuyện trò ve vãn nhau, ai cấm?! Có chàng trai tán tỉnh xa xôi:

Xuân về nở thắm muôn đào,

Xuân về nở thắm lòng ta, lòng nàng.

Có cô thiếu nữ đa tình khuyến khích:

Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ,

Đôi ta trình tiết đợi chờ lấy nhau.

Nhưng cũng có chàng trai ngổ ngáo “dăng dện” sát sạt hơn:

Hỡi cô mặc cái yếm hồng,

Đi trong đám hội có chồng hay chưa?

Có cô mặc cái yếm xanh,

*Đứng trong vườn quýt cho anh phải
lòng!*

Bao nhiêu lời tán tỉnh khéo léo nhất, thanh niên nam nữ đều đưa ra hết và họ chơi đùa thả cửa, chơi bất cần luân lí của quan lại phong kiến đưa ra để giam giữ họ trong tù ngục của tình yêu: ở đâu cũng có hát ví, kéo co, đánh cờ người, đá cầu; ở Phủ Quỳ (Nghệ An), Lang Chánh (Thanh Hóa), Bảo Lạc (Hưng Hóa), trai gái dắt nhau đi chơi một đêm một ngày ở trong hang, thổi khèn, hát đúm, uống rượu, tung còn, tìm nơi thanh vắng để tỏ tình yêu thương mùi mẫn; ở Vĩnh Yên có thi vật; ở Bắc Ninh, Phú Thọ có món đánh

phết; ở Tích Sơn (Hưng Hóa), làng Yên Đỗ (Hà Nam) có trò đuổi lợn, đuổi cuốc trong ngày Tết; ở Thụ Cầm (Hà Đông) có thói cơm thi, thói xôi thi; ở Thanh Hóa có “tết cơm cá”, ở hầu hết Bắc Việt có lễ “trâu”, lễ “tróc ngư”... Trong bất cứ cuộc vui nào, trai gái cũng kể vai sát cánh, và công nhiên đú đờn với nhau mà không sợ ai dị nghị. Theo tôi, tình tứ nhất và hứng lòng nhất là dún đu.

Dún mình như thể dún đu

Càng dún càng dẻo, càng đu càng mềm.

Ngày Tết, bước ra khỏi Hà Nội một hai cây số, ta có thể thấy ở bất cứ làng nào cũng có trồng một vài cây đu để cho trai gái trong làng hay những vùng quanh đấy đến dún dẩy với nhau. Thường thường các cụ trong làng cứ vào khoảng hai

mười năm, hai mươi sáu tháng Chạp đã cho tuần tráng đi dẫn tre để trồng đu. Tết đến, trai gái dún với nhau từ bánh mắt cho đến tối.

Cây đu làm bằng tám cọc tre, trồng rất chắc dưới đất vì trồng càng chắc thì dún càng khỏe. Cái ngang đu vận bằng rơm, giữ hai hàng cột doãng ra hai bên. Trên đỉnh, phát phối một hai lá cờ đuôi nheo. Thường thường, đu trồng không đủ để cho trai gái dún, thành ra đúng như lời thơ của nhà nữ thi sĩ:

Người thời lên đánh kẻ ngồi trông.

Trông cho thích mắt đã đành, nhưng nhiều khi là đợi đến phiên mình dún. Đu càng cao, các cô, các cậu càng đưa mạnh. Các cậu cố dún. Các cô uốn thêm lên.

Trai du gối hạc khom khom cật,

Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng...

Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,

Hai hàng chân ngọc đuôi song song.

Đu lên bổng, chiếc áo nâu non của cô gái đan díu với chiếc áo the thâm của chàng trai, đôi dải yếm lụa quần quít lấy chiếc quần hồ trắng bộp... hai lá cờ đuôi nheo cũng phải rung lên một cách đa tình. Yêu mấy ời cô gái tuyết trinh chưa biết trăng gió là gì, thế mà đứng chờ bắt đu trông thấy dải yếm cô nàng và tà áo của chàng trai quần quít lấy nhau cũng đỏ hồng đôi má và lờ đờ cặp mắt lá khoai...

Đến bây giờ tôi vẫn không hiểu rõ tại sao nước ta bị đặt dưới ngà của vua quan phong kiến mà những phong tục Tết đó chống đối luân lí phong kiến ra mặt, vẫn cứ tồn tại mà bọn phong kiến

không làm gì diệt được. Có người bảo rằng vì họ tàn ác nhưng lại giả đạo đức nên không dám diệt trừ thẳng tay vì đó là tàn dư của chế độ tập giao thời nguyên thủy mà lại nặng về phần tín ngưỡng - nếu nhất thiết ngăn cấm thì ảnh hưởng ngay đến mùa màng sản xuất của tập thể và đời sống hằng ngày của nhân dân.

Có lẽ vì thế các nhà luân lý phong kiến thấy trai gái, vào ngày xuân, giao du thân mật đành cứ phải làm ngơ; hơn nữa, họ lại phải làm ngơ luôn nhiều tục cổ khác còn “hăng” hơn thế, như bắt chạch, tung còn, rước cái nồn nường.

Tôi tiếc không được biết trò bắt chạch vốn là một trò chơi cổ ngày nay không còn nữa, nhưng theo một vài cổ lão thì “lúc Tây chưa hạ thành” ở một vài tỉnh như Bắc Ninh, Bắc Giang, Phủ Lạng, có tổ chức trò chơi ấy trong ngày

Tết. Muốn dự cuộc chơi này, trai gái phải đi từng cặp, trai ôm lấy vai gái, gái quàng lấy cổ trai thăm thiết ân tình, còn một tay thì thò vào một cái kiệu [Một thứ chum vại lớn.] để khoảng nước tìm chạch. Cặp nào bắt được chạch thì được thưởng nhiều điều, trâu cau hoặc tiền.

Hội tung còn cũng bắt buộc phải có cặp: một trai, một gái. Còn tức là cầu: quả cầu làm bằng vải màu, trong độn rơm hoặc trấu. Hai bên trai gái xếp hàng chữ nhất, đứng cách nhau chừng vài mươi bước, một bên tung lên, bên kia bắt lấy, rồi lại tung trả lại. Bên nào không bắt được, bị coi là thua và phải tháo gỡ một vật gì mang trong người để đưa cho bên được. Có người thua quá phải tháo gỡ hết để đưa cho bên thắng, rút cục tháo cả yếm ra và chỉ còn một cái quần... Nhưng sau chót, định đoạt xong được thua rồi,

người được cũng trả lại đồ cho bên thua và cả hai bên cùng uống rượu say sưa trong một tình thương yêu bát ngát.

Tung còn như thế, bắt chạch là như thế, nhưng đến rước cái nồn nường thì quả là... cúng được.

Ai đã ở Bắc vui mấy ngày xuân, thế nào mà chẳng có lúc đã nghe thấy người ta hát:

Bơi Đăm, rước Giá, hội Thảy,

Vui thì vui vậy chẳng tày Giã La...

Tục truyền rằng ở làng La (Hà Đông), vào ngày rã đám, dân làng tổ chức một ngày rước rất long trọng rồi đến một giờ nhất định tắt đèn đi để cho ông già, bà cả và thanh niên, thiếu nữ thả cửa sờ soạng nhau. Hồi gần đây, những làng như Khúc Lạc (Phú Thọ) và Di Hựu (Hưng

Hóa) giữ tục “rước cái nồn nường” trong những ngày Tết cũng là nằm ở trong tinh thần khuyến khích đoàn kết, cầu nguyện cho sinh sản tăng gia, phồn thịnh. Theo mấy cổ lão ở Phú Thọ còn sống hiện nay thì vào một ngày tốt lành đầu năm - không nhất định ngày nào - các bậc đàn anh trong làng tổ chức một cuộc lễ nồn nường hết sức long trọng. Ta thường nói “ba mươi sáu cái nồn nường”. Thành ngữ ấy do ở đây ra. Nồn là bộ phận sinh dục của đàn ông, nường là bộ phận sinh dục của đàn bà. Trong cuộc lễ, dân làng để nồn và nường làm bằng gỗ lên kiệu rước, có nam đồng quan và nữ đồng quan đi giắt lúi trước kiệu vừa đi vừa hát “Ba mươi sáu cái nồn nường; Cái để đầu giường, cái để đầu tay”. Cuối cùng, các vị chủ tế tung nồn nường lên trên trời, trai gái đổ xô ra cướp, gái mà được cái nồn, trai mà được cái nường thì may mắn vô cùng và

nếu có sự gì trục trặc hay không tổ chức được buổi rước vì nguyên nhân gì đó thì cả làng lo sợ vì có nhiều phần chắc chắn là năm ấy không may mắn.

Không. Ngày Tết ở Bắc, rồi rãi mà đi xem hết hội này đến lễ kia như thế, phải nói thật quả là mình sung sướng như tiên. Tết đi thăm nhau, chúc mừng nhau, uống rượu ăn mứt, ăn kẹo với nhau, đánh cờ đánh kiệu với nhau, vui quá thể, ai mà lại còn không biết; nhưng vui thắm thía, vui ý nghĩa, vui sâu xa thì phải nói thực, đó là nhờ những đám rước, những tục cổ, những trò chơi như thế.

Các trò chơi như thế có một ý nghĩa xã hội rõ rệt. Tết siết chặt tình yêu hơn lên, Tết là ngày giải lao, Tết là ngày vui vẻ đoàn kết, đoàn kết người sống với người chết và đoàn kết người sống với người sống.

Ăn Tết ở đây, tôi tự hỏi hàng trăm ngàn lần cái ý nghĩa đó có hay không? Ấy là vì vào cái cũ này ở đây trời nắng tan vàng nứt đá, đi ngoài đường một lúc mắt cứ hoa lên. Thử tưởng tượng vào khoảng mười giờ ngày mồng một Tết, trời nắng chói chang mà đóng bộ “đồ lớn” vào - cho trịnh trọng - đi một quãng đường độ ba cây số để mừng Tết người bạn thân thì mồ hôi mồ kê ra nhễ nhại đến chừng nào! Đi tắc-xi thì xót ruột - trèo lên xe là đi đứt sáu chục đồng rồi - đi xe lam thì mệt, mà đi xe gắn máy thì rất có thể thành heo quay; ấy thế mà đến nơi thì bạn lại đi vắng, đành để lại tấm cạc với bốn chữ “Chúc mừng năm mới” nhạt phèo! Về đến nhà, người bạn thấy tấm cạc thở hắt ra: nếu không đáp lễ thì mang tiếng, mà đến thăm bạn thì mệt, tốn tiền xe, mà chắc gì bạn đã có nhà! Nhưng mà cứ phải đi! Và người nào cũng

cứ phải làm như thế cho đủ “lệ bộ”, cho tròn “ân tình”. Rốt cuộc, anh nào anh nấy mệt phờ râu, tốn thêm tí tiền nguyên đã hiếm hoi khó kiếm từ khi có thuế kiểm ước và kiểm kê huê lợi.

Nhưng đôi khi người khách cũng may mà gặp chủ nhân ở nhà. Cả hai cùng cười ha hả như những kẻ suốt đời sung sướng, nhưng thâm tâm thì cả chủ lẫn khách đều lo. Khách lo vì đến nhà nào cũng phải nhắc lại mấy câu sáo cũ và uống chén rượu nhặt mừng xuân; còn chủ cũng lo là vì theo tập tục, ai đến cũng phải mời li rượu, mà rót li rượu cho khách, mình cũng phải uống một li, vì không như thế thì khách buồn, có khi lại lầm tưởng mình là... kẻ. Thành thử ra phải uống. Ông khách nào đến, cũng phải uống; cũng phải chuyện trò.

Liên ba ngày Tết mà cứ tái diễn mãi cái trò như thế thì sức mấy mà không quy, mà không chán mới đời. Vì thế, có nhiều người ở đây sợ Tết, cứ sắp hết năm thì lại xếp một số tiền đem cả gia đình đi Đà Lạt hay Vũng Tàu, Nha Trang với thâm ý “bế môn tạ khách”.

Theo trí nhớ của tôi, ngày trước ở Bắc Việt hình như không có tình trạng thương tâm đó. Ấy có lẽ một phần vì các đường phố không xa lắc xa lơ và dài thườn thượt hàng chục cây số ngàn. Có lẽ cũng còn vì từ tháng Mười trở ra cho đến Tết, trời đã bắt đầu lạnh mà thường thì vào cuối Chạp, đầu Giêng trời lại có mưa xuân, đàn ông thì khỏe ra mà đàn bà thì tươi hơn hớn, ví có phải tiếp vài chục người khách, uống vài chục chung rượu, người vẫn cứ mạnh như thường - ấy là chưa kể đến đêm lại còn thức tới

một hai giờ sáng đánh bài, rút được ông cụ rồi lên cửa sừng hay “nuôi lợn” tốt đồ đề tốt đen, thiết tưởng chích thuốc bổ nào cũng không bằng!

Ở miền Nam, làm gì có cái mùa xuân đó, có cái lạnh riêu riêu đó! Vào cũ Tết, nắng ở đây gọi là vỡ đầu sát tai, nhưng cần gì, có lẽ một phần nhờ cái nắng vỡ đầu sát tai đó mà đồng bào trong này có bao nhiêu trái cây lạ để ăn Tết; mà như thế cũng có một cái thú riêng, đồ Trung Việt hay Bắc Việt có thể tìm được đấy.

Này, từ khoảng hai mươi tháng Chạp, đưa được người ta đưa về bằng ghe, bằng cam nhông, bằng xe thổ mộ tràn đầy cả chợ lớn chợ nhỏ, tràn đầy các sạp, các vỉa hè, anh có thấy không? Muốn ăn Tết bằng dưa hấu bao nhiêu cũng có, anh đừng sợ, nhưng nếu ngại ăn nhiều nóng thì Tết ở Sài thành còn sầu riêng, măng

cụt, vú sữa tím hồng, vú sữa trắng xanh; sa bô chê ở đây ngọt sắc mà mềm, cắn một miếng thì nó quện lấy chân răng, nhưng Tết ở Bắc chắc chắn là không có i chi ma bóc vỏ ra trông y như lòng đỏ trứng gà, còn cóc, còn “chùm ruột”, còn bao nhiêu loại bưởi, bao nhiêu loại bông và mới đây ta lại còn trái “thầy kiện” ăn cũng ngon ra phết.

Hoa trái miền Nam nhiều quá, ngon quá, cứ gì phải bày vào đĩa cho đẹp ăn mới thấy ngon. Tôi đã thấy có nhiều người vào những ngày Tết chới chang nắng lửa, sà vào một cái quán cóc, uống ực một li đế rồi đưa cay một miếng thơm hay vài quả chùm ruột chấm mắm nêm cũng đã ngon “quá xá” rồi. Bày vẽ nhiều, mệt lắm. Nhưng ít lâu trở lại đây, mệt thì mệt, đồng bào ở đây ăn Tết cũng đã “kì kèo” hơn trước rất nhiều. Cùng với

những cái áo dài may kiểu mới thay thế cho những cái áo bà ba cũn cỡn, anh em ta ở đây, ngày Tết, đã tỏ ra trang trọng hơn trước trong việc trang trí nhà cửa và ăn uống cũng như sửa soạn. Mà người Nam mỗi khi đã sửa soạn thì đẹp như tiên.

Anh xa nhà, nhớ cái Tết Bắc Việt thân yêu mà được thưởng thức những cái đẹp muôn màu ngàn sắc như thế, lòng ngơ ngái hẫng được hơn phân nửa. Đàn bà uống xá xị, nước cam, nước sâm ngọt xốt, còn đàn ông thì ít nhất cũng biết uống la ve, nhưng đa số nói thực thì quả là những cái “cốc tay” bằng da bằng thịt... cứ trông thấy họ uống mà bắt tởn! Này anh Ba, đưa cay một miếng bánh tét chơi. Bánh chưng ngoài Bắc có thú nhân mặn, có thú nhân đường thì ở đây cũng có bánh tét nhân thịt và bánh tét nhân

chuối; trẻ con ngày mồng một đã dắt nhau đi ăn hủ tiếu, mì, thì người lớn xốt ruột cũng khéo nghĩ ra ăn Tết bằng bánh xèo, gỏi cuốn, bún bò giò heo; nhưng Tết mà muốn ăn một món ra gì, đồ ai không phải chịu món thịt bò nhúng dấm, món sông và bánh ú! Ăn xong rồi đi dạo dưới trời nắng, mệt thì vào nhà hát ngồi máy lạnh, rồi đến lúc ra về mỗi người làm một li nước trái cây: sướng quá đi! Sướng cái bao tử đã đành nhưng sướng cả con mắt nữa vì miền Nam có một cái đặc biệt là có rất nhiều mai: mai vàng, mai trắng, mai tứ thời. Người xa nhà thấy mai nở nhiều như thế cũng dịu được phần nào lòng nhớ quê hương nhưng chân không vì thế mà ngừng bước: giữa ngày Tết, trong đám thiên hạ vui xuân, y cứ đi như một người bị chứng thụy du, đầu óc mông lung, nhớ cái Tết Bắc Việt không thể nào chịu được.

Còn nhớ có một năm chùa Phổ Quang, trong Bắc Việt nghĩa trang làm lễ kỉ niệm pho tượng Địa Tạng vừa mới đúc xong. Trời xui khiến làm sao anh lại lạc bước đến Tân Sơn Nhứt, qua sân vận động.

Thấy người ta lũ lượt kéo nhau rẽ vào một đường hẹp ở bên tay phải, anh cũng theo vào. Ô này, Tết Sài Gòn vẫn còn ghi dấu tích ở ngoài phố trong nhà, vậy mà chỉ đi một quãng đường, anh ta được hưởng một cái Tết Bắc Việt ở cách Sài Gòn có tám cây số - thế có tài tình không?

Lúc đó, chừng mười giờ. Trang chật ních người, tưởng như không còn chỗ mà chen chân nữa. Lạ thay là cái trực giác của người ta, mắt cũng mắt ấy, miệng cũng miệng ấy mà quần áo cũng quần áo

ấy, vậy mà vừa nhìn thấy, ta đã biết ngay là người Bắc.

Người ta nhìn nhau với những con mắt âu yếm như chào; miệng không nói với nhau mà như kể không biết bao nhiêu tâm sự. Thôi mà, nói làm gì. Mười tám, mười chín năm nay bỏ Bắc Việt ra đi, ở đâu lữi người nào cũng chỉ có một câu hỏi “Bao giờ về? Phải, bao giờ về?” Chẳng ai trả lời được cho ai cả.

Người xa nhà định giấu kín câu hỏi trong lòng và mỗi khi đi lễ giao thừa là tự an ủi, bằng sự trông vào một đấng Tối Cao trong cõi vô hình chỉ huy kiếp con người.

Lạy trời đất quý thần! Xin phù hộ cho chúng con mạnh chân khỏe tay để một ngày kia được trở về chốn chôn rau cắt rốn.

Những ngày Tết trước, ở đất Bắc xa xưa, dưới nhang khói chùa Trấn Vũ, đền Ngọc Sơn, hay là đền Bạch Mã, tôi đã trông thấy người ta lễ thành khẩn, lễ xuýt xoa và cảm thấy lòng thích thú vì thấy người ta tin tưởng. Nhưng ở chùa Phổ Quang, trong Bắc Việt nghĩa trang ở Sài Gòn Tết ấy, thấy đồng bào chen nhau lễ, từ ngoài sân lễ vào chùa, lễ bên phải, lễ bên trái, lễ từ trên gác chuông lễ xuống, lễ từ dưới pho tượng Địa Tạng lễ lên, tôi rờn rợn cảm thấy nếu đồng bào cùng lễ như thế này mà mình đóng vai bàng quan, không cúi đầu thông cảm thì mình quả là một thứ người gỗ đá.

Thương biết bao nhiêu những người ngồi phệt xuống cỏ ngoài vườn mà cầu nguyện, những cô đầm lai trẻ tuổi vận áo nâu cùng tụng kinh với các cụ già, những thanh niên sung sức tay cầm lá

sớ, tay cầm bó nhang vừa lễ mà lại vừa rưng rưng nước mắt.

Thương biết chừng nào những bà cụ mắt kém còn cố dò dẫm đi vào chính điện để cắm hương vào bát nhang cầu cho những con cháu ở xa xôi; những cô em gái khẩn khứa cho những người anh đi “giết giặc” bây giờ không biết còn sống hay đã chết, những tình nhân cầu xin phù trợ cho những tình nhân trôi nổi dặm cát đồi cây, chân trời góc bể...

Nhưng tất cả cái đó không màu nhiệm bằng việc xin xăm. Có ai đứng xem những người xuýt xoa lễ bái xin “Ngài” một quẻ thẻ đầu năm để biết “kiết hung”, theo dõi từ lúc lấy xăm cho đến lúc nhờ thầy đoán thẻ xong rồi, mới biết ở đời chỉ một câu nói, một nụ cười, một mảnh giấy không to bằng bàn tay mà có

thể tạo vui, buồn, sướng, khổ cho người ta nhiều quá.

Tôi đã thấy những ông mặt tròn ngổ ngáo run lên như tờ lá khi biết là mình đã xin phải quẻ xấu “mọi việc đều không nên”; nhưng trái lại, lại có những cô mặn mà mắt lé, cười tươi đáo để khi cầm một quẻ thẻ “thượng” Ngài bảo cho biết là trong năm sẽ khỏi bệnh, người đi xa sẽ về và lại gặp “lương duyên”.

Ước gì mình là Trời để cho ai cũng được một phút vui ra phết, sướng lạ lùng như thế! Ước gì mình có phép làm cho vợ được gặp chồng, anh được gặp em, tình nhân được gặp tình nhân, ở đời không còn bao giờ có sự chia cây rưng lá, tan cửa nát nhà, sinh li tử biệt...

Ờ mà phải, một năm cũng nên có vài ngày Tết để cho người ta đem đầu đi

lễ như thế này. Ai cũng phải nhận riêng người Bắc với nhau ở đây lắm khi cư xử với nhau cũng không ra gì. Đừng bảo là tại họ xấu, đó chính là vì họ đau đớn quá, xót xa quá nên sinh ra gay gắt...

Nhưng có ngày Tết, hội họp nhau thế này, ta mới thấy rằng không lúc nào họ không mến thương nhau cũng như họ mến thương đồng bào Trung, Nam; người lạ này mời người lạ kia uống nước; cô hàng bún chả chăm chút mệ bún cho người con trai đi lễ một thân một mình; một bọn bốn cô tay bắt mặt mừng mời nhau ăn bún riêu, ngắt rau húng cho nhau và lấy quạt đuổi giúp từng con ruồi, con muỗi.

Này, lễ xong ra sân ngoài xem họ làm gì mà đông đảo thế kia? Thì ra đó là một cuộc giải trí hoàn toàn Bắc: cờ bài và cờ

tướng. Tung tung! Lá cờ đỏ phất đi. Tung tung! Lá cờ vàng phất lại.

Hòa bình lắm! Ngồi uống một bát nước trà tươi nấu với nước mưa, trong như hổ phách, nhấn nha hút một điếu thuốc lào, khách nhìn ra trước mặt thì thấy sau chùa có một rừng cây dương cao ngất, còn bốn xung quanh thì là những cây đa cổ hữu của đền đài Bắc Việt; khách nghe thấy tiếng trống, tiếng chuông; khách ngửi thấy mùi nhang, mùi trầm và mơ về một ngày nào ở vườn xưa quê cũ có những ngày như thế này, có nêu, có khánh, có pháo, có cờ người, có kéo co, có đánh vật, có chọi gà, có trai gái đẹp như thơ lấy nón che nửa mặt hoa để ví von, hò hẹn. Ngày ấy bây giờ đâu? Và bao giờ còn ngày ấy?

Tôi nghĩ đến bao nhiêu người sợ hãi những bộ mặt xâm lăng dữ dội, mơ về một ngày êm ả thanh bình xưa cũ, và chỉ mơ có vậy, mà mộng không thành phải mang một sự tiếc hận ra đi mãi mãi ở “quê người đất khách”.

Thương biết bao nhiêu, đau xót biết chừng nào cho những người xây mộng ước mơ, bây giờ đang nằm yên dưới những nắm đất sè sè ở trong trang quanh quế! Đây là một nhà buôn quán ở Vân Đình thất lộc năm sáu mươi bảy tuổi; bên kia, một em nhỏ mới hưởng dương mười bốn và bên nọ là mộ một thiếu nữ mất vào giữa ngày Trùng Cửu năm nàng hai mươi mốt.

Ở dưới bóng cây, mộ nằm la liệt. Tôi thần thờ đọc những dòng chữ ghi trên từng mộ chí và tôi tưởng tượng đến

những người ra đi mong có ngày về, mà không may giữa đường bị tử thần cướp đi, những người chồng lúc lâm chung còn cầu Phật khẩn Trời run rủi cho được gặp con thơ vợ đại và những người đàn bà tình duyên trắc trở không được sống với người thương “mong cho ai kia xét thấu nỗi lòng để yên tâm nhắm mắt nơi chín suối...”

Thôi, bây giờ thì bao nhiêu oán hận, buồn thương, bao nhiêu mộng ước mơ, bao nhiêu sầu li biệt đều trôi theo khói sóng, bóng mây, tàn với lau tàn, trăng úa. Mộng đẹp chôn cả ở dưới đất: thế là xong!

Rồi thì ngày rằm, mồng một hiện về mà nghe kinh cứu khổ và những ngày xuân như ngày này được những người nặng một tấm lòng thương cảm dừng

chân đứng lại, đọc vài hàng trên mộ chí và cảm nghĩ: “Ngày xưa, đã có một người bị chiến tranh chia rẽ, mỗi mắt chờ trông...”

Không ai còn khóc ai nữa. Một gia đình đông đàn con cháu cắm một bó huệ lên trên một nấm mồ mới xây và giăng hoa giấy lên cái giàn kết bằng dây kẽm. Đây, một chàng trai thấp mẩy nén nhang ở gần bên, đứng chắp hai tay lại, lâm râm khấn nguyện trước một ngôi mộ có cần bức hình một thiếu nữ tóc bỏ xõa xuống hai vai. Và đây nữa là một cặp vợ chồng đi thăm mộ xong rồi, dùng dằng không muốn trở về, chồng ngồi ở bên mộ đọc sách, vợ giở giở ra đàn, bên cạnh có một hai trẻ nhỏ lằng xằng đuổi bướm!

Tôi thấy có những gia đình đem chiếu ra trải ở bên cạnh mộ người thân rồi vợ chồng con cái quây quần lại với nhau ăn uống. Chợt một lúc tôi nghĩ đến cái lẽ sống ở chết về, âm phù dương trợ. Tôi tin rằng chết không phải là hết nhưng dương trần và âm cảnh vẫn có tương quan và tôi thấy cảnh người sống và người chết thông cảm với nhau có một cái gì làm cho ta xúc động và kính cẩn.

Càng thấy như thế, tôi lại càng không hiểu tại sao chính những người sống lại có thể oán ghét nhau “để cho mùa xuân kia có trở lại cũng bằng thừa”.

Xin Trời Phật phù hộ cho không bao giờ có những ngày xuân, ngày Tết không có hoa và bướm, không bao giờ có những người không được thương yêu;

không bao giờ có những cây không nảy lộc, những cặp mắt không sáng ngời và cũng không bao giờ lại có những con người xảo trá, tham tàn, độc ác...

Bắt đầu viết tháng Giêng 1960.

Tiếp tục năm 1965. Viết hết năm 1970-1971.

HẾT

Thông tin sách

Tên sách: THƯƠNG NHỚ MƯỜI HAI

Tác giả: Vũ Bằng

Nhà phát hành: Nhã Nam

Nhà xuất bản: NXB Hội Nhà Văn

Khối lượng: 300g Kích thước:
14,5x20,5cm

Ngày phát hành: 06/2014

Số trang: 340

Giá bìa: 76.000đ

Thể loại: Tiểu thuyết – Việt Nam Danh
tác

việtnam DANH TÁC

"Nhớ lại có những đêm tháng Mười ở Hà Nội, vợ chồng còn sống cạnh nhau, cứ vào khoảng này thì mặc áo ấm dắt nhau đi trên đường khuya tìm cao lầu quen ăn với nhau một bát tam xà đại hội có lá chanh và miến rần giòn tan, người chồng lạc phách đêm nay nhớ vợ cũng đóng cửa lại đi tìm một nhà hàng nào bán thịt rần để nhấm nháp một mình và tưởng tượng như hãy còn ngồi ăn với người vợ thương yêu ngày trước, nhưng sao đi tìm mãi, đi tìm hoài không thấy [...]"

Người chồng dừng lại, sợ chính bóng mình. Nước mắt anh lại ứa ra, và chảy dài theo lối đi lấp loáng một bóng sao rụng."



Giá: 76.000đ

